

Thập Độ



Tác giả : Vansarakkhita



Dịch giả : Hộ Tông tỳ khưu

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au>

Chuyển sang ebook 29-06-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA (QUYỂN I)

LỜI TỰA (QUYỂN II)

[01] - PHÁP THẬP ĐỘ (HAY THẬP BA LA MẬT)

I. BỐ THÍ BA LA MẬT (DÀNA PÀRAMI)

II. TRÌ GIỚI BA LA MẬT (SÌLA PÀRAMI)

III. XUẤT GIA BA LA MẬT (NEKKHAMMA PÀRAMI)

IV. TRÍ TUỆ BA LA MẬT (PANNÀ PÀRAMI)

VI. NHẪN NHỤC BA LA MẬT (KHANTI PÀRAMI)

VII. CHÂN CHÁNH BA LA MẬT (SACCA PÀRAMI)

VIII. QUYẾT ĐỊNH BA LA MẬT (ADHITTHÀNA PÀRAMI)

IX. BÁC ÁI BA LA MẬT (METTÀ PÀRAMI)

X. XẢ BA LA MẬT (UPEKKHA PÀRAMI)

[02] - TRUYỆN ĐỨC BỒ TÁT

BODHISATTA - ĐỨC BỒ TÁT

HẠNH KỲ TU HẠNH BA LA MẬT (PÀRAMI) CỦA BỒ TÁT

BẢ DANH HIỆU ĐỨC BỒ TÁT

HAI HẠNG BỒ TÁT

SAMODHÀDHAMMA - TÁM LIÊN HỢP PHÁP

BUDDHABHÙMIDHARMA - TRÌNH ĐỘ PHÁP

AJJHÀSAYADHARMA - SÁU KHUYNH HƯỚNG PHÁP

ACCHARIYADHARMA NIYATABODHISATTA - PHI THƯỜNG PHÁP CỦA

XÁC ĐỊNH BỒ TÁT.

**[03] - TEMIYA JÀTAKA - TRUYỆN ĐỨC TEMIYA (BỒ TÁT TU HẠNH XUẤT
GIA BA LA MẬT)**

**[04] - MAHÀJANAKA JÀTAKA - TRUYỆN MAHÀJANAKA (BỒ TÁT TU
HẠNH TINH TẤN BA LA MẬT)**

**[05] - SUVANNASÀMA JÀTAKA - TRUYỆN SUVANNASÀMA (BỒ TÁT TU
HẠNH BÁI ÁI BA LA MẬT)**

**[06] - NEMIRÀJA JÀTAKA - TRUYỆN NEMIRÀJA (BỒ TÁT TU HẠNH QUYẾT
ĐỊNH BA LA MẬT)**

**[07] - MAHOSATHA JÀTAKA - TRUYỆN MAHOSATHA (BỒ TÁT TU HẠNH
TRÍ TUỆ BA LA MẬT)**

**[08] - NAMATTHURATANATTAYASSA - BHÙRIDATA JÀTAKA - TRUYỆN
ĐỨC BHÙRIDATA (BỒ TÁT TU HẠNH TRÌ GIỚI BA LA MẬT)**

**[09] - CANDAKUMARA JÀTAKA - TRUYỆN CANDAKUMARA (BỒ TÁT TU
HẠNH NHÃN NHỤC BA LA MẬT)**

**[10] - NÀRADA JÀTAKA - TRUYỆN NÀRADA (BỒ TÁT TU HẠNH XẢ BA LA
MẬT)**

**[11] - VIDHURA JÀTAKA - TRUYỆN VIDHURA (BỒ TÁT TU HẠNH CHÂN
THẬT BA LA MẬT)**

**[12] - VESSANTARA JÀTAKA - TRUYỆN ĐỨC VESSANTARA (BỒ TÁT TU
HẠNH BỐ THÍ BA LA MẬT)**

ĐÂY XIN LƯỢT GIẢI VỀ 13 THIÊN THEO THỨ TỰ LÀ

BỐ THÍ BA LA MẬT CÓ NĂM CHI

**ĐỨC PHẬT GIẢI ĐÁP LỜI HỎI CỦA NÀNG SUMANÀ CÔNG CHÚA VỀ QUẢ
BÁU SỰ BỐ THÍ.**

---o0o---

KINH ÁN TỔNG

Do Chư Tăng, Tu nữ cùng Phật tử Phật giáo Nguyên Thủy
(THERAVÀDA) trong nước và nước ngoài phát tâm cúng dường dâng lễ
giỗ thứ 14 (1990) của CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG -

VANSARAKKHITA MAHATHERA (1893 - 1981), BẬC KHAI SÁNG
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM

---o0o---

LỜI TỰA (QUYỂN I)

Thập độ là chính đạo yếu điểm của đức Thế Tôn mà hành học Phật cần phải hiểu biết cho tinh tường là điều quan trọng nhất.

Chúng ta người mong được thành Phật, phải học và hành pháp Ba la mật là giáo pháp chính thức của đức Phật, mà người sẽ thành Phật trước tiên, phải tu hạnh Bồ Tát, hành pháp Ba la mật.

Bồ Tát có nghĩa là bậc sẽ giác ngộ pháp tối cao, không cho sanh già bệnh chết, thoát ly thống khổ luân hồi. Hơn nữa sự thông hiểu cốt tích Bồ Tát là một phương pháp phát sanh trí tuệ, đem đến nhiều hạnh phúc và cho ta trở nên bậc thượng lưu quân tử (trước khi chưa thành Phật), vì Bồ Tát có đủ tài đức đặc biệt phi thường.

Mong chư vị Phật tử nhận được và thấu rõ pháp Thập độ cứu cánh giải thoát, chúng tôi không nệ tài hèn, học kém, tìm phiên dịch 10 tích Bồ Tát (các tiền kiếp của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni) tu đầy đủ phạm hạnh Ba la mật. Trong mỗi chuyện đều có nêu gương chí thiện của Bồ Tát.

Chúng tôi, chỉ hy vọng cho tất cả muôn loài được lãnh hội chánh pháp, ngõ hầu mau đạt đến Niết Bàn vô sinh bất diệt.

Mong thay!

Hộ Tông Tỳ khưu

---o0o---

LỜI TỰA (QUYỂN II)

Nhận thấy Thập độ là một yếu tố căn bản mà người tu Phật phải thông hiểu và tinh tấn thực hành theo. Đức Thế Tôn khi còn là vị Bồ Tát, Ngài cố gắng tu pháp Ba la mật đã trải qua bao nhiêu A tăng kỳ kiếp, nên chỉ Ngài mới chứng quả siêu thoát Niết Bàn.

Mong cho chư Phật tử được tể nhận rõ rệt đường lối cứu cánh của đức Chánh Biết Tri, chúng tôi không nệ tài hèn đức kém, tìm phiên dịch nối tiếp năm pháp Ba la mật sau đây (các tiền kiếp của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni) trong mỗi chuyện đều có nêu rõ gương chí thiện của đức Bồ Tát.

Những phương pháp đã diễn giải toàn là những lợi ích tối cao, vì chúng ta không quan tâm đến nó, nên không nhận thức được sự tinh túy ngỗ hầu tìm ra ánh sáng để thoát ly trần tục.

Chúng tôi mong tất cả muôn loài lãnh hội chánh pháp, nên trọn ấy con đường chơn chánh để tiến hành, như thế mới mong đem mình ra khỏi bể trầm luân, không sợ bị thế gian pháp đầu độc trước cái đẹp ảo huyền của vật chất. Chỉ có một tinh thần sáng suốt trên phương diện giải thoát đạt đến Niết Bàn là pháp vô sanh bất diệt

Mong thay!

Hộ Tông Tỳ khưu

---o0o---

QUYỂN I

[01]

RATANATTAYAPUJA DASA PÀRAMÌ

[01] - PHÁP THẬP ĐỘ (HAY THẬP BA LA MẬT)

Phạn ngữ: PÀRAMÌ hay PÀRAMITA (Ba-la-mật)¹ dịch là Độ hoặc "Đáo bỉ ngạn", nghĩa là đến bờ kia. Ba la mật là nhân đến bờ kia hoặc là pháp báu của các bậc cao nhân, là con đường đi của đấng:

- Chánh đẳng Chánh Giác (sammāsambuddha)
- Độc giác (paccekabuddha)
- Thinh Văn giác (savakabuddha)

Những người tu Phật, nếu muốn thành một trong 3 bậc giác ấy, cần phải một lòng tinh tấn tu hành theo pháp Thập độ cho được viên mãn, bằng chẳng vậy thì không thể đắc đạo quả Niết Bàn được.

Thập độ là pháp giải thoát, ngăn ngừa ái dục, ngã mạn, tà kiến không cho nhiễm vào tâm, do lòng từ thiện.

Nếu bỏ thí, trì giới mà còn vọng cầu danh lợi hoặc ngã mạn tự cao, khinh bỉ kẻ khác thì chẳng đáng gọi là người tu Thập độ, ví không lòng từ bi đối với chúng sanh.

Hơn nữa, bậc tu pháp Thập độ nếu bị chê trách hoặc người ngợi khen thì các Ngài vẫn tự nhiên bất động, ví như tảng đá liền lạc, dù bị mưa gió to lớn cũng không lay chuyển. Như thế mới đáng gọi là người tu Thập độ.

Các bậc trí tuệ không hay tưởng đến những việc của mình đã làm, nghĩa là không lòng nãn, than tiếc hoặc bất bình đến người nhạo báng mình.

Hỏi: Có sao bậc trí tuệ không đem lòng phiền trách kẻ nhạo báng mình ?

Đáp: Vì các Ngài không hay để ý những lời chê khen của người đời. Dầu có người nào hạp ý khen tặng rằng: anh hoặc thầy là hạng thông minh tài trí, các Ngài cũng không tỏ vẻ ưa thích.

Hỏi: Tại sao vậy ?

Đáp: Bởi các Ngài thâm xét rằng: Nếu ta làm lành thì cái quả lành ấy sẽ cho ta hưởng những hạnh phúc, từ đây. Lại nữa, các Ngài thường làm những việc mà người khó làm, vì có đức tin nhiều và giàu lòng sốt sắng bởi các Ngài có trí tuệ thông rõ thời vụ.

Hỏi: đáo bỉ ngạn hoặc Ba la mật có mấy pháp ?

Đáp: Có 10 pháp.

- 1) Dànam: Thí, là đem của cải hoặc Phật Pháp mà cho chúng sanh.
- 2) Sīlam: Giới, là không phạm điều luật của đức Phật đã răn cấm hoặc gìn giữ thân và khẩu được trong sạch.
- 3) Nekkhammam: xuất gia, là sự đi tìm đạo đức cao thượng hoặc dứt bỏ vợ con, của cải mà đi tu hành.
- 4) Pannà: Trí tuệ, là thông suốt tất cả các pháp.
- 5) Viriyam: Tinh tấn, là một lòng cố gắng tu hành tấn tới.
- 6) Khanti: Nhẫn nhục, là gắng chịu những điều sỉ nhục
- 7) Saccam: Chân thật, là không gian tà, giả dối.
- 8) Àdhitthānam: Quyết định, là quyết định không thay đổi chí hướng.
- 9) Mettā: Bác ái, hiền lành, nhân từ, mong cho tất cả mọi loài được vui.
- 10) Upakkhā: Xả, là không vui, không buồn, thờ ơ không để ý, có tâm bình đẳng.

---o0o---

I. BỐ THÍ BA LA MẬT (DÀNA PÀRAMI)

Sẵn có tác ý lành, đem tài vật của mình như: vật thực, y phục, chỗ ở, thuốc men, cho chúng sanh do lòng bác ái gọi là bố thí Ba la mật.

Bồ Tát hàng có lòng hoan hỷ trong việc bố thí, Ngài rất thỏa mãn khi tìm được dịp đem của cho người, cho nên Ngài rán bố thí một lòng bất hối.

Xem chuyện như sau đây rồi rõ. Kinh Jātaka trang 323 có dẫn tích đức Bồ Tát (tiền kiếp của Phật Thích Ca Mâu Ni) trong một kiếp nọ, Ngài sanh làm

quan đại thần của vua Brahmadata. Quan đại thần ấy, rất mong được đôi giày và cây dù bằng lá thốt nốt của Đức vua. Trong 12 năm mà Ngài không dám xin của người. Vì thế, Bồ Tát hay tìm dịp bố thí.

Nhưng Bồ Tát khi đem vật gì cho ai rồi, Ngài không cần được báo đáp, hoặc trông mong được lợi ích riêng. Ngài làm như quên hoặc kể như vật thí ấy mất đi vậy, không lòng thương tiếc, muốn người trả ơn.

Lại nữa, Ngài không giấu giếm một vật gì cả. Nếu có người muốn xin món chi thì Bồ Tát liền cho món ấy hoặc có kẻ nào muốn xin vật gì mà không dám tỏ lời, xin biết được Ngài hoan hỷ cho ngay. Khi Bồ Tát cho vật thực thì Ngài không bao giờ đem vật không ngon hoặc không vừa lòng người mà cho; Ngài thường cho những thức ăn vừa ý người. Cách bố thí của Bồ Tát như vậy mới đáng gọi là bố thí chân thành.

Về các vật dụng, Ngài thường bố thí 10 món như sau:

1) Annadàna: Thí các món ăn thì ngài nguyện cầu cho tất cả chúng sanh đều được 5 điều hạnh phúc:

Sắc đẹp.

Yên vui

Mạnh khỏe

Trí tuệ.

Thánh quả.

Mà người hằng đem lòng hoan hỷ

2) Pànadàna: Thí nước lạnh hoặc nước nóng, Ngài cầu cho tất cả chúng sanh đều khỏi sự đói khát.

3) Vatthudàna: Thí y phục thì Ngài cầu được nhan sắc xinh đẹp như kim thân để giác ngộ và hổ thẹn các tội lỗi.

4) Yànadàna: Thí xe, ngựa, kiệu, võng, thì Ngài cầu đắc lục thông được an lạc ở Niết Bàn

5) Gandhadàna: Thí các vật thơm thì Ngài cầu được món giới hương

6) Màlàvilepanadàna: Thí tràng hoa và các vật để tắm, thì Ngài cầu được tướng trang nghiêm của Phật.

7) Àsanadàna: Thí chỗ ngồi, thì Ngài cầu được bồ đoàn của Phật tọa.

8) Seyyadàna: Thí chỗ nằm, thì Ngài cầu được chỗ nằm của Phật tọa

9) Avàsadàna: Thí chỗ ở, thì Ngài cầu thành Phật thì tất cả chúng sanh đều qui y theo Ngài.

10) Padipeyyadàna: Thí đèn đuốc, thì Ngài cầu được ngũ nhãn, nhất là nhãn thông.

Lại nữa, đức Bồ Tát còn bố thí thêm 6 món như sau:

1) Rùpadàna: Thí sắc, là dùng tràng hoa, y phục xinh đẹp cùng đường đến Tam Bảo, thì Ngài cầu cho được hào quang phóng ra một hải, chung quanh thân Ngài.

2) Saddadàna: Thí tiếng là dùng đờn kèn cúng dường đến Tam Bảo hoặc dâng cúng nước mía, dầu, dùng làm thuốc cho các vị pháp sư, khuyên người đi nghe pháp hoặc tự mình nói pháp cho người nghe, thì Ngài cầu cho có tiếng thanh tao, dịu dàng như tiếng của vị Đại Phạm Thiên

3) Gandhadàna: Thí các mùi thơm cúng dường đến Tam bảo, Ngài nguyện khi được chứng quả Bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến Ngài.

4) Rasadàna: Thí vật cao lương cúng dường đến Tam Bảo. Ngài nguyện khi được chứng quả Bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến Ngài.

5) Patthabbadàna: Thí chỗ nghỉ ngơi (giường, ghế, ván ngựa) cúng dường đến Tam bảo, thì Ngài nguyện cho thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

6) Bhesajjadàna: Thí thuốc men, nước mía, dầu, mật ong, vv... cúng dường đến Tam Bảo, thì Ngài nguyện cho khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khổ.

Bồ Tát còn thí thêm 10 món nữa:

1) Dàsambhijjissadàna: Thí tội tứ, là thả kẻ hầu hạ khỏi vòng nô lệ, thì Ngài nguyện cho được sự giải thoát, dứt phiền não và lòng ái dục.

2) Anavajjakhiddhà vatihetudàna: Thí những sự chơi vô tội, thì Ngài nguyện chúng sanh phát lòng hoan hỷ nghe pháp của Ngài.

3) Puttadàna: Thí con trai, Ngài nguyện khi chứng được Phật quả, thì con của Ngài cũng được gặp Ngài.

4) Dàradàna: Thí vợ, thì Ngài nguyện cho đắc pháp vô thượng Bồ đề.

5) Ràjadàna: Thí ngôi vua, thì Ngài nguyện cho thành vị pháp vương.

6) Ràjadàna: Thí tay, thì Ngài nguyện cho tay Ngài nắm cả pháp báu để tế độ chúng sanh và cho Ngài được thoát khỏi 5 đại hồng thủy² nhất là ngũ dục hồng thủy.

7) Kànasàdidàna: Thí thân thể (tai, mũi), thì Ngài nguyện cho được ngũ căn thanh tịnh.

8) Cakkudàna: Thí mắt, thì Ngài nguyện cho được ngũ nhãn³ nhất là Thiên nhãn.

9) Mamsalohitadàna: Thí máu thịt, Ngài nguyện cho có thân thể tròn đủ.

10) Uttamanga dàna: Thí đầu, thì Ngài nguyện cho thành Vô Thượng đại giác.

Các sự bố thí ấy, chia ra làm 3 hạng:

a) Pháp dứt bỏ các món dùng của mình (vợ, con, của) mà cho, gọi là bố thí đến bờ kia (dànapàrami).

b) Pháp dứt bỏ tay, chân, mắt, thịt mà cho, gọi là bố thí đến bờ trên (dàna upapàrami).

c) Pháp dứt bỏ mạng sống của mình mà cho, gọi là bố thí đến bờ cao thượng (dàna paramattha pàrami).

Đức Bồ Tát đã bố thí các vật ngoài thân của Ngài, mà Ngài chưa vừa ý, nên Ngài thí đến tay, chân, mắt, mũi, da, thịt của Ngài. Tuy vậy, cũng chưa mãn nguyện, nên thí đến mạng sống của Ngài, Ngài mới an lòng.

Trong kiếp đầu thai làm thái tử Vessan tararàja, lúc lên 8 tuổi Ngài có nguyện rằng: Nếu có người đến hỏi xin trái tim, là nơi nương tựa của tâm, là sanh mạng của ta, thì ta mổ ngực lấy tim đem thí chẳng sai. Nếu họ hỏi xin mắt thì ta dùng dao bén rọc lấy mắt để trên bàn tay mà cho người. Tuy nhiên, nếu có người hỏi xin thịt, ta sẽ cắt thịt mà cho, với lòng hoan hỷ của ta.

Các pháp bố thí (đại hoặc tiểu thí) đã giải trên đều trích trong kinh MÀHÀ-SÛDASSANA JÀTAKA trang 95, kinh SASAJÀTAKA trang 316, kinh SAMKHABRAHMANA JÀTAKA trang 442, kinh AKITTA BRAHMANA JÀTAKA trang 480, kinh SIVIJÀTAKA trang 499, kinh NIMI JÀTAKA trang 411, kinh VESSANTARA JÀTAKA trang 547. Xin các bậc thiện trí thức, nếu muốn biết thêm, nên xem trong các thứ kinh JÀTAKA (Tiền thân Đức Phật) ấy.

---o0o---

II. TRÌ GIỚI BA LA MẬT (SÌLA PÀRAMI)

Lời ngay thật mà đức Bồ Tát hằng trau dồi, cho sự sáng trí và thương xót chúng sanh (nghĩa là: Ngài hằng thốt lời ngay thật và hữu ích) bởi Ngài có lòng từ bi đối với chúng sanh không phân gia cấp, gọi là trì giới trong sạch.

Bồ Tát hằng tránh xa tội lỗi và cố tìm làm việc lợi ích. Bởi đạo hạnh của Ngài như vậy, nên gọi là trì giới đến bờ kia.

Dầu xuất gia hay cư sĩ, Ngài vẫn trì giới trong sạch không khi nào để lấm nhơ.

Lúc tại gia, Ngài giữ giới cư sĩ không vi phạm. Khi xuất gia, Ngài càng hết lòng tinh tấn, thọ trì tứ thanh tịnh giới rất trong sạch theo 4 pháp là:

- 1) Giới bốn thanh tịnh vì đức tin.
- 2) Ngũ căn thanh tịnh giới vì trí nhớ.
- 3) Chánh mạng thanh tịnh giới do tinh tấn.
- 4) Quán tưởng thanh tịnh giới do tuệ lực.

Trong mỗi kiếp chuyển sanh đức Bồ Tát đều trì giới được trong sạch. Cách hành đạo của Bồ Tát có giải rõ trong kinh Ganavera Jataka số 318.

Giới Ba la mật chia là 3 hạng:

- a) Dầu có sự thiệt thòi đến vợ, con, đức Bồ Tát cũng quyết giữ giới được trong sạch, gọi là trì giới đến bờ bên kia (sila pàrami)
- b) Dầu có sự tai hại đến thân thể, Bồ Tát cũng chẳng vi phạm giới luật mà Ngài đã nguyện thọ trì, gọi là trì giới đến bờ trên (sila upapàrami)
- c) Nếu có hại đến sanh mạng đi nữa, Bồ Tát quyết không phá giới. Gọi là trì giới đến bờ cao thượng (sila paramattha pàrami)

Các bậc thiện hữu trí thức muốn biết rõ giới Ba La Mật, nên tìm xem trong các kinh JÀTAKA, nhất là kinh SÌLAVANAGA số 72, LOMAHAMSA số 94, KURUDNMMA số 276, BANGÀMALA số 421, RURAMIGA số 482, CAMPEYYA số 506, CHADDANDA số 514 và BHÜRIDATTA JÀTAKA số 543

---o0o---

III. XUẤT GIA BA LA MẬT (NEKKHAMMA PÀRAMI)

Đức Bồ Tát hằng có trí xuất gia, vì lòng từ bi, nhất là Ngài thường thấy những điều tội lỗi của ngũ dục và suy xét để tránh xa.

Vì thế, nên Ngài quyết định xuất gia tu hành đến bờ kia. Tiếng Pabbajjà nghĩa là pháp xuất gia đū tu hành, dứt bỏ vợ con, của cải.

Lại nữa, các công đức cao thượng nhất là nhập định, đều là phương pháp của bậc xuất gia. h?ng này có thể dứt trừ phiền não, xa lìa dục giới. Nếu đức Bồ Tát không xuất gia ở nhà hành đạo cư sĩ, Ngài trì phạm hạnh pháp (brahmacarya dhamma) không sai phạm như đã có giải trong kinh Darimukkha Jataka.

Xuất gia Ba la mật chia làm 3 hạng là:

- a) Cách dứt bỏ vợ, con, là nhân vật yêu mến mà xuất gia, gọi là xuất gia đến bờ kia (nekkhamma pàrami)
- b) Cách dứt bỏ thân thể, tứ chi mà xuất gia, gọi là xuất gia đến bờ trên (nekkhamma uppàrami)
- c) Cách dứt bỏ sự sống mà xuất gia, gọi là xuất gia bờ cao thượng (nekkhamma paramattha pàrami)

---o0o---

IV. TRÍ TUỆ BA LA MẬT (PANNÀ PÀRAMI)

Pháp thấu rõ 3 tướng (vô thường, khổ não, vô ngã) để trừ diệt tà kiến mà đức Bồ Tát hằng nguyện đạt đến, gọi là trí tuệ đến bờ kia. Giải rằng: Các danh sắc đều phải hư hoại do 3 tướng đã giải trên. Trí tuệ thấy chắc như vậy gọi là samannalakkhana là pháp thấy rõ sự khổ về danh⁴, sắc⁵. Hơn nữa, danh hằng duyên theo trần cảnh đều phải hư hoại, vì thời tiết (nóng, lạnh). Trí tuệ xét rõ như vậy, gọi là trí tuệ cao thượng.

Các bậc Bồ Tát hằng ghi nhớ đến 3 tướng ấy, không bao giờ quên, dù là các Ngài chưa đạt đến bậc toàn giác.

Hỏi: Tại sao con người và Chư Thiên đều hết lòng cầu nguyện cho được đắc đạo quả A la hán. Còn đức Bồ Tát thì lại chẳng mong được đạo quả ấy.

Đáp: Bởi Ngài đã chí hướng theo bậc Chánh Biến tri. Trí tuệ của Ngài thường hồi hướng cho chúng sanh hơn nữa, chư Bồ Tát khi rõ được pháp nào chơn chánh thì các Ngài hằng đem ra giảng giải cho Thiên hạ, không giấu giếm.

Trí tuệ Ba la mật chia ra làm 3 hạng:

- a) Đức Bồ Tát ít quyến luyến vợ, con, Ngài hằng lo làm những việc lợi ích đến chúng sanh, nên gọi là trí tuệ đến bờ kia (pannà pàrami)
- b) Đức Bồ Tát hằng hy sinh thân thể của Ngài để tìm sự lợi ích cho chúng sanh, nên gọi là trí tuệ bờ trên (pannà upapàrami)
- c) Đức Bồ Tát không màng đến mạng sống của Ngài, chỉ mong được sự lợi ích cho chúng sanh, nên gọi là trí tuệ đến bờ cao thượng (pannà paramattha pàrami)

---o0o---

V. TINH TẤN BA LA MẬT (VIRIYA PÀRAMI)

Đức Bồ Tát hằng cố gắng tìm làm những lợi ích cho chúng sanh, không thoái chuyển, dầu có việc chẳng lành đến cho Ngài, Ngài cũng giữ một lòng tu hành tinh tấn. Nếu rõ điều nào chơn chánh thì Ngài cố gắng thực hành, để chúng sanh thấy mà xu hướng theo.

Tinh tấn đáo bỉ ngạn chia ra làm 3 hạng:

- a) Dứt bỏ vợ, con, cố sức làm những việc lành, gọi là tinh tấn đến bờ kia (Viriya pàrami)
- b) Dứt bỏ tứ chi, máu, thịt không than tiếc, nhất tâm tu hành không gián đoạn, gọi là tinh tấn đến bờ trên (viriyā upapàrami)
- c) Cố gắng tận diệt hoặc nghiệp dù có sự hại đến sanh mạng, Ngài cũng một lòng bất thoái, gọi là tinh tấn đến bờ cao thượng (viriyā paramattha pàrami)

Những người tu Phật muốn biết rộng thêm về phép tinh tấn, nên tìm xem kinh VANAPATHA JÀTAKA số 2, SERIVANIJA JÀTAKA 3, KURUNJA số 21, BHOJÀJANIYA JÀTAKA số 23

---o0o---

VI. NHẪN NHỤC BA LA MẬT (KHANTI PÀRAMI)

Đức Bồ Tát thường tu hạnh nhẫn nhục, dần lòng sân hận, vì tâm từ bi của Ngài đối với chúng sanh. Ngài hằng thương xót và hiền lành, không oan giận chúng sanh, gọi là nhẫn nhục đến bờ kia.

Đức Bồ Tát hay ghi nhớ rằng: Chúng sanh toàn là thân bằng quyến thuộc của Ngài ; Ngài hằng xá tội lỗi cho chúng sanh vì lòng hi xả của Ngài.

Nếu có kẻ nóng giận chưởi mắng Ngài vô cớ, Ngài chẳng chấp trách ; cho nên ngài ít hay tỏ ý bất bình. Dầu có ai đại nộ muốn đánh hoặc cắt tay chân Ngài, Ngài cũng chẳng đem lòng oán thù hay nói xấu kẻ ấy. Ngài lại cầu nguyện cho họ được an vui trường thọ.

Nhẫn nhục đáo bỉ ngạn chia ra làm 3 hạng:

- a) Nhẫn nhục về việc lầm lỗi của chúng sanh đối với vợ, con, gọi là nhẫn nhục đến bờ kia (Nhẫn nhục chẳng phải chỉ nín thinh, mà cần nói lời ôn hòa cao thượng và lợi ích mới gọi là nhẫn nhục đáo bỉ ngạn) (khanti pàrami)
- b) Nhẫn nhục với việc làm sai của chúng sanh phạm đến thân thể, gọi là nhẫn nhục đến bờ trên (khanti upapàrami)
- c) Nhẫn nhục đến việc quấy của chúng sanh phạm đến mạng sống mà Ngài chẳng nóng giận (oán thù), gọi là nhẫn nhục đến bờ cao thượng (khanti paramattha pàrami)

---o0o---

VII. CHÂN CHÁNH BA LA MẬT (SACCA PÀRAMI)

Sự xa lánh lời nói không thật vì lòng từ bi của Bồ Tát, gọi là chân chánh đến bờ kia.

Lời thật ấy chia ra làm 3 bậc:

- a) Dẫu có tai hại đến vợ, con Ngài chẳng nói sai lời, gọi là ngay thật đến bờ kia (sacca pàrami)
- b) Dù có sự tai hại đến thân thể nhưng chẳng nói sai lời, gọi là ngay thật đến bờ trên (sacca upàrami)
- c) Dù có tai hại đến mạng sống, cũng chẳng nói sai lời gọi là ngay thật đến bờ cao thượng (sacca paramattha pàrami)

---o0o---

VIII. QUYẾT ĐỊNH BA LA MẬT (ADHITTHANA PÀRAMI)

Chí nguyện một lòng bất thối, nghĩa là: Nếu Bồ Tát đã quyết định tu thì Ngài nhất tâm hành đạo, y theo lời nguyện của Ngài không lòng thối chuyển, gọi là quyết định đến bờ kia.

Quyết định chia ra làm 3 bậc:

- a) Nếu vợ, hoặc con của đức Bồ Tát có sự khó khăn đến đâu, Ngài không bỏ qua lời nguyện. Sự tu hành tinh tấn như thế gọi là quyết định đến bờ kia (adhitthana pàrami)
- b) Dù có sự thiệt thòi đến tứ chi, thân thể của Ngài, Ngài vẫn nắm giữ lời nguyện, không thoái bộ, gọi là quyết định đến bờ trên (adhithana upapàrami)
- c) Dẫu có sự hại đến mạng sống, Ngài chẳng khi nào thụt lùi bỏ lời nguyện, gọi là quyết định đến bờ cao thượng (adhitthana paramattha pàrami)

---o0o---

IX. BÁC ÁI BA LA MẬT (METTÀ PÀRAMI)

Cách tìm sự lợi ích an vui cho chúng sanh và không lòng sân hận mà đức Bồ Tát hằng thực hành gọi là bác ái đến bờ kia. Bác ái Ba la mật chia làm 3 bậc:

- a) Không làm mất sự lợi ích an vui của chúng sanh, mặc dù có việc dự đến vợ, con, thì Ngài cũng chẳng sân hận. (mettā parami)
- b) Dẫu có kẻ làm hại đến tứ chi, thân thể, Ngài vẫn không bất bình, gọi là bác ái đến bờ trên (mettā upapàrami)

c) Dẫu có kẻ hại đến mạng sống của Ngài, Ngài vẫn thương xót, gọi là bác ái đến bờ cao thượng (mettā paramattha pàrami)

---o0o---

X. XẢ BA LA MẬT (UPEKKHA PÀRAMI)

Đức Bồ Tát hằng đè nén lòng ưa thích và sự bất bình theo tình dục của chúng sanh, do tâm bác ái của Ngài gọi là xả đến bờ kia. Xả Ba la mật chia ra làm 3 bậc:

- a) Đức Bồ Tát hằng có lòng không thiên vị đối với người, nhất là với vợ, con của Ngài, xả như thế gọi là xả đến bờ kia (upekkha pàrami)
- b) Đức Bồ Tát hằng giữ lòng trung thực, với những người ân hoặc vô ân với Ngài, không lòng thiên vị, gọi là xả đến bờ trên (upekkha upapàrami)
- c) Dẫu có kẻ nào hại đến mạng sống hoặc cứu tử Ngài, thì Ngài vẫn giữ tâm điềm nhiên đối với những người ấy, gọi là xả đến bờ cao thượng (upekkha paramattha pàrami)

Phép Thập độ này trong mỗi bộ có chia ra làm 3 bậc: Đáo bỉ ngạn đến bờ kia (pàrami), đáo bỉ ngạn đến bờ trên (upàrami), đáo bỉ ngạn đến bờ cao thượng (paramattha pàrami). Tổng cộng là Tam Thập độ.

Thập độ có thể độ người chứng 3 quả Bồ đề:

- Chánh đẳng chánh giác (sammāsambodhi)
- Duyên giác (paccekabodhi)
- Thinh Văn giác (sāvaka bodhi)

Những người tu Phật tùy sở thích, nên cầu nguyện cho được kết quả một trong 3 bậc giác này. Hằng học Phật nếu chẳng thực hành theo pháp Thập độ, vì chẳng mong đạt đến Niết Bàn. Vì thế các bậc thiện hữu chí thức tinh tấn tu hành theo pháp Thập độ này, không dễ duôi, thì sẽ ắt đoạt đến bậc tiêu dao, tự tại chẳng sai.

- DỨT PHÁP THẬP ĐỘ -

---o0o---

[02]

BODHISATTA - BODHISATVA

[02] - TRUYỆN ĐỨC BỒ TÁT

Những người mong hiểu Phật giáo, nên đọc chuyện Bồ Tát. Vì tiếng Phật giáo có nghĩa là lời Phật dạy, mà người sẽ là Phật, trước tiên phải tu

hạnh Bồ Tát. Hơn nữa, sự thông rõ sử kinh về đức Bồ Tát là một phương pháp phát sanh trí tuệ, đem đến cho ta nhiều lợi ích, giúp cho ta nên bậc quý nhân.

Truyện Bồ Tát, hay nói một cách khác là cổ tích của vị anh hùng (virapurasa) hoặc bậc đại nhân (Mahapurasa) vì là bậc xuất chúng, đáng làm gương độ đời trở thành người hào kiệt hoặc đại nhân được, bằng không cũng khiến cho người đời phát tâm trong sạch, xác nhận trung thành đối với Tam bảo họ càng thấu rõ chơn lý, tự xét đoán, quyết định rồi hoan hỷ, mát mẻ thực hành theo, tâm linh của người thêm sáng suốt thanh cao.

Với tên Bồ Tát, chúng ta nên quan sát tỉ mỉ mỗi chuyện sau đây, rồi đem so sánh với tài trí của mình với đức tính của Bồ Tát có danh hiệu là người anh hùng và đại nhân.

---o0o---

BODHISATTA - ĐỨC BỒ TÁT

Tiếng Bồ Tát (bodhisatta hoặc bodhisatva) dịch là người sẽ giác ngộ pháp tối cao, không thể so sánh được, hoặc là sự thông suốt pháp không cho sanh, già, bệnh, chết, và những khổ não, dù là một tí ti nào. Các sự hiểu biết khác nhau là: Sáng tác văn chương, sáng tạo máy móc v.v... chỉ có lợi ích trong đời, không sao sửa được sự sanh, già, bệnh, chết là những điều khổ trọng đại vậy.

Những bậc đặc pháp Ba la mật là: Dàna (bố thí), sīla (trì giới), nekkhamma (xuất gia), panna (trí tuệ), viriya (tinh tấn), khanti (nhẫn nại), sacca (ngay thật), adhitthana (quyết định), mettā (bác ái), upekkhā (xả), cả bậc thấy, bậc trung và bậc cao, đều gọi là Bồ Tát, bậc này sẽ chứng quả Chánh đẳng Chánh Giác là pháp giác ngộ thoát ly sanh tử luân hồi, lặn tất cả sự thống khổ ở đời.

Lại nữa, Bồ Tát có 3 hạng: Pannadhika, Saddhahika, Viriyadhika.

Chú giải:

Pannadhika: Hạng có trí tuệ nhất. Bồ Tát hạng này có trí tuệ nhiều hơn các đức tính khác. Nghĩa là cũng có đức tin, tinh tấn, vv... Nhưng kém hoặc yếu hơn trí tuệ.

Saddhahika: Hạng có đức tin nhất. Bồ Tát hạng này, có đức tin nhiều hơn các đức tính khác.

Viriyadhika: Hạng có tinh tấn nhất. Bồ Tát hạng này, có tinh tấn nhiều hơn các đức tính khác.

Tóm tắt: Bồ Tát hạng nhất có trí tuệ hướng dẫn, hạng nhì có đức tin hướng dẫn, hạng ba có tinh tấn hướng dẫn.

---o0o---

HẠNH KỲ TU HẠNH BA LA MẬT (PÀRAMI) CỦA BỒ TÁT

Cả 3 hạng Bồ Tát đều phải thực hành tròn đủ 30 phép Ba la mật (PÀRAMI: đến bờ kia, Sangkrit: PÀRAMITA), nhưng mau hoặc lâu khác nhau.

1) **Pannàdhika bodhisatta:** Bồ Tát có trí tuệ nhất phải tu 20 a tăng kỳ (asankheyya) và 100.000 kiếp. Trong thời đại tu chia ra làm 3 thời kỳ:

- Thời kỳ trừ định (âm thầm ước nguyện) sẽ cố gắng cho được thành bậc Chánh đẳng Chánh Giác, phải trải qua 7 a tăng kỳ.

- Thời kỳ thuyết minh (nguyện ra lời), phải trải qua 9 A tăng kỳ.

- Thời kỳ được Phật dự đoán, phải trải qua 4 A tăng kỳ và 100.000 đại kiếp.

2) **Saddhàdhika bodhisatta:** Bồ Tát có đức tin nhất, phải tu 40 A tăng kỳ và 100.000 kiếp.

- Thời kỳ trừ định, phải trải qua 14 A tăng kỳ.

- Thời kỳ thuyết minh, phải trải qua 8 A tăng kỳ và 100.000 kiếp.

- Thời kỳ được Phật dự đoán, phải trải qua 8 A tăng kỳ và 100.000 kiếp

3) **Viriyàdhika bodhisatta:** Bồ Tát có tinh tấn nhất phải tu 80 A tăng kỳ và 100.000 kiếp.

- Thời kỳ trừ định, phải trải qua 14 A tăng kỳ.

- Thời kỳ thuyết minh, phải trải qua 36 A tăng kỳ

- Thời kỳ được Phật dự đoán, phải trải qua 16 A tăng kỳ và 100.000 kiếp

---o0o---

BA DANH HIỆU ĐỨC BỒ TÁT

Bồ Tát có trí tuệ nhất gọi là Ugghatitannù: Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa khởi đầu duyên pháp. Bồ Tát hạng này, được nghe Phật thuyết pháp, nếu cần quả Thinh Văn giác phân tích, khi vừa nghe Phật thuyết đầu đề thì được chứng quả ngay.

Bồ Tát có đức tin nhất gọi là Vipacitannù: Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa thuyết pháp xong. Bồ Tát hạng này, được nghe pháp đức Phật, nếu muốn chứng quả Thinh Văn giác, lục thông sẽ đắc khi vừa nghe xong thời pháp.

Bồ Tát có tinh tấn nhất gọi là Neyya: Có thể tiến dẫn được. Bồ Tát hạng này, muốn chứng quả Thỉnh Văn giác lục thông có lẽ chứng được khi đã nghe Phật thuyết pháp tỉ mỉ rõ ràng từ chi tiết.

HAI HẠNG BỒ TÁT

Trong 3 hạng Bồ Tát đã giải rút ngắn lại còn 2 là: Bất định (aniyata) và Xác định (niyata)

1) *Bất định Bồ Tát*: Cả 3 hạng Bồ Tát, nếu chưa được Phật dự đoán gọi là Bất định Bồ Tát, nghĩa là không định chắc sẽ thành Phật vị lai, có thể sẽ thành Phật độc giác hoặc Thỉnh Văn giác.

2) *Xác định Bồ Tát*: Khi đã được Phật dự đoán gọi là Xác định Bồ Tát, nghĩa là định chắc sẽ chứng quả Chánh Biết Tri

SAMODHÀDHAMMA - TÁM LIÊN HỢP PHÁP

Bồ Tát được Phật dự đoán, cần phải có đầy đủ 8 liên hợp pháp là:

1) *Manussattam*: Phải là người nam thật.

2) *Lingasampatti*: Phải có đầy đủ hình tướng của người nam

3) *Hetu*: Phải có đặc sắc đặc Thỉnh Văn giác như Sumedha đạo sĩ v.v... nghĩa là nếu cần thành Thỉnh Văn giác thì đặc ngay trong thời đó.

4) *Satthàradasanam*: Phải gặp Phật và làm điều cao thượng, dâng đèn đức Phật như vị đạo sĩ Sumedha trải thân làm cầu dâng cho Đỉnh Quang Phật (dipankàra) ngự đi.

5) *Pabbajjà*: Phải là người xuất gia chơn chánh (đạo sĩ cũng được)

6) *Gunasampatti*: Phải có đủ đức tính phi thường, nhất là ngũ thông, bát thiên.

7) *Adhikàro*: Phải được làm việc tốt cao thượng là thí sinh mệnh và vợ con, do tác ý, mong được chứng bậc Toàn Giác.

8) *Chandatà*: Phải có tâm hăng hái đầy đủ trong sự tu chứng đạo quả, không mong điều chi khác, dù khổ não thế nào cũng không nao núng.

Khi được đủ cả 8 đức tánh trên trong kiếp nào thì mới Phật dự đoán là Xác định Bồ Tát.

BUDDHABHÙMIDHARMA - TRÌNH ĐỘ PHÁP

Là pháp chỉ về đạo đức với tài năng cao, thấp của đức Bồ Tát, xác định Bồ Tát là bậc chắc sẽ chứng quả Phật Toàn Giác, phi có trình độ xuất chúng phi thường.

BỐN TRÌNH ĐỘ PHÁP

Ussàha: Có nghị lực

Ummagga: Có nhiều trí tuệ

Avatthànan: Có sự quyết định kiên cố.

Hitacariyà: Chỉ làm điều lợi ích.

Chú giải:

Ussàha: Có nghị lực. Xác định Bồ Tát có khả năng quả quyết trong khi làm công việc lành, không thối bộ.

Ummagga: Có nhiều trí tuệ. Xác định Bồ Tát có sự hiểu biết tinh tường trong nhân quả của mọi việc, rằng thế nào là điều lành, dữ, rồi tránh nhân ác, cố tạo điều lành để thọ quả vui.

Avatthànan: Có sự quyết định kiên cố. Xác định Bồ Tát khi đã làm điều thiện nào, thì nguyện làm cho thành tựu, không bỏ dở.

Hitacariyà: Chỉ làm điều lợi ích. Xác định Bồ Tát chỉ làm điều lợi ích cho mình và cho người, lánh xa nghiệp ác.

Trong 4 pháp trên, nên sắp theo thứ tự như vậy:

Ummagga: Có nhiều trí tuệ.

Hitacariyà: Chỉ làm điều lợi ích.

Avatthànan: Có sự quyết định kiên cố

Ussàha: Có nghị lực.

Chú giải:

Khi làm một việc gì thì cần phải áp dụng theo thứ tự của trình độ pháp. Trước tiên, phải dùng trí tuệ (trình độ pháp thứ nhất) quan sát rồi mới bắt đầu làm (trình độ pháp thứ nhì), tiếp theo dùng sự quyết định (trình độ pháp thứ ba) sau cùng đến nghị lực (trình độ pháp thứ tư).

Đức Xác định Bồ Tát, mỗi khi hành động một việc gì dù lớn hay nhỏ, Ngài hằng suy nghĩ, dự liệu tinh tường, thấy có lợi ích thật rồi, quyết chú tâm làm cho kỳ được, dù gian lao đến đâu cũng không ngã lòng, bỏ dở.

Hạng phàm nhân, chưa phải là Xác định Bồ Tát, cũng nên trì chí trụ trong 4 trình độ pháp như thế, mới mong đem mình ra khỏi bể khổ luân hồi, khỏi vòng sanh tử, hưởng quả vị siêu thoát.

Bậc có 4 trình độ pháp, mới gọi là người thượng lưu (panitapuggala). Người chưa có đủ 4 trình độ pháp, gọi là kẻ hạ lưu (omakapuggala).

AJJHÀSAYADHARMA - SÁU KHUYNH HƯỚNG PHÁP

Lệ thường Xác định Bồ Tát thường có 6 khuynh hướng là:

Alobhajjhàsaya: Thiên về không tham.

Adosajjhàsaya: Thiên về không sân.

Amohajjhàsaya: Thiên về không si.

Nekkhammajjhàsaya: Thiên về xuất gia

Pavivekajjhàsaya: Thiên về an tĩnh

Nissaranajjhàsaya: Thiên về thoát ly

Chú giải:

Thiên về không tham: Là không mong được riêng về mình, hằng quan tâm những ích cho kẻ khác, tức là sẵn có tác ý bố thí.

Thiên về không sân: Là chận đứng tâm không cho nóng giận, khi phát sân thì lấy đức từ bi đè nén.

Thiên về không si.: Là không ngay dại, có trí tuệ không vội tin, Xác định Bồ Tát hay suy nguyên nhân quả rồi mới tin

Thiên về xuất gia: Xác định Bồ Tát, hằng bỏ đi tu, lìa khỏi sự yêu thương, quyền luyến ngũ dục.

Thiên về an tĩnh: Xác định Bồ Tát, hằng lánh xa chốn huyên náo, tìm ngụ trong nơi thanh vắng một mình.

Thiên về giải thoát: Là tìm đường ra khỏi phiền não, để thoát ly các sự thống khổ ở đời.

Như thế, chúng ta thấy rõ Bồ Tát có đặc tính ra sao, có khuynh hướng khác thường thế nào. Chúng ta nên cố gắng hành theo, để hưởng quả vui cho mình và cho kẻ khác.

ACCHARIYADHARMA NIYATABODHISATTA - PHI THƯỜNG PHÁP CỦA XÁC ĐỊNH BỒ TÁT.

Đức Xác định Bồ Tát có 7 pháp phi thường, đáng cho trời, người nhận rằng cao thượng vượt khỏi thường nhân là:

Pàpapatikuthacitto: Có tâm chán nản điều ác.

Pàsarnacitto: Có tâm truyền thiện.

Adhimuttakàlakiriya: Có tâm khuynh hướng về sự chết.

Visesajanattam: Người đặc biệt không giống kẻ khác.

Tikalannu: Biết rõ ba thời kỳ.

Pasùtikàlo: Khi đản sinh

Manussajàtiyo: Sinh ra làm người.

Chú giải:

1) *Pàpapatikuthacitto*: Có tâm chán nản điều ác. Xác định Bồ Tát, hằng hồ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi, vừa thấy điều chi xấu xa thì Ngài liền ngã lòng ví như lông gà bị cháy.

2) *Pàsarnacitto*: Có tâm truyền thiện. Xác định Bồ Tát hằng có tâm hoan hỉ với việc lành, không thoái bỏ trước lẽ phải. Nếu làm việc gì mà chưa toại nguyện thì không khi nào chán nản bỏ qua.

3) *Adhimuttakàlakiriyà*: Có tâm khuynh hướng về sự chết. Xác định Bồ Tát, sanh trong cõi trời trường sinh, Ngài sợ mất thì giờ tu pháp Ba la mật, nên Ngài nguyện rằng: xin cho sinh mạng tôi đừng tồn tại nữa. Nguyện xong, Ngài đi thọ sanh ngay (điều này nếu chưa phải là xác định Bồ Tát thì không thi hành được).

4) *Visesajanattam*: Người đặc biệt không giống kẻ khác. Xác định Bồ Tát trong kiếp chót, thọ sanh vào lòng mẹ không giống như thường nhân.

Thường nhân: Khi ở trong thai bào hết sức là u tối và vấy bẩn. Phải úp mặt vào lưng mẹ, lưng xoay ra bụng mẹ.

Trái lại Xác định Bồ Tát ngự trong nơi sạch sẽ, không chút bợn nhơ dính mình. Ngài ngồi xoay mặt ra phía trước và ngồi bán già như vị pháp sư trên pháp tọa.

5) *Tikalannu*: Biết rõ ba thời kỳ. Xác định Bồ Tát trong kiếp chót biết rõ 3 thời kỳ: Khi giáng sinh từ cõi trời vào lòng mẹ; Khi ngự trong thai bào 10 tháng; Khi đản sinh.

Đức Độc Giác và 2 thủ đệ tử Phật là Dvikàlannu chỉ biết 2 thời kỳ: Khi sanh vào lòng mẹ và lúc ở trong thai bào.

Tám mươi vị Thinh Văn giác là Ekakàlannu chỉ biết một thời kỳ là khi thọ sanh vào lòng mẹ

Ngoài ra, phàm phu chẳng có ai biết như ba hạng trên.

6) *Pasùtikàlo*: Khi đản sinh. Xác định Bồ Tát trong kiếp chót, giờ đản sanh, Ngài duỗi 2 tay ra theo 2 chân, trong thoáng mát, Ngài ra khỏi thai bào, hình như vị pháp sư đang xuống tọa, trong khi bà mẹ Ngài đang đứng, mẹ Ngài và Ngài không thọ khổ chi cả. Ngày đức Bồ Tát đản sinh vạn vật trong vũ trụ đều rung rinh.

7) *Manussajàtiyo*: Sinh ra làm người. Xác định Bồ Tát trong kiếp chót, Ngài có thể lực sinh ra theo 3 nhân là:

- Đòi vừa cho Ngài truyền bá Phật pháp.

- Hân hạnh có người xuất gia để thừa hành giáo pháp của Ngài.

- Nơi có dịp để lưu truyền Xá lợi, sau khi Phật nhập Niết Bàn.

Sự phi thường của Xác định Bồ Tát trong kiếp chót, chỉ có 3 là pháp thứ 5, 6, 7.

---o0o---

**[03] - TEMIYA JÀTAKA -
TRUYỆN ĐỨC TEMIYA
(BỒ TÁT TU HẠNH XUẤT GIA BA LA MẬT)**

MÀPATICCA YAM VIBHANEYYA IDAM SATTHÀ JETANE
VIHARANTO MAHABHINEKAKKHAMMA PARAMÌNÀRABBHA
KATHESI.

Thuở đức Thế Tôn là đấng Giáo Chủ của trời người. Ngài ngự nơi kỳ Viên Tịnh xá, có đề xướng hạnh tu xuất gia Ba la mật của Ngài trong tiền kiếp như dưới đây:

Ngày nọ, chư Tăng hội họp trong giảng đường, tán dương oai lực của đấng Cứu Thế. Nhờ nhĩ thông, đức Thế Tôn hiểu rõ, rồi ngự đến giảng đường hỏi chư Tăng rằng: "Các người luận về điều chi?"

Có vị Tỳ khưu bạch: Chúng tôi không nói chi khác hơn là bàn về đức Thế Tôn từ bỏ ngai vàng xuất gia tìm đạo.

Như Lai chẳng phải chỉ có xuất gia trong kiếp cuối cùng này đâu, trong các kiếp trước cũng có xuất gia vậy, nói đến đây rồi Ngài nín thinh.

Chư Tăng bèn bạch xin đức Thế Tôn từ bi diễn giải tiền kiếp cho chúng tôi nghe.

Đức Phật bèn gọi các thầy Tỳ khưu: Bhikkhave, Này các thầy! Atite kàle, Trong thời quá khứ có một hiền vương danh hiệu là Kàsikaràja trị vì trong xứ Bàrànasì. Hoàng Hậu là Candadavi. Không bao lâu Hoàng Hậu thọ thai và đến ngày mãn nguyệt khai hoa.

Đây nói về đức Bồ Tát giáng sinh từ cung trời Đạo Lợi vào lòng mẹ là Hoàng Hậu của vua Bàrànasì. Ngày ấy gió mưa tầm tã khắp mọi nơi, khiến cho toàn dân đều mát mẻ hoan hỷ.

Nhà chiêm tinh của vua vào tâu rằng: Hoàng Tử có đủ tướng tốt, có thể làm cho đời được an vui, vì thế ngày đức Bồ Tát đản sanh, vua, Hoàng Hậu, hoàng thân quốc thích đồng đặt tên là Temiyakumàra.

Trước khi giáng sanh, Temiya Bồ Tát đã là một vị Hoàng Đế trị vì trong xứ Bārānasi 20 năm. Khi thăng hà, Ngài bị sa trong địa ngục đồng sôi (Ussudanaraka) tám mươi ngàn năm, bởi nghiệp ác đã tạo. Khi hết kiếp Ngài được sanh trên cung Trời Đạo Lợi, rồi giáng sanh làm Hoàng Tử của vua Bārānasi tên Temiya như đã giải.

Sinh ra được một tháng, nữ mẫu bồng Hoàng Tử đến hầu vua cha, được vua ẵm vào lòng nâng niu, yêu mến. Khi đó có quân dẫn 4 tội nhân vào tâu để vua cha phân xử. Đức vua tùy tội nặng nhẹ mà phán đoán tử hình và phạt tù 4 tội nhân. Được nghe vua cha phán đoán, Hoàng Tử rất ghê sợ đối với hình phạt, Ngài liền hỏi tướng rằng: "Ta từ đâu mà sanh lên đây", nhờ có trực giác Ngài biết được tiền kiếp⁶ (Jāṭisasarannāna). Kế tiếp ta từ Đạo Lợi Thiên cung giáng sanh xuống. Ngài xét nghĩ thêm: "Trước kia ta ở đâu mà đến Đạo Lợi Thiên cung". Ngài biết rằng từ địa ngục đồng sôi. Trước khi sa địa ngục là một Hoàng Đế tại thủ đô Bārānasi này. Ngài bèn nghĩ rằng: Rồi đây khi ta trưởng thành sẽ kế vị vua cha, lên án tội nhân (xử trảm hay gông cùm, xiềng xích...), như thế ta sẽ sa địa ngục như kiếp trước chẳng sai. Xét thấy vậy làm cho Ngài phát tâm chán nản, rất ghê sợ sự nghiệp Đế Vương.

Sau khi nữ mẫu bồng Ngài về cung nội, Ngài quá lo sợ và nghĩ: Thế nào cho ta khỏi làm vua, do tâm lành của Ngài, có vị Chư Thiên nữ là mẹ của Ngài trong kiếp trước hiện xuống khuyên nhủ (chỉ cho Hoàng Tử nghe biết mà thôi):

- Nay Temiya con ôi! Nếu con muốn lánh ngai vàng, con phải là người liệt, câm và điếc đi, như thế mới mong thoát khỏi được. Chỉ rõ phương pháp cho Hoàng Tử, rồi vị Thiên nữ liền biết mất, Hoàng Tử rất vui mừng. Khi nhận được lời giáo huấn của vị Thiên nữ, Ngài bèn thực hành y theo lời dạy, cho đến ngày ra khỏi đền vàng.

Từ đó Hoàng Tử không cử động, không khóc la, kẻ nào kêu gọi, trêu chọc, Ngài tỏ ra như không hay, biết. Vì thế, các nữ mẫu lấy làm lo sợ, buồn rầu, bèn tâu với Hoàng Hậu. Hoàng Hậu khám xét tỏ tự sự rồi tâu lên Đức vua. Vua cho ngự y đến khám, tìm không ra căn bệnh của Hoàng Tử. Ai ai cũng lấy làm ngạc nhiên. Đến giờ ăn các nữ mẫu cho Hoàng Tử dùng như thường, nhưng Ngài không cử động, la khóc, như dáng điệu người tê liệt, câm điếc. Không hiểu vì sao lại như thế? Do đó, mới bày ra 17 cách thử thách là: Thử bằng sữa, bánh, trái cây, đồ chơi, thực phẩm, lửa, voi, rắn, diên kích, múa đao, tiếng tù và, tiếng trống, đèn, ruồi, nước tiểu và phân, than lửa, thanh nữ theo thứ tự của mỗi cách.

1) *Cách thử bằng sữa*: Không cho Hoàng Tử bú, để xem Ngài có phải liệt, câm, điếc thật chẳng? Nếu không, Ngài phải la khóc trong khi đói khát.

Nhưng lúc đói nhiều, Hoàng Tử có trí nhớ tự hóa rằng: "Này Temiya! Sự đói này không bằng Thuở người bị hình phạt đói khổ trong địa ngục đồng sôi dàu. Nếu người bất thường, làm cho thất nguyện mà cử động, la khóc, người sẽ không thoát khỏi ngai vàng, là nhân gây nhiều tội ác, rồi phải xa địa ngục nữa". Được tự khuyên mình như thế, Ngài nhẫn nại với sự đói khổ, rồi nằm yên

2) *Cách thử bằng bánh*: Các nhũ mẫu để Hoàng Tử nằm trên long sà, xung quanh có những đồng nam, rồi đem bánh trưng bày trước mặt gần Hoàng Tử, cho các trẻ con giành nhau ăn, để rình xem Hoàng Tử có tranh lấy bánh chăng. Nhưng không thấy Ngài động đậy.

3) *Cách thử bằng trái cây*: Thừa lúc Hoàng Tử đói, dùng trái cây để trước mặt Ngài, cho trẻ con tranh nhau như trước, Hoàng Tử cũng vẫn an tĩnh tự nhiên.

4) *Cách thử bằng đồ chơi*: Thông thường trẻ con thích đồ chơi (voi, ngựa, xe...). Một hôm các nhũ mẫu đem các vật chơi như xe, ngựa voi đến dâng cho Hoàng Tử, để xem cử chỉ của Ngài, song cũng vô ích.

5) *Cách thử bằng thực phẩm*: Đến quá giờ ăn, đem thực phẩm cho trẻ con ăn trước mặt Hoàng Tử, mà chẳng thấy Ngài đòi hỏi chi cả.

6) *Cách thử bằng lửa*: Hoàng Tử đã lên 5 tuổi, các nhũ mẫu bồng Ngài để giữa đám trẻ đang chơi đùa. Bỗng nhiên họ đốt lá cây, lửa cháy xung quanh làm cho các trẻ em sợ, la hoảng chạy trốn. Nhưng Hoàng Tử vẫn im lặng.

7) *Cách thử bằng voi*: Các nhũ mẫu ẵm Hoàng Tử để nằm chơi đồng trống, có cả trẻ nhỏ tùy tùng chơi tại đó, đoạn cho thả voi chạy ngang qua chỗ Hoàng Tử, các trẻ kinh hãi kiếm đường lánh nạn, mà Hoàng Tử làm như không hay biết chi cả.

8) *Cách thử bằng rắn*: Vua cho người đem rắn quấn quanh chân Hoàng Tử. Rắn cũng không đủ làm cho Ngài lo sợ chi cả.

9) *Cách thử bằng kịch vui*: Vua cho bọn hát múa đến diễn kịch, có cả trẻ nhỏ tùy tùng cùng xem. Đến lúc giễu cợt, các nhi đồng vỗ tay, reo cười cổ trừ ghẹo Hoàng Tử, mà Ngài vẫn bất động.

10) *Cách thử bằng dao*: Hoàng Tử lên 9 tuổi, vua cho đao phủ múa gươm vào ngay Hoàng Tử, dường như muốn sát hại Ngài, để xem cử chỉ của Ngài, nhưng vô hiệu quả.

11) *Cách thử bằng tiếng tù và*: Vua cho bồng Hoàng Tử để ngồi giữa đám đông, thỉnh linh họ đồng thổi tù và một lượt nghe rất rùng rợn, để xem coi Hoàng Tử có thật điếc chăng?

Lệ thường, khi chúng ta ngồi hoặc nằm, mà ngẫu nhiên nghe tiếng vang động, thì giựt mình hoảng hốt. Song Hoàng Tử làm như chẳng nghe chi cả.

12) *Cách thử bằng trống*: Thừa lúc Hoàng Tử đang yên giấc, vua cho đánh trống vang rền, rất huyền ảo. Nhưng Hoàng Tử vẫn nằm im.

13) *Cách thử bằng đèn*: Hoàng Tử lên 12 tuổi. Vua cho đem đèn rất nhiều để xung quanh giường của Hoàng Tử, rồi đồng thời đốt lên sáng lòà, đoạn từ từ họ cho đèn cháy lu đều nhau, sau cùng tắt hết, chỉ chừa một ngọn đèn to, vặn tim lên cho cháy thật sáng, để xem cử chỉ của Hoàng Tử, coi Ngài có liếc xem chẳng?

Lệ thường ta có thái độ bất thường trước nghịch cảnh, song Hoàng Tử không động đậy chi cả.

14) *Cách thử bằng ruồi*: Hoàng Tử lên 13 tuổi, vua cho thị vệ lấy nước mía thoa vào khắp thân thể Hoàng Tử, rồi bồng Ngài đem để chỗ trống cho ruồi bu mút. Hoàng Tử vẫn chiến thắng với sự khổ, không chút than phiền.

15) *Cách thử bằng nước tiểu và phân*: Trải qua hai ngày, Hoàng Tử đại tiểu tiện không ai tắm rửa. Trước cảnh bản thiú hôi thúi như thế, nhưng Hoàng Tử không chút than phiền.

16) *Cách thử bằng lửa*: Vua cho đem than lửa, để chung quanh gần mình Hoàng Tử. Theo người thường không ai chịu nổi, mà Ngài vẫn điềm nhiên.

17) *Cách thử bằng thanh nữ*: Hoàng Tử lên 16 tuổi. Vua cho các Công chúa, tiểu thư trang điểm, xinh lịch vào kêu gọi tình ái của Hoàng Tử. Hoàng Tử vẫn bất động. Đây là cách thử cuối cùng của vua cha.

Sau khi đã thi hành 17 cách thử thách, làm cho Đức vua cùng triều thần đều hết phương kế, đồng cho Hoàng Tử là liệt, câm, điếc thật, là kẻ bất hạnh không nên dưỡng sinh⁷ trong đền nữa. Vua cha định cho người đem đi hạ sát, mặc dù Hoàng Hậu hết sức thỉnh cầu, cũng không chuẩn cho. Vua bèn truyền cho đao phủ đem Hoàng Tử lên xe, ra cửa thành tây đưa vào rừng chôn sống. Vào đến rừng bọn đao phủ ngừng xe, đào hầm để chôn sống Hoàng Tử.

Trong khi ấy, Hoàng Tử thấy là dịp may được lia khỏi ngôi vàng mà từ lâu Ngài đã mong muốn. Ngài nghĩ rằng: "Đây là cơ hội thuận tiện và cũng vừa lúc cho ta bày tỏ sự thật". Vừa nhận xét như thế, Ngài liền duỗi tay, chân để thử sức mình. Thấy rằng có đủ lực lượng như thường. Ngài bèn xuống nắm gọng xe đưa lên khỏi đầu quây nghe vụt vụt.

Lúc đó bọn đao phủ xem thấy kinh hồn, cho là phi thường, họ đến quì trước Hoàng Tử mà tạ tội, rồi phi báo cho vua và Hoàng Hậu hay. Vua cùng triều

thần đồng ngự đến nơi, thỉnh cầu Hoàng Tử trở về kế vị vua cha. Hoàng Tử từ tạ và tâu cho vua cha rõ nguyên nhân mà Hoàng Tử phải nhận nhục với những thử thách đến 16 năm. Ngài mong thoát ly kế vị, để được xuất gia và xin vua cha cho phép tu đại sĩ. Thấy rõ nguồn cơn về trí nguyện cao cả của Hoàng Tử, vua cha không thể ép uổng và bắt đắ dĩ phải phê chuẩn.

Chẳng bao lâu, nhờ sự tinh tấn tu hành, đức Bồ Tát tham thiền đắc định phi thường. Ngài hiện thần thông, biến hóa cho mọi người thấy và thuyết về tội ngũ dục, khiến cho quân thần nhất là vua cha và mẫu hậu của Ngài đều phát tâm hoan hỷ trong sạch xin xuất gia tu theo rất đông.

Khi mệnh chung Ngài được sanh lên cõi Phạm Thiên. Những người đã tu theo giáo pháp của Ngài cũng đều tùy định lực mà được sanh lên cõi trời Dục giới và Sắc giới cả.

Khi chúng sanh được xem truyện Temiya Bồ Tát đã giải tóm tắt, quý độc giả nên tự hỏi mình rằng: Sự hành động của Temiya Bồ Tát có chi là quan trọng hay cao thượng chăng? Nếu chỉ xem sơ thiếu thì quý vị chỉ nghĩ rằng Bồ Tát Temiya vì quá mong được xuất gia, nên mới rán chịu bao thử thách đến 16 năm. Có khi cũng dám chê trách Ngài rằng sao quá nông nổi.

Quý vị nào có nhiều duyên lành mong sự giải thoát, rồi thẩm sát mới thấy rõ chơn lý mà phát tâm trong sạch. Vì sự tích của Temiya Bồ Tát có đầy đủ 4 trình độ pháp và 6 khuynh hướng pháp, phân tích như sau:

- Đức Temiya Bồ Tát cam tâm chịu với bao thử thách trọn 16 năm trường (thuộc về trình độ pháp thứ nhất "có nghị lực")

- Đức Temiya Bồ Tát quán tưởng thấy tội khổ trong địa ngục và đế vị là nguyên nhân cấu tạo, có thể gây nghiệp ác to tát. Ngài chán nản ghê sợ, ngôi vua sẽ đến cho Ngài, ví như người ghê tởm ô trược. Ngài quá sợ địa ngục hơn các cách thử thách mà vua cha đã ban hành đối với Ngài (thuộc trình độ pháp thứ nhì "có nhiều trí tuệ")

- Đức Temiya Bồ Tát, từ khi được nghe vị Thiên nữ khuyên phải nên Ngài quyết chí làm người liệt, câm, điếc cam chịu với các thử thách cho đến khi ra khỏi đền vàng, được như ý nguyện, dù là phải nhẫn nhục đến 16 năm (trình độ pháp thứ ba "quyết định kiên cố")

- Đức Temiya Bồ Tát cam chịu nhiều điều cực nhọc với chi xuất gia. Ngài tinh tấn tu chứng bát thiên và hướng dẫn phần đông, nhất là vua cha và mẹ Ngài cùng xuất gia theo giáo pháp của Ngài. Tất cả đạo sĩ hành theo đạo Ngài, từ thấp đến cao đều được sanh lên cõi trời (thuộc về trình độ pháp thứ tư "chỉ làm những điều lợi ích")

Nói về phẩm tính của Temiya Bồ Tát, chúng ta thấy rằng Ngài "khuyh hướng không tham". Nhưng lúc họ bỏ, không cho Ngài thọ thực, trọn một, hai ngày mà Ngài vẫn điềm nhiên, không cử động. Chỉ cho ta thấy rằng Ngài có khuyh hướng không tham ăn, nhất là không tham ngai vàng, thật là một bậc phi thường vậy. Những điểm ấy cũng chưa cực kỳ quan trọng hơn là cách thử cuối cùng là vua cho đem các thanh nữ trang điểm xinh đẹp, toàn là con giòng vua, quan trong triều, đến khuê gọi tình ái, mà Ngài vẫn lãnh đạm. Ngài rất sợ về tình trường⁸. Điều này chứng tỏ rằng, Ngài có khuyh hướng không tham trong xúc thực phẩm (phassàhàra) tức là vật ăn mê mẩn tinh thần của phàm nhơn.

Đây chỉ cho ta thấy rằng: Xác định Bồ Tát hằng khuyh hướng không tham, dù là đối với thực phẩm và ngũ dục.

Đức Xác định Bồ Tát hằng khuyh hướng không sân là đối với các thử thách. Nếu kẻ khác bị bỏ không cho ăn 1, hai ngày thì phát sân, kêu la, than khóc là thường tình; hoặc có người đem nước mía thoa khắp mình, bỏ cho ruồi bu nút, thử hỏi mình có chịu được chăng? Đây là đức tính phi thường của Xác định Bồ Tát.

Đức Xác định Bồ Tát hằng khuyh hướng xuất gia, bởi ngũ dục là nhân sanh tội lỗi, nhiều khổ hơn vui, là những điểm ám ảnh đời người phải chìm đắm trong bể khổ.

Đức Xác định Bồ Tát hằng khuyh hướng an tĩnh, là người hoan hỷ cho đao phủ trở Ngài vào rừng để chôn sống. Ngài không vừa lòng ở chốn huyên náo, ồn ào, rất trở ngại cho Ngài tu chứng Bát thiên được. Cần phải ngụ trong nơi thanh vắng, mới có thể làm được những điều thanh cao mau chóng và hướng dẫn kẻ khác làm điều lợi ích được dễ dàng. Đây là đức tính phi thường của Xác định Bồ Tát.

Sự an tĩnh có hai là:

- An tĩnh bên ngoài: Là xa lánh náo nhiệt.
- An tĩnh bên trong: Là yên lặng phiền não.

Đức Xác định Bồ Tát, hằng khuyh hướng thoát ly để quyền, xuất gia tu đạo sĩ.

Ngài cố gắng thực hành Chánh pháp, từ bỏ những vui thích thế sự, ảo mộng, vô thường bằng pháp thiên định, ấy là chí hướng phi thường của Xác định Bồ Tát.

Chữ Xác định Bồ Tát, cũng như Temiya Bồ Tát, đều phải luôn luôn hành 30 Ba la mật, 4 trình độ pháp và 6 khuynh hướng pháp. Những pháp ấy hằng in sâu vào tâm não của các Ngài.

Truyện Temiya Bồ Tát, đã diễn giải tóm tắt trên đây, chỉ cho ta thấy rằng: Chư Xác định Bồ Tát hay có tâm quả quyết trong sự xuất gia. Dù là một việc phước thiện nào, các Ngài cũng nhất định thực hành đầy đủ 4 trình độ là: Nghị lực, trí tuệ, quyết định, chỉ làm những lợi ích đến mình và cho kẻ khác. Khi làm một việc gì, các Ngài hằng dùng trí tuệ trước tiên, để tìm xét theo nhân quả, thấy rõ có hiệu nghiệm, mới quyết định kiên cố thực hành cho đến khi mãn nguyện.

Hơn nữa, các Ngài có đủ pháp khuynh hướng không tham, không sân, không si, xuất gia tìm nơi an tĩnh và thoát tục; không say đắm trong bả lợi danh của cuộc đời ảo mộng, cố công tu luyện cho đến khi chứng quả Phật.

Quan sát cho tỉ mỉ, ta thấy rằng: Xác định Bồ Tát là bậc xuất chúng xứng đáng với lời mà đức Siddhattha tuyên bố trong lúc Ngài đản sanh rằng:

AGGOHAMASMI SETTHO

AGGOHAMASMI JETTHO

AGGOHAMASMI ANUTTARO

AYAMANTI MÀ JÀTI NATTHI DÀMI. PUNABBHAVO.

Ta là bậc cao nhất trên đời

Ta là người quý nhất trên đời

Ta là bậc trí tôn trên đời

Sự sinh ra của ta kiếp này, là kiếp cuối cùng,

Nay ta chẳng còn sinh nữa.

SATTHÀ IMAM DHAMMADESANAM ÀHARITVÀ:

Đức Thế Tôn thuyết xong, gọi chư Tăng mà rằng:

BHIKKHAVE - Nay các Thầy! Chẳng phải Như Lai từ bỏ ngai vàng trong kiếp này đâu, kiếp sanh ra làm Temiya, Như Lai cũng bỏ để vị vậy.

SAMODHÀNESU - Ngài họp các tiền kiếp lại rằng; BHIKKHAVE: Nay các Thầy! DEVADHITÀ: Nàng tiên nữ khuyên hỏi ta đó, sau này là Tỳ khuru ni UPALAVANNATHERÌ; SARATHÌ: xa phu sau là Xá Lợi Phất Tỳ khuru; SAKKO; Trời Đế Thích sau là A Nậu Lâu đà Tỳ khuru; MÀTÀPITARO; cha mẹ của ta sau là Tịnh Phạn Vương và MAYÀ Hoàng

Hậu. SESAPARISA những bộ hạ tùy tùng, sau là hàng Phật tử. TEMIYA PANDITO: bậc hiền minh TEMIYA sau là (ÀHAMEVA) Như Lai vậy.

---o0o---

[04] - MAHÀJANAKA JÀTAKA - TRUYỆN MAHÀJANAKA (BỒ TÁT TU HẠNH TINH TẮN BA LA MẬT)

ATITE KÀLE: Trong thuở quá khứ có một vị Hoàng Đế danh là MAHÀJANAKA, trong kinh đô MITHILÀ. TASSA RANNO DEVAPUTTA: Đức Hoàng Đế có hai Hoàng Tử là: ARIKHAJANA và POJANA. Vua cha phong con trưởng (ARIKHAJANA) làm đông cung, con thứ (POJANA) làm đại tướng.

Không bao lâu Hoàng Đế băng hà, đông cung lên kế vị, rồi phong cho em POJANA làm thứ vương. Vì vua quá tin lời sàm tấu của nịnh thần, nên bắt em là thứ vương hạ ngục. Sau thứ vương vượt ngục trốn khỏi, chiêu binh mãi mã⁹ trở về tranh ngôi báu, giết được vua anh (ARIKHAJANA) rồi đoạt vị.

Hoàng Hậu của vua ARIKHAJANA, khi hay tin chồng tử trận, bà bèn tìm đường tẩu thoát. Lúc đó nhờ đức Bồ Tát thọ sanh vào trong thai bào, nên khiến trời Đế Thích hiện xuống, giả làm xa phu thỉnh Hoàng Hậu lên xe, đưa bà đến kinh đô KÀLACAMPAKA tỵ nạn, rồi từ biệt biến mất. Hoàng Hậu tìm chỗ an nghỉ, nương náu trong một phước xá. Khi ấy có một vị Bà la môn trú danh, giáo sư (DÌSÀPAMOKKHA) trong thành KÀLACAMPAKA dẫn năm trăm đồ đệ đi tắm, thấy Hoàng Hậu liền phát tâm thương hại như em ruột (do phước báu của đức Bồ Tát trong thai bào) nhìn làm em gái, rồi đem về cho vợ chăm nom như em ruột.

Không bao lâu, Hoàng Hậu sanh được một hoàng nam diện mạo khôi ngô, xinh đẹp, màu da như vàng, đặt tên là MAHÀJANAKA. Lớn lên đùa giỡn với trẻ con. Bồ Tát có nhiều sức mạnh nên lũ trẻ rất kiêng nể. Bữa nọ, vì bất bình, Bồ Tát đánh bọn trẻ chạy, chúng mách cha mẹ chúng hay, rồi chỉ Bồ Tát mà rằng: "Đây, nó là đứa không cha". Bồ Tát nghe qua lòng chẳng yên, về hỏi mẹ: Cha con đâu? Hỏi nhiều lần Hoàng Hậu khó giấu được, nên nói rõ tự sự.

Từ đó, Bồ Tát an lòng thủ phận, trầm tư suy nghĩ. Lên 16 tuổi, Ngài rất thông minh, trong năm trăm đồ đệ của vị trú danh giáo sư chẳng ai sánh bằng.

Một hôm, Bồ Tát MAHÀJANAKA hỏi: Mẹ có vật chi quý giá chẳng? Hoàng Hậu đáp: Khi ra khỏi thành, mẹ có đem theo nhiều báu vật để làm của cho

con. Bồ Tát xin phân nửa dùng làm vốn buôn bán lấy lời, với mục đích là chiêu binh mãi mã trở về phục nghiệp.

Ngài xin phép mẫu hậu xuống thuyền qua biển về kinh đô MITHILÀ (xứ Phụ Vương của Ngài đã trị vì). Không may, thuyền ra biển đến ngày thứ 7, bị trận bão to phải chìm. Lúc bấy giờ, các thủy thủ sợ chết, khóc la, khẩn cầu ông này bà nọ bảo hộ, trái lại. Bồ Tát tìm thực phẩm độ cho họ, rồi ấy y phục nhúng dầu, mặc vào, xông leo lên cột buồm, nhảy ra xa khỏi bầy cá đang ăn các thủy thủ. Ngài lội mãi như thế, đến ngày thứ 7, thấy trăng tròn, biết là rằm, Ngài bèn dùng nước mặn súc miệng rồi nguyện thọ trì bát quan trai và không quên sự cố gắng, trong kiếp Ngài là Bồ Tát MAHÀJANAKA này, gọi là Bồ Tát tu hạnh tinh tấn đến bờ kia (VIRIYA PÀRAMÌ).

Thuở đó, có một nàng Thiên nữ tên là MANIMEKHALÀ lãnh trách nhiệm cứu vớt nạn nhân trên biển, song nàng mắc đi dự hội với các Thiên nữ nên không hay biết (do tiền nghiệp của Bồ Tát). Đến ngày thứ 7 Thiên nữ mới rõ có Bồ Tát mắc nạn trong biển đã 7 ngày, nàng bèn bay đến ngay trên chỗ Bồ Tát đang lội, rồi cất tiếng gọi: Người thanh niên này! Vì sao ngươi đến chịu chết trong biển to như vậy?

Bồ Tát nghĩ rằng chắc là Thiên nữ đến cứu giúp ta, rồi đáp: Mẹ ôi! Xin mẹ từ bi ra ơn cứu độ con với! Nàng tiên nữ nghe những lời cảm động như thế, liền hỏi tiếp: Do nguyên nhân nào, mà con phải lâm nạn trong biển này?

- Vì tôi mong đi buôn lấy lời, để tìm dịp chiêu binh mãi mã về phục hồi đế nghiệp vua cha tôi. Ngài kể hết cho nàng Thiên nữ nghe.

- Thôi con đừng lo ngại, mẹ đến đây để cứu con được đặc kỳ sở nguyện. Nàng vớt Bồ Tát, bay đến kinh đô MITHILÀ, rồi trở về. Bồ Tát vào nguyện của Đức vua MITHILÀ nằm nghỉ mê man, vì quá cực nhọc trọn 7 ngày đêm trong biển.

Thuở đó Đức vua thủ đô MITHILÀ đã thăng hà 7 ngày, mà chưa có người xứng đáng lên kế vị. Công chúa SIVALÌ của vua thành tâm khẩn cầu người có trí tuệ lên ngôi vàng, thay thế vua cha, thì nàng cũng hoan hỉ làm Hoàng Hậu, để thừa kế đế nghiệp. Công chúa cho đòi vị cố vấn nào, cho ông biết ý thích của nàng.

Vị cố vấn bèn tâu: Để hạ thần cầu khẩn Chư Thiên, rồi cho xe Ròng chạy vòng quanh kinh thành MITHILÀ, long xa ngừng ngay một nhân vật nào, hạ thần sẽ thỉnh vị ấy lên ngôi báu trị vì Thiên hạ. Công chúa hoan hỷ nhận lời

Sáng ra, triệu thần cho long xa nhiều¹⁰ ba vòng thành, rồi ra cửa đông chạy về hướng nguyện. Xe chạy rất nhanh, không ai theo kịp. Vị cố vấn ra lệnh, không cho chặn xe, dù chạy đến 100 do tuần¹¹ cũng được, chúng ta cứ theo

sau. Xe chạy đến chỗ Bồ Tát nằm, quay 3 vòng rồi ngừng bên cạnh Bồ Tát, dường như mong thỉnh Ngài lên xe. Vị cố vấn chạy đến, chờ các quan hội đồng đủ, bảo cùng nhau rằng: "Vị nằm trên tảng đá có tướng mạo đoan trang, không biết có đáng lên ngôi báu chăng? Nếu thật là người có trí tuệ xứng đáng với ngôi Rồng, dù là nghe tiếng ngựa xe, tiếng trống, tiếng kèn cũng không vội ngồi dậy, xem bên này, ngó bên kia rồi chạy đi. Các người hãy đánh trống, thổi kèn mau lên, như thế mới thấy rõ là người có phước hay bất hạnh".

Khi đó, kẻ đánh trống, người thổi kèn một lượt nghe vang rền. Nghe trống, kèn, Bồ Tát ngồi dậy xem thấy đám người, đoán biết ngài vàng đã đến, Ngài bình tâm nằm lại như cũ, nằm nghiêng bên mặt. Vị cố vấn lại gần quan sát hai chân của Bồ Tát rồi tâu rằng: "Thật là bậc quý nhân, thỉnh Ngài ngồi dậy, ngôi trời đã đến cho Ngài rồi".

Bồ Tát hỏi: - Chúa của các người đi đâu?

Tâu: - Hoàng Thượng của chúng tôi đã thăng hà 7 ngày

- Đức Hoàng Tử, thứ vương của vua không có sao?

Tâu: - Không. Chỉ có một Công chúa mà thôi.

Bồ Tát ngồi dậy và nhận lời cầu thỉnh. Triều thần đồng đến làm lễ, mặc long bào cho Ngài theo lễ tôn vương, xong thỉnh Ngài ngự lên long xa, hộ giá về thành MITHILÀ, thống trị dân hiệu là MAHĀJANAKA Hoàng Đế. Ngài phán rằng: "Tất cả triều thần, trước ở tước vị nào, nay giữ như cũ"

Khi Công chúa nghe vua ngự vào cung nội, bèn sai hoạn quan đến thỉnh vua, thử coi Ngài có trí tuệ thế nào. Hoạn quan tâu rằng: "Công chúa thỉnh Hoàng Thượng vào lập tức". Đức vua nghe cũng tự nhiên, như không nghe biết, rồi tỏ lời rằng: "Tòa lâu đài này đẹp". Hoạn quan không biết làm cách nào cho vua nghe lời tâu của mình được, rồi trở vào tâu với Công chúa: "Những lời mà lệnh bà dạy, hạ thân đến tâu, vua không để ý đến". Công chúa nghe qua hiểu rằng đây là bậc đại phước. Công chúa sai hoạn quan đi tâu với Đức vua 2, 3 lần như thế. Đức vua cũng vẫn lãnh đạm như trước. Ngài từ từ bước đi như thường, uy phong凛冽, khác nào như chúa sấm lâm. Công chúa xem thấy lấy kính phục, không dám trườn mặt để được gặp Ngài và rất kính sợ nàng chỉ dám đưa tay lên làm dấu hiệu cho đức Bồ Tát dừng chân.

Khi lên ngôi vàng Đức vua dạy cất các phước xá tại các cửa thành cho Ngài bố thí mỗi ngày, có trữ đủ các vật dụng cho những kẻ bệnh tật, nghèo nàn đói khổ. Đức Bồ Tát không quên cho triều thần đi rước mẹ và vị trí danh giáo sư tại xứ KĀLACAMPAKA, về đến dâng đủ báu vật để báo hiếu về đền đáp ơn dày của vị giáo sư.

Từ ngày lên ngôi thống trị trong nước, Bồ Tát ban bố phóng thích tội nhân, chiêu an bá tánh, chuẩn bần dân nghèo. Quốc dân hằng được an cư lạc nghiệp. Thật là đời thái bình thịnh trị. Thuở đó Bồ Tát là dòng dõi của chư Phật, thấy dân gian an hòa. Ngài nhớ đến lúc bị nạn 7 ngày trong biển, Ngài phát tâm hoan hỷ, phi lạc, tuyên bố rằng:

*ÀSINSATTHEVA PURISO NA BANDEYYA
PANDITO PASSÀMIROHAM ATTÀNAM...*

" Người có trí tuệ hay cố gắng trong mọi phương diện. Sự tinh tấn là một đức tánh thanh cao, đem đến nhiều lợi ích cho mình và cho kẻ khác."

Ta đã được thấy rõ điều đó trong lúc ấy rồi. Những người lười biếng đi cùng ta, đã phải làm mồi cho cá. Còn ta nhờ sự tinh tấn không dễ dãi, lội đến 7 ngày, gặp được nàng tiên nữ MANIMEKHALÀ cứu độ đến kinh đô MITHILA. Do đó, bậc trí tuệ, dù gặp phải khổ thân tâm đến đâu, cũng không bỏ sự tinh tấn, hãy đạt đến hạnh phúc tối cao, mới vừa có danh hiệu là bậc trí tuệ. Sinh ra có ngũ uẩn, trong vòng sanh tử luân hồi, có hạng được vui, kẻ lại chịu khổ, người được giàu sang mà vui, kẻ nhiều của cải mà khổ cũng có, vì bị tử thân giết hại, như bảy trăm thủy thủ đi cùng ta.

Hơn nữa, chẳng phải người muốn chi được này, mong vật này lại được món khác, có lúc không cầu mà được. Như ta nào ngờ hôm nay mà được ngôi báu như vậy, cũng do sự tinh tấn của ta.

Khi lên ngai vàng, Bồ Tát tinh tấn thực hành 10 pháp vương¹² (DASA KHAMMARÀJA) bố thí, trì giới trong sạch. Ngày nọ, đến mùa trái cây, quan giữ ngự uyển đem dâng các thứ quả và hoa thơm, Ngài bèn dạy dọn dẹp ngự uyển, Bồ Tát thấy xoài chín mong được dùng. Nơi đây có một cây có trái và một cây không trái. Quan ngự uyển bẻ xoài chín dâng đến đức Bồ Tát. Đức Thứ vương "DĪGHÀVUKUMÀRA" (con Ngài) và các quan thấy thế, họ tranh nhau bẻ ăn, làm cho cây xoài có trái trở nên trụi. Sau khi ngắm cảnh vật ngự uyển xong. Bồ Tát trở về ngang qua cây xoài có trái chín lúc này, bây giờ rụng lá, gãy cành, còn cây không trái vẫn sum suê tươi tốt.

Đức Bồ Tát hỏi: - Vì nhân nào mà trong hai cây xoài, một cây trụi, một cây thì cành lá xanh tươi?

Các quan tâu: - Cây xoài có trái, sau khi Hoàng Thượng đã thọ trái rồi, quan quân đồng nhau tranh giành hái bẻ, nên phải bị trụi lụi, cây kia không trái nên còn nguyên.

Được nghe như thế, Bồ Tát bèn than rằng : "Ôi! Cây xoài có trái khác chi sự nghiệp Đế Vương. Ta ngồi trên Ngai vàng, cũng như cây xoài có trái, biết bao kẻ nghịch đã trực sẵn giết hại ta. Nếu ta muốn khỏi người thù oán, thì

nên xuất gia tìm đạo, mới được an nhàn như cây xoài không trái, nhành lá vẫn xanh tươi".

Xét vậy, đức Bồ Tát liền cho đòi quan đại thần vào rồi phán: "Từ nay chỉ cho một người mỗi bữa đem thực phẩm, nước dùng và tắm xía răng cho Trẫm mà thôi, về việc triều chính, các người đảm đương như cũ. Chẳng nên cho ai vào châu ta, vì ta định tu hành".

Đáng thương xót cho triều thần lẫn dân gian, không được gần Thiên nhan, họ than van hoài cảm. Họ đồng nhau hỏi thăm người dâng cơm cho Bồ Tát mỗi ngày, có thấy Ngài nói lời chi chẳng?

Quan hầu đáp: - Phần nhiều chỉ thấy Ngài nín thinh

Đôi khi Ngài nhớ đến đức Độc giác là một vị sa môn ngu trong lâm sơn thanh vắng, mới là hạnh phúc cao thượng. Các Ngài không còn bận lòng lo đến thế sự hảo huyền, cũng không bị phiền não cuốn lôi trong đường tội lỗi. Các Ngài chỉ tham thiền, quán tưởng ...

"Ôi! Tôi xin hết lòng thành kính lễ bái các Ngài.

"Ngẫm nghĩ đến cuộc đời vô thường, thật là đáng chán.

"Ôi! Bao giờ ta mới được xuất gia, ra khỏi đèn vàng, vào tu trong non tuyết lãnh, cho tâm thần được an tĩnh.

"Ôi! Bao giờ ta mới thoát ly ngôi rồng gác tía, quan quân, bà la môn, cung phi mỹ nữ, họ làm cho ta phải bận lòng mệt trí. Bao giờ sự đi đứng, đó đây một mình, không người ràng buộc sẽ được kết quả đến ta.

"Ôi! Giờ nào ta mới được xuất gia, cạo tóc, mặc y casa, mang bát, đi khát thực tự do theo ý chí ta.

"Ôi! Bao giờ ta được đi trì bình, khát thực trong mùa mưa liên tiếp 7 ngày, dù y bị ướt ta cũng không quên đi khát thực!

"Ôi! Khi nào ta mới có sự tri túc, không thương tiếc sự vật, lìa cây này, đến bóng cây khác, ra khỏi rừng kia, sang rừng nọ, từ thạch động này tìm đến hang đá khác, chỉ trải đi một mình, không còn lo sợ chi cả! Dù ngũ dục hoặc cuộc giàu sang đến đâu ta cũng chẳng màng!"

Đức Bồ Tát ngự trong cung cấm tu hành được 4 tháng như vậy. Một hôm, Ngài dạy quan hầu đến chợ mua y casa và bình bát đem về dâng Ngài, đừng cho một ai hay biết. Ngài mặc y, mang bát lấy làm thỏa thích và tuyên ngôn rằng: AHO SUKHAM PARÀMAM SUKHAM. Sự xuất gia này là hạnh phúc thực, hạnh phúc cao thượng thật. Trọn đêm mặc y casa, đến sáng sớm Ngài ngự ra khỏi thành.

Hoàng Hậu SIVALÌ, vì quá thương nhớ vua, liền cho đòi cả bảy trăm phi tần, dạy phải trang điểm xinh đẹp, để vào hầu vua sáng mai này. Các nàng ráng làm thế nào, để cám dỗ Đức vua ở trong đời. Sáng ra, Hoàng Hậu và các phi tần đồng nhau vào thành nội, đang lên thì đức Bồ Tát ngự xuống. Thấy mặc y mang bát tướng là đức Độc giác đến dạy đạo, nên các bà không để ý. Khi lên tận tầng trên, thấy tóc cạo bỏ đó và long bào, ngọc bảo cởi để lại long sàng, mới rõ khi nãy không phải là đức Độc giác, mà là Đức vua. Hoàng Hậu cùng cung phi lập tức chạy theo, để nài nỉ, cầu khẩn Bồ Tát trở lại. Thương thay! Hoàng Hậu cùng cung phi theo sau khóc than rằng: "Hoàng Thượng ôi! Ngài nữ nào đành bỏ chúng tôi, không nơi nương tựa, không còn ai dạy bảo lẽ phải lời ngay, hết lòng thương xót, cứu vớt như Hoàng Thượng! Muôn tâu Hoàng Thượng! Khẩn lạy Ngài trở về cùng chúng tôi, tội nghiệp. Nếu mất Ngài, chúng tôi không an thân được!". Khóc than, kể lể làm ồn ào náo động cả xứ. Chúng dân hay rõ câu chuyện, cũng đều cảm động khóc theo các cung phi. Hoàng Hậu và các cung phi theo kịp vua, đồng quì lạy khẩn cầu, than khóc trước mặt Ngài "Xin Hoàng Thượng trở lại". Nhưng đức Bồ Tát không đáp, cũng không ngó đến ai, vẫn tiến hành tự nhiên.

Hoàng Hậu nghĩ ra kế, bảo các quan trở về cho quân gom cỏ khô, vật cũ, đốt cháy tung bùng trong đền, rồi kêu la cầu cứu rằng: "Đền vua bị cháy". Hoàng Hậu thừa dịp ấy, quỳ tâu rằng: "Tâu Hoàng Thượng, xin Ngài nhìn xem, lửa cháy đổ trời tại hoàng cung. Cầu Hoàng Thượng từ bi trở lại coi chữa lửa rồi sẽ ngự đi". Than van thế nào, Bồ Tát vẫn làm ngơ không đáp, không hỏi thăm, cũng không liếc xem. Thấy vậy, dân gian đồng chê trách Bồ Tát rằng: "Lửa cháy thành như thế, mà Đức vua đành lãnh đạm, không nghĩ tưởng thương xót chúng dân đau khổ; dù Hoàng Thượng có ngự đi nơi nào chẳng nữa, cũng nên về chữa lửa rồi sẽ đi, cũng không trở ngại". Tiếng la khóc càng vang rền: Lửa cháy đến kho vàng, kho báu, kho lương thực, mà Đức vua cũng không dừng bước. Triều thần và dân chúng đồng khẩn cầu, nhất là Hoàng Hậu và cung phi lẫn theo chân, vật mình than khóc rất thảm đạm rằng: "Xin Hoàng Thượng từ bi thương xót, trở về cứu độ chúng tôi". Đức Bồ Tát trả lời rằng:

"YE TAN NO NATTHI KINNCĀNAN.... Người nào không có phiền não, không bị phiền não dục và vật dục chi phối, kẻ ấy sống được hạnh phúc.

"Như ta, không bận vì phiền não, ta đây là người xuất gia, chẳng có chi là của cải, dù thành nội kia bị cháy tiêu tan, cũng chẳng can chi đến ta, chẳng có một vật gì của ta bị cháy cả."

Nói xong, Bò Tát ra cửa bắc rồi tiến hành. Hoàng Hậu bèn bày kế: Dạy các quan giục quân giả làm giặc đến cướp phá hoàng cung, rồi cho quân phi báo rằng: "Tâu Hoàng Thượng, nay có quân cướp giết người đoạt của rất nhiều". Hoàng Hậu đến quỳ tâu: "Bây giờ, có nhiều kẻ cướp, suy mưu làm loạn, đoạt kho tàng, sát hại lương dân, lấy ngọc ngà châu báu, thành phố phải hư hại, nhân dân chịu nạn cướp bóc khổ sở vô cùng, Hoàng Thượng đành lòng nào sống một mình, mà để nhân dân phải chịu khổ. Xin Hoàng Thượng mở lượng từ bi thương xót, trở về trừ bọn cướp trước, rồi sau sẽ ngự đi cũng chẳng muộn". Bò Tát biết rõ là mưu kế của Hoàng Hậu, Ngài ngâm câu kệ rằng:

"SUKHAM VAJAVÀPA YESAM NO NATTHI KINCANAM... SIVALÌ này! Người không bị phiền não dục và vật dục chi phối, người ấy hằng sống được an vui.

"Nhu hôm nay, ta không bận vì phiền não đã là kẻ xuất gia vô tài sản, dù kẻ cướp đoạt hết thành MITHILÀ cũng chẳng có một vật gì là của ta cả.

"Chúng cũng chẳng cướp được một vật gì của ta, bởi ta thường được phi lạc, dùng phi lạc làm thực phẩm, như các vị Phạm Thiên no lòng nhờ phi lạc. Chư Phạm Thiên nhập định và ở được an vui nhờ thiên định thế nào, ta cũng được an vui như thế ấy."

Bò Tát giảng giải thế nào, cũng không một ai chịu bỏ Ngài, họ vẫn theo bèn gót không ngừng nghỉ. Khởi kinh đô, lối hai ngàn thước, Bò Tát muốn cho quần thần và Hoàng Hậu, cung phi trở về, nên Ngài lấy gạch một đường ngang qua con lộ làm dấu, xong Ngài phán hỏi các quần thần:

- Đây là đất của ai?

Tâu: - Của Hoàng Thượng

- Vậy kẻ nào qua khỏi hoặc làm mất dấu hiệu này, Trẫm sẽ chiếu theo luật hình mà trị tội.

Nghe như thế, không ai dám vượt qua khỏi, hay làm mất dấu gạch ấy. Mọi người thấy vậy, nhào lăn, khóc than thảm đạm tại nơi đây. Còn Hoàng Hậu thì không dám theo vì quá nể lệnh vua, nhưng lại sợ mất người đáng kính mến, nên bà gieo mình vật vã khóc than, thật đáng thương hại. Vì quá quý mến, Hoàng Hậu không còn sợ chi liền đứng dậy chạy riết theo đức Bò Tát. Quần thần cho rằng Hoàng Hậu đã lấp mất dấu gạch rồi nên đồng chạy theo sau. Bò Tát nhắm hướng bắc đi ngay vào núi Tuyết Sơn. Hoàng Hậu dẫn đường quan quân đi theo Bò Tát đến 20 do tuần.

Thuở đó có một vị đạo sĩ danh là NÀRADA. Đạo sĩ ngụ trong thạch động Tuyết Sơn, khi xuất định đạo sĩ tuyên minh rằng: "Ôi! Thật là hạnh phúc cao thượng, hạnh phúc thật". Đạo sĩ nghĩ rằng: Trong đời này ai có chí hướng tìm hạnh phúc như vậy chăng? Đạo sĩ biết có đức Bồ Tát MAHÀJANAKA là dòng dõi của bậc Toàn giác, đang xuất gia tìm đạo thanh cao, nhưng khó làm cho Hoàng Hậu và đại chúng trở về được sợ Ngài thôi chuyển. Vậy, ta nên đến đó giúp cho Ngài càng phát đức tin trong sạch. Vị đạo sĩ bèn vận thần thông bay đến, ngồi trên hư không, trước mặt Bồ Tát, rồi thốt rằng:

KIM MAHESO MAHÀGHOSO KANUGÀMEVA KIRIYÀ
SAMANATANEVA PUCCHÀMI HATTHESOBHISATO JANOTI

"Này thầy Sa môn thọ thọ trì phạm hạnh pháp! Tôi xin hỏi: "Do nhân chi mà đại chúng theo dính người, có cả tiếng ngựa, xe, rộn rục như cuộc đại lễ trong kinh thành? Này thầy Sa môn. Quần chúng theo hộ vệ đến đây là thế nào?"

- Bạch đạo sĩ, Ngài đã rõ rồi, tiếng họ than van vì Đức vua MAHÀJANAKA bỏ ngôi vàng, xuất gia hành đạo. Bạch Ngài, nay tôi lìa để vị để tu phạm hạnh. Bậc trí tuệ không ưa thích sự huyên náo, không thương tiếc chỗ ăn ngon, ngủ kỹ, để tìm trí tuệ sáng suốt, tôi đây cũng thế. Nay tôi cũng chưa hoàn toàn xuất gia, vì còn bị đại chúng ràng buộc, họ muốn cho tôi trở về trị vì như trước, nên họ mới theo khăn cầu tôi.

- Này thầy sa môn! Ngươi không nên cho mình vớt khỏi phiền não. Bậc xuất gia chẳng phải chỉ mặc y casa, cạo tóc đó đâu, chưa lìa được lưới phiền não đâu? Phiền não làm hư hại đường trời, người.

- Bạch Ngài, tôi từ bỏ ngai vàng, chẳng mong được ngủ dục ở cõi người và trời, như thế còn có chi nguy hiểm đến tôi nữa chăng?

- Này thầy sa môn! điều nguy hiểm trong thân thể của ngươi, sẵn chờ cám dỗ ngươi chẳng ít.

- 1) Tình trạng ngủ ngủ, thức thức là điều nguy hiểm.
- 2) Lười biếng là điều nguy hiểm.
- 3) Tình trạng mơ màng, ưa thích ngủ dục là điều nguy hiểm
- 4) Tình trạng ưa thích nhục dục là điều nguy hiểm.
- 5) Tình trạng ham ăn là điều nguy hiểm.

Này sa môn! Ngươi có tướng mạo đẹp như vàng, khi cho họ hiểu rằng ta là vua, bỏ ngôi tìm đạo, họ dâng thực phẩm quý đây bát, thọ thực no đủ, xong ngủ mê và ngáy, đến lúc thức lại không dậy, trở ngủ nữa. Ngủ rồi thức, thức

rồi ngủ như vậy là điều nguy hiểm, làm cho thói bộ sự xuất gia. Ngủ ngủ, thức thức như vậy là nhân sanh lười biếng, không quét chỗ ngủ, không xách nước để dùng, dần dần sẽ sanh dục tư duy¹³ là nhân chán nản trong sự xuất gia. Tất cả điều nguy hiểm đó, đều phát sanh do ăn no ngủ kỹ.

Này sa môn! Không nên cầu thả, tưởng rằng ta có tăng tướng rồi là vượt khỏi hẳn phiền não đâu?

- Bạch đạo sĩ, Ngài đến đây thức tỉnh tôi, thật là hân hạnh vô cùng. Bạch Ngài, xin cho tôi biết quý danh của Ngài?

- Pháp danh tôi là NÀRADA đạo sĩ.

- Vì thấy thầy là bậc cao quý, sẽ đem những lợi ích đến chúng sanh sau này, nên tôi mới gặp thầy. Này sa môn! Chẳng nên ưa thích nhục dục, chẳng nên chán nản trong sự xuất gia, hãy cố gắng tinh tấn, phát tâm hoan hỉ thực hành Chánh Pháp cho đến ngày mãn nguyện.

Này sa môn! Thầy nên tinh tấn tu pháp "Tứ vô lượng tâm"¹⁴ đừng bỏ qua. Nên bỏ túc giới định tuệ, cho viên mãn, chẳng nên ngã mạn rằng ta là vị vua xuất gia tu hành, cần phải thọ trì pháp nhẫn nại, quan tâm về sự dập tắt phiền não, không nên tự cao mà hại người, phải thực hành thập thiện nghiệp, ngủ thông, bát thiền cho hoàn bị. Như thế, sự xuất gia của thầy mới đem lại nhiều kết quả tốt, không thói bộ và hối hận về sau.

Giảng giải xong vị đại sĩ từ giả trở về núi.

Sau đó có một vị đạo sĩ nữa là MITAJANA khi vừa xuất định như Đạo sĩ NÀRADA, cũng đến khuyên giáo đức Bồ Tát. Đạo sĩ hỏi: - Do thân nào mà Ngài xuất gia?

- Bạch, tôi là Hoàng Đế tại kinh đô MUTHILÀ vì xét thấy đời là khổ, chúng sanh mê đời, không thấy tình trạng vô thường của vạn vật, cho đời là vui thú hơn cả, nên say đắm cuộc đời mộng ảo. Họ gây biết bao nghiệp ác, vì lòng tham, sân thúc đẩy, rồi phải chịu hình phạt trong kiếp hiện tại, sau khi chết còn phải sa vào 4 đường ác đạo, không biết đời kiếp nào mới ra khỏi được. Bởi thấy thế, tôi phát tâm chán nản, ghê sợ không tiếc ngại vàng, của báu, vợ đẹp, hầu xinh, để tìm đường đạo đức, thoát ly thống khổ. Nếu còn quyền luyến, tôi không sao tránh khỏi như quần chúng.

Đạo sĩ MITAJANA nghe được như thế, bèn hỏi: Những lời Ngài nói đó, ai là thầy của Ngài, hay là nhờ nghe đức Độc Giác chỉ dạy?

- Bạch, tôi chưa từng nghe ai giáo huấn, vì khi còn ở ngôi báu, có ngày nọ tôi đi ngoạn cảnh, đến ngự uyển thấy hai cây xoài: Cây có trái bị trơ trụi, cây không trái còn nguyên.

Tôi xét nghĩa rằng: Sự nghiệp Đế Vương của tôi, ví như cây xoài có trái, sẽ bị nhiều người tranh giành mai hậu. Kẻ vô tài sản như bậc xuất gia, tam y, quả bát, không nhà không cửa, thì hằng được an vui nhà cây xoài không trái, vẫn được xanh tươi. Tôi đem mình so sánh với hai cây xoài nên sanh lòng chán nản xuất gia như vậy: Bạch Ngài người giết cọp vì muốn được da, sát voi mong được ngà, hại người mong được của. Gia chủ không trí tuệ, ở một mình ắt bị kẻ nghịch sát hại, bằng có pháp trí tuệ thì hằng được vui, như cây xoài không trái; của cải nhiều thì lo nhiều, bị nhiều người ganh ghét oán thù. Hạng xuất gia chơn chánh là hạnh phúc thật. Vì thế tôi mới bỏ đế quyền, tìm tu một mình trong nơi thanh vắng. Bạch Ngài, hai cây xoài đó là thầy tổ của tôi, dạy tôi thực hành theo bậc xuất gia như vậy.

- Nay thầy sa môn! Thầy không nên câu thả, hãy tinh tấn trợ trì pháp xuất gia cho đến kỳ cùng. Khuyên Bồ Tát rồi, đạo sĩ trở về chỗ ngụ.

Thì khi ấy, Hoàng Hậu quý tâu nài nỉ Bồ Tát trở về, vì chúng dân khóc than, kể lể không ai nương nhờ, xin Hoàng Thượng hồi trào tôn vương cho Hoàng Tử rồi sẽ ngự đi xuất gia.

Bồ Tát đáp: Nay ta đã từ bỏ ngôi vàng, quan quân thân quyền không còn bận lòng một cái gì cả.

Hoàng Hậu vật mình nhào lăn khóc than rằng: "Ôi! Kiếp trước tôi đã tạo nghiệp chi mà nay phải chịu phân ly chồng vợ như vậy. Hoàng Thượng xuất gia bỏ tôi một mình, biết nương cậy vào đâu!"

- Nay SIVALÌ! Nên nghe ta chỉ giáo, người ở trong cửa cải là nhân khiến mình gây nghiệp ác. Khi nàng trở về thành tôn vương cho Hoàng Tử rồi phải giúp con trị vì trăm họ, gây thêm nghiệp thân, khẩu, ý ác, vì quyền luyến trong sự nghiệp. Ta đã dứt được tình thương nhỏ hẹp, trái đi khát thực nuôi mạng, do sự bố thí của mỗi nhà chút ít. Xuất gia là điều thoát khổ, của cải là nhân sanh những nghiệp tội. Nay SIVALÌ nàng nên suy xét...

Bồ Tát và Hoàng Hậu tranh luận nhau dài theo đường cho đến tối. Quan quân che trại cho Bồ Tát và Hoàng Hậu nghỉ. Nhưng Bồ Tát ngự đi tìm ngụ dưới bóng cây một mình.

Sáng ra Bồ Tát vẫn tiến hành, Hoàng Hậu cùng quần chúng theo sau. Đi gần đến chợ, có người nướng thịt, để sơ ý nên chó tha, chạy đến thấy Bồ Tát và Hoàng Hậu đang đi, nó sợ hoảng chạy bỏ miếng thịt lại. Bồ Tát nghĩ rằng, miếng thịt này chó đã bỏ, không còn mền tiếc như vật vô chủ, thế là vô tội, đáng cho người xuất gia dùng. Ta thọ miếng thịt này. Ngài bèn lượm miếng thịt này, phủ bụi rồi đặt vào bát, đến nơi có nước Ngài tìm chỗ để thọ thực.

Hoàng Hậu xem thấy, kể lể khóc than rằng: "Hoàng Thượng không gớm thịt của chó tha mà lượm đem dùng. Ôi! Thật là thê thảm"

Bồ Tát đáp: Nàng vô trí tuệ, đây là vật thực cao quý. Rồi Ngài tìm ngòi nơi khuất mắt Hoàng Hậu mà thọ thực. Hoàng Hậu trách Bồ Tát ăn thịt của chó tha không nhòm gớm.

Bồ Tát đáp: Này SIVALÌ! Vậy vô chủ là món trong sạch, đáng cho bậc xuất gia dùng. Trái lại vật không hợp pháp dù có giá trị dù 100 ngàn bạc thì ta nhòm gớm và hồ thẹn, không ước mong.

Đi đến trước, gặp nhóm trẻ đang chơi cát, có một em gái, một tay đeo một chiếc xuyên, tay kia đeo hai chiếc. Tay đeo một chiếc không nghe khua động, tay đeo hai chiếc thì chạm nhau nghe lạch cạch. Bồ Tát liền nghĩ rằng: Nàng SIVALÌ theo sau ta, không tốt vì phụ nữ là phiền não của xuất gia. Người đời xem thấy họ dèm siểm. Bồ Tát liền hỏi thử đứa bé:

- Này cháu! Vì nhân nào mà tay cháu đeo một chiếc xuyên không nghe kêu, còn tay đeo hai chiếc lại nghe tiếng?

Đứa bé đáp: - Vì có hai vật mới có chạm nhau ra tiếng, như có hai người sẽ có lời qua tiếng lại.

- Bạch Ngài, Ngài là bậc xuất gia, tại sao lại có phụ nữ xinh đẹp theo sau? Lệ thường, dù là em gái, người xuất gia cũng chẳng nên đi chung, chỉ đi một mình mới được trong sạch.

Bồ Tát nghe qua rất thỏa thích, bèn nói với nàng SIVALÌ: - Nàng có nghe lời trẻ em nói y như ta chẳng? Này SIVALÌ! Ta đã bị trẻ nhỏ chê trách, vậy nàng chẳng nên theo ta nữa. Đây là con đường rẽ hai, mỗi người đi mỗi ngã. Nàng vừa lòng đường nào thời cứ dời bước, ta đi đường khác. Nàng đừng theo sau tỏ ý chồng vợ cho người đời chê trách. Hoàng Hậu nghe Bồ Tát nói như thế, rất đau lòng xót dạ, nhưng cũng theo sau Ngài luôn. Đi đến một đoạn đường nữa, gặp một người thợ vót tên lấy cây vót rồi ngắm xem bằng một mắt. Bồ Tát lại gần hỏi: Nhân chi người nheo mắt lại mà nhắm cây tên?

- Bạch Ngài, nếu xem cả hai mắt, thì thấy không ngay, vì hai mắt sẽ thấy cây tên khum queo, thế nào, người xuất gia cũng nên tu một mình mới có kết quả nếu tu hành mà dẫn vợ trang điểm như thế kia, hằng có tai hại và vô hiệu.

Bồ Tát nói với Hoàng Hậu rằng: - Nàng SIVALÌ này! Có nghe thợ vót tên nói chẳng? Họ là người tay sai của ta, mà còn tỏ lời chê trách ta như thế, nàng không nên đi chung cùng ta nữa, hãy đi ngã khác đi.

Hoàng Hậu vì quá nề, vâng lời cố gắng đi riêng một đoạn đường, đau lòng chịu không nổi, liền dắt đại chúng trở lại theo sau Bồ Tát nữa. Đến gần núi, Bồ Tát bèn nghĩ là ngồi xuống nhỏ một cọng cỏ, cho Hoàng Hậu xem và thốt rằng: "Cọng cỏ này, không còn dính liền với gốc nữa được, thế nào, nàng với ta, nàng với ta cũng chẳng phải là vợ chồng nữa, như cọng cỏ ấy. Nàng đừng theo gót ta mà luông công, hãy trở về ở một mình đi, ta cũng chỉ ở riêng một mình mà thôi. Như thế, mới mong thoát khổ được. Muốn giải thoát hãy tu hành như ta vậy".

Nghe Bồ Tát nói những lời tuyệt vọng, Hoàng Hậu khóc nức nở, từ đây ta và MAHĀJĀNĀKA (Bồ Tát) chẳng còn là vợ chồng nữa, hẳn rồi. Nàng nhào lăn ra khóc thảm thương vô cùng khổ não đến bất tỉnh. Thừa dịp Hoàng Hậu hôn mê, Bồ Tát đi nhanh vào rừng sâu tuyết lạnh, tham thiền đắc định được an vui như ý nguyện. Khi hết kiếp, Ngài được sanh lên cõi Phạm Thiên. Quan quân đến nơi thấy Hoàng Hậu nằm mê trên đất, vội vã dạy người đến cứu cấp. Khi tỉnh dậy Hoàng Hậu xem tứ phía không thấy Bồ Tát bèn hỏi:

- Có ai thấy Hoàng Thượng đi nơi nào chẳng?
- Tâu lệnh bà, chúng tôi theo sau lệnh bà, nào thấy được.

Hoàng Hậu liền sai người tìm đủ các hướng, cũng không một ai gặp Bồ Tát cả. Hoàng Hậu vật mình, kêu la khóc kể thật là đau đớn, thiết tha, không sao tả xiết, ai nghe cũng đều xúc động thương tâm; cung phi, triều thần; chí dân gian đều khóc và theo bà.

Hoàng Hậu bèn dạy xây tháp để kỷ niệm và dâng hương hoa cúng dường trong các chỗ như:

- Nơi đức Bồ Tát đứng trong giờ chót.
- Nơi đức Bồ Tát hỏi người thợ vót tên.
- Nơi đức Bồ Tát hỏi đứa bé đeo xuyên.
- Nơi đức Bồ Tát nghe vị đạo sĩ NĀRĀDA giảng đạo.

Về thành, vào đến cung nội, thấy các nơi mà Bồ Tát thường đến ngoạn thưởng (ao sen, vườn hoa, hồ tắm,...), Hoàng Hậu càng nghĩ tưởng, càng khóc than thảm đạm. Sáng ra lâm triều, Hoàng Hậu truyền cho bá quan văn võ làm lễ tôn vương cho đông cung lên kế vị ; Xong, Hoàng Hậu cạo tóc xuất gia tu trong ngục uyển, thực hành theo lời dạy của Bồ Tát, tham thiền đắc định. Sau khi mệnh chung, bà được sanh lên cõi trời Phạm Thiên.

Đức Phật Tổ Thích Ca chúng ta, khi đã giảng thuyết xong tích đức Bồ Tát MAHĀJĀNĀKA, gọi chư Tăng rằng: Nay các Thầy! Như Lai chẳng phải bỏ

ngai đi xuất gia trong kiếp cuối này đâu. Thuở Như Lai là MAHÀJANAKA được kế vị rồi cũng bỏ đi tu như đã giải...

Ngài thuyết thêm pháp Tứ Diệu Đế rồi hợp Bốn sanh truyện như vậy:

TASÀ SAKKO UNUMIDDHO AKOSI, SAMU DARAKKHITÀ
DEVADHITÀ UPALAVANNÀEVA, NARADO SÀRIPUTTO,
MITÀJINO MAGGALÀNO, KUMÀRIKÀ KHEMÀ BHIKKHUNÌ,
USUKÀRO ÀNANDOCEVA, QESAPURISÀ BUDDHAPARISÀ,
SÌVALIDEVÌ RÀHULOMÀTÀ, DÌGHAVUKUMÀRO, ÀHULO,
MÀTÀPITARO MAHÀRÀJAKULÀNI AHESUN
MAHÀJANAKARINADO ÀHA MEVA SAMMÀSAMBUDDHO
AKOSÀTI.

TASÀ: - Thuở đó, đức Đế Thích nay là Tỳ khuru A Nậu Lâu Đa; nàng Thiên nữ cứu vớt nạn nhân trong biển, nay là Tỳ khuru UPALAVANNÀTHERÌ; đạo sĩ NÀRADA nay là Đại Đức Xá Lợi Phất, đạo sĩ MITÀJANA nay là Đại Đức Mục Kiền Liên, trẻ gái đạo xuyên nay là Tỳ khuru ni KHEMÀ, người thợ vót tên nay là đức ANANDA. Tất cả những người thừa lại (đã có trong câu truyện) nay là hàng Phật tử Hoàng Hậu SÌVALÌ nay là mẹ RÀHULA, DÌGHÀVUKUMÀRA nay là RÀHULA. Cha mẹ của đức MAHÀJANAKA nay là đức Tịnh Phạn Vương và Hoàng Hậu MÀYÀ. Còn MAHÀJANAKA nay chính là đấng Chánh đẳng Chánh Giác tức là Như Lai đây.

---o0o---

[05] - SUVANNASÀMA JÀTAKA - TRUYỆN SUVANNASÀMA (BỒ TÁT TU HẠNH BÁI ÁI BA LA MẬT)

Thuở nọ, đức Thế Tôn ngụ tại Kỳ viên Tịnh xá của trưởng giả Cấp Cô Độc, vì lòng từ bi về lời thỉnh cầu của chư Tăng mà giảng thuyết rằng:

ATITE KÀLE BHIKKHAVE... Nay các thầy Tỳ khuru! Trong kiếp quá khứ, tại thủ đô BÀRÀNASÌ có Đức vua KARALYAYAKSA trị vì, quốc dân được an vui lạc nghiệp.

Thuở ấy, có hai ngư ông ngụ hai bên bờ một con sông kết bạn thân cùng nhau, hằng ngày thường lai vãng thăm viếng và có hứa cùng nhau rằng, nếu một bên sanh con trai, một bên sanh con gái, thì sẽ làm thông gia. Không bao lâu, hai người vợ của hai bạn ngư ông, một người sanh con trai, một người đẻ con gái. Cha mẹ bên gái đặt tên con là PÀRIKÀKUMARÌ, bên trai đặt danh con là DUKURAKUMÀRA.

Khi hai con đến tuần cập kê, cả hai đều có nhan sắc xinh đẹp. Một hôm, cha mẹ cô PÀRIKÀ, hỏi con rằng: "Cha mẹ đã hứa từ lâu sẽ làm sui với người bạn bên kia sông. Nay con đã lớn khôn, cha mẹ định gả con cho cháu DUKURAKUMÀRA là con của ngư ông ấy, con nghĩ thế nào?"

Nàng PÀRIKÀ nghe cha dạy như thế, bèn nghĩ rằng: Cha mẹ ta là dòng dõi làm nghề sát sanh để nuôi sống, không hổ thẹn và ghê sợ tội, nếu ta nghe theo, ta cũng sẽ là hạng ngư ông, sau chết không khỏi sa trong ác đạo, phải chịu khổ nhiều đời kiếp. Nàng thưa rằng: "Con không ưa thích làm nghề sát sinh đâu". Cha mẹ nàng thấy vậy nín thinh.

Về DUKURAKUMÀRA, cha mẹ chàng cũng khuyên chàng cưới cô PÀRIKÀ, DUKURAKUMÀRA nghĩ rằng: Cha mẹ ta chỉ biết làm nghề ác, nếu ta nghe theo ắt không tránh khỏi chịu quả khổ trong địa ngục. Vạn vật trong đời toàn là vô thường vắn vỏi, ta ưa thích phụ nữ làm gì! Ta hãy xuất gia tu hành thoát khỏi phiền não. Chàng thưa với cha mẹ, xin cho phép chàng xuất gia tìm đạo.

Sáng hôm sau, vị thanh niên DUKURAKUMÀRA dậy sớm suy nghĩ rằng: Ta không vừa lòng thương tiếc trong phiền não dục, theo lời chỉ giáo của cha mẹ ta. Nhưng không rõ tâm của nàng PÀRIKÀ ra sao, vậy ta nên gửi thư hỏi thử ý kiến nàng xem, rồi chàng liền viết thư như vậy:

"Này nàng thanh nữ PÀRIKÀ, nàng có sắc lịch thiên hương. Cha mẹ nàng vui lòng gả nàng cho ta. Ta không ưa thích tình dục, mong dứt bỏ phiền não để tránh khỏi địa ngục. Vậy nàng nghĩ thế nào?" Viết xong bảo kẻ ở chuyển giao đến nàng PÀRIKÀ.

Xem qua thư của DUKURAKUMÀRA, nàng khen rằng: Chàng thanh niên này cũng có chí hướng như ta. Vậy sau khi làm lễ thành hôn ta sẽ tu hành, được dễ dàng hơn. Vị DUKURAKUMÀRA được thư trả lời như ý muốn, hết lòng hoan hỷ.

Sau khi đã hành lễ cưới rồi, mỗi người đều giữ bốn phận ngũ riêng khác với thường nhân. Ngày nọ, vợ chồng bèn bàn cùng nhau, nếu ta ở chung với cha mẹ ta là người sát sanh như vậy, ta phải tùy cha mẹ, rồi bị sa địa ngục. Vậy ta hãy xin phép cha mẹ cho chúng ta vào non tu luyện, mới mong thoát ly ác đạo được.

Sáng ra hai vợ chồng DUKURA đến lạy xin phép cha mẹ đi xuất gia vào rừng. Cha mẹ không vui lòng và nói rằng: "Hai con nên ở nhà rán tập rèn nghề nghiệp cho thuần thực, để nuôi mạng như cha mẹ, có hay chăng? Hai con không phải là kẻ tê bại chân tay mà bỏ nghề của cha mẹ".

DUKURA nài nỉ rằng: "Chúng con không dám hành nghề sát sanh, vì sự giết hại sanh linh rất là tội lỗi, sau khi chết phải chịu khổ trong địa ngục, không ai cứu vớt được"

Nghe con nói như vậy cha mẹ càng nổi giận mà mắng rằng: "Hai con là kẻ lười biếng. Vậy hai con muốn đi thì cứ đi, và từ đây đừng trở lại nhà này nữa". Được cha mẹ cho phép, vợ chồng DUKURA rất hoan hỷ, lạy từ tạ cha mẹ, rồi đồng nhau vào rừng hành đạo.

Sự xuất gia của DUKURA và nàng PÀRIKÀ rất trong sạch, phát sanh lẽ cảm ứng đến đức Đế Thích, Ngài biết rõ tự sự, bèn sai một vị trời xuống tế độ vợ chồng DUKURA. Vị trời ấy xuống phía trước gần nơi đó, biến ra hai tịnh thất nhỏ, rồi đề chữ trước thất rằng: Nếu người nam nữ nào đã phát nguyện làm đạo sĩ, hãy vào đây ngụ được tự do như của mình, vị trời ấy bay về tâu cho đức Đế Thích rõ.

Vợ chồng DUKURA đi đến hai tịnh thất, có đủ phụ tùng, nhìn lên thấy bảng đề lấy làm vui thích, rồi nguyện làm đạo sĩ, tu phạm hạnh không nhớ tưởng đến vật dục phiền não dục nữa.

Thời gian qua, trời Đế Thích xét thấy không bao lâu, vợ chồng đạo sĩ sẽ bị mù. Ngài từ bi hiện xuống tế độ, Ngài khuyên hai đạo sĩ nên xa giới ở với nhau cho có con, để sau này nhờ con phụng dưỡng, trong khi già yếu bệnh tật. Vợ chồng đạo sĩ không thuận theo lời khuyên, vì mong thọ trì phạm hạnh cho được trong sạch, mặc dù bị nghiệp dữ đến cho quả. Đức Đế Thích bèn khuyên rằng: "Ngài có thể rời bụng cô đại sĩ ba lần, được chăng?". Ông đạo sĩ đồng ý, nên làm thỉnh.

Đức Đế Thích hiểu ý ông đạo sĩ khứng chịu, bèn trở về Đạo Lợi thiên cung, thỉnh đức Bồ Tát giảng sanh.

Vị đạo sĩ nhớ làm theo lời dạy của đức Đế Thích thì cô đạo sĩ thọ thai. Đến kỳ khai hoa sanh ra được Bồ Tát, có Chư Thiên hiện xuống hộ trì săn sóc, tắm rửa cho đức Bồ Tát mỗi ngày, Bồ Tát lên 7 tuổi, đạo sĩ đặt tên là SUVANNASÀMA. Mỗi ngày, đạo sĩ vào rừng hái trái về nuôi Bồ Tát. Lúc sau, Bồ Tát xin theo, để giúp đỡ cha mẹ, được 7 ngày, đạo sĩ dạy Bồ Tát ở nhà, không cho theo nữa.

Một ngày nọ, vợ chồng đạo sĩ vào rừng hái trái, bị cơn mưa to, nên tìm chỗ đụt nơi một gò mồi cao ráo. Lúc ấy có một con rắn độc, xịt nọc ra làm nhắm mắt của hai đạo sĩ đều mù cả. Không thấy đường về, phải bơ vơ trong rừng. Đây là cái quả của tiền nghiệp mà hai đạo sĩ đã tạo, từ kiếp trước cho thuốc trị mắt bệnh nhân, khi mắt đã lành, mà họ nói là chưa vì không muốn trả tiền công. Hai vợ chồng thầy thuốc bất bình, chế thuốc độc nhỏ vào mắt, làm cho

bệnh nhân phải mù. Do tiền nghiệp đó mà phải chịu quả khổ, mù mắt cả vợ lẫn chồng.

Thấy trời chiều mà cha mẹ chưa về, Bồ Tát đi tìm gặp mẹ cha bị mù lòa, đang bói rói trong rừng, biết rõ nguồn cơn. Ngài than van kể lể, thương xót cha mẹ vô cùng, xong dẫn hai thân về tịnh thất.

Từ đó, Bồ Tát hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Ngài cất nhà tám, cầu xí, gánh nước sẵn cho cha mẹ cần dùng và luôn luôn Ngài niệm pháp bác ái. Mỗi ngày vào rừng hái trái ngon ngọt dâng cha mẹ. Những loài thú thấy Bồ Tát có tính hiếu đạo, nhất là từ bi đối với mọi loài, nên hằng theo chung quanh Ngài; khi vào rừng, lúc đi gánh nước, chúng không lìa Ngài.

Thử đó, Đức vua KARALIYAKSA trị vì trong kinh đô BÀRÀNASI, nhân dân được an cư lạc nghiệp, nườm giàu, dân mạnh, nên Đức vua cầu thả, chỉ biết say mê tử sắc quên nghĩ đến tội phước chánh tà. Đức vua nghĩ rằng Trẫm ngự trong đền không có chi là phi thường, để Trẫm vào rừng bắn thú cho mọi người rõ tài năng của Trẫm. Ngài vào tâu, xin phép vua cha và mẫu hậu. Được lệnh Phụ Vương phê chuẩn, Đức vua KARALIYAKSA vào rừng săn bắn. Đi đến gần một rạch nước trong có rất nhiều thú rừng, Ngài thấy có các loài thú, lần lượt theo một thanh niên, mang thùng đi gánh nước. Đức vua lại gần thấy Bồ Tát rất đẹp trai, định hỏi thăm, song nghĩ rằng nếu ta lên tiếng, bày thú chạy tan thì bắn sao được, khi trở về đền vua cha hỏi, có thịt thú lạ đâu mà dâng. Nghĩ thế Ngài bèn giương cung bắn trúng Bồ Tát té nhào. Vì tên có tẩm thuốc độc, làm cho Bồ Tát rất đau đớn. Ngài nghĩ phải chịu quả khổ của nghiệp ác đã tạo, Ngài không nên oán trách ai và cất tiếng mời người nào đã bắn tôi xin lại đây cho tôi tỏ vài lời.

Đức vua KARALIYAKSA nghe lấy làm lạ, người bị nạn đã không oán giận, mà lại còn mời ta đến để nói chuyện. Vậy ta nên đến đó xem. Đức vua nghe Bồ Tát than rằng: Ai là người giết tôi? Từ khi tôi sanh ra đến nay được 16 tuổi, cha mẹ tôi và tôi chẳng bao giờ làm điều ác. Nay tôi phải chịu chết đã đành, nhưng rất thảm thương, cha mẹ tôi đều mù quáng biết lấy ai nương nhờ. Ông là ai mà đến đây hại tôi thế này?

- Ta là Hoàng Đế trong thủ đô BÀRÀNASI, vì ham việc săn bắn, mong tìm thịt thú, mà lỡ tay nhằm cháu, thật Trẫm không có ý đâu.

- Đại Vương đã bắn trúng, bây giờ lại chối, tôi đâu tin được. Ôi! Tôi phải chết, bỏ cha mẹ mù lòa biết lấy ai phụng dưỡng, thật là đáng thương xót cha mẹ tôi cô cùng.

Đức vua nghe thấy lời than van của Bồ Tát, lấy làm động lòng, chua xót nói rằng: Thôi! Cháu an tâm, để ta tìm đến chỗ ở, phụng sự hai vị đạo sĩ thay thế cháu, đến trọn đời của ta.

Bồ Tát nghe đến đây phát tâm hoan hỷ, bèn tỏ lời Sàdhu¹⁵ rồi tắt hơi.

Lúc đó, có nàng Thiên nữ tên SUNADARÌ, ngự trên cây gòn ấy. Nàng thường hộ trì Bồ Tát, song lúc Bồ Tát bị tên nàng mắc đi dự hội nên vắng mặt. Khi trở về nàng thấy Bồ Tát chết liền trách Đức vua bằng nhiều lời rằng: Đức vua sao không ghê sợ tội lỗi. Ngài sẽ sa địa ngục chẳng sai. Bồ Tát đây là người rất hiếu thuận hết lòng phụng dưỡng mẹ cha, là hai vị đạo sĩ, không rời. Đức vua phạm tội như vậy, không sao tránh thoát quả khổ.

Đức vua KARALIYAKSA nghe tiếng mà chẳng thấy người, biết rằng là Chư Thiên, tinh thần hoảng hốt và cảm thương hại Bồ Tát. Ngài đến gần thì hài Bồ Tát mà khóc than, rải hoa cúng dường. Ngài nguyện phải phụng dưỡng hai đạo sĩ ấy thế Bồ Tát. Đức vua gánh nước về đền tịnh thất và thưa với hai đạo sĩ rõ tự sự. Hai đạo sĩ kể lẽ khóc than, rồi yêu cầu Đức vua dẫn đến chỗ Bồ Tát chết. Đến nơi, hai đạo sĩ vuốt ve con và phát nguyện rằng:

YENA SACCENA YAN SÀMO DHAMAMACÀRÌPURE AHU ETENA SACCAVAJJENA, VISANSÀMASSA HANNATÙTI.

Con chúng tôi thực hành phạm hạnh pháp trong sạch, gồm có bác ái pháp, là người hiếu đạo, là nơi thương yêu của cha mẹ, thật là bậc tu hạnh bác ái. Do lời thành thật này, xin cho thuốc độc tiêu tan khỏi mình SUVANNASÀMA con chúng tôi lập tức.

Vị Thiên nữ cũng nguyện:

NA ME PIYATARO KOCIANNO SÀMEHI VIJJATI, ETENA SACCAVAJJENA VISANSAMASSA HANNATÙTI.

Tôi ngự trên núi GANDHAMÀDANA đã lâu, đạo sĩ SUVANNASÀMA người của tôi vừa lòng thương mến, không ai bằng. Do lời chân thật này, xin cho thuốc độc tiêu tan khỏi mình đạo sĩ tức khắc.

Nhờ đức tu trong sạch và tiền nghiệp đã hết, nên khi đó thuốc độc không làm hại được. Tức thì Bồ Tát sống lại, luôn cả mắt của hai vị đạo sĩ cũng được sáng tỏ như xưa, thật là hạnh phúc biết bao.

Sau khi đó, bèn đem nhau trở về tịnh thất. Đức vua cũng về theo và xin thọ giới tu theo Bồ Tát và hai đạo sĩ.

Khi đức Thê Tôn dẫn tích DUKURA, rồi Ngài giảng tiếp rằng: Đạo sĩ KUDURA nay là KASAPA¹⁶, cô đạo sĩ PÀRIKÀ nay là VAHAKÀPILÀ Tỷ

khuru, SUNADARÌ nay là VADHAKÀPILÀ Tỳ khuru, Ngài SUVANNASÀMA Bò Tát tức là Như Lai đây.

---o0o---

[06] - NEMIRÀJA JÀTAKA - TRUYỆN NEMIRÀJA (BÒ TÁT TU HẠNH QUYẾT ĐỊNH BA LA MẬT)

Thuở nọ, đức Thế Tôn ngự nơi vườn xoài của Đức vua MAGHADEVARÀJA tại kinh đô MITHILÀ, Ngài thán rằng: "Này ANANDA! đây là kinh đô mà ngày xưa Như Lai đã sanh ra là Hoàng Đế MAGHADEVARÀJA", rồi Ngài nín thính.

Đức ANANDA bèn quỳ bạch, cầu đức Thế Tôn từ bi giảng tiếp cho chúng tôi nghe.

Đức Phật thuyết rằng: ATÌTE KÀLEBHIKKHAVE... Này các thầy Tỳ khuru! Trong thời quá khứ, Như Lai sanh ra là Hoàng Đế MADHADEVARÀJA, thống trị tại thủ đô MITHILÀ này, tuổi thọ rất lâu. Nhưng Hoàng Đế đó không say mê danh lợi, có bảo người thợ cạo nhớ, khi thấy có một sợi tóc bạc thì cho Ngài hay.

Một hôm, người thợ cạo nhổ tóc bạc trình bày, Ngài bèn ban thưởng thợ cạo, rồi dạy Hoàng Tử vào để truyền ngôi báu. Trước khi ra đi xuất gia hành đạo. Ngài dặn dò Hoàng Tử rằng: Khi thấy có tóc bạc, con nên xuất gia ngay, đừng quên, con chớ bỏ qua tục lệ nhà ta. Vua cha dạy xong cạo tóc mặc y, tu đạo sĩ tham thiên tứ vô lượng tâm. Sau khi tan rã ngũ uẩn Ngài được sanh lên cõi Phạm Thiên.

Hoàng Tử nối ngôi, khi được biết có một sợi tóc bạc, cũng xuất gia theo lời vua cha dạy bảo. Các con cháu phụng truyền tử như vậy được tám ngàn bốn trăm vị.

Đức vua xuất gia trước hết là MAGHADEVARÀJA khi đã sinh lên cõi Phạm Thiên, xét thấy dòng dõi ta đã tu hành theo tục lệ, trải qua được tám ngàn bốn trăm vị nay còn 2 vị nữa sẽ không theo thói cũ, như thế sẽ mất dòng họ nhà vua và mất cả điều hạnh phúc. Vậy ta nên giáng sanh để nối dòng ngõ hầu tiếp độ quần sanh. Lập tức Ngài xuống thọ thai vào lòng Hoàng Hậu. Đến ngày khai hoa là một Hoàng Tử xinh đẹp khác thường, màu da như vàng. Nhà chiêm tinh của vua cha xem tướng và tâu rằng: "Hoàng Tử có tướng rất quý, sau này sẽ nối dòng vua được lâu dài, là nơi chí ông cha xuất gia tìm đạo". Vì thế nhà vua đặt tên là NEMIRÀJAKUMÀRA.

Khi được lên ngôi cửu ngũ, đức NEMIRÀJAKUMÀRA Bò Tát dạy cát 5 phước xá (tại 4 cửa thành và một giữa đền) trữ sẵn vật dụng thí cho mọi

người cần dùng, mỗi ngày 5 ngàn lượng. Ngài thọ trì ngũ giới và bát quan trai giới rất trong sạch. Ngài dạy về tội phước chánh tà, làm lành được vui, gây dữ chịu khổ. Dân gian đều hoan hỷ hưởng ứng theo lời dạy của Ngài nên sau khi mệnh chung đều sanh lên Thiên cung cả.

Những người được sanh lên cõi trời nhiều vô số, và thường hội họp nhau, tán dương công đức của vua NEMIRÀJAKUMÀRA Bồ Tát rằng: "Tất cả chúng ta đều nhờ đức Bồ Tát chỉ dạy tu hành, nay mới được hưởng quả vui như vậy. Thật hiếm có người đức tính như Hoàng Đế NEMIRÀJAKUMÀRA Bồ Tát này. Đến ngày bát quan trai giới, đức NEMIRÀJAKUMÀRA Bồ Tát nguyện thọ trì rất trong sạch, Ngài hằng suy nghĩ không biết giới và bố thí điều nào cao quý hơn. Ngài tìm hiểu mãi không ra, khiến cho đức Đế Thích khó chịu, rồi xét biết. Đức Đế Thích bèn hiện xuống, ngự trên hư không cho đức NEMIRÀJAKUMÀRA Bồ Tát thấy, Bồ Tát bèn hỏi: - Ngài là ai xin cho Trẫm rõ?

- Ta là vua trời, đến đây để giải đáp câu hỏi của Đại Vương.

- Tâu Đại Vương, giới và bố thí, cái nào cao quý hơn?

- Kẻ trì giới được làm người, không tà dâm gọi là giới thấp, có thể sanh vào nhà vua, được quả người như ý nguyện. Nếu trì giới mà đắc cận định, gọi là bậc trung sẽ sanh lên Dục giới thiên. Tham thiền đắc định, là bậc thượng, sẽ sanh lên cõi Phạm Thiên.

Tỳ khưu trong Phật giáo, hành đạo trì giới trong sạch, mong lên Dục giới thiên, gọi là giới thấp. Vị nào đã có giới trong sạch, cố gắng tham thiền đắc định, sẽ thọ sanh trong Phạm Thiên, gọi là giới bậc trung. Những bậc trì giới, tham thiền và quán tưởng pháp minh sát sẽ thấy rõ Niết Bàn là giới bậc thượng.

Còn những người bố thí trong sạch cũng sanh lên dục giới thiên, nhưng khó lên cõi Phạm Thiên. Song, hạng cư sĩ cần phải bố thí, trì giới mới trong sạch được.

Có tích 7 vị vua là: SÀGARA, SELA, BHAJJA, BHÀGISARA, USINARA, ATTHAKA, ASSAKA, PUTHUJANA, cả 7 vị vua cố gắng bố thí rất nhiều, sau khi thăng hà đều được sanh lên cõi Dục thiên, không thể lên Phạm Thiên giới được. Ngoài ra có nhiều vị vua tinh tấn bố thí cũng không qua khỏi đời ma quỷ, tức là Lục Dục giới thiên.

Có lời Chú giải rằng: Điều mà đức Đế Thích gọi Lục Dục giới thiên và nhân gian chỉ danh là "cõi ma quỷ" (PETA LOKA) thật là đúng lắm. Vì Chư Thiên và người đều có tâm mong mỗi ưa thích tình ái trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu đã ước mong trong ngũ dục rồi, dù không phải là lìa nơi

nương tựa cũng gọi là cô ái tử (con mồ côì cha mẹ) trong đời này. Nếu không có nơi nhờ cậy, mà không phải là ma quỷ, thì Lục Dục giới Thiên và nhân gian cũng đáng gọi là đời ma quỷ thật.

Đúng theo Phật ngôn như vậy:

YEADUTIYÀ NARAMANTI... NASUKHÀVA RAVÀ...

"Người nào ưa thích, cố gắng tìm phụ nữ, khi kiếm được đem về làm bạn trăm năm cùng nhau thì vừa lòng, nhược bằng không thì rầu rĩ. Người hạng này dù có của cải như Trời Đế Thích, được vui nhờ kẻ khác cũng đáng gọi là mồ côì thật.

Hơn nữa, kẻ nào không gặp, không thấy, không được, không tìm hương vị của phi lạc phát sanh từ cái tâm an tĩnh, tức là nhập định. Người như đây, dù có tài sản nhiều như đức Đế Thích, cũng đáng gọi là cô ái tử thật"

Đức Đế Thích giảng thuyết nhiều sự tích, đem so sánh để phá nghi Đức vua NEMIRAJAKUMÀRA cho thấy rõ rằng: Quả báo của giới, cao quý hơn phước bố thí. Song muốn trì giới được trong sạch, cần phải bố thí để dứt lòng tham lam bòn xén.

Đức Đế Thích lại dẫn thêm tính như sau.

Thuở trước, có vị Hoàng Đế trong thủ đô BÀRÀNASI, hằng ưa thích bố thí. Có một đạo sĩ thường ưa đến trì bình tại nhà vị cố vấn (PUROHITA) của Đức vua. Vị PUROHITA thấy đạo sĩ, có giới hạnh trang nghiêm bèn tín thành thỉnh vào nhà để bát luôn ba ngày. Vị cố vấn nghe được giáo lý, xin xuất gia. Đạo sĩ dạy phải chờ lệnh vua. Vị cố vấn vào đền xin, vua cho phép và dặn dò, nên trở lại tế độ Trẫm với. Vị cố vấn theo đạo sĩ tu hành chẳng bao lâu cũng đắc định, được tự do đi khát thực. Bữa nọ, vị đạo sĩ mới này, nhớ tới lời yêu cầu của Đức vua, bèn xin phép thầy vào thành trì bình. Đức vua nhìn biết rồi thỉnh vào đền nội. Khi cúng dường xong, Đức vua bạch hỏi: - Bạch đạo sĩ, Ngài ngụ một mình trong rừng hay sao?

- Tâu đại vương, trong rừng có cả 10 ngàn vị.

- Cầu Ngài thỉnh các vị đạo sĩ ấy đến cho tôi cúng dường.

- Không tiện. Các Ngài không mong hưởng thực phẩm quý, nên khó thỉnh. Nếu Đại Vương vào rừng gần đó, tôi sẽ thỉnh cho.

Đức vua hoan hỉ vâng lời, liền dạy quan quân sắm sửa đầy đủ thực phẩm quý, để vào rừng dâng cúng 10 ngàn vị đạo sĩ

Sáng hôm sau, vua đồng cùng triều thần vào đến rừng, được cúng dường như nguyện. Đức vua phát tâm trong sạch thính tất cả 10 ngàn vị đạo sĩ cúng dường mỗi ngày, như thế đến một muôn năm¹⁷.

Tâu đại vương, mặc dù Đức vua ấy có tâm trong sạch bố thí không trợn vị nào cao hoặc trung hay thấp hạ, cũng không phân giai cấp xã hội, cho rằng vị này trước nghèo, giàu hay sang hèn chi cả. Như thế, mà sau khi Đức vua đó thăng hà, chỉ được sanh lên cõi Dục giới Thiên mà thôi. Còn 10 ngàn vị đạo sĩ toàn là hạng xuất gia, song có giới trong sạch, tham thiền đắc định. Sau khi mệnh chung, các Ngài đều thọ sanh lên cõi Phạm Thiên cả.

Tâu Đại Vương, Đức vua trong thủ đô BÀRÀNASI thuở đó, chính là tôi đây. Giải cho đức NEMIRÀJAKUMÀRA biết rõ giới có phước cao quý hơn bố thí như thế, đức Đế Thích liền trở về Đạo Lợi thiên cung.

Khi về đến, thấy Chư Thiên hội họp đông đủ tại phước xá, đức Đế Thích bèn phán rằng: Các ông tụ hội nơi đây nên chú ý nghe Trẫm giảng thuyết. Trẫm xuống cõi người, để phá nghi cho Đức vua NEMIRÀJAKUMÀRA. Đức NEMIRÀJAKUMÀRA thật là một vị Hoàng Đế đạo đức, bố thí, trì giới và khuyến nhân dân lánh dữ làm lành vô số kể. Ngài là một bậc trí tuệ hiếm người sánh kịp. Ngài không phân biệt giới với bố thí điều nào cao quý hơn. Trẫm đã giải phân minh cho đức NEMIRÀJAKUMÀRA hiểu rồi, nên mới trở về đây.

Chư Thiên đồng tâu rằng: Đức NEMIRÀJAKUMÀRA là thầy của chúng tôi, nhờ Ngài khuyến bảo, chúng tôi mới tạo nhiều nghiệp lành, nên sau khi thác đều được lên Đạo Lợi Thiên cung này, hưởng phước cõi trời như mong muốn.

Tất cả chúng tôi đồng khẩn cầu Hoàng Thượng từ bi cho vị trời MÀTALI xuống rước Đức vua NEMIRÀJAKUMÀRA lên đây cho chúng tôi thấy mặt, vì chúng tôi nhớ ân đức của Ngài lắm.

Đức Đế Thích hoan hỉ nhận lời yêu cầu của Chư Thiên, đòi vị MÀTALI đến phán rằng: Người hãy đem xe Rồng xuống rước Đức vua NEMIRÀJAKUMÀRA.

Khi xe trời xuống gần tới, nhằm ngày rằm trăng tỏ, chúng dân thấy rõ xe trời bay xuống, rất lấy làm lạ, rồi chờ xem xe ấy đến. Họ tin chắc là xe trời xuống rước Đức vua, vì Đức vua chúng ta bố thí, trì giới trong sạch, trong đời chưa ai sánh bằng.

Xe trời xuống tới đền vua, vị trời MÀTALI tâu thỉnh Đức vua NEMIRÀJAKUMÀRA, theo lời dạy của đức Đế Thích.

Đức NEMIRÀJAKUMÀRA liền từ giả và dẫn triều thần, ân cần xem xét việc triều chính và thay thế Ngài làm việc bổ thí mỗi ngày, rồi lên xe trời đi cùng MÀTALÌ. MÀTALÌ tâu rằng: - Bây giờ Hoàng Thượng muốn đi ngã nào, nếu Hoàng Thượng muốn xem địa ngục, cho biết trong đó tội nhân bị hành phạt cách nào, tôi xin hộ giá đưa Ngài đi xem.

Đức NEMIRÀJAKUMÀRA đáp: Như thế, nên đi xem địa ngục trước, rồi sẽ lên Thiên cung.

Vị trời MÀTALÌ liền lái xe đi qua những địa ngục như:

1) ĐỊA NGỤC CUỜNG THỦY¹⁸ trong địa ngục này nước vẫn sôi hoải. Tội nhân bị quỷ sứ dùng đủ thức vũ khí cháy đỏ (gươm, dao, đao, búa, riều...) đâm, chém, đập, bừa tội nhân té nhào trong địa ngục. Khi ở trong địa ngục, cũng có các khí giới chém đâm v.v... và bị nước chưa sôi thấm vào mình, chịu muôn vàn lần đau khổ, không kể xiết, cả ngày lẫn đêm chỉ nghe tiếng kêu la, than khóc không dứt.

Tâu Hoàng Thượng, những tội nhân đó, ở thế gian ỷ mạnh hiếp yếu, chưởi, mắng, đánh, đập, hành hạ người, nên nay phải sa địa ngục này, thọ khổ như vậy.

2) ĐỊA NGỤC CHÓ DỮ: - Trong địa ngục này có chó to bằng voi trắng, đen, đỏ, vàng đủ màu, chúng rượt cắn và xé tội nhân la khóc vang rền. Tội nhân chạy trốn đường nào cũng không khỏi, chó cắn xé thịt, ăn đến xương, lại bị lửa cháy hỏa hào thiêu đốt, rồi hườn hình sống lại liền, để chịu hình phạt như thế nữa, vì nghiệp duyên chưa hết.

Tội nhân trong địa ngục này, vì kiếp trước bòn xén, không bổ thí giúp đỡ kẻ đói khát tật bệnh và khinh rẽ chưởi mắng bậc tu hành, lại còn khuyến dụ kẻ khác làm theo họ, nay phải chịu trị tội như vậy.

3) ĐỊA NGỤC SẮT LỬA CHÁY ĐỎ: - Tội nhân trong địa ngục này bị quỷ sứ đánh bằng cây sắt cháy đỏ và đâm bằng lao trước mặt thấu đến lưng, đầu đến trôn, té ngã trong địa ngục, toàn thân thể bị cháy đỏ.

Tội nhân trong địa ngục này, hà hiếp người vô tội

4) ĐỊA NGỤC THAN LỬA: - Tội nhân bị quỷ sứ đánh bằng cây sắt đỏ, rồi liệng trong địa ngục than lửa. Quỷ sứ lấy búa, rìu bừa đầu, chẻ thân hình ra nhiều đoạn, bị lửa than đốt cháy. Tội nhân la khóc kêu vang không kể xiết.

Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước giả dối quyên tiền để cất chùa, xây tháp cúng dường Tam bảo, nhưng đem tiền về nuôi sống, nên phải sa đọa địa ngục này.

5) ĐỊA NGỤC ĐỒNG SÔI: - Tội nhân bị bỏ vào đó, trôi qua, lại, chìm xuống tận đáy, bị nước đồng sôi, chịu khổ kêu la thảm đạm.

Tội nhân trong địa ngục này, trước kia chưởi mắng khinh rẻ bậc tu hành, sa môn, Bà La Môn, nên nay phải thọ quả khổ như thế.

6) ĐỊA NGỤC NƯỚC SẮT CHÁY ĐỎ: - Quỷ sứ bắt tội nhân vắn cổ bằng dây sắt cháy đỏ rồi liệng vào địa ngục này.

Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước bắt chim vắn cổ nhỏ lông, bẻ giò, nên nay phải sa đọa trong địa ngục này.

7) ĐỊA NGỤC TRÁU: - Trong địa ngục này có đầy nước trong, tội nhân bị hành đốt nóng, thấy nước trong muốn uống cho mát, khi uống vào, nước thành trấu cháy thiêu thân mình.

Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước dùng trấu trộn lộn với lúa để bán cho kẻ khác, nên nay phải bị hành phạt như vậy.

8) ĐỊA NGỤC LAO: - Quỷ sứ dùng lao, đâm, chém, đút làm nhiều đoạn.

Tội nhân trong địa ngục này, trước kia trộm cướp của, tiền gạo, lúa, trâu, bò để nuôi sống, nên nay phải bị hành phạt như vậy

9) ĐỊA NGỤC VŨ KHÍ CHÁY ĐỎ: - Quỷ sứ trói tội nhân bằng dây sắc cháy đỏ khi tội nhân té nằm, quỷ sứ dùng các khí giới đâm, chém, đập, bửa v.v....

Tội nhân trong địa ngục này, bởi kiếp trước giết thú, heo, gà, vịt, tôm, cá v.v... đem bán, nên nay phải sa vào địa ngục này.

10) ĐỊA NGỤC PHẦN VÀ NƯỚC TIỂU: - Tội nhân khi quá đói khát, quỷ sứ liệng vào địa ngục cho ăn phần và uống nước tiểu.

Người nào kiếp trước quên ơn thầy, phản bạn và trộm của ân nhân, nên phải sa trong địa ngục này.

11) ĐỊA NGỤC MÁU VÀ MŨ: - Quỷ sứ bỏ tội nhân trong địa ngục này, cho ăn máu và mũ làm cơm.

Tội nhân trong địa ngục này, dành cho kẻ giết mẹ, cha, chưởi mắng Tỳ khuru.

12) ĐỊA NGỤC HÀNH NGƯỜI GIAN XẢO: - Quỷ sứ dùng móc lưỡi cho chảy nước miếng, rồi lấy búa đập vào chân tội nhân.

Tội nhân trong địa ngục này, trước kia gian xảo bán đồ quá giá, miệng nói lời dịu ngọt cho họ mua lầm.

13) ĐỊA NGỤC NÚI SẮT: - Quỷ sứ liệng tội nhân trong địa ngục đồng sôi hoặc bị núi sắt ép, thân hình toàn là máu mủ.

Những người phụ nữ nào mất trinh thất tiết với chồng, thông dâm với kẻ khác, mới sa trong địa ngục này.

14) ĐỊA NGỤC HẦM THAN LỬA: - Quỷ sứ hành tội nhân bằng vũ khí đâm, chém v.v... rồi liệng trong địa ngục than lửa cháy đỏ.

Địa ngục này dành cho người tà dâm vợ con kẻ khác.

15) ĐỊA NGỤC TÀ KIẾN: Những người thấy không chơn chánh là hiểu rằng: Bồ thí không có quả phước, cúng dường, làm lành, gây dữ không có quả báo, mẹ cha không phải là mẹ cha, đời này đời sau không có v.v... phải sa vào địa ngục.

Vị trời MÀTALÌ tâu với Đức vua NEMIRÀJA rằng: Chúng sanh vì vô minh ái dục không rõ đời là tội khổ, gây biết bao nghiệp ác nên chịu biết bao muôn vàn khổ não như thế, Hoàng Thượng đã xem thấy rõ, khi trở về thế gian nên tỏ bày cho nhân gian biết.

Nói về đức Đế Thích, dùng nhãn thông xem thấy MÀTALÌ đang đưa đức NEMIRÀJA quan sát địa ngục Ngài nghĩ rằng địa ngục rất nhiều nếu xem cho đều đủ, thì vua NEMIRAJA phải thăng hà trước khi lên Thiên cung, nên Ngài sai vị trời MAHÀJAVANA đến triệu về.

Khi MÀTALÌ được lệnh đức Đế Thích, bèn tâu với đức NEMIRÀJA rằng lệnh Hoàng Thượng đã xem sơ lược địa ngục rồi, xin đưa Ngài lên cõi trời.

Vị trời MÀTALÌ lái xe đến một dinh thự có hào quang sáng ngời rực rỡ. Vị trời MÀTALÌ tâu rằng: Đây là dinh của một Thiên nữ. Thuở Phật KASSAPA ra đời, nàng là một nô tỳ của một Triệu phú Bà La Môn. Ông Bà La Môn này, muốn trai tặng bồ thí đến chư sư, bèn lấy một ngàn lượng bạc dạy vợ con đi mua thực phẩm. Vợ con không vừa lòng làm theo, ông Bà La Môn liền bảo nô tỳ, cô tớ gái này rất hoan hỷ, đi chợ mua sắm các thứ thức ăn, đem về làm ra bữa trai tặng, có đủ thực phẩm quý. Cô tớ rất vui với sự bồ thí đó, đến khi mạng chung, được sanh lên là vị Thiên nữ trong dinh thự này, có các tùy tùng hầu hạ.

Vị trời MÀTALÌ, liền lái xe chạy tới nữa, thấy 7 tòa lầu đài sáng đủ 7 báu, có rất nhiều Thiên nữ hầu hạ. Đức vua NEMIRÀJA xem thấy rất thỏa thích bèn xin vị trời MÀTALÌ giảng cho biết sự tích.

Tâu lệnh Hoàng Thượng: Hội Phật KASSAPA, có một vị trưởng giả, tên SONADINNA, ngụ xứ KÀSIKARÀJA, phát tâm trong sạch cất 7 chánh điện dâng đến chư Tăng và cúng dường đủ 4 vật dụng. Ông trưởng giả tin

thành lo săn sóc 7 chánh điện đó cho đến khi thác, sanh lên làm chủ 7 tòa lầu đài này, thật là sang trọng.

Vị trời MÀTALÌ, lái xe đến trước gặp một tòa lầu lớn, cao 25 do tuần toàn là ngọc pha ly sáng rỡ, có cả Thiên nam, Thiên nữ, ca sang thật là vui thú.

Đức NEMIRÀJA xem thỏa mãn, cầu MÀTALÌ giảng cho biết.

Tâu Chư Thiên ở trong tòa lầu to bằng toàn ngọc pha ly, có rất đông Chư Thiên hầu hạ vui thú đó, là do tiền kiếp đã tạo nhiều nghiệp lành: Bồ thí, trì giới và thọ bát quan trai cho đến ngày cùng, nên được sanh lên ở tòa lầu quý báu như thế.

Vị trời MÀTALÌ lái xe chạy tới trước cho đức NEMIRÀJA xem các dinh thự của Chư Thiên bằng ngọc pha ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, v.v... có hào quang chiếu diệu xem rất ngoạn mục.

Đức NEMIRÀJA hỏi về tiền kiếp của Chư Thiên này.

MÀTALÌ tâu: - Chư Thiên đó Thuở làm người trong thế gian, đời Phật KASSAPA có bồ thí, trì giới dâng vật dụng đến chư Tăng hằng ngày và thọ bát quan trai trong sạch, lập chùa, cất tịnh thất. Sau khi bỏ ngũ uẩn, được sanh về cõi này, ngự trong các tòa lầu cao đẹp toàn bằng 7 báu, có nhiều ngọc nữ hầu hạ, ca xang múa hát ngày đêm, như thế.

Đức Đế Thích dùng nhãn thông thấy MÀTALÌ đang lái xe cho đức NEMIRÀJA xem các dinh thự Chư Thiên, Ngài bèn nghĩ rằng: Nếu MÀTALÌ cho đức NEMIRÀJA xem hết các lầu đài của Chư Thiên, thì tuổi thọ của Ngài phải hết trước. Đức Đế Thích liền sai vị khác đến triệu MÀTALÌ về gấp.

MÀTALÌ được lệnh, liền quày xe lên Đạo Lợi thiên cung. Xe đang bay trên hư không, đức NEMIRÀJA xem thấy 7 tầng núi chập chông, xung quanh Tu Di sơn vương (MERURÀJA PABBATO), có biển SĪDHANTARA nước rất trong và rất sâu, không có thể dùng vận tải gì mà qua biển đó được cả, vật chỉ sa trong biển phải chìm ngay.

Đức NEMIRÀJA muốn biết rõ, bèn hỏi vị trời MÀTALI rằng:

- Biển và núi đó tên gì?

- Tâu, 7 lớp núi cao từng bậc theo thứ tự, từ thấp đến cao, nhất là núi SUKASSANA, rồi đến KHOKÀRA, SUKASSANA, KHOKÀRA, VIKAYUGUNADHARA, NEMINADARA, VINANTAKA, và HASSAKANNA.

Nước biển SIDHANTAVA chảy theo cách khoảng, núi đó là nơi du lãm của GANDHABBA¹⁹ và Dọạ Xoa, là nơi cư ngụ của các đạo sĩ SIDHIVIDYÀDHARA và các KINNARA (mình chim đầu người).

Lên đến Đạo Lợi thiên cung, vua NEMIRÀJA thấy nhiều hình ảnh của đức Đế Thích chung quanh Tu Di sơn vương.

Đức NEMIRÀJA hỏi do nhân nào như thế?

MÀTALÌ tâu: - Đó là để ngựa, không cho bọn nghịch đến phá, nhất là hạng A tu la thiên, khi lên núi thấy ảnh của đức Đế Thích thì sợ.

Vào đến phước xá SUDHAMMÀ DEVASABHÀ có cả Chư Thiên sẵn chờ đón tiếp và thỉnh đức NEMIRÀJA xuống xe vào trong phước xá.

Đức Đế Thích mời ngồi và tâu rằng: "Xin thỉnh Đức vua ở lại hưởng ngai vàng với Trẫm, đừng trở về nhân gian làm gì"

Đức NEMIRÀJA tâu: Tôi không dám! Vì chẳng phải là phước tôi tạo. Người không làm phước mà thọ của kẻ khác, ví như người ăn xin. Tôi chỉ mong cố gắng tạo phước báu, bố thí, trì giới, tham thiền, rồi quả lành sẽ đến cho tôi, mới là chánh đáng.

Đức Đế Thích và Chư Thiên thỉnh cầu đức NEMIRÀJA thuyết pháp.

Thuyết pháp xong, Ngài tán dương ân đức của MÀTALÌ. Nhờ vị MÀTALÌ nên Ngài thấy rõ địa ngục là nơi hành phạt những kẻ đã gây nghiệp ác và được xem các dinh thự của Chư Thiên có hào quang chói lợi, mong chi được nấy, cũng do các Ngài tạo đủ phước nơi kiếp trước.

Ngự tại Đạo Lợi thiên cung 7 ngày (tính theo ngày ở thế gian) rồi Đức vua NEMIRÀJA từ biệt đức Đế Thích và Chư Thiên trở về nhân gian.

Đức Đế Thích cho MÀTALÌ lái xe đưa đức NEMIRÀJA về đến thành MITHILÀ.

Các triều thần vào lạy mừng và tâu hỏi thăm về cõi trời Đạo Lợi.

Đức NEMIRÀJA giảng thuyết nghe cõi trời rất là hạnh phúc, cũng là cảnh đẹp an vui. Nếu ai mong được sanh về cõi trời, cần phải tu hành tinh tấn, nghe pháp, bố thí, trì giới, thọ bát quan trai cho trong sạch, khi chết nhờ cái phước đã tạo, chắc sẽ thọ sanh lên Dục giới thiên.

Đức NEMIRÀJA không say mê sự nghiệp Đế Vương. Ngài dặn thợ cạo khi thấy một sợi tóc bạc của Trẫm, thì cho Trẫm hay. Không bao lâu, thợ cạo nhổ một sợi tóc bạc dâng cho Ngài xem, thấy sợi tóc bạc Ngài giật mình, biết là già yếu rồi, ta không còn sống bao lâu nữa, tử thân sẽ đến tìm ta. Vậy ta phải xuất gia hành đạo.

Hoàng Tử quý tâu: Phụ Vương, do nhân nào mà Phụ Vương đành bỏ con đi xuất gia. Cầu Phụ Vương từ bi cho con biết trước.

Đức NEMIRÀJA phán rằng:

UTTAMAN GARUKÀMEYHAN.... PABBAJÀ SAMAJO MANANTI.

Này con! Phụ Vương nay đã già rồi, tóc bạc này là kẻ đem tin thứ nhì, đã phát sanh rõ rệt, cha đã qua khỏi tuổi trung niên rồi. Cha đang vào thời kỳ đến tay tử thần, không sao cầu thả như trước được. Nay đến thời kỳ cho cha xuất gia tu hành, con hãy ở lại an vui.

Ngài bèn làm lễ tôn vương cho Hoàng Tử. Chỉ dạy, dặn dò xong, Ngài bèn xuất gia làm đạo sĩ ngự tại ngự uyển tham thiền pháp tứ vô lượng tâm, đến khi mạng chung được lên cõi trời Phạm Thiên.

Dòng dõi Đế Vương này, phụ quyền tử kế và xuất gia liên tiếp được tám ngàn bốn trăm vị.

Đức Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni đã dẫn cổ tích, giảng thuyết như thế, Ngài bèn gọi chư Tăng và giảng tiếp rằng: Chẳng phải Như Lai chỉ xuất gia hành đạo ba la mật trong kiếp này mà thôi. Trong các tiền kiếp, Như Lai cũng có xuất gia tu thập độ vậy.

Ngài hợp tiền kiếp lại như vậy: Thuở ấy, đức Đế Thích nay trở lại là ANURUDDHO (A Nậu Lô đà), vị trời MÀTALÌ nay là ANANDA, tất cả tám ngàn bốn trăm vị vua nay là hàng Phật tử, đức NEMIRÀJA nay là AHAM EVA! Như Lai SAMMÀSAMBUDDO Giác ngộ Chánh Biết Tri như thế.

---o0o---

[07] - MAHOSATHA JÀTAKA - TRUYỆN MAHOSATHA (BÒ TÁT TU HẠNH TRÍ TUỆ BA LA MẬT)

PANCÀLO SABBASENÀYÀTI IAM DHAMMADESANAN SATTHÀ JETAVANE VIHARANTO PANNÀPÀRAMÌ ARABBHA KATHESI.

Thuở đức Giáo Chủ ngự trong Kỳ viên tịnh xá. Ngài thuyết về tích MAHOSATHA Bò Tát tu hạnh trí tuệ Ba la mật, nhất là: PANCÀLO SABBSENÀYÀ ITI ...

Giảng thuyết rộng ra rằng: EKADIVASAM. Một ngày nọ đức Thế Tôn gọi: Này các Tỳ khưu. Trong thời quá khứ có một vị Hoàng Đế danh là VIDEHARÀJA thống trị trong thủ đô MITHILÀ. Đức vua có bốn vị giáo sư là: SENAKA, KAMINDA, DEVINDA, và PAKUTTHA.

Một đêm kia, Đức vua nằm mộng thấy như có bốn đám lửa cháy lên ngọn bằng nhau. Có một tia lửa nhỏ bằng con đom đóm, ở giữa bốn đám lửa ấy, phực cháy lên ánh sáng rực rỡ chiếu diệu bốn phương trời (chỉ cõi Phạm Thiên).

Chúng dân đều đem lễ vật đến cúng dường, đi dập trên ngọn lửa đó, nhưng không bị phỏng. Khi vua tỉnh giấc cho đòi bốn vị giáo sư vào dạy đoán điềm mộng của Ngài.

Bốn vị giáo sư tâu: - Bốn đám lửa to, tức là bốn chúng tôi, thường hầu lệnh Hoàng Thượng mỗi ngày đây.

Còn tia lửa nhỏ chiếu sáng bốn hướng, cao tột trời che ánh bốn chúng tôi là bậc có nhiều trí tuệ.

Nói về đức Bồ Tát từ cung trời Đạo Lợi giáng sanh vào lòng bà SUMANADEVÌ, vợ ông Triệu phú SIRIVADDHANASETTI ở phía đông nhà vua. Lúc ấy cũng có một ngàn vị trời cùng giáng sanh với đức Bồ Tát, làm con của một ngàn tiểu phú gia ở gần đó.

Đến kỳ khai hoa, đức Đế Thích để một hoàn thuốc vào tay đức Bồ Tát, sanh ra khỏi lòng mẹ, đức Bồ Tát có cầm hòn thuốc, mẹ Ngài thấy vậy, hỏi con cầm vật chi trong tay?

Bồ Tát tuy mới sanh mà biết nói đáp: - Thừa mẹ, đây là vị thuốc, ai có bệnh chi uống cũng mạnh.

Lập tức mẹ Ngài cho mài thuốc, bảo đem cho chồng uống, vì ông Triệu phú mang bệnh đã 7 năm mà chữa không lành. Khi uống vào thì ông triệu phú bình phục như xưa. Do đó mà đặt tên Bồ Tát là MAHOSATHA.

Từ đây, tiếng đồn ai có bệnh chi đến xin thuốc uống đều lành cả.

Lên 7 tuổi, đức Bồ Tát thường hiệp chơi với một ngàn trẻ nhỏ, con của tiểu phú gia. Một ngày nọ, đang cùng nhau chơi ngoài trời, bị trận bão to các trẻ đều sợ tìm đụt mưa gió, đức Bồ Tát có sức mạnh nên chạy đến trước, mấy trẻ nhỏ kia chạy sau bị mưa gió to té khóc. Sau lúc đó, đức Bồ Tát bèn nói với các trẻ nhỏ kia rằng: - chúng ta hãy nên đậ tiền mỗi người một lượng để cất phước xá. Các trẻ đồng ý. Được một ngàn lượng luôn cả đức Bồ Tát, rồi mướn thợ cất 5 phước xá:

Phước xá dành cho các thầy sa môn, bà la môn.

Phước xá dành cho người thương mãi.

Phước xá dành cho dành cho kẻ nghèo đói và phụ nữ mang thai.

Phước xá để giảng đạo phá nghi những điều khó hiểu.

Phước xá cho các diễn kịch viên.

Cất xong, cho thợ vẽ nhiều bức tranh ảnh rất có mỹ thuật (có ao sen trồng đủ thứ cây, vườn hoa, hồ tắm) trông thật ngoạn mục, như trên Thiên cung.

Những hành khách được đến đó đều ghé vào nghỉ mát, ngắm cảnh như ý muốn. Đức Bồ Tát thường chăm nom, săn sóc và có trữ đủ các thức ăn, uống tắm rửa cho hành khách. Ai có điều chi nghi ngờ, đều được đức Bồ Tát phá nghi, theo ý nguyện.

Nói về Đức vua VIDEHARÀJA, hằng tưởng nhớ đến lời dự đoán của bốn vị giáo sư, nên cho quan quân đi xem xét bốn phương, để tìm nghe tin tức bậc trí tuệ. Các thám tử, dò xét đến hướng đông, gặp các phước xá của đức Bồ Tát, mướn thợ cất thật là đẹp. Hỏi han thì chúng dân cho biết những phước xá này, không phải tự nhiên mà thợ làm được. Nhờ HOSATHA KUMÀRA²⁰ mới lên bảy, có nhiều trí tuệ, dạy cho thợ cất và vẽ tranh đó. Vị thám tử nghe qua, rồi tính từ ngày Đức vua nằm mộng đến nay là 7 năm, nên định chắc rằng đây là bậc trí tuệ ứng nghiệm theo điềm mộng của vua. Vị thám tử bèn viết số tâu lên vua rõ.

Đức vua hỏi ý kiến bốn vị giáo sư, các vị này sợ có bậc trí tuệ đến thì mình sẽ mất lợi, nên tâu rằng: "Xin để cho quan quân xét nét rồi sẽ hay. Chớ sự cất phước xá dù tốt đẹp đến đâu ai cũng có thể tạo được"

Đức vua nghe theo nên truyền cho thám tử ở lại trong nơi đó, chờ xem có chi lạ nữa chăng?

1- Một ngày kia, có người lái bò ở gần đấy thả bò cho ăn, còn anh chàng thì nằm nghỉ dưới bóng cây rồi ngủ quên. Kẻ trộm thấy vậy dẫn bò đi. Người chủ thức không thấy bò, tìm xem biết kẻ trộm dắt bò đi, anh chủ bò rượt theo kịp, đòi bò lại. Kẻ trộm cũng đành là bò của y. Hai người cãi nhau đến gần phước xá của đức Bồ Tát, Ngài nghe biết rõ là của ai, nhưng, muốn cho công chúng phân minh, Ngài bèn hỏi kẻ trộm rằng:

- Bò này anh mua từ đâu?
- Thưa, bò này của tôi, sanh ra tại nhà.
- Anh cho nó ăn vật chi?
- Thưa, tôi cho nó ăn cháo hoặc đậu.

Ngài hỏi đến chủ bò:

- Anh được bò này tại đâu?
- Tôi đã mua nó tại làng kia, có nhiều người nghe thấy.
- Anh cho nó ăn vật chi?

- Thưa, tôi nghèo chỉ cho nó ăn cỏ.

Đức Bồ Tát dạy người đem cháo đậu và cỏ để coi bò ăn vật nào. Thấy rõ, nó chỉ ăn cỏ, theo lời khai của chủ bò, nên chủ được trả bò lại. Phần đông bèn đánh đập kẻ trộm rồi đuổi đi.

2- Có một phụ nữ nghèo đến hồ tắm của đức Bồ Tát, thay y phục để trên bờ hồ, rồi xuống tắm. Có cô nọ thấy vật phát tâm tham, đi ngay đến hỏi thăm rồi lấy áo quần mặc thử xong, mang đi luôn. Người nữ đang tắm, bèn lên đuổi theo nắm kéo lại la rằng: Cô này lấy đồ của tôi. Cô trộm y phục cái răng là của y. Phần đông nghe đều hội lại xem coi. Đức Bồ Tát đang chơi với một ngàn trẻ em, nghe cãi nhau như thế liền hỏi:

- Hai cô bằng lòng cho tôi xử đoán dùm cho chăng?

- Thưa, chúng tôi vừa lòng lắm.

Bồ Tát bèn hỏi cô trộm rằng:

- Vật này cô ướp bằng mùi gì?

- Thưa, tôi ướp bằng các mùi hoa thơm.

Bồ Tát hỏi cô chủ, cô thắm y bằng vật gì?

- Thưa, tôi chỉ thắm y bằng mùi hoa thường

Đức Bồ Tát bèn dạy nhờ người nữ khác, biết mùi ngửi thử coi, rõ thật chỉ có mùi hoa thường. Bồ Tát bèn dạy trả y phục lại cho cô chủ và Ngài khuyên cô trộm y chăng nên làm nghiệp xấu xa như vậy nữa. Từ đó, tiếng đồn của đức Bồ Tát là bậc trí tuệ phi thường.

3- Có một phụ nữ ẵm con đi tắm, rồi để con nằm trên y, cô xuống tắm trong hồ sen. Trong lúc đó, có một dọa xoa nữ thấy, muốn bắt đứa bé để ăn thịt, nên biết làm một cô gái đến hỏi đứa bé ngộ nghĩnh, rồi ẵm nựng, chót lát bỗng đứa bé đi luôn.

Thấy vậy, người mẹ liền đuổi theo kịp la rằng: Tại sao bỗng con tôi đi đâu?

- Đây là con của tôi, nào phải con của cô.

Khi cả hai phụ nữ cãi nhau, đến phước xá của đức Bồ Tát. Bồ Tát mời vào, rồi thấy cử chỉ của phụ nữ, Ngài biết rõ tự sự, Ngài bèn hỏi rằng: Hai cô có muốn tôi đoán giùm cho chăng? Cả hai cô đồng bằng lòng.

Bồ Tát dạy để đứa bé nằm xuống, rồi bảo Dạ Xoa nắm tay trẻ, mẹ thiệt nắm chân trẻ.

Ngài tuyên bố, người nào giành được là mẹ của đứa trẻ này. Hai phụ nữ kéo qua níu lại, làm cho đứa trẻ đau điếng, khóc la, người mẹ thấy con khóc,

động lòng từ bi buông con ra, đứng dậy than van không nỡ làm cho con đau khổ.

Khi ấy đức Bồ Tát tuyên bố rằng: Lệ thường phụ nữ không phải là mẹ thì không lòng thương xót con trẻ. Phụ nữ bắt được đứa trẻ là kẻ trộm. Cô kia là mẹ thực vì có tâm tội nghiệp con.

Đức Bồ Tát hỏi Dạ Xoa nữ vì sao cô lại trộm con của người?

- Thưa, tôi mong ăn thịt nó.

- Nay phụ nữ ác, từ đây người không nên tạo nghiệp dữ nữa. Vì kiếp trước người là kẻ ác, nay mới luân hồi làm Dạ Xoa. Người làm như vậy có nên chăng?

Đức Bồ Tát khuyên bảo Dạ Xoa rồi dạy thọ trì ngũ giới. Người mẹ đứa trẻ hết lòng cảm tạ đức Bồ Tát rồi từ biệt ấm con ra về.

4- Có một thanh nam tên là AGOTRAKALA lùn, đi làm thuê 7 năm mới cưới được vợ, trang điểm xinh đẹp, dẫn vợ về quê hương. Đến một con sông, cả hai vợ chồng đều sợ, không dám lội qua, lúc đó có một anh nhà nghèo danh DIGHAPITTHI lưng dài cũng vừa đến nơi ấy. Anh lùn bèn hỏi: anh ôi! sông này sâu hay cạn?

Biết là người sợ nước, nên dối rằng: Sông này sâu lắm, có cả cá dữ.

- Anh có thể qua sông này được chăng?

- Tôi thường qua lại, sấu và cá dữ đã quen nhau với tôi rồi, không làm gì tôi đâu.

- Vậy, anh có thể đưa chúng tôi qua bên kia bờ được chăng?

- Được, không sao đâu, mà thầy và cô muốn tôi đưa ai qua trước?

- Đưa vợ tôi trước.

- Được.

Rồi DIGHAPITTHI liền khò công vợ anh lùn xuống sông, lúc ra xa bờ, anh này giả bộ rùn xuống làm cho anh kia thấy là sông sâu, rồi khuyên vợ anh lùn nên lấy anh làm chồng, vì anh giàu sang, có tài tớ đông đủ. Bị gạt như vậy, vợ anh lùn hoan hỉ ưng thuận. Khi qua đến bờ rồi, bèn dắt nhau đi luôn. Thấy thế, sợ mất vợ, anh lùn liền lội đại xuống sông, nhưng rồi lại trở lên đôi ba lần như vậy. Cuối cùng, vì quá yêu vợ nên liều chết, ra đến giữa sông mới rõ rằng cạn, anh chàng liền rượt theo kịp, la bảo anh lưng dài phải trả vợ lại. Hai bên cãi cọ nhau đến phước xá của đức Bồ Tát.

Bồ Tát dạy kêu hai bên vào, rồi hỏi anh lưng dài trước: Anh tên họ là gì, cha mẹ vợ tên gì, làm nghề gì, vợ anh tên chi?

Rồi Ngài hỏi đến anh lùn: Vợ anh tên gì, cha mẹ vợ tên gì?

Đức Bồ Tát xin công chúng nghe và hiểu giùm coi ai phải ai quấy.

Ngài hỏi DIGHAPITTHI rằng: Có phải anh là người cướp vợ người chăng?

- Dạ phải.

- Anh chẳng nên làm việc xấu như vậy nữa .

Bồ Tát dạy giao vợ lại cho anh ÀGOTRAKÀTA. Công chúng rất khen ngợi đức Bồ Tát là bậc trí tuệ.

Vị thám tử vâng lệnh vua ở lại quan sát hành vi của Bồ Tát, có dâng sớ về đền tâu cho vua rõ tất cả những phán đoán của đức Bồ Tát. Đức vua được tin như thế, bèn hỏi ý bốn vị giáo sư. Họ đồng tâu: Xin đức vua nên chờ xem đã.

5- Có một người chủ xe, đem xe để gần vườn rồi đi tắm. Đức Đế Thích xem thấy nghĩ rằng để ta làm cho trí tuệ của đức Bồ Tát (là dòng dõi của Phật) rõ rệt trong đời. Ngài hiện xuống trộm chiếc xe, đem khỏi nơi ấy. Người chủ xe sau khi tắm xong, không thấy xe. Xem kỹ thấy người trộm đang đem xe đi. Đuổi theo kịp, người chủ đòi xe lại. Hai bên đều viện lẽ là xe của mình, cãi nhau đến phước xá của đức Bồ Tát. Đức Bồ Tát dạy mời người vào, rồi Ngài xem qua, rõ chắc ai là chủ xe. Ngài hỏi hai người có vui lòng cho tôi xử đoán chăng?

- Thưa vâng.

Bồ Tát dạy ai chạy theo kịp xe là của người đó. Chủ xe theo kịp một lúc rồi mệt, theo nữa không nổi. Về phần đức Đế Thích đuổi theo kịp xe, chẳng thấy mệt nhọc chi cả.

Đức Bồ Tát cho công chúng biết rằng: Người theo kịp mà không mệt nhọc chi cả, đó là đức trời Đế Thích Đạo Lợi Thiên cung. Rồi Ngài hỏi lại đức Đế Thích rằng: Có phải Ngài là đức Đế Thích hiện xuống đây chăng?

- Này cháu là bậc trí tuệ, thật vậy ta là trời Đế Thích.

- Do nhân nào mà Ngài đến đây làm như thế?

- Vì ta muốn cho trí tuệ của Bồ Tát thêm rõ rệt.

Xong Ngài bay lên hư không, tuyên bố khen ngợi trí tuệ Ba la mật của Bồ Tát, rồi Ngài trở về trời.

Về phần vị đại thần trở về trào tâu với Đức vua VIDEHARÀJA rằng: Tâu Hoàng Thượng, em MAHOSETHA PANDITA xử đoán thật là phân minh theo công lý, cho đến đức Đế Thích hiện xuống thử cũng cho là bậc trí tuệ phi thường.

Đức vua VIDEHARÀJA bèn phán hỏi bốn vị giáo sư rằng: Nên mời em trí tuệ đến hay thế nào?

- Tâu, để chờ xem thêm nữa đã.

Đức vua VIDEHARÀJA cũng mặc tưởng.²¹

Ngày nọ, Đức vua muốn thử thách MAHOSETHA PANDITA, dạy người chuốc cây bằng thăng hai đầu rồi gọi đến hỏi dân trong làng Bò Tát, ai biết đầu nào là gốc ngọn. Người nào biết phân biệt rõ rệt, Trẫm sẽ ban thưởng một ngàn lượng. Nhân dân trong làng không một ai phân biệt được, bèn đem đến cho Triệu phú SIRIVADDHANA (cha Bò Tát), vị Triệu phú gọi Bò Tát đến, rồi trình bày khúc cây đó. Bò Tát đem khúc cây thả trong nước, đầu chìm trước, đầu chìm sau và Ngài hỏi công chúng rằng: Lệ thường, (cây) đầu gốc nặng hay đầu ngọn nặng?

- Thưa, phía gốc nặng hơn.

- Phải rồi, gốc nặng hơn ngọn.

Cha của Bò Tát tâu lên Đức vua rõ. Đức vua rất thỏa thích.

6- Lần này Đức vua gọi hai cái đầu người, dạy dân chúng quan sát coi đầu nào của phụ nữ, đầu nào của người nam. Chúng dân tìm không ra, nên đem đến đức Bò Tát. Ngài giải rằng. Lệ thường đầu của phụ nữ có đường tóc rẽ cong, còn đầu của người nam thì đường tóc rẽ ngay. Các người trả lời như thế đi.

Đức vua được nghe rất khen và hỏi ý kiến bốn vị giáo sư, họ cũng còn tâu để chờ xem nữa đã.

7- Đức vua dạy dân làng Bò Tát phải nạp bò có sừng nơi chân, có đuôi ở đầu, kêu mỗi ngày 3 lần. Nếu kẻ nào không nạp sẽ bị phạt một ngàn lượng.

Đức Bò Tát dạy: Điều nói có sừng ở chân tức là cựa gà, có đuôi ở đầu tức là mồng gà, kêu mỗi ngày 3 lần tức là gà gáy. Đức vua nghe rất hoan hỷ.

Đã nhiều lần thấy Bò Tát MAHOSATHA trả lời đúng đắn nghĩa là theo câu hỏi, Đức vua hết lòng hoan hỷ, chỉ mong mau gặp được mặt Bò Tát, nên bàn với bốn vị giáo sư. Họ cũng cản ngăn nữa. Phên này không cần hỏi nữa, Ngài dạy dọn long xa cho Ngài ngự đi rước Bò Tát. Ra khỏi thành không bao xa, ngựa bị vấp chân té, đi không tiện nên phải trở về. Bốn vị giáo sư

vào châu thăm vua và tâu rằng: Vì không nghe lời tâu của hạ thần, nên Hoàng Thượng mang tai nạn như thế. Tâu lệnh Hoàng Thượng, không cần Hoàng Thượng ngự xe khỏi đền, Ngài chỉ gởi câu đố rằng: Ngày trước Trẫm ngự đi tìm cháu, ngựa bị vấp té, nên phải hồi trào. Cháu hãy gởi ngựa tốt hoặc ngựa hay hơn cho Trẫm. Nếu cháu MAHOSATHA vào trầu Bê Hạ, bằng không sẽ có ông Triệu phú cha MAHOSATHA đến châu. Ngựa tốt tức là cháu MAHOSATHA, ngựa hay hơn tức là thân sanh của MAHOSATHA. Nếu cháu MAHOSATHA là bậc trí tuệ thật cháu sẽ đến, bằng không cũng không cho thân sanh vào châu. Bốn vị giáo sư tâu như vậy, Đức vua bèn làm y theo.

Khi Bò Tát MAHOSATHA được lệnh vua như thế, liền hiểu rằng Đức vua muốn cho Ngài vào đền, Ngài bèn đến thưa với thân sanh rằng: Thưa cha nên cầm hộp trầm đựng đầy sữa và mật ong vào châu, vua mời rồi ngồi, lúc cha thấy con ngó cha, cha nên đứng dậy, tránh khỏi nơi ấy, rồi gọi con đến ngồi nơi ghé của cha đã ngồi trước đó, ấy là câu thai cao thượng.

Khi vào châu, Đức vua mời ngồi xong, hỏi thăm đến Bò Tát. Vị triệu phú tâu: Con hạ thần sẽ vào sau. Đức Bò Tát điễm trang rất đẹp, đi đến đâu dân chúng đều ngoạn mục. Vì Ngài còn bé mà trí tuệ nhất trong đời, có cả một ngàn thiếu nam tùy tùng. Ngài thấy một con lừa ăn cỏ gần thành nội. Ngài dạy người bắt, buộc miệng không cho nó la được, lấy chiếu đắp lên mình nó và dẫn theo sau Ngài.

Đến sân rồng, Bò Tát liếc xem cha Ngài, vị Triệu phú thấy, liền đứng dậy nhường chỗ cho đức Bò Tát. Bò Tát bèn đến ngồi chỗ của cha Ngài, những người thiếu trí tuệ, nhất là bốn vị giáo sư bèn vỗ tay cười nhạo rằng: Đó là bậc trí tuệ nhất của Hoàng Thượng xem coi cha đứng dậy nhường chỗ để mời con ngồi có đúng chăng? Thật là một trẻ ngu ngốc, như thế phân đông có đáng khen là bậc trí tuệ chăng?

Đức vua nghe thấy nhiều người nhạo báng. Ngài rất hổ thẹn ngó xuống. Đức Bò Tát tâu hỏi Đức vua: Vì sao lệnh Hoàng Thượng hổ ngươi?

- Trước kia Trẫm hằng khen cháu là bậc trí tuệ trong đời. Nay thấy cháu làm những chuyện không hay như vậy, nên Trẫm buồn; vì cháu bảo cha cháu đứng dậy, rồi cháu lên ngồi lên ghé của cha cháu, bởi cha cháu là bậc cao quý hơn con đủ cả mọi phương diện.

- Tâu, lệnh Hoàng Thượng có ra lệnh phải đem ngựa tốt hoặc ngựa hay nhất chăng? Rồi Bò Tát dạy người dẫn con lừa lúc này đem vào cho nằm gần chân Đức vua rồi tâu rằng:

- Lừa này đáng giá nào?

- Này cháu trí tuệ, con lừa này chỉ dùng được để kéo xe chở đồ mà thôi, đáng giá 8 đồng hoặc 8 lượng.

- Tâu, ngựa tốt sanh ra từ lừa cái, đáng giá nào?

- Này cháu trí tuệ! Ngựa đó vô giá.

- Tâu, trước, lệnh Hoàng Thượng phán rằng cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật vậy con lừa này phải quý hơn ngựa hay. Vì con lừa này là cha của con ngựa hay. Nếu cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật như thế rồi, con lừa này cũng quý hơn con ngựa hay, phải vậy chẳng lệnh Hoàng Thượng? Nếu lệnh Hoàng Thượng cho rằng cha cao quý hơn con, xin Hoàng Thượng dùng cha tôi đi, nếu con quý hơn cha thì Hoàng Thượng dùng tôi.

Trước Hoàng Thượng ra lệnh, dạy tôi phải đem ngựa hay dâng.

Nay lệnh Hoàng Thượng thấy rõ rằng cha quý hơn con, lệnh Hoàng Thượng bắt con lừa này để dùng đi, vì lừa này là cha của ngựa hay nhất, quý hơn ngựa tốt. Nếu lệnh Hoàng Thượng cho rằng ngựa hay hơn lừa thì lệnh Hoàng Thượng dùng tôi.

Bốn vị giáo sư của Hoàng Thượng đây, Hoàng Thượng chọn từ đâu? Câu thai dễ dàng như thế mà tìm không ra, lại còn nhạo cười toe toét.

Đức vua nghe thấy làm cảm phục và rất vui thích. Các quan đại thần đều nhìn nhận Bồ Tát là bậc trí tuệ thật, đồng vỗ tay hoan hô vang rền, có vị lại đem vật quý đến cúng dường. Bốn vị giáo sư tỏ vẻ buồn thiu, hổ ngươi, gục đầu.

Lời hỏi: Đức Bồ Tát là bậc hiền đạo, do nhân nào lại làm như thế?

Đáp: Không phải Bồ Tát làm bí mật cha Ngài đâu. Vì Đức vua có lệnh dạy phải đem ngựa tốt bằng không thì ngựa hay nhất. Như thế, nên đức Bồ Tát phải làm như vậy. hơn nữa, phải làm cho vị giáo sư biết mình.

Từ đó, Đức vua ban thưởng cho ông Triệu phú SIRIVADDHANASETTHA và một ngàn tiểu phú gia, được trọn quyền hưởng lộc trong quận các Ngài ngựa. Đức vua cũng không quên ban vật báu đến mẹ của đức Bồ Tát, rồi xin Bồ Tát làm Hoàng Tử, ngự tại đền với Ngài.

Đức vua phán hỏi Bồ Tát: Này con, con vừa lòng ngự trong đền nội hay ở ngoài thành?

- Tâu, hạ thần có rất nhiều kẻ tùy tùng, hạ thần xin ở thành ngoại.

Đức vua bèn cho tạo dinh thự và ban thưởng đầy đủ vật dụng cho Bồ Tát được an vui, cả một ngàn thiếu nam theo hầu Bồ Tát.

Một ngày nọ, chúng dân thấy ánh sáng ngọc ma ni hiện trong ao sen, liền tâu cho Đức vua rõ. Đức vua bèn truyền đòi bốn vị giáo sư để tìm ngọc ma ni. Họ dạy tát nước ao cho cạn để lấy ngọc, mà vẫn chưa thấy ngọc ma ni. Đức vua bèn hỏi Bồ Tát có thể tìm được chăng?

- Tâu, muốn lấy ngọc ma ni, không khó, xin thỉnh Phụ Vương ngự đến đó cùng tôi.

Đức Bồ Tát đến mé ao đứng quan sát thấy rằng ngọc ma ni trên đọt cây thốt nốt, rồi tâu rằng: Ngọc ma ni không có trong ao nước đâu.

- Cớ sao có ánh sáng trong nước, mà con nói rằng không có ngọc trong đó?

Đức Bồ Tát dạy người đem mâm nước đầy để tại nơi đó, rồi thỉnh Đức vua xem. Ngài thấy ngọc ma ni như thấy trong ao, rồi Đức vua hỏi tại sao nói không có ngọc trong ao?

- Tâu, ngọc ma ni có tại trong ổ quạ, trên cây thốt nốt. Đức Bồ Tát cho người leo lên đọt cây thốt nốt gần phía đông ao nước, lấy ngọc ma ni trong ổ quạ đem xuống dâng đến vua.

Đức vua rất thỏa mãn, rồi ban thưởng ngọc báu đang đeo trong mình đến Bồ Tát. Còn ngọc ma ni vừa tìm được Đức vua tặng cho một ngàn thiếu nam tùy tùng Bồ Tát. Đức vua dạy Bồ Tát mỗi khi vào triều phải trang điểm bằng ngọc báu này rồi phong Bồ Tát làm đại tướng.

Một hôm, Đức vua cùng triều thần ngự đi ngắm cảnh. Đức vua chợt thấy con cặc kè to, từ ngọn cây bò xuống thấy Đức vua rồi nó gật đầu. Đức vua hỏi MAHOSATHA Bồ Tát: Con cặc kè làm gì đó?

- Tâu, nó làm lễ lệnh Hoàng Thượng.

Đức vua nghe hoan hỷ bèn dạy người mỗi ngày lấy tiền mua thịt cho nó ăn. Đến ngày bát quan trai, mua không được thịt, người đó lấy tiền đáng giá mua thịt buộc vào cổ nó. Từ đó, cặc kè tự đắc vì có tiền.

Ngày sau, Đức vua ngự đến thấy con cặc kè bò xuống gặp Đức vua nó ngóc đầu lên, coi bộ tự đắc. Đức vua hỏi Bồ Tát thế là sao?

- Tâu, vì con cặc kè nương nhờ có tiền. Ngày bát quan trai, người nuôi nó mua thịt không được, nên đem tiền buộc vào cổ nó rồi nó ỷ lại như thế.

Đức vua bất bình, dạy người đánh đuổi nó đi. Cũng vì tự đắc, ỷ lại mà phải chịu khổ.

Có một học sinh của vị trú danh giáo sư DISÁPÀMOKKHA tên là PINGUTTA vừa lòng thầy nên thầy gả con gái cho. Cô thiếu nữ này rất đẹp. Nhưng PINGUTTA là người xấu số, nên khi về với anh, khiến anh không

vừa ý, không chịu đồng tịch đồng sàng với vợ, bởi anh là người ít phước. Cách một tuần, sau khi đã làm lễ thành hôn, anh PINGUTTA xin phép cha mẹ vợ trở về xứ. Đi đường xa mệt nhọc và đói khát, gặp một cây sung có trái chín, anh bèn leo lên bẻ trái ăn. Vợ ở dưới xin vài trái, anh nói: - Vậy, có chân tay để làm gì?

Vợ biết chồng không lo, nàng phải trèo lên để kiếm ăn. Anh chồng thấy thế, lén lẩn xuống đến gốc lấy gai chắt xung quanh gốc cây sung rồi bỏ đi mất. Vợ anh xuống không được, kêu la khóc kể. Hạnh phúc cho nàng, ngày ấy có Đức vua ngự đi ngoạn cảnh, nghe người than khóc bèn dạy quan quân đi tìm xem và hỏi thăm, rồi đem nàng về cho làm Hoàng Hậu.

Ngày khác, Đức vua ngự đi ra khỏi thành, hai bên đường, dân gian lo quét dọn. Lúc ấy, Hoàng Hậu thấy anh PINGUTTA là chồng cũ, cũng đang cầm cuội quét đường. Hoàng Hậu cười. Đức vua thấy bèn hỏi: Cớ sao Hậu cười?

- Tâu, vì thần thiếp thấy chồng cũ, bỏ thần thiếp, rồi hôm nay làm công việc như vậy, nên cười.

Đức vua nghe tâu không tin cho nên Ngài thịnh nộ, rút gươm cầm trong tay. Đức vua hỏi ý bốn vị giáo sư.

- Tâu, chẳng nên tin lời phụ nữ. Chúng tôi chưa từng thấy người nam nào có vợ đẹp xinh như vậy mà từ bỏ cho đành.

Đức vua bèn hỏi Bồ Tát, và Bồ Tát trả lời:

- Tâu, lệ thường kẻ có tội với người hữu phước xa nhau lắm, cũng như trời với đất, như bờ biển đây với bờ biển kia. Kẻ có tội hoặc ít phước không bao giờ ở chung cùng người đại phước được, lời của lệnh Hoàng Hậu là rất đúng.

Đức vua nghe là hữu lý mà rằng: Nhờ con Trẫm là MAHOSATHA mà Trẫm được hậu, bằng ta nghe lời bốn vị giáo sư kia thì đã giết Hoàng Hậu rồi. Nghĩ như thế phát tâm hoan hỷ, Đức vua bèn ban thưởng đức Bồ Tát rất nhiều báu vật.

Bà Hoàng Hậu nghĩ rằng: Nhờ có MAHOSATHA, nên mệnh ta mới còn, thật là bậc ân nhân của ta. Lập tức, Hoàng Hậu quỳ tâu, xin Đức vua cho phép từ đây, thần thiếp xin MAHOSATHA làm em ruột của thần thiếp. Bao giờ thần thiếp có vật chi quý báu hoặc cao lương mỹ vị, thần thiếp được phép biếu cho MAHOSATHA là em, bất kỳ là giờ phút nào. Đức vua hoan hỷ phê chuẩn. Từ đây, Hoàng Hậu thường ban cấp cho Bồ Tát những vật quý giá, không dám quên ơn cứu tử.

Có một ngày bát quan trai, Đức vua lên tầng lầu cao đi kinh hành, thấy có một con chó và một con dê. Dê đi ăn cỏ dành chỗ voi, bị nài voi đánh đập, dê bỏ cỏ chạy trốn, bị nài voi đuổi theo liệng nhảm lưng quá đau, dê lết nằm dựa bức tường thành. Chó cũng lén vào ăn thịt cá trong nhà bếp, bị đánh đập què giò. Chó chạy trốn đến vách tường thành cũng gặp dê tại đó.

Dê hỏi chó: Vì sao mà anh bị như thế?

Chó thuật lại cho dê nghe, rồi hỏi: Còn anh do nhân nào mà bị lại nằm tại đây?

Dê cũng tỏ cho chó nghe tự sự. Dê và chó bàn nhau phải làm thế nào để nuôi sống cho dễ dàng bằng không phải chết đói. Dê bèn bày mưu rằng: Bây giờ tôi phải vào nhà bếp trộm thịt các về cho anh, còn anh thì đi ăn cắp cỏ về cho tôi. Hai ta sẽ đổi thực phẩm nhau mà ăn, thì lưỡng tiện lắm. Tính xong, dê và chó đồng ưng thuận làm theo kế đó, nên được an vui. Vì thấy người nấu ăn đâu sợ dê ăn thịt cá mà gìn giữ, nên dê dễ trộm được thịt cá. Về phần nài voi thấy chó đến, thì nào có để ý đến chó trộm cỏ, vì thế mà chó trộm cỏ không khó. Từ đấy dê và chó kết bạn thân thiết nhau.

Đức vua xem thấy chuyện như thế, sáng ra nhập trào. Ngài có câu đố cho 5 vị trí tuệ đoán xét rằng: Trẫm hỏi 5 khanh trong đời có loài thú nào nghịch cùng nhau, mà trở thành thân thiết không? Nếu khanh nào đoán không ra, Trẫm sẽ đuổi khỏi thành. Nghe Đức vua ra câu đố như thế thật là mắc mớ, nên vị SESANA bèn tâu xin qua ngày sau sẽ trả lời. Đức vua phê chuẩn. Về đến dinh, bốn vị giáo sư bàn tính nhau mãi mà tìm chưa ra, nên đồng quyết định kỳ này phải qua yêu cầu đức Bồ Tát chỉ dạy, không dám tự hào nữa.

Về phần đức Bồ Tát, Ngài nghĩ rằng: Có lẽ Đức vua thấy cái chi đây, nên mới ra câu đố này. Ngài bèn vào thăm Hoàng Hậu rồi tâu hỏi: Hôm qua lệnh bà có thấy vua ngự đến nơi nào chẳng?

Hoàng Hậu nói: Hôm qua lệnh Hoàng Thượng lên tầng lầu cao đi kinh hành, và ngự lãnh phía dưới thành rất lâu.

Đức Bồ Tát ngụ ý, khi ra khỏi cung nội, Ngài đi dò xét thấy dê và chó đang ăn, có vẻ thân thiết nhau lắm. Đức Bồ Tát thấy như vậy hiểu rõ rằng: Dê và chó mật thiết là do trao đổi thực phẩm cùng nhau, rồi Ngài trở về dinh an nghỉ.

Về phần bốn vị giáo sư kia không ai tìm ra nổi câu đố của vua, các ông đồng hội nhau tính cả ngày cũng chưa ra lẽ. Bất đắc dĩ phải đến cầu đức Bồ Tát chỉ dạy cho. Đức Bồ Tát nghĩ rằng: Nếu ta không thương xót thì họ sẽ bị vua đuổi ra khỏi thành. Vậy ta nên tế độ họ, rồi Ngài dạy mỗi vị đọc một câu kệ ngôn.

Qua ngày thứ hai, bốn vị giáo sư vào chầu. Đức vua phán hỏi bốn vị giáo sư rằng: Nay bậc trí tuệ, các khanh đã hiểu rõ câu đố rồi chăng?

- Tâu nếu chúng hạ thần không hiểu thì còn ai hiểu được.

- Vậy các khanh hãy trả lời cho Trẫm nghe

- Tâu, xin Hoàng Thượng hãy lắng nghe: UGGAPUTTRAJAPUTTI ... SANGHAYAMASSATI.

Mỗi vị đọc một câu kệ ngôn, Đức vua cũng tin rằng phải, vì không rõ ý nghĩa của câu kệ ngôn. Đức vua hỏi sang đức Bồ Tát:

- Tâu, dê đó có bốn chân, khi đi, tha đồ ăn thì lén lút tha. Dê đi tha cá thịt về cho chó, chó tha cỏ về cho dê, rồi trao đổi nhau ăn. Lệnh Hoàng Thượng ngự trên tầng lầu cao, đã thấy rõ hai thú, dê và chó làm bạn thân nhau như thế.

Được nghe rõ lời tâu của đức Bồ Tát, Đức vua rất thỏa thích bèn ban thưởng tất cả 5 vị trí tuệ rất nhiều báu vật đồng nhau. Khi ấy, Hoàng Hậu UDUMA hiểu rằng: bốn vị giáo sư kia nhờ Bồ Tát mà trả lời được câu đố của Đức vua, song Đức vua không rõ, ban thưởng đồng nhau. Đức vua ban thưởng em trai ta nhiều hơn mới phải, rồi Hoàng Hậu liền vào cung tâu cho Đức vua hay sự thật. Đức vua nghe theo nên ban thưởng Bồ Tát nhiều hơn.

Ngày nọ, bốn vị giáo sư vào chầu, Đức vua phán hỏi: - Trẫm muốn biết rõ trong đời có hai hạng người: Người giàu mà kém trí tuệ và kẻ có trí tuệ nhưng nghèo. Hai hạng này ai là người cao quý hơn?

SENEKA ÀCÀRYA tâu: Theo hạ thần hiểu là: Người giàu quý hơn hết. Trong đời này, dù là người có trí tuệ bao nhiêu, làm quan đại thần hay con dòng sang cả mà nghèo thì cũng phải cần kính nể kẻ giàu, làm tôi cho người sai khiến. Mặc dầu người giàu có tật nguyên, điếc, câm... cũng làm chủ kẻ khác được.

Nghe tâu như thế, Đức vua liền hỏi Bồ Tát: Con hiểu thế nào?

- Tâu, kẻ ngu vô trí tuệ, khi có của nhiều thì say mê, dầu là người sang cả cũng thế, cho rằng ta là cao quý rồi, hằng gây những nghiệp dữ, không hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nghĩa làm sao thi hành như vậy, cứ theo ý muốn mình. Những kẻ tối tăm thường không thấy xa, chỉ biết trong kiếp hiện tại, không xét đến ngày vị lai, nên tạo biết bao điều ác, sau khi tan rã ngũ uẩn sẽ sa trong ác đạo, rồi sanh lên làm người nghèo hèn khổ sở, do các điều dữ đã tạo. Vì kẻ thiếu trí tuệ mới say đắm trong tài, sắc, lợi, danh. Tâu, tôi quan sát thấy như thế, mới hiểu rằng, người có trí tuệ mới cao quý hơn.

Đức vua nghe theo rồi hỏi lại SENEKA ÀCÀRYA rằng: Khanh hiểu thế nào?

- Tâu, MAHOSATHA còn bé, miệng còn hôi sữa, biết gì, xin Hoàng Thượng hãy nghe theo hạ thần. Không cần nói đâu xa xôi như Triệu phú GOVINDASETTHI, nghề nghiệp chi cũng chẳng biết, con trai con gái cũng không, thân hình rất xấu xa, khi nói chuyện thì nước miếng tuôn chảy. Có hai nàng đẹp như ngọc chực hờ, dùng hoa sen xanh tươi chờ hứng nước miếng. Biết bao khách khác tới lui nườm nượp. Họ hết lòng tôn trọng cho đến người sang cả cũng kính nể. Bấy nhiêu cũng đủ rõ ràng, người có của là cao quý hơn bậc có trí tuệ.

Bồ Tát tâu: SENEKA chẳng sáng suốt chỉ thấy gần, chỉ biết có được mà thôi; không quan sát cho chu đáo. Ví như quạ thấy họ làm rớt cục cơm hoặc như chó thấy miếng thịt trong nồi họ quên đây nắp, không xem chừng cây gậy sẽ bỏ trên đầu. Lệnh Hoàng Thượng nên thâm xét. Lệ thường kẻ có của mà vô trí tuệ, khi được vui thì hằng cầu thả vì không thấy 3 tướng phổ thông của vạn vật là vô thường, khổ não và vô ngã, chỉ biết say mê ngũ dục mãi mãi, không tưởng đến sự chết ngày mai. Kẻ tối tăm thiếu trí, khi gặp khổ, tai hại đến thì quên mình tán loạn, giẫy giụa như cá mà bị liệng trên khô. Kẻ vô trí tuệ trong giờ hấp hối thì vật mình kêu khóc, thương tiếc vợ con, của cải thân thuộc, quyến luyến trong vật dục. Nhớ đến nghiệp ác đã tạo, rồi kinh sợ trong bốn ác đạo. Vì thế mà phải nóng nảy bức tức vật mình, khóc kể, sợ sa địa ngục, cũng vì thiếu trí tuệ

Trái lại, bậc có trí tuệ rõ ràng: Sanh ra trong nẻo luân hồi, thì phải chịu luật tuần hoàn sanh tử là một công lệ không sao tránh thoát được.

Tâu, hạ thần thấy rằng: Người mà dính mắc trong của cải thì khó tránh được ác đạo, không nơi nương tựa. Dù là vợ chồng con, của, thân thuộc, bạn bè cũng không làm cho sự đau khổ được nhẹ nhàng, chỉ ấy mắt nhìn nhau mà chịu, không sao cứu vớt được.

Đức vua xoay qua hỏi SENAKA rằng: MAHOSATHA tâu như thế khanh nghĩ sao?

- Tâu, MAHOSATHA biết gì, hạ thần xin ví dụ: Cây có trái hằng có loài điều thú thường lũ lượt bay tới kiếm ăn không dứt, thế nào, người có của hằng có người vãng lai đông đúc. Cho nên người đời hằng có tiền của là hưởng hạnh phúc an vui. Còn kẻ dù có trí tuệ đến đâu, mà nghèo thì không ai ngó đến. Do đó, hạ thần tâu rằng người có của quý hơn kẻ có trí tuệ mà nghèo.

Đức vua xoay qua hỏi MAHOSATHA rằng: SENAKA tâu như thế, con nghĩ sao?

- Tâu Hoàng Thượng, SENAKA giải như trẻ lên 3 tuổi, thấy sao nói vậy. Kẻ vô trí tuệ ví như cây có trái độc, điều thú nào đến ăn quả sẽ bị khổ, khác chi người thiếu trí tuệ. Nếu kẻ nào tới lui thân cận, họ sẽ chết, tức là hư hao của cải. Vì kẻ vô trí tuệ hay bày mưu kế để đoạt của người, chỉ tìm làm việc bất chánh là người ác, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Sau khi thác sẽ xuống ác đạo chịu khổ lâu đời, bị quỷ sứ hành hạ đánh đập, chém đâm bằng các vũ khí cháy đỏ vô cùng khổ sở. Đó cũng vì thiếu trí tuệ. Tâu Hoàng Thượng, người có trí tuệ là quý hơn.

Đức vua phán hỏi SENAKA rằng: Theo lời của MAHOSATHA tâu qua, Khanh nghĩ thế nào?

- Tâu, xin Hoàng Thượng đừng tin lời MAHOSATHA. Hạ thần sẽ thí dụ: Nước sông rạch một khi đã chảy đến biển rồi, không còn tên cũ nữa, lu mờ không rõ rệt. Tôi xét thấy như thế, mới tâu rằng, kẻ giàu quý hơn người trí tuệ là vậy.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA Bồ Tát: SENAKA giảng như thế con nghĩ thế nào?

- Tâu, đức Hoàng Thượng, chẳng nên nghe lời SENAKA. Nước của các sông rạch lớn, nhỏ chảy vào biển, biển giao tiếp nhau bằng lượng sóng nghe lẫn tẩn, lách tách. Dù sóng có lực đến đâu tát vào bờ biển cũng dội lại, không vượt khỏi bờ biển được, thế nào kẻ giàu vô trí tuệ không bao giờ qua khỏi bậc trí tuệ được. Những kẻ ngu độn thiếu trí tuệ, dẫu tranh luận một điều gì với ai cũng chẳng lướt qua bậc trí tuệ nổi. Khi có sự khó khăn nan giải, đều cậy vào bậc trí tuệ. Những người thiếu học được biết tội phước, lợi hại, chánh tà cũng nhờ nghe bậc trí tuệ chỉ dạy. Tâu, tôi xét thấy như thế, mới nhận người có trí tuệ là quý hơn.

Nghe rồi, Đức vua xoay qua hỏi SENAKA nữa rằng: Khanh có lời nào giảng giải cho Trẫm nghe.

- Tâu, lệnh Hoàng Thượng, chớ nên tin lời của MAHOSATHA. Kẻ giàu dù đi, đứng, ngồi trong nơi nào cũng có người kiêng nể, tiếp rước. Chuyện quấy thành phải, chuyện phải ra quấy, mặc dù là bất công. Người có tiền sẽ được phần đông hưởng ứng, nói chi công chúng đều xu hướng theo. Thấy như vậy, nên hạ thần tâu rằng người triệu phú cao quý hơn.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA Bồ Tát: Con nghĩ sao, tâu cho Trẫm rõ.

- Tâu, SENAKA chỉ thấy trong kiếp hiện tại, là người thiếu trí, thấy gần không ngó xa. Những người có của, vô trí tuệ, đen nói trắng, trắng nói đen mà người cũng nghe theo, là vì phần đông là thiếu học. họ nào biết sẽ bị bậc

hiền minh chế trách, đến khi thác còn phải chịu quỷ sứ hành hình nhiều kiếp trong địa ngục. Tiếng xấu còn lưu danh muôn thuở.

Đức vua phán hỏi SENAKA: Có lời chi hãy tâu cho Trẫm nghe

- Tâu, người trí tuệ có sự hiểu biết dày dặn nhiều như địa cầu dày 24 ngàn do tuần, mà nghèo thì nói lời hay cũng vô hiệu quả. Khi đến gần người có của thì ẩn bóng dấu hình, mất mặt, ví như đom đóm ánh sáng nhỏ không được rực rỡ khi mặt trời mọc lên. Do đó hạ thần tâu rằng người có của cao quý nhất trong đời.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA Bồ Tát: Con nên giải cho Trẫm nghe thêm có được chăng?

- Tâu lệnh Hoàng Thượng, SENAKA là người không thấy điều xa hiểu rộng. Bậc trí tuệ thốt lời ngay thật, không nói xuyên tạc theo ai. Bậc trí tuệ hằng được quần chúng ngợi khen và cúng dường bằng các vật báu giữa nơi đô hội. Người trí tuệ hằng quý lời nói ngay thật, sau khi mạng chung được tái sanh làm vua hoặc lên cõi trời. Vì thế tôi tâu rằng, người có trí tuệ cao quý hơn.

Giáo sư SENAKA tâu: Lời của MAHOSATHA vừa trình bày, Hoàng thượng chẳng nên tin. Bồ trâu, tôi trai, tứ gái, các thanh nam nữ cho đến những ngọc ma ni, xà cừ v.v... chỉ phát sanh trong dòng dõi phú gia. Các loài thú cũng thường có đông đúc để làm phương vận tải cho hàng hữu sản. Người có của hằng được thêm nhiều báu vật. Do đó, mà hạ thần mới gọi kẻ giàu là cao quý.

Đức vua bèn xoay qua hỏi MAHOSATHA: Con nghĩ thế nào?

- Tâu, người vô trí tuệ, dù có nhiều của cũng khó gìn giữ được lâu dài, của cải phải bị tiêu mòn, ví như loài rắn không thể giữ da được; phải lột da bỏ lại. Những kẻ chứa của được nhờ trí tuệ, nếu trí tuệ, dầu là Triệu phú, của ấy cũng phải bị hao mòn. Vì thế hạ thần mới tâu rằng bậc trí tuệ quý hơn cả.

Đức vua bèn xoay qua hỏi SENEKA. SENEKA ngẫm nghĩ: Lần này ta làm cho MAHOSATHA phải phục tùng ta mới được. Rồi đáp:

- Tất cả chúng tôi đây hầu hạ, chờ lệnh của Hoàng Thượng. Hoàng Thượng là bậc cao quý, lãnh đạo chúng tôi là hàng có trí tuệ ví như đức Đế Thích hay đàn áp Chư Thiên, nếu người có trí tuệ là quý, hà tất phải tôn sùng người có của như Hoàng Thượng. Tâu, em MAHOSATHA chỉ đem kiếp vị lai để giảng thuyết, không thấy những lợi ích trong hiện tại. Thử hỏi, nếu người óc trí tuệ là quý có sao lại vào hầu trực Hoàng Thượng như vậy?

Lời SENAKA trình bày đây, nếu không phải là đức Bồ Tát, thì khó mà suy tưởng sự lý, ngộ hầu giải đáp cho phân minh được. MAHOSATHA (Bồ Tát) tâu:

- Giáo sư SENAKA là người mù, chỉ biết lợi danh trong đời mà quên đức tính thanh cao là trí tuệ. Kẻ vô trí tuệ khi gặp điều lo sợ, nan giải thì hằng nương nhờ vào bậc trí tuệ chỉ dẫn mới được rõ đường tà, nẻo chánh. Kẻ giàu thiếu trí tuệ hay mù quáng, say mê ngũ dục rồi bị sa sút, bị người chê hay khinh rẻ. Lúc hữu sự thì tối tăm lo sợ, tìm nương vào bậc trí tuệ, cầu các Ngài phá nghi và cứu vớt bằng tinh thần mới được an vui. Do đó, mà bảo tồn tài sản được lâu dài. Như Hoàng Thượng nhờ bậc trí tuệ nên không say mê trong của cải là nhân lôi cuốn chúng sanh vào vòng sanh tử luân hồi. Do có trí tuệ mà sinh linh đắc đạo quả Niết Bàn, thoát ly khổ hải. Các bậc sáng suốt nhất là lệnh Hoàng Thượng hằng ngợi khen và tìm kiếm bậc trí tuệ. Các hàng thánh nhân nghĩa là được khỏi luân hồi, hết phiền não cũng do trí tuệ, khỏi lo sợ trong đời này và kiếp sau cũng nhờ trí tuệ. Như thế, không gọi trí tuệ là cao quý sao nên.

Đức vua hỏi SENAKA: Còn lời chi trình bày nữa chăng?

Khi ấy, giáo sư SENAKA không còn biết điều chi để thi thố nên gục mặt hổ thẹn làm thinh.

Đức Bồ Tát bèn tâu tiếp rằng:

- Trí tuệ là một đức tính mà bậc cao nhân hằng ưa thích, tôn trọng. Kẻ vô trí tuệ hằng say mê của cải, quyền tước lợi danh. Bậc trí tuệ không quyến luyến theo vật chất, bởi đã quan sát thấy rõ rằng các vật chất của cải hằng xúi giục con người gây nhiều tội lỗi, rồi phải bị trầm luân, là nhân sanh các thống khổ không sao tả xiết. Chỉ người có trí tuệ mới có thể phán đoán, biết tìm phương pháp thoát khổ được. Không có chi đem so sánh với đức tính của trí tuệ được. Năng lực của cải không sao vượt khỏi trí tuệ được. Nhận thấy thế, nên hạ thần tâu trí tuệ là cao quý nhất.

Đức vua nghe tâu lời hữu lý nên rất hoan hỉ bèn ban thưởng nhiều báu vật hơn các lần trước.

Bà Hoàng Hậu thấy em là đức Bồ Tát, nay đã lên 16 tuổi, cần phải có người nội trợ để chăm nom gia tài to tát, như thế, nên suy nghĩ tìm một thanh nữ xứng đáng để kết duyên lành với Bồ Tát. Bà bèn tâu cho vua rõ, Đức vua khen phải và phán rằng: Cần tỏ cho Bồ Tát hay trước. Khi Hoàng Hậu cho Bồ Tát hay biết ý định đó, Bồ Tát liền tâu: Xin chờ 3 ngày rồi sẽ tâu với Đức vua. Đoạn Bồ Tát xin để tự mình đi tìm thanh nữ xứng đáng theo ý nguyện. Ngài ra cửa bắc môn rồi đi lần đến quận UTTARA MAJJHAGAMA.

Trong thuở đó, có một nhà trước kia là triệu phú nay đã sa sút. Trong gia đình này có một thiếu nữ tên AMARÀ có đủ đức hạnh và hình dung xinh đẹp. Một hôm sáng sớm cô thiếu nữ đem cháo dâng cho cha nàng đang cày ruộng. Bồ Tát đi đến thấy cô thiếu nữ dung nhan xinh đẹp và tướng mạo đoan trang, rồi thầm nghĩ: Nếu nàng này chưa chồng thì đáng cho ta đem về làm nội trợ được.

Phản nàng thiếu nữ thấy đức Bồ Tát cũng thầm nghĩ, nếu ta được người như vậy để nương bóng từng quân, thì đời ta sẽ được nhiều hạnh phúc, có nơi nương tựa vững vàng. hai bên đồng một quan niệm có ý yêu nhau.

Bồ Tát bèn nghĩ không rõ nàng đã có nơi nào chưa, vậy ta nên thử thách nàng bằng cách ra cử chỉ để đó. Ngài thừa cơ hội nàng liếc xem, Ngài ra dấu "nắm tay lại" xem nàng có hiểu lẽ nào chăng?

Nàng AMARÀ thấy, biết Bồ Tát muốn hỏi nàng có chồng chưa. nàng xoè tay để đáp cử chỉ của Bồ Tát. Bồ Tát hiểu rằng nàng chưa chồng.

Bồ Tát bèn bước lại gần hỏi: - Xin lỗi nàng, quý danh nàng là chi.

- Thưa, cái chi không có trong quá khứ, vị lai và hiện tại ấy là tên của tôi.

- Nay cô! Tình trạng bất diệt là cái không có trong quá khứ, vị lai và hiện tại. Như vậy quý danh của cô là AMARÀ phải không?

- Vâng, tên tôi là AMARÀ.

- Bây giờ đây, cô đem cháo cho ai?

- Thưa, đem dâng cho bậc Tiên Thiên PUBBADEVA.

- Nay cô! Tiên Thiên, tức là cha và mẹ. Vậy có phải cô đem cháo cho thân phụ cô chăng?

- Thưa phải.

- Thân phụ của cô làm nghề gì?

- Cha tôi làm nơi "một thành hai". (Ở nơi "một thành hai" đó ám chỉ là nghề nông cày ruộng)

- Có phải thân phụ cô là nông phu chăng? Và cày ruộng trong nơi nào?

- Vâng, thân phụ tôi cày ruộng trong nơi "đi không trở lại".

- Nơi đi không trở lại đó là nơi tha ma mộ địa, có phải vậy chăng?

- Thưa, nếu một cái đã đến thì tôi không trở về, một cái chưa đến thì trở về.

- Nay cô! Thân phụ cô cày gàn mé nước, nước lên nhiều thì cô không trở về, nếu nước nhỏ thì cô về phải không?

- Thưa phải. Nói xong nàng mời Bò Tát dùng cháo.

Bò Tát nghĩ, nếu không dùng cháo thì thất lễ, vậy ta nên dùng chút ít, Bò Tát bèn nhận lời thỉnh của nàng.

Nàng AMARÀ để cháo trên đất. Bò Tát nghĩ, nếu nàng chỉ dâng cháo mà không dâng nước thì ta không dùng. Nàng AMARÀ dâng nước. Nàng dành riêng phần cho cha nàng. Phần của nàng thì để ra mâm rồi dâng cho Bò Tát dùng. Khi dùng xong, Bò Tát rửa tay và nói rằng: - Tôi mong được biết nhà cô, xin cô vui lòng chỉ đường cho tôi.

Nàng AMARÀ bèn chỉ đường bằng câu đố rằng: - Thưa, quán bán chè, quán bán nước cam và cây có lá hai từng ở trong nơi nào; đó là con đường đi đến quận UTTARA MAJJHAGÀMA, dùng tay mặt cầm cháo mà thử.

Xong nàng bèn kiêu từ để đem cháo cho cha nàng. Bò Tát nhận rõ rằng đường đi đến nhà nàng AMARÀ trước hết gặp quán bán chè, kế quán bán nước cam, rồi gặp cây có lá hai chẵn, đứng xem thì thấy ngã hai, đừng theo nẻo bên trái, mà nên đi ngã bên phải. Bò Tát bèn đi theo câu đố của nàng AMARÀ.

Thân mẫu của nàng AMARÀ thấy Bò Tát là người có tướng mạo đoan trang đến nhà nên mừng rỡ, dọn chỗ mời Bò Tát ngồi và dâng cháo. Bò Tát nói: Nàng AMARÀ đã có cho tôi dùng chút ít rồi.

Mẹ nàng AMARÀ hiểu rằng chàng đến với mục đích muốn được con gái ta. Đức Bò Tát hiểu rõ hoàn cảnh sa sút của gia đình nàng AMARÀ. Bò Tát xin ở trọ ngôi nhà ấy và thưa rằng: Thưa mẹ, tôi là người thợ may, vá và mạng y phục, vậy nhà mẹ có y phục rách mang ra con vá mạng cho.

- Này con! Mẹ có y phục cần phải vá mạng nhiều, song mẹ không có chi để trả công.

- Tôi chỉ mạng không lấy tiền, xin mẹ đừng ngại chi.

Mẹ nàng AMARÀ liền mang rất nhiều y phục trong nhà đem giao cho Bò Tát vá mạng được hoàn bị theo trí tuệ của Ngài. Khi vá mạng xong, Bò Tát yêu cầu rằng: Xin mẹ cho hàng xóm hay những người nào có y phục cũ, rách tôi lãnh vá mạng cho. Chúng dân nghe như thế, nên mang rất nhiều y phục đến cho Bò Tát mạng vá trọn ngày ấy được tiền được 100 lượng. Mẹ nàng AMARÀ lo dọn cơm chiều cho Bò Tát dùng.

Đến bữa ăn tối thì cha nàng AMARÀ và nàng trở về đến nhà. Sau dùng bữa cơm xong, Bò Tát bèn lay tạ song thân của nàng AMARÀ và xin đính hôn cùng nàng. Cha mẹ nàng AMARÀ đồng hoan hỷ nhận lời.

Sáng hôm sau, Bồ Tát dạy vợ lấy nữa cân gạo, làm 3 món ăn: Bánh, cháo và com. Nàng vâng lời làm theo ý chồng, khi làm xong đem dâng đến Bồ Tát. Đồ nấu thật ngon, nhưng Bồ Tát giả bộ chê trách rằng: Nàng dâng cháo, Bồ Tát ném một chút, đoạn Ngài đổ trên đất.

Nàng AMARÀ thưa: Nếu anh dùng cháo không vừa miệng, xin dùng com. Bồ Tát ngửi hơi com rồi cũng chê. Nàng nói: Xin anh dùng bánh. Bồ Tát thọ bánh thử chút ít rồi quở trách liệng bỏ: Thế nàng không rành nghề nấu ăn. Nàng AMARÀ cũng không buồn.

Cư ngụ được 3 ngày, đức Bồ Tát bèn đem hai ngàn lượng bạc dâng đến nhạc gia Ngài mà rằng: Tôi xin dâng chút ít của này đến nhạc gia chi dụng đỡ, tôi sẽ tùy tiện phụng dưỡng song nhạc được an vui trọn đời. Nay tôi xin đem nàng AMARÀ đi cùng tôi, xin nhạc gia hoan hỉ. Hai ông bà đều vui lòng chấp thuận.

Khi Bồ Tát dẫn vợ gàn đến kinh thành MITHILÀ. Ngài gọi vợ cho môn quan. Vào dinh, Ngài bèn dạy hai thiếu nam ăn mặc sang trọng tỏ ra con nhà triệu phú đến trêu ghẹo thử ý vợ Ngài. Hai thanh nam tuân theo lời dạy của Bồ Tát, tìm đủ mọi cách để thử thách nàng AMARÀ nhưng vô hiệu quả, bèn trở về trình cho Bồ Tát rõ. Ngài liền cho người dẫn nàng AMARÀ vào dinh của Ngài. Nàng vào thấy tòa lâu cao sang phú túc, nhưng không rõ là của Bồ Tát, nàng bèn cười rồi khóc. Bồ Tát hỏi: vì sao nàng cười rồi lại khóc?

- Tôi cười, bởi kiếp trước khéo tu nên nay người mới được cao sang như vậy, nghĩ đến cái phước của người nên tôi cười. Còn tôi khóc, vì thương xót người ý quyền cao tước trọng mà bóc lột của lương dân, cưỡng bách vợ người, làm điều tàn ác, ắt sa đọa trong ác đạo chẳng sai.

Bồ Tát nghe qua khen nàng là người chơn chánh, Ngài dạy đem nàng giao lại cho môn quan, rồi vào đền tâu cho Hoàng Hậu rõ: Ngài đã chọn được vợ hiền. Hoàng Hậu tâu cho vua hay, rồi sắm sanh hôn lễ đầy đủ cao sang đến rước nàng AMARÀ, về đến dinh Bồ Tát. Đức vua, Hoàng Hậu cho đến dân gian thấy đều vui mừng phỉ dạ, chúc tặng quà sính lễ nhiều không kể xiết. Nàng AMARÀ bèn chia làm hai dâng đến vua một phần, còn một phần để dùng. Bồ Tát bèn rước song nhạc về phụng dưỡng như cha mẹ ruột.

Nói về bốn giáo sư kia thấy Bồ Tát được vua trọng đãi, quyền cao tước lớn như thế, càng sanh lòng ganh ghét, hằng tìm chước bày mưu để hãm hại.

SENAKA bàn rằng: Chúng ta hãy cáo gian MAHOSATHA là phản nghịch, thì hại hẳn mới được. Vậy mỗi chúng ta hãy tổ chức trộm báu vật của vua là:

Cây trầm bằng vàng,
Hoa bằng vàng là,

Y báu Kambala,
Đôi giày vàng.

Khi đã trộm được bốn báu vật của vua chúng ta đem giấu trong dinh MAHOSATHA rồi vào tâu, vu cáo rằng: MAHOSATHA mong lòng phản nghịch.

Sau khi SENAKA bàn định kế hoạch bèn cùng nhau đồng ý và phân công rằng: SENAKA trộm trâm vàng, PAKUTTHA trộm hoa vàng, KAMINDA trộm y báu, DEVINDA trộm đôi giày vàng.

Khi đã trộm được, SENAKA để cây trâm vàng vào hộp, rồi dạy đứa tớ gái đem bán tại nhà Bồ Tát. Lúc ấy nàng AMARÀ ở trong dinh xem thấy lạ, là đứa tớ chỉ qua lại trước dinh mình. Nàng bèn gọi vào giả bộ mua để hỏi thăm tìm hiểu, khi xem thấy cây trâm vàng của vua, nàng biết là kẻ gian ác, nàng bằng lòng mua. Xong nàng tìm cách hỏi thăm đứa tớ ấy, ai bảo đem bán.

- Chủ tôi là SENAKA.

Nàng niêm lại kỹ lưỡng để rõ ngày tháng và tên SENAKA, tên đứa tớ và cha mẹ của nó.

Phần PAKUTTHA trộm được hoa vàng, rồi dạy đứa tớ gái đem bán nơi nhà của Bồ Tát. KAMINDA trộm y báu KAMBALA để vào giỏ rau, bảo đứa tớ gái đem đến dinh của Bồ Tát mà bán. DEVINDA trộm đôi giày vàng để vào bó lúa giao cho tớ gái đem bán như nhau. Nàng AMARÀ cũng mua tất cả bốn món, rồi biên rõ ngày, tháng, tên họ chủ, tớ và cha mẹ của nó, xong niêm lại kỹ càng. Nàng AMARÀ trình bày rõ rệt cho Bồ Tát hay rõ tụt sự.

Một hôm, bốn vị giáo sư bèn vào chầu vua và tâu rằng: Vì sao Hoàng Thượng không dùng cây trâm vàng mà trang điểm?

- Vậy Khanh hãy đi lấy dâng cho Trẫm trang điểm.

Bốn người giả bộ đi kiếm rồi trở ra tâu rằng: Cây trâm mất rồi, hoa vàng cũng mất, y báu KAMBALA và đôi giày cũng không còn. Bốn người ngời ra vẻ đần độn nghi trong chốc lát rồi tâu rằng: Bốn báu vật này không có trong nơi nào khác, ngoài nhà MAHOSATHA. MAHOSATHA trộm của ấy dễ dàng không kiêng nể Hoàng Thượng, bởi muốn đoạt ngôi Rồng.

Những người tùy tùng chân thành của Bồ Tát nghe rõ bèn chạy về thưa cho Bồ Tát hay. Bồ Tát nói rằng: Ta sẽ vào lập tức, rồi chúng ta sẽ biết nhau. Khi ấy Bồ Tát vào chầu vua. Đức vua không cho gặp mặt. Bồ Tát hiểu ngay rằng vua thịnh nộ, bởi thiếu sự suy nghĩ mà tin lời vu cáo của bốn vị kia, Bồ Tát liền trá hình, giả làm kẻ khó ra khỏi thành MITHILÀ đi đến quận

YAVAMAJJHÀ tá túc nơi nhà người thợ nôi. Tiếng đồn rằng MAHOSATHA đã trốn khỏi thành rồi.

Bốn vị giáo sư nghe qua rất đặc chí rằng: Như thế mới rõ ta là bậc có trí thức. Nay MAHOSATHA trốn rồi, thế vợ của hắn là vợ của ta, suy nghĩ như vậy nên tìm cách tâu vua để cho nàng AMARÀ ở yên.

Mỗi người có ý nghĩ riêng gửi thơ gheo nàng AMARÀ. Nàng nghĩ bốn người này thật đê hèn quá, vậy để ta làm cho họ mang nhơ cho biết mặt. Nghị như thế, nàng liền cho tin mỗi vị nên đến nàng giờ này...

Nàng dạy kẻ giúp việc đào hầm cho sâu rộng, miệng hầm rào xung quanh, trong hầm chứa đầy phân và nước tiểu, miệng hầm đập bằng ván máy, trải nệm trên mặt hầm kín đáo, rào hoa và nước thơm để tắm.

Tối hôm đó, SENAKA trang điểm cao sang, rồi đến dinh Bồ Tát, khi đến nơi, nàng AMARÀ cho mời vào. Nàng tỏ vẻ vui mừng thỉnh SENAKA đi tắm đặng vào nghỉ. Khi ông ta vừa bước lên miệng hầm, bị máy bật té vào hầm phân. Kế PAKUTTHA, KAMINDA và DEVINDA cũng đồng chung cảnh ngộ. Bốn vị phải ở trọn đêm trong hầm phân, nước tiểu, tui nhục vô cùng. Sáng ra nàng AMARÀ dạy người kéo lên cho tắm rửa sạch sẽ, rồi bắt cạo trọc, cạo lông mày, nàng dạy tôi tớ lấy gạch chà xát da cho rướm máu, nấu cháo đặc đổ lên đầu v.v... hành hạ bốn vị vô cùng khổ sở. Nàng cho lấy đệm quán cả bốn vị đó rồi bảo người dẫn vào châu vua. Nàng cũng không quên đem theo đủ cả bốn báu vật mà họ đã trộm được của bốn tội nhân. Nàng AMARÀ tâu rõ tự sự và dâng bốn báu vật đến vua rồi trở về dinh.

Đức vua thấy rõ như thế lấy làm hối hận, không biết xử cách nào, vì Bồ Tát đã đi mất rồi, nên thả bốn vị giáo sư về nhà.

Thử đó, có vị trời thường ngự trên cây lọng nơi nơi Rồng để nghe pháp của đức Bồ Tát, nay Bồ Tát đã vắng mặt vị trời ấy không được nghe pháp nữa, nên tìm dịp làm cho Bồ Tát trở về. Vị trời liền hiện hình cho vua thấy rõ, vừa lúc canh 5 và ra bốn câu đố như vậy:

- 1) Kẻ đánh đập, hiếp đáp, nguyên rửa lại là nơi thương yêu của người. Như vậy là hạng nào?
- 2) Người đánh chửi theo ý muốn, nhưng chỉ nói ngoài miệng, không có ác tâm làm hại, khi đã mắng chửi, đánh đập rồi lại thương yêu hơn trước. Người ấy là hạng nào?
- 3) Người cáo gian kẻ khác, rồi trở tội nghiệp hơn xưa thuộc về hạng nào?
- 4) Người được vật chi cũng lấy (đệm, chiếu, giường, y phục v.v...) càng làm cho người kính thương. Người ấy thuộc về hạng nào?

Đức vua nghe bốn câu đố của vị trời, cố suy nghĩ nhưng không đáp được. Ngài cho vị trời biết rằng Ngài không thể giải đáp, xin chờ Ngài hỏi lại bậc trí tuệ và hứa ngày mai sẽ trả lời. Vị trời bằng lòng nhận theo lời hứa của vua. Sáng ra Đức vua triệu bốn vị giáo sư vào, rồi dạy đáp bốn câu đố ấy. Bốn vị này không đủ khả năng giải đáp.

Tối lại, vị trời hiện ra hỏi nữa. Đức vua đáp: Đã hỏi, mà bốn vị giáo sư cũng không thông.

Vị trời tâu: Trừ MAHOSATHA PANDITA, không một ai hiểu rõ đâu, vậy Đại Vương hãy sai người đi tìm Ngài MAHOSATHA, nếu Đại Vương không tuân lời cho người đi tìm thỉnh Ngài MAHOSATHA về, ta sẽ đập đầu Đại Vương bằng cây gậy sắc cháy đỏ này, ví như kẻ tìm lửa, rồi gập đom đóm tưởng là lửa, lại đem củi và củi khô đến nhúm, mong gì được lửa, hoặc ví như người muốn được sữa bò, lại tìm sữa ở sừng bò làm sao mà được sữa? Nay Đại Vương! Các vị Đế Vương xưa kia thắng được địch, nhờ có tri thức biết dùng người tài năng thao lược, trong nước mới được thái bình. Còn Đại Vương tin đom đóm mà cũng tưởng là lửa, thì tránh sao khỏi điều thất bại. Ngài MAHOSATHA ví như đám lửa to, rục rở bằng trí tuệ. Nay Đại Vương hỏi những câu đố nơi bốn vị giáo sư kém trí tuệ ấy, như ánh của đom đóm có đặng chăng? Đại Vương hãy sai người đi rước MAHOSATHA về và hỏi cho được, bằng không ta chẳng để cho Đại Vương sống đâu!

Vị trời hăm dọa Đức vua như thế rồi biến mất. Lúc ấy Đức vua lấy làm kinh hãi sợ chết. Sáng ra lâm triều, Đức vua liền phán cho bốn đại thần dẫn quân đi tìm rước Bồ Tát MAHOSATHA, mỗi vị đi một hướng. Ngài dạy phải tìm cho gặp MAHOSATHA rồi cúng dường một ngàn lượng và rước về đền lập tức. Bốn vị đại thần tuân lệnh đi kiếm khắp nơi. May thay! Vị đại thần đi hướng đông được gặp Bồ Tát tại quận YAVAMAJHAGANA. Ngài đang nhồi đất làm nôi với chủ nhà, cả hai bàn tay Ngài đều lấm đất như các người thợ khác. Ngài không cố chấp, cách ăn ở bình dân, khác nào kẻ làm công trong nhà vậy. Với hành động cao đẹp này là muốn trả lời cho Đức vua thấy rằng Ngài không phải là kẻ phản bội.

Khi thấy vị đại thần từ xa đến, Ngài biết rằng mong được gặp Ngài. Đến gần Bồ Tát, vị đại thần thi lễ, rồi trình bày ý muốn của Đức vua, và dâng một ngàn lượng bạc của vua ban thưởng. MAHOSATHA thọ rồi đền ơn lại cho chủ nhà. Xong Ngài lên xe trở về thành. Vị đại thần vào tâu trước cho Đức vua hay. Đức vua hỏi: - Khanh gặp MAHOSATHA ở nơi nào và đang làm gì?

- Tâu, tại nhà thợ làm nôi và đang nhồi đất nắn nôi.

Đức vua bèn nghĩ: Nếu MAHOSATHA thật phản nghịch, lẽ đâu phải chịu cực khổ làm nghề ấy. Như thế con Trẫm thật là bậc trung nhân, rồi dạy mời vào.

Vị đại thần tâu: MAHOSATHA mình lấm đất chưa được tắm rửa.

Đức vua nghe thấy làm cảm động, dạy vị đại thần ra cho phép MAHOSATHA về dinh tắm rửa sạch sẽ, trang điểm như trước rồi sẽ vào chầu.

Sau khi về dinh tắm rửa trang sức xong, Bô Tát MAHOSATHA vào đền. Đức vua dùng lời an ủi và hỏi thử rằng: Nay con MAHOSATHA! Có hạng người nghĩ rằng đã được vừa ý rồi không làm tội, có hạng người vì sợ phần đông chê trách nên không dám làm tội, có hạng vô trí tuệ không làm được rồi nín thinh; không tìm làm dữ, về phần bậc có nhiều trí tuệ, cái chi cũng biết như con, có thể mong sự nghiệp to tát trong thế gian, vì sao con lại bỏ thờ lãnh đạm, không hại Trẫm?

- Tâu, lẽ thường người có trí tuệ không bao giờ chỉ mong vui cho mình mà làm khổ kẻ khác. Dù là nghèo khổ đến đâu cũng chẳng tạo nghiệp dữ. Bậc trí tuệ hằng tìm làm việc chơn chánh, trong sạch, không khi nào bỏ qua lẽ phải, không dám tây vị vì thương, vì ghét, vì si mê. Tâu, xin Hoàng Thượng hiểu như vậy.

- Nay con MAHOSATHA! Trong đời này, khi người đã bị cảnh nghèo đói rồi, có ai nín thinh mà chịu được, họ tìm mưu sanh hạnh phúc trước, rồi sau tự hối tu hành không được sao?

- Tâu, bậc trí tuệ không bao giờ làm khổ ai, nhất là với an nhân. Không nói đến người, dù là cây mà bậc trí tuệ đã nương tựa, họ cũng không làm rơi lá gãy nhánh. Người đã nhờ bóng cây, rồi làm cho cây trơ trụi, gọi là kẻ xấu xa, phản bội, không cần nói đến kẻ sát hại ân nhân, người bạc nghĩa cũng gọi là kẻ phản bạn, có đại tội. Như đối với lệnh Hoàng Thượng, Hoàng Thượng ban thưởng tôi nhiều đặc ân, nếu tôi hại Hoàng Thượng, thì tôi là kẻ phản bội quên ơn.

Rồi Ngài thuyết về tội của Đức vua rằng:

- Tâu lệnh Hoàng Thượng, người sanh ra trong đời, đã thọ ân thầy dạy bảo, dù là một câu kinh, một lời lành cũng gọi là ân sư, kẻ thọ giáo là môn đệ chẳng nên quên ơn, không thậm trọng tỏ vẻ lãnh đạm, làm điều không tốt với thầy, kẻ ấy là kẻ vong ân bội nghĩa có tội.

Rồi Ngài chỉ giáo thêm cho Đức vua rằng:

- Người cư sĩ thọ dụng ngũ dục nếu thiếu sự tinh tấn, là kẻ lười biếng thì không gọi là người tốt. Cư sĩ mà biếng nhác thật là không hay đâu. Bậc xuất gia mà phá giới cũng là điều hư hại trong Phật pháp. Hàng vua chúa, mỗi khi làm việc mà không quan sát tỉ mỉ, tinh tường, khi nghe có được lời chi, tinh tường, khi nghe được lời chi thời vội tin, không quan tâm dò xét, phán đoán cho chu đáo, thì không tốt cho đế nghiệp. Lệ thường, bậc thống trị trong nước, mà hành động việc gì thiếu trí tuệ dẫn đo, cân nhắc, thật là khổ, không hay. Người có trí tuệ mà bị sân hận đè nén, hoặc tây vị vì sân, thực hành theo sự nóng giận chệnh lệch gọi là không tốt trong đời. Tâu Hoàng Thượng, lệ thường Đức vua cần phải dùng trí tuệ suy xét chớ chín chắn rồi mới nên làm, bằng chưa chẵn nên làm. Đức vua nào thực hành theo trí tuệ và tìm xét cẩn thận thì hằng thịnh đạt, quốc thái dân an, ngai vàng kiên cố.

Đức MAHOSATHA (Bồ Tát) vừa giảng dạy xong, Đức vua VIDEHARAJA liền thỉnh Ngài lên ngai vàng, còn Đức vua ngồi bên cạnh phía dưới, rồi phán rằng: Này con! Có vị trời trên cây lọng trên ngai vàng hiện ra hỏi bốn câu. Trẫm và bốn giáo sư đều thúc thủ, cầu con giảng giùm cho rõ.

- Tâu, câu đó ấy như thế nào, xin Hoàng Thượng cho con rõ?

Vấn: - 1) Người càng bị đánh chửi, thì càng làm cho kẻ khác mến yêu, là hạng người như thế nào?

Đáp: - Tâu, đó là hài đồng mà người mẹ để nằm trên đầu gối. Thông thường, hài đồng nằm trên gối mẹ hằng vui thích đùa giỡn cùng con; khi đánh, lúc lại đập nít tóc mẹ, vả miệng mẹ, còn người mẹ lại nâng niu hôn hít con, càng yêu mến con là như thế.

Vị trời nghe rõ bèn hiện ra, hoan hô khen ngợi là đúng, hay lắm, rồi cúng dường Bồ Tát bằng hoa trời để trong hộp ngọc, xong rồi biến mất. Đức vua thấy thế càng hoan hỷ ban thưởng rất nhiều châu báu, rồi hỏi thêm câu thứ hai.

Vấn: 2) - Này con! Người đánh chửi theo ý muốn mình, song chỉ mắng ngoài môi chớ lòng không sân hận rồi trở lại càng thấy thương yêu hơn trước. Đó là hạng người nào?

Đáp: - đó là mẹ chửi rửa con, rồi trở lại thương yêu con hơn trước. Sự thật, khi người mẹ đã thấy con lên 6, 7 tuổi có thể sai khiến được, nhưng đưa con thường hoang du từ sáng cho tới tối, rồi không dám trở về nhà, phải nương náu nơi quyền thuộc, lại vuốt ve mơn trớn con, rồi dẫn con về nhà mà rằng: Này con! mẹ rầy la bấy nhiêu mà con phiền sao? Khuyên rồi càng thương con hơn trước.

Tâu Hoàng Thượng, câu đố thứ nhì là bà mẹ mắng, chửi con theo sở nguyện, rồi càng thương con hơn bội phần.

Vị trời liền hiện ra cúng dường và Đức vua ban thưởng như trước. rồi xin hỏi đến câu thứ ba.

Vấn: 3) - Người dùng lời dối, đổ lỗi cho nhau, sau lại càng thương yêu nhau hơn trước, là hạng người nào?

Đáp: - Tâu, đó là lời vợ chồng đổ lỗi cho nhau rằng: Em không thương anh chỉ tìm yêu kẻ khác, vợ cũng nói anh bỏ bụng em, quyến luyến phụ nữ khác..... Đổ lỗi cho nhau như thế, rồi trở yêu nhau hơn trước. Đó là câu đố nói về vợ chồng tỏ lời không thật cùng nhau như vậy, rồi càng trở mến yêu nhau.

Vị trời liền hiện ra tỏ lời Sadhu và cúng dường, Đức vua cũng ban thưởng như trước, rồi hỏi đến câu thứ tư.

Vấn: 4) - Nay con MAHOSATHA! Trong đời, có người thọ nhiều vật dụng của kẻ khác, thì càng làm cho họ thêm phần kính mến, đó là hạng người nào?

Đáp: - Tâu, đó là nói về các thầy sa môn, Bà La Môn, tu phạm hạnh rồi được thí chủ dâng cúng nhiều vật dụng (thực phẩm, y phục, chỗ ở, mũng, chiếu, thuốc men). Thí chủ được cúng nhiều thì họ càng vui thích, kính mến nhiều vì là làm cho họ càng được phước báu. Câu đố này ám chỉ các thầy sa môn, Bà La Môn tu phạm hạnh trong sạch, làm cho thí chủ phát sanh đức tin dâng cúng vật dụng đến các Ngài. Khi các Ngài thọ lãnh, họ càng hoan hỷ và kính mến nhiều.

Lần này, Chư Thiên hiện xuống rất nhiều tỏ lời Sàdhu và cúng dường đủ cả 7 báu. Đức vua ban thưởng nhiều báu vật và phong cho làm đại tướng tại triều. Từ đây Bồ Tát càng thêm vinh quang chói lọi.

Về sau, bốn vị giáo sư bàn luận nhau về địa vị cao siêu của Bồ Tát rằng: Nay MAHOSATHA rất có uy thế cao sang hơn chúng ta rồi! SENAKA liền nói: Nay tôi có một kế để báo thù MAHOSATHA, vậy chúng ta hãy đến giả bộ thăm viếng và hết lòng thân thiết với MAHOSATHA rồi hỏi về pháp "nên giấu kín việc mình với ai, nên nói việc kín với ai", rồi vào tâu vu cáo cho vua hay rằng MAHOSATHA muốn đoạt ngai vàng. Các ông có hợp ý chăng?

Ba vị kia đồng tán thành rồi đem nhau đến dinh MAHOSATHA. Khi gặp nhau, MAHOSATHA (Bồ Tát) tiếp đãi bốn vị giáo sư rất trọng hậu. Sau khi

trò chuyện vui vậy SENAKA bèn hỏi: Thưa bậc trí tuệ, con người nên giấu việc chi kín với ai, nói việc kín đến ai?

- Bậc trí tuệ không nên tỏ việc kín cho ai cả.

Nghe như thế bốn vị giáo sư rất hoan hỷ, bèn từ giả ra về. Sáng ra, bốn vị giáo sư vào châu tâu lên cho vua hay rằng MAHOSATHA (Bồ Tát) cố ý giấu việc kín, cố làm điều phản.

Khi MAHOSATHA(Bồ Tát) vào châu, vua liền hỏi:

- Nay con MAHOSATHA (Bồ Tát)! Con nghĩ thế nào? Việc kín của mình nên tỏ cho ai biết?

- Tâu, lệ thường việc kín không nên tỏ cho ai biết, thì sẽ đem nhiều lợi ích cho mình, bằng nói việc kín của mình với kẻ khác, bậc trí tuệ không khen đâu, khi công việc mong muốn được kết quả rồi mới nên nói ra. Các bậc trí tuệ thấy thế, nên hằng dầu nhem việc kín của mình.

Nghe MAHOSATHA (Bồ Tát) tâu như thế, Đức vua liếc xem SENAKA và nghĩ tin chắc lời tâu lên của bốn vị giáo sư kia, cho MAHOSATHA là mưu phản, nên Đức vua rất bất bình. MAHOSATHA (Bồ Tát) thấy thái độ của vua, đoán biết rằng vua tin tưởng lời vu cáo của SENAKA rồi quỳ lạy ra khỏi đền.

Đức Bồ Tát nghĩ rằng: Bốn vị này, một vị tâu chỉ nên nói việc kín với bạn, một vị nói nên cho con hay, một vị chỉ nên nói cho mẹ biết, một vị nói nên cho em trai rõ, vì họ đã toan tính nhau trước rồi. Vậy nay ta vào núp trong thùng đựng nếp này để tìm nghe cho rõ nhân quả thế nào. Nghĩ như thế, Ngài dạy người hầu dời thùng đựng nếp lại, Ngài vào núp trong đó, bảo người lấy đồ đập che cho khuất và dặn rằng: - Sau khi bốn vị giáo sư đến hội rồi đi ra khỏi nơi đây, người sẽ trở lại cho ta hay.

Khi ra khỏi ngõ môn, SENAKA bèn hỏi về lời tâu của 3 vị rằng: Chỉ nên nói sự kín cho mẹ biết, cho con và cho em trai đó do nhân nào?

Ba vị kia đồng hỏi lại SENAKA: Còn ông tâu nên nói việc kín với bạn là thế nào? SENAKA bèn khai rằng: Các ông có biết cô gái giang hồ NAGARA chăng?

- Chúng tôi biết nàng ấy, song hôm nay không biết cô ấy ở đâu?

- Nàng ấy đã bị tôi giết rồi. Một hôm, tôi dẫn nàng đi dạo nơi ngự uyển và ngủ cùng nàng, song thấy nàng có nhiều vật quý trong mình tôi phát lòng tham, nên tôi sát hại nàng rồi đoạt cả đồ nữ trang, nay tôi vẫn còn cất giữ để làm kỷ niệm. Tôi giấu kín việc ấy, chỉ cho bạn thiết biết mà thôi, vì thế, nên tâu rằng chỉ nói việc kín cho bạn thiết biết.

SENAKA bèn hỏi việc kín của PAKUTTHA. PAKUTTHA khai rằng: Chân tôi có bệnh phong, chỉ có em trai tôi biết. Mỗi buổi sáng em tôi lấy thuốc băng bó chân bệnh lở, rồi tôi mới vào châu. Đức vua gọi tôi vào gần rồi dựa mình vào chân tôi và khen rằng chân tôi mềm dịu, nhưng mềm dịu do băng bó ghẻ phong đó. Đức vua mà biết được ắt tôi bị tội nặng, nên không có ai biết cả, chỉ có em tôi biết mà thôi.

KAMINDA khai sự kín của mình rằng: Tôi đã trộm ngọc ma ni của đức Đế Thích ban cho Đức vua KUSARAJA là hoàng thái hậu của Đức vua VIDEHARAJA hiện thời. Nhờ oai lực của ngọc ma ni, nên mỗi khi tôi vào châu, Đức vua gọi tôi trước hơn cả, rồi ban cho tôi từ 8 đến 16 hoặc 32 đồng mỗi bữa. Việc kín này chỉ có mẹ tôi hiểu, nên tôi đã tâu như vậy.

Cả bốn vị giáo sư trình bày việc kín của mình như thế như thế, rồi trở về nhà, chờ sáng hôm đặng giết MAHOSATHA (Bồ Tát). Đức Bồ Tát núp trong thùng đựng nếp nghe đủ cả.

Đức vua vì không kịp suy xét, nên vội tin lời vu cáo của SENAKA, bèn trao gươm vàng dạy SENAKA phải hạ sát Bồ Tát trong buổi sáng mai khi Bồ Tát vào châu.

Sáng hôm sau, bốn vị giáo sư mặc triều phục đến trước ngọ môn núp chờ hại Bồ Tát. Ngày càng trưa, chẳng thấy Bồ Tát đến, nên bốn vị vào châu. Đức vua phán hỏi, các khanh đã giết MAHOSATHA (Bồ Tát) rồi chăng?

- Tâu, chúng tôi chờ lâu mà chẳng thấy MAHOSATHA (Bồ Tát)

Bồ Tát chờ mặt trời mọc lên cao rồi mới mặc triều phục vào châu, có cả quân hộ vệ, quỳ lạy Đức vua. Đức vua VIDEHARAJA động lòng hiểu rằng MAHOSATHA (Bồ Tát) không có tâm phản nghịch, nên hết lòng kính trọng ta. Ngài phán gọi MAHOSATHA (Bồ Tát) vào gần và hỏi: Hôm qua con về sớm, bữa nay con về trễ, con có điều chi nan chẳng? Và có nào con vào châu có cả quân hộ vệ.

- Tâu, hôm qua Hoàng Thượng trao gươm vàng cho bốn vị giáo sư lén hại tôi tại ngọ môn, cho nên hạ thần vào châu hôm nay có cả quân hộ vệ.

Đức vua nghe qua rồi liếc xem Hoàng Hậu, vì nghi bà thông tin cho MAHOSATHA (Bồ Tát). Đức MAHOSATHA (Bồ Tát) hiểu rằng, vua thịnh nộ Hoàng Hậu, nên Ngài quỳ tâu rằng: Thánh thượng nghi lệnh Hoàng Hậu thông tin cho tôi biết chuyện kín của thánh thượng. Hạ thần xin trình bày những điều kín cho thánh thượng tường tri.

- Tâu, SENAKA này, có tâm hèn hạ, làm những tội tày trời, ông là bậc giáo sư thân cận chỉ dạy thánh thượng. Tâu SENAKA là bậc đê hèn, dẫn cô gái

giang hồ NAGARA đến ngự uyển ân ái nhau rồi giết nàng NAGARA đoạt tất cả nữ trang để làm của.

- Tâu, nếu Hoàng Thượng mong bắt kẻ nghịch, nên nả tróc SENAKA trước đi.

Đức vua hỏi SENAKA. SENAKA nhìn nhận tội lỗi y theo lời của MAHOSATHA (Bồ Tát) vừa tâu. Ngài hạ lệnh bắt giam SENAKA nơi ngục đường.

Kê, MAHOSATHA (Bồ Tát) lần lượt trình bày nghiệp ác của PAKUTTHA có ghê hong nơi chân, không đáng vào châu Bộ Hạ đầu. KAMINDA có bệnh điên, bị quỷ nhập không nên làm thầy Hoàng Thượng đầu. DEVINDA là kẻ trộm ngọc ma ni. Đức vua nghe tâu qua, rồi hỏi cả 3 vị đều thú tội. Đức vua truyền lệnh tống giam vào ngục như SENAKA.

Tiếp theo, đức MAHOSATHA (Bồ Tát) giảng thuyết về đức tính của sự thâm kín rằng: Tính giấu kín là cao quý đáng cho bậc trí tuệ ngợi khen. Sự thô lộ việc bí mật của mình hàng trí tuệ hằng cố tránh. Bậc trí tuệ mong điều gì, mà chưa thành tựu thì vẫn giữ kín, chẳng cho một kẻ nào biết được. Phàm ở đời bậc trí tuệ hằng giữ kín công việc như giữ hàm của cải. Sự không tiết lộ là tánh cách quý của hàng trí tuệ. Các Ngài không bao giờ nói việc của mình cho phụ nữ nghe, với kẻ thù cũng thế, vì sẽ có tai hại đến mình. Với kẻ tham danh dục lợi, với người nghịch hay phường giả dối ngoài môi (khẩu Phật tâm xà), bậc trí tuệ vẫn kín miệng. hàng trí tuệ thường lo sợ kẻ biết việc kín của mình.

Lệ thường bậc trí tuệ muốn trình bày việc kín cho bạn trí tuệ nghe, thì hằng bàn với nhau trong khoảng trống, để ngừa sự nghi nan kẻ khác. Nếu luận cùng nhau trong nơi khuất lấp, làm cho người tìm hiểu dễ dàng, sẽ bị tiết lộ mau lẹ.

Đức vua nghe lời giảng giải thanh cao của Bồ Tát lấy làm hoan hỷ, rồi dạy quân dẫn bốn vị pháp sư ra pháp trường xử trảm. Bồ Tát liền quỳ, tâu xin lượng khoan hồng của vua, xá tội cho họ. Đức vua chuẩn tấu, nhưng dạy phải làm tội mọi cho Bồ Tát đến trọn đời. Bồ Tát cầu vua ân xá phục chức như xưa.

Với hành động cao đẹp này, làm cho Đức vua kính phục và suy nghĩ rằng MAHOSATHA (Bồ Tát) là bậc hiền nhân quân tử, không lòng phản nghịch và từ bi cứu vớt người thù nữa thật là hiếm có. Đức vua ban thưởng đến MAHOSATHA (Bồ Tát) rất nhiều báu vật.

Từ đây, bốn vị giáo sư chẳng còn phương chước nào vu cáo Bồ Tát nữa, vì như rắn đã bị người lấy nọc ra hết.

Bồ Tát bắt đầu dạy đạo cho Đức vua và lo xây thành đắp lũy kiên cố, gìn giữ sơn hà xã tắc cho được thịnh đạt lâu dài. Ngài có nuôi con kết POTAKA tập nói tiếng người, kết rất khôn ngoan, dạy sao thì hành theo không sai chạy. Bồ Tát bèn dạy kết POTAKA bay đi dò thám các nước, cho biết ngoại bang nào mong mỗi điều gì, cho tỉ mỉ rồi trở về báo cáo cho Ngài rõ.

Kết POTAKA thừa lệnh bay đến kinh đô UTTARAPANCA do Đức vua CULANIBRAHMADATTA trị vì, có vị cố vấn danh là KEVATA là bậc bác học đang dạy đạo cho Đức vua.

Một ngày nọ, vị cố vấn KEVATA thức sớm xem thấy trong dinh có đủ cả báu vật và kẻ tùy tùng thật là cao sang, hiếm người sánh bằng, nên ông nghĩ rằng: Những sự vinh quang đều do Đức vua ban thưởng cho ta. Vậy ta nên tìm cách làm cho Đức vua trở thành vị Hoàng Đế duy nhất trong đời, thì ta cũng được quyền cao tước lớn, một vị cố vấn tối cao. Xong KEVATA liền vào châu, tâu rằng: Hạ thần có việc bí mật cần tâu cho Hoàng Thượng rõ. Đức vua nghe rồi đồng cùng KEVATA vào ngự uyển.

Khi kết POTAKA thấy cử chỉ của vua và KEVATA như thế, hiểu rằng vua và vị cố vấn có việc kín muốn bàn cùng nhau. Vậy ta nên cố gắng tìm nghe cho đầy đủ, nghĩ rồi liền bay theo vua và KEVATA.

Khi Đức vua CULANIBRAHMADATTA đến ngự uyển an tọa rồi, KEVATA tâu rằng: việc mà hạ thần tâu đây chỉ nên nghe được bốn tai mà thôi, nếu Hoàng Thượng nghe theo, thì sẽ thành một vị đại Hoàng Đế trong đời.

Nghe qua lời tâu của KEVATA, Đức vua lấy làm thỏa thích vâng cùng, nên phán hỏi rằng: Vậy khanh muốn cho Trẫm phải làm thế nào, Trẫm sẽ làm theo lời sáng suốt của khanh.

- Tâu, xin Hoàng Thượng phát binh đến các tiểu quốc. Phần hạ thần đi đi khuyên các tiểu bang nên hàng phục, vì Đức vua của tôi nước giàu dân mạnh có đủ binh hùng tướng giỏi lại thêm đức hạnh, không cự địch nổi, các Ngài đầu hàng thì sự nghiệp Đế Vương đâu có mất, cũng vẫn ngồi trên ngai vàng như cũ, lại khỏi hao binh tổn tướng. Như thế các tiểu vương sẽ đầu hàng. Khi các tiểu bang đã qui phục, thì chúng ta sẽ đem binh chinh phạt các cường quốc. hạ thần cũng đi chiêu hàng; nếu các đại quốc chống cự, chùng ấy ta có thêm binh hùng tướng mạnh, sẽ cử đại hùng binh chinh phạt bắt vua ấy mà hạ sát. Khi đã thu phục được tất cả một trăm lẻ một nước, chúng ta sẽ bày yến tiệc trọng đãi một trăm lẻ một vị vua tại ngự uyển, cho uống rượu độc chết hết, thì lo chi Hoàng Thượng không được làm một vị đại Hoàng Đế trên thế gian này. tâu, xin thánh thượng giữ kín kế này chảng nên để cho ai thấu rõ.

Vì kết POTAKA thám tử, được nghe rõ mọi điều, liền lần xuống nhánh dưới rồi đại tiện ngay KEVATA. Vị cố vấn này ngược đầu lên xem, và nói rằng cái chi rớt trên đầu ta đây, vừa thả môm thì kết lại đại tiện ngay vào nữa, rồi kết kêu ki ri, ki ri, xong nhảy lên cành trên nói bằng tiếng người rằng: - Nay cố vấn KEVATA, người tưởng rằng chỉ có bốn tai nghe sao? Bây giờ đây đã có 6 tai nghe rồi, dần dần sẽ thành 8 tai và rất nhiều tai nghe thêm nữa.

Đức vua CULANI và vị cố vấn rất bức tức, liền dạy quân lính phải bắt cho được con kết. Nhưng than ôi kết đã đập cánh bay về phương trời xa thẳm làm cho Đức vua CULANI và cố vấn KEVATA ôm sầu nuốt hận.

Kết POTAKA đến nước, bay thẳng vào dinh, đáp trên vai của MAHOSATHA (Bồ Tát), vì kết POTAKA này biết nói tiếng người và được tập thuận thực rất khôn ngoan, không muốn cho ai hay biết, nên nó đậu trên vai Bồ Tát, là chỉ mong một mình đức Bồ Tát nghe mà thôi, đây là thói quen của kết POTAKA. Đức MAHOSATHA đem kết POTAKA lên tầng lầu cao thanh vắng, rồi hỏi người đi đâu dò xét như thế nào?

- Thưa chủ, tôi bay đến thủ đô UTTARA PANCÀ MAHANAGARA có Đức vua CULANÌBRAHMADATTA thống trị và vị cố vấn KEVATA đi đến thượng uyển bàn việc kín cùng nhau, rồi kết POTAKA tỏ hết những lời KEVATA tâu vua CULANÌ cho MAHOSATHA nghe.

Khi đã rõ câu chuyện quan trọng như thế, Bồ Tát bèn thưởng cho kết POTAKA vừa lòng. Từ đây MAHOSATHA lo việc cải cách điền địa khuyếch trương thương trường, chỉnh đốn việc ăn ở của nhân dân. Ngài cho dân nghèo ra ở ngoài thành, nhà giàu vào cư ngụ trong thành và dạy phải làm ruộng rẫy, tích trữ lúa gạo v.v. cho đầy kho.

Đức vua CULANÌBRAHMADATTA thi hành theo lời tâu của KEVATA đem binh chinh phạt các tiểu quốc. Còn KEVATA thì dùng lời lẽ để khuyến dụ các tiểu bang qui thuận, rồi đến đại quốc. Cứ theo kế hoạch ấy chẳng bao lâu, Đức vua CULANÌ thân phục được một trăm lẻ một nước nhỏ lớn.

Khi ấy, những thám tử của MAHOSATHA đã cho đi dò xét trong các nước cho người trở về phi báo cho Bồ Tát rõ tự sự rằng: Trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, Đức vua CULANÌBRAHMADATTA đã chinh phục tất cả 101 nước chỉ còn sót xứ MITHILÀ. Đức vua CULANÌ bèn xúi KEVATA đem binh đánh thành MITHILÀ.

KEVATA tâu: - Kinh đô MITHILÀ có MAHOSATHA PANDITA bậc nhiều trí tuệ đã bảo vệ kiên cố, khó cho chúng ta phá được. Và lại, bậc nhiều trí tuệ dù có binh chinh phạt được cũng bị hao binh tổn tướng rất nhiều, chi bằng ta để yên, thông thả rồi xứ MITHILÀ cũng sẽ vào tay chúng ta.

Sau khi đã thu binh về nước, Đức vua CULANÌ dạy dọn dẹp, trang hoàng thượng uyển để tiếp đãi tất cả 101 vị vua đã qui phục rồi dùng độc tửu, giết cho chết hết để được làm Đại Hoàng Đế một mình.

Các thám tử bèn thông tin cho MAHOSATHA hay rằng, ngày này, tháng này Đức vua CULANÌ làm lễ ả tửu khai hoàn.

Đức MAHOSATHA nghe qua biết rõ kế độc ác sâu hiểm của vua CULANÌ. Ngài rất thương xót tất cả các vị vua sẽ mang đại hại vì rượu độc: - "Ta là người có trí tuệ đâu nỡ ngồi yên xem cái chết của các vua ấy đâu. Vậy, ta ta hãy là nơi nương tựa của quý Ngài". Nghĩ xong, Bò Tát bèn truyền lệnh, sai 1000 quân tinh nhuệ cho qua đến ngự uyển của vua CULANÌ BRAHMADATTA, nửa đêm thừa lúc chúng bất cẩn, tấn công vào đập phá tất cả những tìn rượu độc trong cuộc lễ và cho biết rằng MAHOSATHA sai quân phá hoại.

Đức vua CULANÌ và 101 tiểu vương rất giận MAHOSATHA. Đức vua CULANÌ bèn truyền lệnh khiến 101 tiểu vương đem binh chinh phạt thành MITHILÀ bắt cho được MAHOSATHA và vua VIDEHARÀJA hạ sát cho được mới nghe. Xong rồi Đức vua CULANÌ bèn vào phòng kín để thương nghị với vị cố vấn KEVATA

KEVATA tâu: - Thủ đô MITHILÀ có MAHOSATHA bảo vệ thành trì kiên cố như hang đá, và lại người là trí tuệ trên đời, sợ e ta đem binh đi không kết quả chi, mà lại còn mất thanh danh nữa.

Nghe KEVATA tâu như vậy, nhưng Đức vua CULANÌ vì háo chiến, cho mình là chúa tể, tự cao nên không nhận lời, bèn dẫn đại chũng binh và cả một trăm lễ một tiểu vương qua chinh phạt thành MITHILÀ.

Những thám tử vào báo tin cho MAHOSATHA hay rõ tự sự. Đức vua VIDEHARÀJA liền phát binh phòng thủ cẩn mật không dám dễ duôi.

Đức vua CULANÌ dẫn đại binh đến thành MITHILÀ, rồi lệnh bao vây thành bằng voi binh một vòng, mã binh một vòng, sau rốt là bộ binh. Quân binh trùng trùng điệp điệp, nào tiếng voi, ngựa, xe, người nghe rầm rộ, vang rền như trời gầm núi lở.

Nói về bốn vị giáo sư khi nghe tiếng quân binh rầm rộ, nên lo sợ lén vào tâu Đức vua VIDEHARÀJA: - Tâu lệnh Hoàng Thượng, chẳng hay chuyện chi xảy ra, mà có tiếng người, ngựa la ó rền trời như thế?

- Trẫm nghe báo rằng Đức vua CULANÌ, dẫn binh qua đánh nước ta. Vậy Trẫm cùng các khanh lên lầu xem thử. Vua tôi đồng nhau lên xem thấy. Ôi! Là quân binh trùng trùng điệp điệp vây chặt vòng thành, khiến cho chúa tôi

kinh sợ chết, than thở cùng nhau chẳng biết mưu kế chi để bôn đảo tị nạn. Trong lúc sợ hãi ấy, thỉnh linh thấy đức Bồ Tát mặc triều phục chỉnh tề vào đến sân rồng, sắc mặt vui tươi bình tĩnh không chút gì lo ngại, như chúa sơn lâm.

Đức vua thấy MAHOSATHA vào chầu, Ngài rất mừng và nghĩ rằng: Ngoài MAHOSATHA ra không có một ai đáng là nơi nương nhờ của Trẫm được. Ngài liền ngỗ lời rằng: Nay con MAHOSATHA! Nay vua CULANÌBRAHMADATTA đã cử đại hùng binh có cả 101 tiểu vương đến vây chặt bốn phía thành nào là voi binh, mã binh, xa binh và bộ binh đông nghệt, không người qua lọt, voi rống ngựa hí, xe kêu, người la rầm rộ rền trời, vang đất, chúng ta không còn nẽo trốn thoát, ngoài con ra Trẫm xét chẳng có ai đủ tài năng giải khổ được, con mau liệu biện mưu nào cho Trẫm khỏi sa vào tay kẻ nghịch.

MAHOSATHA nghe qua những lời phó thác sanh mạng và tin tưởng ở mình, Ngài rất tội nghiệp cho Đức vua quá lo sợ chết, nên yêu cầu ta giải khổ cho. Vậy ta nên làm nơi nương tựa của Đức vua, ví như vị lương y là nơi nhờ cậy của bệnh nhân, như thực phẩm là nơi trông cậy của người đói; hoặc như nước là nơi cần yếu của kẻ khát.

Nghĩ như thế Bồ Tát bèn tâu rằng: - Xin Hoàng Thượng yên tâm chớ lo ngại chi cả, sự dẹp giặc là phận sự của hạ thần, dù vua CULANÌ có quân binh nhiều đến đâu, hạ thần cũng trừ được dễ dàng, hạ thần sẽ làm cho chúng chạy bỏ khí giới và lương thực lại cho chúng ta dùng. Tâu xong MAHOSATHA bèn quỳ lạy lui ra.

Đức MAHOSATHA truyền rao cho nhân dân đừng lo sợ chi cả, đối với kẻ nghịch, chúng dân chỉ nên diễn kịch vui chơi 7 ngày đêm đi, nếu cần mua chi hãy lấy tiền nơi ta mà dùng. Còn về phần chống kẻ ngoại xâm thì thuộc về phần ta, các người chớ nên lo sợ.

Dân gian nghe lời bá cáo đánh thếp của MAHOSATHA họ rất an vui làm theo, chỉ biết ăn mặc vui chơi, đờn ca xướng hát cả ngày lẫn đêm. Quân giặc nghe kèn trống ca hát vui chơi như thế, bèn từng theo các cửa ngõ vào xem, quân gác cũng cho phép tự do.

Đức vua CULANÌ nghe tiếng trống kèn, ca hát hi hả vang rền trong thành lấy làm lạ nên hỏi các quan thám tử và họ tâu rằng: - Chúng tôi có vào theo cửa nhỏ đến thành nội xem họ diễn kịch và hỏi thăm vì sao nay trong nước bị giặc vây thành trùng trùng điệp điệp, mà không lo sợ, các anh cứ vẫn vui chơi như vậy?

Chúng dân đáp rằng: - Đức vua của chúng tôi có nguyện, bao giờ có giặc đến vây thành thì cho phép nhân dân được vui chơi như thế. Nay lời nguyện đã đến, nên chúa chúng tôi bày tiệc cuộc chơi ăn mừng như vậy.

Nghe quân thám tử tâu, Đức vua CULANÌ phát lòng tự ái đại nộ ra lệnh cho quân lính tấn công hãm thành và tiêu diệt nhân dân đang ăn chơi trong thành đó, bắt cho được vua VIDEHARÀJA lấy thủ cấp đem nộp cho Trẫm lập tức. Được lệnh truyền, quân lính ồ ạt tiến đến, kẻ gươm, người dáo cung tên khí giới đầy đủ xông vào các cửa thành. Nhưng phải một phen thất bại, bị quân trên thành đổ sỏi, cát nóng và bắn tên ra chết vô số; không một ai đột nhập gần vào thành được phải thối binh trở lại.

Đức vua CULANÌ bèn thương nghị với vị cố vấn KEVATA. KEVATA tâu: - Bây giờ ta phải chiến đấu trường kỳ mới có thể thắng được vua VIDEHARÀJA. Chúng ta nên kiên nhẫn vây thành chặt chẽ, lâu ngày dân trong thành hết lương thực, chừng ấy ta sẽ vào bắt cóc họ không khó. Vây càng lâu cũng thấy không hiệu quả, vì trong thành đã tích trữ đầy đủ lương phạn không thiếu hụt chút nào. Trái lại quân lính của vua CULANÌ phải chịu vất vả cực khổ, dầm sương dãi nắng lâu ngày mòn hơi kiệt sức, hao tổn lương thực.

Thấy thế Đức vua bèn hỏi ý với vị cố vấn KEVATA. KEVATA tâu: - Bây giờ còn một kế là đấu pháp với nhau mới rõ tài cao thấp.

Đức vua hỏi: - Thế nào là đấu pháp?

- Tâu lệnh Hoàng Thượng, nghĩa là dùng pháp mà đấu nhau không dùng quân lính, hai vị trí tuệ của hai nước sẽ hội nhau trong một nơi, để luận đạo cùng nhau. Người nào cuối đầu lễ bái là bại, nghĩa là tôi già, MAHOSATHA trẻ. MAHOSATHA không rõ sẽ mắc kế chúng ta, khi gặp nhau thì MAHOSATHA sẽ bái chào tôi, như thế là người bại trận.

Đức vua CULANÌ nghe rất khen ngợi rồi gửi thông điệp cho Đức vua VIDEHARÀJA hay rằng: - Sáng mai tôi và Đại Vương gửi bậc trí tuệ cho hai người gặp nhau trong một nơi nào để đấu pháp. Nếu người nào lễ bái trước gọi là bại.

Đức vua VIDEHARÀJA được thông điệp liền cho Bò Tát xem. Xong trả lời ưng thuận và hẹn nơi đến để đấu pháp cho vua CULANÌ rõ. MAHOSATHA truyền cho người đến dọn dẹp sắp đặt nơi đấu pháp ngoài thành.

Sáng ra Đức vua CULANÌ và 101 tiểu vương đều dự ra xa chờ xem hai bậc trí tuệ đấu pháp. Với bộ triều phục chỉnh tề MAHOSATHA chào vua VIDEHARÀJA. Đức vua hỏi: - Hôm nay con đi đấu pháp phải chăng? Vậy con cần vật chi thì được phép lấy dùng.

MAHOSATHA râu: Hạ thần cần ngọc ma ni để dụ dỗ KEVATA.

- Ngày con! Con cứ tự tiện lấy đem theo đi. Chúc con đi được nhiều may mắn và đắc thắng khai hoàn.

Khi MAHOSATHA ra khỏi thành gần đến nơi, Ngài xuống xe, rồi ngự đến chỗ đấu pháp với vẻ mặt tươi tỉnh bạo dạn đầy đủ nghị lực; không khác nào chúa sơn lâm ra khỏi động bấu. Tất cả 101 tiểu vương đến hội họp gần nơi ấy, được thấy quý tướng của MAHOSATHA thì phát tâm phi lạc, trầm trồ khen rằng: Vị đại nhân con của Triệu phú SIRIVADDHANA ẩn đủ trí tuệ trong đời không ai sánh kịp. ai cũng đều tán dương oai lực phi thường rằng như trời Đế Thích có cả Chư Thiên hậu hạ tùy tùng. Khi MAHOSATHA cầm ngọc ma ni đi ngay đến trước mặt vị cô vắn KEVATA. KEVATA không thể đứng vững được, nên bước tới bái chào MAHOSATHA rồi nói: - Ngày bậc trí tuệ MAHOSATHA, hai ta đều là hàng trí tuệ, tôi đến nương nấu trong nước của Ngài đã lâu, vì sao Ngài không biểu lễ vật gì cho tôi?

- Ngày Ngài cố vắn, tôi định sẽ dâng lễ đến Ngài, nhưng tìm mãi chẳng thấy vật chi quý báu ứng đáng biểu Ngài. May thay, tôi vừa được ngọc ma ni trong ngày nay, ngọc ma ni này tôi cho là của biểu xứng đáng để dâng đến Ngài. Vì thế, tôi mới cố gắng đến đây xin dâng cho Ngài bây giờ, mời Ngài đến thọ lãnh.

Vị cô vắn lòng mừng khắp khởi tin rằng là thật, thấy MAHOSATHA cầm ngọc ma ni hào quang chiếu sáng liền đưa tay ra để thọ. MAHOSATHA bèn ném ngọc ma ni trên tay KEVATA, ngọc ma ni liền rớt xuống đất, lăn vào gần chân Bồ Tát. KEVATA mong được ngọc nên vội vàng cúi xuống gần chân MAHOSATHA để lượm ngọc ma ni. Thuận tiện, Bồ Tát dùng một tay ấn mạnh vào cổ KEVATA không cho đứng dậy được. Bồ Tát bèn tuyên bố rằng: - Ngày, Ngài cố vắn nên ngồi dậy đi, mời Ngài không nên lễ bái tôi làm gì!

Lời tuyên bố của Bồ Tát nghe vang đến tất cả quân lính, làm cho ai cũng đều thấy rõ và nhận rằng vị cô vắn đang quỳ bái đức Bồ Tát, cho đến 101 tiểu vương và vua CULANÌ cũng đồng nhận như vậy. Quân lính của MAHOSATHA cũng tiếp báo cáo lên rằng: KEVATA quỳ lạy MAHOSATHA.

Địch quân đều hãi hùng sợ chết, đồng nhau lên ngựa chạy dài về thành UTTARAPANCA. Quân lính của MAHOSATHA càng la to lên rằng: Đức vua CULANÌ trốn rồi, làm cho toàn cả địch quân rối loạn mạnh ai nấy chạy hết. Còn vị cô vắn KEVATA cố gắng chạy theo vua râu rằng: Xin các Ngài dừng lại, không phải tôi lạy MAHOSATHA đâu.

Mặc dầu KEVATA kêu nói, họ cũng không cần nghe và đáp rằng: Người là kẻ đê hèn, sau lưng thì người ngã mạn, nói sẽ làm cho MAHOSATHA lễ bái mình, đến khi gặp mặt MAHOSATHA thì hoảng sợ liền lạy sát đất, bây giờ lại nói không lạy MAHOSATHA, ai tin được, chúng ta không nghe người đâu!

Vị cố vấn nói: - Xin các Ngài hãy tin sự thật là tôi cuôi đầu lượm ngọc ma ni của MAHOSATHA biếu cho nhưng đã làm rơi xuống đất

- Vậy ông có lượm được ngọc ma ni không?

- Không, tôi vừa cuôi xuống bị MAHOSATHA đè cổ cứng như sắt, khiến tôi không đứng dậy được.

Nghe giải rõ nên Đức vua CULANÌ đem toàn quân trở lại vây thành MITHILÀ như trước.

Đức MAHOSATHA bị sợ vây lâu ngày lòng dân rối loạn, nên Ngài tìm mưu đuổi địch trở về. Ngài cố tìm người tri thức và trung thành để giúp Ngài; Ngài bèn gọi ANUKENATA vào rồi hỏi: Người có hết lòng giúp ta chăng?

- Thưa, tôi sẵn lòng tuân lời dạy bảo của Ngài, dù cho thân này tan nát tôi cũng vui lòng làm theo.

Bồ Tát dạy ANUKENATA làm khổ nhục kẻ trá hàng, và trù hoạch cho ANUKENATA thi hành. Trước hết bắt tội ANUKENATA âm mưu phản nghịch giam vào ngục hình tra tấn thậm tệ, đến đổi máu đổ thịt rơi. Một hôm, ANUKENATA vượt ngục chạy qua quân địch than khóc, oán trách MAHOSATHA làm động lòng quân lính của vua CULANÌ. ANUKENATA được dẫn vào châu vua CULANÌ để tâu rõ tự sự rằng: MAHOSATHA thấy tôi được Đức vua VIDEHARÀJA tin cậy ban thưởng nhiều rồi sanh lòng ganh tỵ, tìm kế đoạt hết binh quyền tôi, rồi còn dạy quân tra tấn tôi tàn nhẫn, nên tôi buộc tình phải trốn qua xin đầu hàng Hoàng Thượng để dâng kế hoạch đoạt thành MITHILÀ và bắt MAHOSATHA cùng vua VIDEHARÀJA giết cho tuyệt nọc.

Đức vua CULANÌ nghe được rất mừng và phong cho làm hầu cận vua. Trong những hôm sau động binh, ANUKENATA từng dịp tâu dối rằng: Tôi đã xem xét tỉ mỉ, thấy phân đông các vương và binh sĩ cho đến vị cố vấn KEVATA đều cố ý theo MAHOSATHA, vì trong các vật dụng đều có dấu hiệu riêng của MAHOSATHA, xin Đại Vương tra xét thì rõ. Đây là kế hoạch đã vạch sẵn của MAHOSATHA.

Khi Đức vua CULANÌ dạy ANUKENATA lấy ra cho Ngài xem, thấy rõ tang vật bèn tin hẳn là thật. Rồi Ngài hỏi ý kiến ANUKENATA: Như vậy phải làm thế nào?

- Tâu, hạ thần xin cầu Bộ Hạ hồi trào để bảo tồn chúa tôi, chẳng nên ở đây vì sẽ bị kế của MAHOSATHA thì trở tay không kịp.

Đức vua nghe rất lo sợ, rồi hỏi kế nơi ANUKENATA, ANUKENATA tâu: - Bộ hạ nên trở về nước nội đêm nay, nếu sáng ra không tránh khỏi ta MAHOSATHA đâu. Vì tất cả quân binh, 101 tiểu vương, nhất là vị cố vấn KEVATA đã thọ ngọc ma ni của MAHOSATHA rồi mà trở lại nói dối là ngọc ma ni bị MAHOSATHA lấy lại.

Đức vua CULANÌ nghe được kinh hãi sợ chết, hỏi ANUKENATA mau thẳng yên ngựa cho Ngài bôn đào. Khi lên ngựa xong, ANUKENATA theo đưa vua CULANÌ một đôi đường, rồi quay ngựa trở lại la lên rằng Đức vua CULANÌ đã trốn rồi. Khi đó các tiểu vương và cố vấn KEVATA tin rằng Đức vua đã bị MAHOSATHA bắt rồi, nên ai cũng đều kinh khủng, sợ chết lên ngựa tẩu thoát, không kịp mang theo vật chi cả, tất cả quan binh cũng ủa nhau chạy tán loạn.

Sáng ra, được tin thám tử phi báo, ngọc môn quan mở cửa thấy vật dụng bỏ đầy đường, quân vào tâu cho MAHOSATHA rõ. Đức MAHOSATHA dạy: - Vật của vua CULANÌ và 101 tiểu vương thì lượm thâu đem dâng cho Đức vua mình. Phần nào của triều phủ và vị cố vấn KEVATA thì đem cho ta. Còn lại bao nhiêu thời cho quân binh và dân chúng được phép lấy dùng. Ai ai cũng đều hoan hỷ nhất tiền bạc, vàng, ngọc rất nhiều đến nửa tháng mới hết vật quý. Tìm lượm những vật dụng thường đến bốn tháng mới hết. Đức MAHOSATHA bèn ban thưởng cho ANUKENATA rất nhiều của cải châu báu.

Từ đó, nhân dân trong xứ MITHILÀ trở nên giàu sang thịnh vượng

Nói về vị cố vấn KEVATA càng nghĩ càng tức giận MAHOSATHA, đã bị đại bại còn mang vết thương trên mặt, hết sức là nhục nhã; nên KEVATA hằng tìm mưu chước để báo thù.

Một hôm, vị cố vấn KEVATA thấy một kẻ rất hay, là nhờ đến nàng Công chúa của Đức vua CULANÌ có nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời (nhạn sa, cá lặn) như ngọc nữ, và thầm nghĩ: "Nếu ta đem Công chúa làm mỹ nhân kế dụ dỗ gả cho vua VIDEHARÀJA, khi Đức vua VIDEHARÀJA và MAHOSATHA đến đây, ta sẽ phân thây mà rửa hờn, chừng ấy mặc sức ta ca khúc khải hoàn".

Tính như thế, bèn vào chầu, tâu kín với Đức vua CULANÌ. Đức CULANÌ từ khi trở về nước âu sâu, hồ thẹn, ngày ăn chẳng no, đêm không yên giấc, sợ cảnh nước mất nhà tan. Khi nghe KEVATA muốn tâu việc kín, phán rằng: Thôi đi, khanh đã nhiều phen lập kế bày mưu mà thất bại luôn làm cho hao binh tổn tướng, nay còn mưu mô gì nữa!

Vị cố vấn KEVATA hết sức khẩn cầu: Xin Hoàng Thượng dẫn con thịnh nộ cho hạ thần tâu một kế rất hay không còn phương pháp nào hơn.

- Vậy khanh hãy tâu cho Trẫm nghe thử.

- Tâu, xin Hoàng Thượng đến nơi thanh vắng chỉ có bốn tai mới nên nói.

Đức vua nhận lời lên tầng lầu cao nhất, KEVATA tâu rằng: Tôi tính cho những thi sĩ, nhạc sĩ, đặt các bài hát du dương quyến rũ, rồi dạy tập cho Công chúa biết ca xướng, múa hát đúng nhịp đờn kèn cho thật hay, chừng ấy sẽ trải đi đến thành MITHILÀ mê hoặc vua tôi VIDEHARÀJA. Khi đã làm cho vua VIDEHARÀJA say mê Công chúa rồi, Bệ hạ sẽ sai hạ thần đến tâu xin gả công chúa cho vua VIDEHARÀJA. Nếu Đức vua VIDEHARÀJA đẹp dạ thuận tình, tôi sẽ thỉnh Ngài qua đây rước dâu, chừng ấy sẽ có MAHOSATHA theo chầu, ta tùy cơ ứng biến bắt chúng mà giết cho sạch để trả thù xưa.

Đức vua CULANÌ nghe được lấy làm hoan hỉ rằng: Kế này thật hay. Rồi Đức vua cho đòi các thi sĩ trứ danh trong nước đến dạy, đặt bài ca thơ, phú, đủ cách và có treo nhiều giải thưởng. Đức vua dạy Công chúa và cung phi, mỹ nữ phải học cho thuần thục nghề ca hát, đờn kèn trong đền. Đức vua không quên tuyển chọn các thanh nữ xinh đẹp có tiếng thanh tao cùng học ca hát đờn kèn giúp Công chúa. Chẳng bao lâu trở thành một đoàn ca kịch nổi tiếng khắp xứ. Đức vua CULANÌ cho sang diễn kịch trong thành MITHILÀ làm cho nhân dân trí đức vua VIDEHARÀJA nghe tiếng ca hát, đờn kèn đều thỏa thích, dần dần có tin đồn rằng Đức vua CULANÌ sẽ gả Công chúa cho Đức vua VIDEHARÀJA.

Khi Đức vua VIDEHARÀJA được nghe càng thêm say mê tiếng đờn ca, xướng hát và quyến luyến sắc nước hương trời của Công chúa. Đức vua bèn ban thưởng rất nhiều tiền bạc cho bọn ca nhi. Sau khi đã thi hành công việc theo lời dạy của Đức vua CULANÌ với sự kết quả khả quan, đoàn ca kịch về nước. Lúc bấy giờ, Đức vua VIDEHARÀJA hằng thương tiếc và nhớ đến lời ca điệu múa, hình ảnh xinh đẹp của Công chúa.

Vị cố vấn KEVATA thấy đã có hiệu quả phần nào rồi, nên vào tâu vua, xin cho mình đi qua xứ MITHILÀ để đính hôn cho Công chúa với Đức vua VIDEHARÀJA. Khi đến thành MITHILÀ, vị cố vấn KEVATA xin vào yết

kiến Đức vua VIDEHARÀJA và tỏ lời của vua CULANÌ xin hứa gả Công chúa tể tử tình bang giao giữa hai nước. Đức vua VIDEHARÀJA nghe được xiết bao mừng rỡ, ban thưởng rất nhiều và khuyên vị cố vấn nên gặp MAHOSATHA cho hai bên cùng được giải hòa nhau.

Vị cố vấn KEVATA nghe lời đến dinh MAHOSATHA. MAHOSATHA biết KEVATA là người độc ác không tốt nên cố ý không muốn đàm luận bèn giả đau nằm trên giường không tiếp khách. Lúc ấy vị cố vấn KEVATA đến, gặp Bò Tát mà Ngài không mời ngồi và cũng không trò chuyện nên KEVATA phải xin từ giả lui ra.

Trở vào chầu, vua VIDEHARÀJA hỏi KEVATA: Đến thăm con Trẫm, MAHOSATHA ra sao?

- Tâu, Ngài MAHOSATHA đâu có phải là bậc trí tuệ, không biết cách tiếp khách, là hạng vô trí thức.

Đức vua nghe rồi vẫn làm thinh. Khi KEVATA từ tạ lui ra, Đức vua VIDEHARÀJA bèn suy nghĩ rằng: Có sao con Trẫm lại không chịu tiếp rước KEVATA, có lẽ con Trẫm đến xử người rồi tìm cách hại Trẫm chăng? Ôi! Sang đến đó ta sẽ ở trong tay kẻ nghịch! Nghĩ rồi rất lo sợ.

Kê có bốn vị giáo sư là: SENAKA, PAKUTTHA, KAMINDA và DEVINDA vào chầu. Đức vua VIDEHARÀJA bèn hỏi ý kiến của bốn vị giáo sư cho biết nên sang xử UTTAPANCÀ không?

SENAKA tâu: Vì sao mà Bộ Hạ lại hỏi chúng tôi như thế. Sự ngự đến nước UTTAPANCÀ của Bộ Hạ là đúng, có nhiều lợi ích:

- 1) Được rước Công chúa về làm Hoàng Hậu thì có chi quý bằng
- 2) Các nước lân bang, ngoài UTTAPANCÀ, đều từng phục Bộ Hạ như họ đã đầu hàng Đức vua CULANÌ
- 3) Sẽ được ban giao hòa hảo với Đức vua CULANÌ thì có chi quý bằng.

Đức vua hỏi ba vị kia, họ đồng tán thành ý kiến của SENAKA. Khi ấy, vị cố vấn KEVATA vào tâu xin từ biệt Đức vua VIDEHARÀJA và trở về nước cho vua mình hay ngày hôn lễ.

Được nghe KEVATA trở về nước rồi, đức MAHOSATHA mới vào chầu. Đức vua VIDAHARÀJA bèn cho Bò Tát hay rằng: Tất cả 6 người là bốn vị giáo sư, cố vấn KEVATA và Trẫm đồng ý sang xử UTTARAPANCÀ để rước Công chúa về. Vậy, con là bậc trí tuệ, con nghĩ sao?

Đức MAHOSATHA xét rằng Đức vua đã say mê tử sắc dục không tưởng đến tại hại lớn lao, để ta tâu cho thấy rõ sự nguy hiểm, mong Đức vua thức tỉnh. Nghĩ rồi bèn tâu rằng:

- Hoàng Thượng không sợ bị người sát hại, ví như thợ săn gài bẫy, đem thú cái làm mồi cho thú đực sa vào bẫy rồi họ phân thây, thế nào? Vua CULANÌ ví như thợ săn, Công chúa như thú cái, KEVATA ví như cây lao mà thợ săn cầm trong tay. Đức vua CULANÌ đem Công chúa làm mồi bắt Bệ Hạ, hoặc ví như ngư ông mồi vào lưới câu, cá mê rồi phải bị giết thế nào? Đức vua CULANÌ ví như ngư ông, Công chúa ví như miếng mồi, KEVATA ví như lưới câu, Bệ Hạ ví như cá mong ăn mồi. Tâu, nếu Bệ Hạ say mê Công chúa và ngự đến nước UTTARAPANCA thì sẽ bị tai hại chẳng sai.

MAHOSATHA cố tìm đủ lý luận để tâu bày, ngõ hầu giải nạn cho Đức vua. Nhưng than ôi! Đức vua VIKEHARAJA nghe rồi phát cơn thịnh nộ rằng MAHOSATHA khinh rẻ Trẫm thái thậm. Xem Trẫm như tôi tớ của người, không trọng ta là bậc Đế Vương chi cả. Đã hiểu rõ Đức vua CULANÌ mời ta để gả Công chúa, nói không có một lời nào chia vui cùng ta, mà thêm khinh khi nhục báng ta thái quá. Nghĩ rồi Đức vua bèn phán rằng: Này MAHOSATHA! Ai ai cũng đều tán thành cho Trẫm sang cưới Công chúa, vậy họ chẳng hiểu lợi ích chi cả sao? Không một ai có trí tuệ cả, đều là mù quáng hết sao? Chỉ có mình ngươi là biết việc hơn hết chẳng? Này MAHOSATHA, ngươi là con nhà ruộng rẫy chỉ biết cày bừa mà thôi, đâu có hiểu điều hạnh phúc của nhà vua. Ngươi chỉ biết cày cuốc đất, nào rõ công việc của đế vương. SENAKA, PAKUTTHA, KAMINDA và DEVINDA thông suốt điều lợi ích của Trẫm. Ngươi là kẻ nhà quê, chỉ biết nghĩ đến công cày cày mà thôi. Vậy ai đâu, người nào đó hãy vào đánh đuổi MAHOSATHA ra khỏi chỗ này cho khuất mắt Trẫm, MAHOSATHA chỉ nói những lời bất hạnh. Trẫm được lợi báu và trở làm cho Trẫm mất à.

Đức vua chỉ phán bấy nhiêu lời chớ không gọi ngay người nào bảo bắt MAHOSATHA vì Đức vua vẫn còn thương yêu, kính trọng Bồ Tát. Mặc dù Đức vua không dẫn được cơn thịnh nộ, nên mới phán bấy nhiêu lời.

Đức MAHOSATHA hiểu rằng vua không vừa lòng nên lui về dinh. Đức Bồ Tát tự nhủ rằng: Hoàng Thượng ta ham vui quá, chỉ biết sự đi rước Công chúa mà không tưởng điều tai hại đến sanh mạng mình. Chỉ thấy lợi mà không rõ sự tai hại lớn lao. Nếu ta cố chấp, chỉ ghi nhớ lời sân hận của ta, trọng đại và ban thưởng ta biết bao nhiêu quyền tước trọng. Vậy ta hãy là nơi nương tựa của Ngài mới nên chớ, giờ đây ta nên đi qua xứ UTTARAPANCA trước, để trần thiết kinh thành và cung điện cho Đức vua ngự và tạo bãi chiến trường, đào đường hầm và lỗ hồng để sẵn, ngừa khi lúc

Đức vua CULANÌ bao vây, ta sẽ thỉnh Đức vua, các quan đại thần và bắt luôn Công chúa theo xuống hầm rút binh thẳng về nước, thế mới được an vui, tránh mọi điều nguy hiểm. Sự vãng lai của Đức vua là phận sự của ta. Xét thấy thế, MAHOSATHA mặc triều phục dẫn kẻ tùy tùng đến châu vua và tâu rằng: Thánh thượng quyết định sang kinh đô UTTARAPANCA chẳng?

- Ôi! Trẫm định đi để rước Công chúa về, bằng không thì sự nghiệp Đế Vương có ích gì! Vậy con hãy cùng Trẫm đi thì được hai lợi ích:

1) Được Công chúa.

2) Có sự bang giao với Đức vua CULANÌ.

- Tâu, như vậy hạ thần xin đi trước để trang hoàng cung điện sẵn sàng, đón rước Hoàng Thượng. Khi làm xong hạ thần sẽ sai quân về thỉnh Bộ Hạ ngự sang.

Đức vua mừng rằng MAHOSATHA đâu có bỏ Trẫm, rồi hỏi: Con cần dùng chi đem theo chẳng?

- Tâu, hạ thần cần dùng quân lính vừa đủ để làm các công việc được kết quả.

Xong MAHOSATHA tuyển chọn một đội quân tinh nhuệ, thiện chiến và những người có khả năng để giúp việc cho Ngài. Dẫn binh đi được một dặm đường, Ngài bèn cho hạ trại từ khoảng theo đường rồi dặn các tướng chỉ huy rằng phải cẩn mật đề phòng bọn nghịch tặc công. Khi thấy Đức vua đem Công chúa về đến thì lo thay đổi ngựa, voi, xe cho Đức vua và lập tức theo hộ tống thẳng về đến kinh đô MITHILA chớ nên để cho Đức vua lo sợ, nhất là ngăn ngừa địch quân

Dặn dò xong xuôi, MAHOSATHA bèn dẫn binh đến kinh thành UTTARAPANCA, còn cách một dặm đến thành đô; Bò Tát cho quân hạ trại và tạo cung đình cho Đức vua ngự, sắp đặt các công việc phòng thủ đào đường hầm có lỗ hồng để ngừa khi hữu sự.

Đức vua CULANÌBRAHMADATTA nghe MAHOSATHA qua đến, rất mừng vì cho rằng đã mắc mưu chước của mình, thông thả rồi đây vua VIDEHARAJA cũng sẽ qua nữa. Phen này chúa tôi chạy đâu thoát khỏi tay ta.

Dân chúng nghe đồn MAHOSATHA qua đến, mong tìm xem cho biết tướng của người trí tuệ danh vọng khắp nơi. Thấy MAHOSATHA uy nghi lẫm liệt, tướng mạo đoan trang thật đáng yêu kính, trí tuệ nhất trong đời khiến cho 101 vị vua phải kính sợ chạy dài, ví như bầy quạ bị đánh đuôi bằng gậy. Trí tuệ của bậc này xứng đáng với hình dung xinh đẹp.

Đức MAHOSATHA đến ngõ môn xin vào yết kiến Đức vua CULANÌ rồi đứng một bên. Đức vua tỏ lời thiện cảm với MAHOSATHA rồi hỏi: Này MAHOSATHA! Đức vua VIDEHARÀJA bao giờ mới đến?

MAHOSATHA tâu: Khi nào được tin tôi, thì chúa thượng tôi sẽ đến.

- Khanh đến trước với mục đích gì?

- Tâu, tôi đến để trần thiết cung điện tiếp rước Đức vua VIDEHARÀJA.

- Tốt lắm!

Rồi Đức vua CULANÌ ban thưởng cho Bồ Tát và phát lương phạn cho quân sĩ, ban dinh thự đến Bồ Tát: Khanh hãy ngụ được an vui đi, ở đây cũng như với Đức vua VIDEHARÀJA vậy. Khanh xem việc nào có lợi ích nên giúp cho Trẫm thì cứ làm, chớ lo ngại chi cả.

MAHOSATHA quỳ tâu rằng: Tâu Hoàng Thượng. Hoàng thượng cho phép tôi tạo cung điện cho Đức vua VIDEHARÀJA ở đâu, trong nơi nào?

- Này bậc trí tuệ, ngoài cung đình của Trẫm, khanh coi nơi nào vừa ý thì cứ làm.

- Tâu, tôi là người khách, nếu chỗ ở mà tôi vừa lòng tạo cung điện nơi ấy, thì sao khỏi cãi cọ, rầy rà với dân chúng.

- Này bậc trí tuệ, Trẫm đã cho phép, khanh cứ làm theo ý muốn, nếu ai cưỡng lại thì khanh bắt làm tội đi.

- Tâu, nếu họ không vừa lòng, họ sẽ vào ra tâu mãi với Hoàng Thượng, thì bận lòng Hoàng Thượng lắm. Vậy để tỏ lòng thân thiện và tri ân, tôi xin cho người của tôi được phép gác cửa đền của Bộ Hạ, và không cho ai ra vào làm rối lòng Bộ Hạ.

- Trẫm cho phép, không sao đâu, khanh cứ thi hành, là, sao tốt đẹp thì thôi.

Đức MAHOSATHA lạy tạ lui ra, liền đổi lính gác cửa đền vua, không cho ai vào ra tự do như trước. Đức MAHOSATHA giả tìm chỗ tạo cung điện cho vua VIDEHARÀJA tại cung của hoàng thái hậu là mẹ của Đức vua CULANÌ, bảo quân phá cửa cạy gạch v.v. ... Hoàng thái hậu thấy bất bình hỏi, tại sao vậy?

Những người của MAHOSATHA không cần trả lời cứ làm phận sự mình. Bà hoàng thái hậu la rầy ngăn cản không được, bèn tính vào tâu cho Hoàng Nhi rõ. Đến cửa đền, ngõ môn quan không cho vào. Bà nói: Ta là mẹ của vua CULANÌ tại sao không cho ta vào?

Ngõ môn quan không cần nghe, bà bất bình. Không biết làm sao phân trần, bà trở về đến kêu nài với người MAHOSATHA, Ngài vẫn nín thinh. Bà

khẩn khoản với người hầu MAHOSATHA hỏi lộ một trăm ngàn lượng bạc. KEVATA bèn dẫn quân đến châu vua, mà cũng không vào được; buộc lòng phải khẩn cầu hỏi lộ một trăm ngàn lượng bạc như bà hoàng thái hậu. Cứ như thế hết dinh này đến thự nọ, thâu được tất cả chín chục triệu lượng bạc.

Đức MAHOSATHA vào châu. Đức vua CULANÌ phán hỏi: Khanh đã tìm được chỗ nào chưa?

- Tâu, lựa nơi nào cũng chẳng có ai chống cự cả, nhưng xét thấy hạ thần làm như thế, rất tội nghiệp cho chúng dân. Nếu Hoàng Thượng từ bi thì tôi xin tạo cung điện xa đền của Hoàng Thượng, lối bốn ngàn thước và cách mé sông lối nửa do tuần nơi đó rất thích hợp.

Đức vua CULANÌ xét rằng: Nếu cho vua VIDEHARÀJA ngụ trong đền thì bất tiện cho chiến tranh, và hại cho ta. Vậy ngoài thành thì rất hợp và được nhiều lợi ích. Nghĩ rồi bèn phán rằng: Khanh tính như vậy thật hay, khanh cứ khởi công đi.

- Tâu, sợ e có người vào rừng đốn củi rồi gây ra bận lòng.

- Trẫm cấm không cho một ai đến đó cả.

- Tâu, gần mé sông, quân binh của hạ thần thường xuống tắm rửa, có làm cho dân chúng bất bình chăng?

- Khanh cứ cho phép quân binh tự do xuống tắm rửa không ai dám làm chi đâu.

MAHOSATHA quỳ lạy lui ra, về truyền quân lính khởi công lập tức.

Đức vua CULANÌ ra lệnh bố cáo cho dân chúng biết, nhà vua cấm ngặt không ai được đến gần để bực trí tuệ MAHOSATHA hành sự, kẻ nào cãi lệnh sẽ bị phạt một ngàn lượng bạc.

Đức MAHOSATHA đóng dinh lập trại, lập thành một quận to hiệu là TAGGALIGÀMA cho voi binh, ngựa binh, xa binh và bộ binh, rồi phân phát công việc cho sáu ngàn quân thợ, đào đường hầm và lỗ hồng gần mé sông, vì thế mà nước sông phải đục.

Đức Bồ Tát dạy đào đường hầm to rộng có cả lỗ hồng, xây vách tường có trần phía trên, có đèn máy, đủ cả tiện nghi, có 101 ngai rồng cho 101 vị vua, có giường rồng, màn che sáo phủ, sơn phết, họa tranh cõi trời dục giới, trời Đé Thích Chư Thiên hầu hạ, có đủ cả đồ trần thiết xem rất ngoạn mục như cõi trời Đạo Lợi.

Khi đã tạo đường hầm, cung điện hoàng thành Bồ Tát bèn dâng sớ về tâu, thỉnh Đức vua VIDEHARÀJA qua, quan quân rần rộ sang đến, đức Bồ Tát

ra đón Đức vua VIDEHARÀJA vào cung điện an nghỉ. Sáng ra Đức vua VIDEHARÀJA gọi tin tâu cho Đức vua CULANÌ hay rằng: Vua VIDEHARÀJA đã qua đến và xin định ngày lễ thành hôn với Công chúa.

Đức vua CULANÌ mừng thầm, nay mưu chước ta được hiệu quả. Ta sẽ tùy cơ bắt chúa tôi hạ sát cho tuyệt dòng, chừng ấy ta sẽ bày lễ âm tửu khai hoàn. Hiện nay, chúng như cá đang nằm trên thớt ta chẳng lo chi, nghĩ rồi bèn sai quân đến cho Đức vua VIDEHARÀJA lựa ngày tốt, thuận tiện để rước Công chúa.

Đức vua VIDEHARÀJA cho nhà chiêm tinh xem sao, rồi tâu rằng: Ngày mai rất tốt. Đức vua VIDEHARÀJA bèn sai quân vào tâu cho vua CULANÌ rõ. Đức vua CULANÌ rất mừng, mai là ngày vua tôi chúng đền tội, ta sẽ bắt cho được vua tôi VIDEHARÀJA hạ sát mà rũ hờn.

Đức vua CULANÌ ra lệnh 101 tiểu vương đem binh bao vây chỗ vua VIDEHARÀJA ngự. Ngài dạy hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, thái tử và Công chúa vào ngự chung cùng nhau và cho quân binh hộ vệ nghiêm ngặt. Còn phần Trẫm, Trẫm sẽ xuất chinh bắt cho được vua tôi VIDEHARÀJA.

Về phần MAHOSATHA, Ngài cho đãi vua, các quan đại thần và quân lính ăn uống no đủ. Khi được nghe vua CULANÌ xuất chinh, thì đức Bồ Tát ra lệnh ba trăm binh vào thỉnh bà thái hậu, Hoàng Hậu và thái tử, Công chúa đem chờ tại cửa gần mé sông.

Trong khi ấy, bà hoàng thái hậu dẫn ba vị hoàng tộc là: Hoàng thái hậu, Thái tử và Công chúa vào ngự trong một phòng có quân lính canh phòng nghiêm ngặt. Không lâu, có một toán lính đến gần cửa phòng tâu: Kính thỉnh quý Ngài đi dự lễ khai hoàn. Nay Đức vua bắt được vua VIDEHARÀJA cùng MAHOSATHA và hạ sát rồi. Đức vua và 101 tiểu vương đang dự lễ âm tửu khai hoàn. Vì thế Đức vua dạy tôi đến thỉnh đức Hoàng thái hậu Hoàng Hậu, Thái tử và Công chúa đón gặp Hoàng Thượng. Bốn vị hoàng gia tin là thật, rồi ngự đi theo. Quân lính dẫn bốn vị đến đường hầm.

Bốn vị bèn hỏi: Đường này có từ bao giờ, sao chúng tôi không biết?

- Tâu, đây là đường phúc đạo, khi nào có đại lễ mới được đi.

Bốn vị cũng tin theo. Tất cả quan lính tấn công vào thành nội, chia ra làm hai đội²². Một đội ở lại lấy hết vật báu trong cung nội, một đội dẫn đường đem bốn vị Hoàng gia về đường hầm. Bốn vị ngự đến đường hầm to, thấy có trần thiết cao sang đầy đủ báu vật, giống như cõi trời, nên khen rằng: Đây thật là nơi thắng cảnh, dành cho nhà vua du lãm. Khi đến đường hầm gần mé sông, quân lính thỉnh bốn vị vào ngự một phòng riêng biệt. Có người đến

báo cho đức Bồ Tát biết. Bồ Tát rất hoan hỷ rằng: Thật là mãn nguyện của ta rồi. Ngài bèn đến châu Đức vua VIDEHARÀJA rồi đứng qua một bên.

Về phần Đức vua VIDEHARÀJA, Ngài hằng nóng lòng vì phiền não dục. Sáng ra Đức vua cùng bốn vị giáo sư lên lầu thây biết bao quân lính, trùng trùng điệp điệp, bao vây cung đình, nên sanh nghi. Ngài bèn hỏi bốn vị giáo sư rằng: Các khanh thấy quân lính bao vây, có hiểu thế nào chăng?

- Tâu, Hoàng Thượng cần chi lo ngại, đó là Đức vua CULANÌ đem quân đội hộ giá và đưa Công chúa đến cho Hoàng Thượng, theo lễ nghinh giá là khách quý, có chi đâu mà Bệ Hạ sợ.

Quân lính dần dần vây chặt vòng thành, lại thêm nghe tiếng các đại tướng ra lệnh và lập đi lập lại rằng: Chớ dễ duôi, đừng cho chúng trốn thoát.

Đức vua VIDEHARÀJA càng lo sợ, nên hỏi MAHOSATHA: Này con MAHOSATHA! Con có hiểu thế nào chăng?

MAHOSATHA xét rằng: Đức vua vì mê sắc và tin bốn vị giáo sư, không nghe lời ta can gián, nên hôm nay phải gặp tai hại lớn lao như vậy. Vậy để ta làm cho Ngài hoảng hốt, rồi sau sẽ an ủi Ngài. Bồ Tát bèn tâu rằng: hôm nay Đức vua CULANÌ đem đội binh bao vây cung điện, chẳng phải để hộ giá Hoàng Thượng đâu, đây là cố ý sát hại Bệ Hạ đó.

Nghe Bồ Tát tâu như thế, các quan hầu cận vua đều khủng khiếp và sợ chết. Đức vua VIDEHARÀJA sợ xuất hạn, tâm Ngài rung động như lá cây bị gió thổi. Đức Bồ Tát tâu tiếp rằng: Hoàng Thượng say mê vì phiền não dục, không cần suy xét chu đáo. hạ thần đã thấy nhiều điều nguy hiểm, nên hết lòng khuyên can Bệ Hạ. Nhưng Hoàng Thượng bất luận²³ cứ nghe theo lời tâu của bốn vị giáo sư. Như thế có kết quả tốt hay thế nào? Hạ thần hết dạ trung thành tìm lợi ích cho Bệ Hạ mà Bệ Hạ không nghe, Bệ Hạ đồng ý với bốn vị giáo sư rằng: Là hạng người tốt có nhiều kinh nghiệm. Nay có khổ đến, Bệ Hạ nên hỏi ý kiến và cầu các Ngài đó giải vây²⁴ cho.

Hôm nay Bệ Hạ đã sa trong quyền lực của Đức vua CULANÌ ví như loài thú mắc bẫy của thợ săn, hạ thần đã nhiều phen tâu khuyên: Nếu Bệ Hạ mê sắc nàng Công chúa của vua CULANÌ và ngự đến kinh đô UTTARAPANCA ắt sẽ mang nhiều tai hại, ví như loài thú muốn chết vì mê thú cái của thợ săn, hoặc như loài cá mê mồi mắc phải lưỡi câu của ngư ông.

Bệ Hạ ngự đi đây gặp nhiều điều nguy hiểm như thú si mê vào gần đường, cận xóm làng. Hạ thần dùng hết lý luận để tâu bày mà Bệ Hạ không tin, lại còn chê trách hạ thần là vô tri thức, mù quáng không bằng KEVATA. Bệ Hạ, vì gần bạn lành là KEVATA mới gặp những thống khổ như vậy. Khi hạ

thần tâu mong Bệ Hạ được hạnh phúc, mà Bệ Hạ bất bình, nhiếc hạ thần là kẻ mù, làm cho vua thất lợi, mất nòng ngọc.

Bệ Hạ cho hạ thần là kẻ chỉ biết cấy cày, sanh trong gia đình nông phu và đuổi hạ thần ra khỏi thành. Bệ Hạ tán dương những người vừa lòng của Bệ Hạ, họ có đủ thao lược để hộ giá Bệ Hạ được, vậy Bệ Hạ nên hỏi mưu chước nơi họ đi. Phần hạ thần chỉ biết cấy cày, cuốc đất mà thôi! Bệ Hạ đã đuổi hạ thần rồi, nay sao Bệ Hạ lại trở lại hỏi ý kiến hạ thần nữa?

Đức vua nghe rồi nghĩ rằng: Nay MAHOSATHA khai tội ta. Thật ra trước kia MAHOSATHA xét thấy lo sợ trong vị lai, nên mới đàn áp ta thái quá. Có lẽ MAHOSATHA đã biết có nhiều tai hại như vậy mới qua trước lâu ngày để tìm phương giải cứu ta chăng? Nghĩ rồi Ngài bèn tỏ lời phủ ủy Bồ Tát rằng: Nay con MAHOSATHA, lệ thường bậc trí tuệ không nên vạch tội quá khứ, để dùng lời châm chích đầu.

- Ô! Vì sao con lại bắt lỗi quá khứ đem xói mói cha?

- Nay con MAHOSATHA! Nếu có mưu chước hay nên cứu cha trong lúc này. Ngoài con ra không ai là nơi nương cậy của cha đâu! Chỉ có con là người cứu mệnh cha được mà thôi.

Đức Bồ Tát nghĩ Đức vua thật là mù quáng, không biết dùng người, vậy ta nên làm cho Ngài sợ thêm chút nữa, để Ngài hối cải từ đây, rồi tâu rằng: Nay đã vượt trí tuệ của phàm nhân rồi, trừ loài điều thú hoặc đại bàng, điều hay Long Vương, có thể bay trên hư không, mới mong thoát khỏi nạn này. hạ thần đâu có thần thông và cũng không đủ khả năng cứu nguy Bệ Hạ được.

Nghe như thế, Đức vua đành ngậm miệng không còn lời nào nói nữa. Vị giáo sư SENAKA nghĩ rằng: Những nạn khổ đã đến cho Đức vua mà chính ta đây không phải là người nương tựa của Đức vua được, trừ MAHOSATHA ra. Nay Đức vua nghe MAHOSATHA tâu nên hoảng sợ, không thể cầu khẩn nữa, vậy ta nên khẩn khoản MAHOSATHA thử xem, rồi nói rằng: Nay bậc trí tuệ! Ghe đắm giữa biển, những thủy thủ không thấy đâu là bờ bến, hết khổ thế nào, đức Thánh thượng và chúng tôi đây ví như kẻ lộn trong biển, Ngài MAHOSATHA là bậc trí tuệ đáng cho chúng tôi nương nhờ. Khi Đức vua CULANÌ đem binh vây thành MITHILÀ đó, chúng tôi được giải cứu cũng nhờ Ngài. Nay xin Ngài từ bi thương xót mà cứu mạng chúng tôi.

- Nay ông SENAKA! Bây giờ đây, lướt qua trí tuệ của người, trừ loài điều thú mới có thể bay khỏi được, nếu bay không được, thế là lướt qua trí tuệ rồi.

Đức vua VIDEHARAJA thấy trù tính với Bồ Tát không được nữa, túng thế phải bàn với SENAKA rằng: Nay SENAKA! Nên tìm phương pháp nào để tránh nạn tai trong lúc này được, MAHOSATHA đã bỏ chúng ta rồi, vậy khanh có thể nào cứu tâu cho Trẫm rõ.

SENAKA nghe Đức vua hỏi, nghĩ rằng ta phải tâu thế nào đây chớ không lẽ nín thinh. Thôi để cho ta tâu vài lời: Theo thiên kiến hạ thần, thì nên nổi lửa đốt cung điện này cho cháy đỏ, chúng ta mỗi vị cầm một binh khí, ngồi mà chịu lửa thiêu, còn hơn để vua CULANI cắt lấy thủ cấp.

Đức vua nghe rồi đáp: Như thế khanh đi thiêu vợ con khanh đi. Đức vua hỏi qua PAKUTTHA, có kế nào hay chăng?

- Tâu, chúng ta nên dùng thuốc độc mà uống vào cho chết hết, còn hơn để cho vua CULANI sát phạt.

Đức vua hỏi đến KAMINDA.

- Tâu, chúng ta nên tìm lấy mỗi người một sợi dây thắt cổ chết cho rồi.

Đức vua hỏi đến DEVINDA.

DEVINDA xét: Đức vua mong tìm lửa mà lại kiếm đom đóm, chẳng hay Ngài nghĩ thế nào há! Nên ngài lại hỏi đến ta, sao không hỏi MAHOSATHA, ta biết gì mà nói. Nhớ đến lời SENAKA vừa trình bày, bèn quỳ tâu rằng: Chúng ta đồng hiểu rằng, chỉ có bậc trí tuệ MAHOSATHA đây là nơi nương dựa duy nhất, vậy ta nên đồng nhau khẩn cầu MAHOSATH, khi MAHOSATH giải cứu không được, thì chúng ta hãy thi hành theo lời của SENAKA, tốt hơn các phương pháp khác.

Đức vua nghe rồi tâm thần rối loạn, không có thể thuyết với MAHOSATHA được, Ngài bèn than thở, kể lể rằng: Con người đi tìm lõi danh mộc mà lại được lõi cây tạp, dùng vào việc gì cũng không tiện, thế nào, cũng như trong lúc này ta tìm phương giải khổ không được nơi hạng người tối tăm, ví như voi bạch ở trong nơi không nước. Thân ta đây ví như lá bồ đề bị gió, cổ ta khô khan, bụng ta nóng như lò lửa, ta không tìm được nơi để dập tắt sự nóng, ví như người bị lửa thiêu, thật là thảm đạm.

Đức Bồ Tát thấy Đức vua than kể những nỗi khổ tâm như thế, bèn nghĩ rằng: Đức vua đã khổ sở thái thậm rồi, nếu ta vẫn nín thinh thì Ngài phải khổ mà chết không sai. Xét như vậy, đức Bồ Tát liền an ủi Đức vua rằng: xin Hoàng Thượng đừng quá ưu tư, tôi sẽ cứu nạn cho Bộ Hạ được, ví như vị trời đem voi bạch khỏi bùn lầy, hoạn như người cứu rắn ra khỏi giỏ, hay đem chim ra khỏi lồng, cho đến tất cả quan quân cũng đều được thoát khỏi.

Tâu, xin Hoàng Thượng an tâm, hạ thần sẽ đánh đuổi quân binh của vua CULANÌ, ví như kẻ đuổi bầy quạ bằng cục đất. Quan quân đại thần có trí tuệ, khi chúa mình bị khổ, nếu không giải nguy được thì đâu gọi là người có trí tuệ. Tôi sang đến đây trước, đâu có phải đi không về rồi, tôi đã làm được những việc có kết quả tốt rồi.

Khi nghe đức Bồ Tát tâu rõ rệt như thế, Đức vua và quan quân đều hân hoan vui sướng.

SENAKA bèn hỏi: Vậy bậc trí tuệ tính đem chúng tôi đi bằng cách nào?

- Tôi sẽ dẫn tất cả theo đường hầm này mà ra khỏi, không sai.

Rồi Ngài dạy quân binh mở cửa đường hầm thì các phòng đường hầm sáng trưng rực rỡ, tốt đẹp như cõi trời. Bồ Tát bèn thỉnh Đức vua VIDEHARAJA xuống lầu, SENAKA lột mào ra, vén quần lên, cởi áo buộc ngang hông. Bồ Tát hỏi: Tại sao ông làm như vậy?

- Nếu không làm vậy, thì vào đường hầm sao tiện?

- Phải bò đi sao? Đứng lên như thường. Đường hầm của tôi cao đến 5 thước và rộng lắm, ngựa chạy cũng được, không có chi trở ngại cả.

Bồ Tát cho SENAKA đi trước, Đức vua ngự đi giữa, còn chính Ngài thì theo sau. Tất cả quan binh hộ tống hai bên; vừa đi vừa ăn uống vui chơi như thường, như đi trong chợ vậy. Đức vua ngự đi xem thấy trong đường hầm trần thiết thật đẹp, xem rất ngoạn mục như cõi trời, nên vừa đi vừa ngắm. Khi Đức vua vừa đi đến cửa ra đường hầm thì gặp bốn Hoàng gia (Hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, Hoàng Tử và Công chúa) của Đức vua CULANÌ, các vị này xem thấy rất kinh khủng, sợ chết. Hoàng Hậu bèn la hoảng, khi nghe tiếng la, Đức vua CULANÌ ở không xa nên nghe được và tin rằng đó là tiếng của Hoàng Hậu mà không dám nói, e quân lính biết, rồi cười nhạo rằng: Ta đã chinh chiến mà còn nhớ đến vợ con hổ thẹn mà nín thinh.

Về phần đức Bồ Tát thỉnh Đức vua VIDEHARAJA và Công chúa lên ngồi trên giường ngọc, rồi tôn Công chúa lên Hoàng Hậu của Đức vua VIDEHARAJA.

Ngài thỉnh cả bốn vị Hoàng gia lên ngồi thuyền đã xếp đặt sẵn trong nơi ấy, khi đó đức Bồ Tát chỉ giáo cho Đức vua biết rằng: Tâu Bệ Hạ, DALACANDÌ là em Hoàng Hậu. Bệ Hạ nên từ bi thương xót như em ruột của Bệ Hạ. Bà NANDÀ đây là mẹ vợ, Bệ Hạ phải phụng sự như mẹ của Bệ Hạ. Bệ Hạ ngự đi đến lần này chỉ mong được nàng PANCALACANDÌ, nàng là Hoàng Hậu của Bệ Hạ rồi, tùy theo chí hướng của Bệ Hạ. Nhưng với bà NANDÀ, Bệ Hạ phải bảo vệ phụng sự cho chơn chánh.

Đức Bồ Tát tâu, khuyên bảo như thế, vì không tin bụng Đức vua VIDEHARÀJA. Về phần Hoàng thái hậu đã già, không cần phải dặn bảo, hay phải lo như bà NANDÀ.

Đức vua xuống ngựa trên thuyền rồi gọi đức Bồ Tát rằng: Con MAHOSATHA, con ở lại làm gì, hãy về luôn với Trẫm.

- Tâu, hạ thần đi về chưa tiện, vì còn nhiều binh lính của mình trong thành. Chúng còn đang ăn uống, chưa biết bệ hạ đã ngựa đi rồi. Hạ thần không thể bỏ chúng được, dù là một người. Thỉnh Bệ Hạ ngựa về, vì hạ thần đã xếp đặt quân binh ngựa sẵn, để rước Bệ Hạ và thay đổi ngựa, xe cho Bệ Hạ được an vui ngựa về đến xứ MITHILÀ.

- Này con! Còn quân lính ít, làm thế nào cự địch nổi với muôn vàn binh lực của vua CULANÌ?

- Tâu, mặc dù ít lính, xong có trí tuệ rồi thì không khó, ví như một mặt trời vệt tan sự tối tăm, có thể chiếu minh²⁵ cả thế giới được.

Xong đức Bồ Tát tạ từ vua VIDEHARÀJA mà trở lại. Đức vua vidaharàja nhớ đến ân đức Bồ Tát rằng: Ta được thoát nạn đây cũng nhờ MAHOSATHA, được nàng Công chúa PANCÀLACANDÌ cũng nương MAHOSATHA.

Nhớ đến ân đức của đức Bồ Tát như thế, Ngài rất thỏa thích rồi phán SENAKA giáo sư rằng: Này SENAKA! được thân cận với bậc trí tuệ rất có nhiều lợi ích, như Trẫm và các khanh mà được khỏi nạn nhờ MAHOSATHA, khác gì người thả chim khỏi lồng, phóng sanh cá thoát lưới. SENAKA thấy thế nào?

- Tâu, tốt lắm. SENAKA tuyên bố, tán dương công đức Bồ Tát, như Đức vua VIDEHARÀJA. Khi lên khỏi thuyền, đến các trại, cho quân lính thay ngựa xe mà Bồ Tát đã dự sẵn, không bao lâu Đức vua về đến kinh đô MITHILÀ.

Nói về đức Bồ Tát khi tiễn biệt Đức vua rồi, bèn trở lại đường hầm đến cung điện tắm rửa, thọ thực xong vào phòng nghỉ rằng: Sự ước mong của ta đã được kết quả như nguyện, rồi phát tâm phỉ lạc, ngủ một giấc rất ngon.

Nói về vua CULANÌBRAHMADATTA dẫn hùng binh và 101 tiểu vương bao vây cung điện của vua VIDEHARÀJA, trùng trùng điệp điệp không một người qua lọt, quân lính canh phòng nghiêm ngặt trọn đêm. Đức vua trông sáng ra công kích vào cung điện của Đức vua VIHEDARÀJA. Còn đức Bồ Tát, sai khi đã nghỉ an một đêm có sức khỏe lại rồi, thức dậy tắm rửa điể tâm xong, mặc triều phục lên tầng lầu cao, xem thấy Đức vua CULANÌ dẫn

vô số quân binh quyết bắt cho được Đức vua VIDAHARÀJA, nên đức Bồ Tát liền tâu rằng: Đại Vương định chắc sẽ hạ sát được chúng tôi theo sở nguyện chăng? Cung tên và các vũ khí khác, Đại Vương nên liệng bỏ cả đi, đừng mang mà nhọc mình rông, nên trở về đền nghỉ cho khỏe, mưu chước của Đại Vương và KEVATA, tôi đã thấu rõ hết rồi. Hôm nay Đại Vương ví như ngồi trên ngựa què, thì chạy sao kịp Đức vua VIDEHARÀJA. Ngài đã hồi trào gần tới thành MITHILÀ rồi.

Tâu, Đức vua VIHEDARÀJA đã lên thuyền về nước từ hôm qua. Ngài không phải hồi loan một mình mà đi với các quân binh. Tâu, những chó sói thấy hoa vàng rớt trong đêm vì ánh sáng của trăng tưởng là miếng thịt rồi bao vây mà nghĩ rằng: Sáng sớm chúng ta sẽ ăn miếng thịt cho được. Sáng ra thấy rõ là hoa vàng rớt rồi lén đi, thế nào, Đại Vương đem binh vây chúng tôi hôm nay khi đã rõ được vua VIDEHARÀJA đã hồi trào thì không còn mong mỗi chi, rồi kéo binh đi cũng như vậy.

Đức vua CULANÌ nghe Bồ Tát tâu những lời rất khảng khái, không sợ sệt như thế, Ngài nghĩ rằng: Ta định bắt cho được cả hai là VIDEHARÀJA và MAHOSATHA. Nay ta đã bắt được một MAHOSATHA thì cũng nên. Đức vua bèn khiến quân tấn công vào thành bắt cho được MAHOSATHA rồi cắt tay, chặt chân, xả thịt ra từng mảnh cho Trẫm.

Đức Bồ Tát nghĩ rằng: Đức vua CULANÌ này chưa rõ hoàng tộc đã bị ta bắt nên quá tự hào khiến quân bắt ta để sát hại cho hả giận. Nên tâu rằng: Đại Vương khiến quân hạ sát tôi, đến khi Đức vua VIDEHARÀJA biết được sẽ đem hoàng tộc của Đại Vương ra hành hạ, đánh đập, rồi Đại Vương nghĩ sao?

Tâu, tôi và Đức vua VIDEHARÀJA đã dự định kín cùng nhau rằng: Nếu bên này Đức vua CULANÌ giận tra tấn làm hại tôi thế nào, thì Đức vua VIDEHARÀJA sẽ hành phạt Công chúa, Hoàng Hậu, Hoàng thái hậu và Thái tử như thế ấy.

Tâu, da tôi đã khắc chi 100 lớp sắt, có thể ngăn ngừa tên đạn được như thế nào, cũng bảo tồn được thân thể như thế ấy. Da sắt, tức là trí tuệ của tôi, có thể phòng vệ những mũi tên tức là sự trù tính của Đại Vương, tự vệ và tránh khổ được, lại còn đem hạnh phúc đến cho vua VIDEHARÀJA.

Khi Đức vua CULANÌ nghe đức Bồ Tát thuyết lý như thế, bèn nghĩ rằng: Vì sao MAHOSATHA nói, nếu ta hành tội hấn, thì vua VIDEHARÀJA sẽ làm khổ vợ con ta? Có lẽ, MAHOSATHA không biết vợ, con ta có quân binh bảo hộ nghiệm nhứt rồi ư, hay là MAHOSATHA sợ chết rồi nói sảng, ta không tin được.

Đức Bồ Tát biết Đức vua CULANÌ không tin, nên tâu: Nếu Ngài nghi ngờ thì xin Ngài cho quân đi xem trong cung nội của Ngài trông không. hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, thái tử và Công chúa của Ngài, tôi đã dạy quân thỉnh đi theo đường hầm cùng với Đức vua VIDEHARÀJA về đến kinh đô MITHILÀ rồi.

Đức vua CULANÌ nghe qua giật mình, Ngài nghĩ rằng: MAHOSATHA nói cương quyết, có lẽ là sự thật vì đêm nay ta có nghe tiếng giống như tiếng của Hoàng Hậu. Xét thế, Ngài rất cảm động, xong Ngài cố gắng gương, sai một đại thân dẫn binh về khám thành nội. Vị này đi vào đến thành nội, thấy quân lính bị bắt cột tay, chôn, bịt miệng trói vào cây, đồ dùng trong bếp nát bét, rải rác cùng nhà, ngọc ngà cùng vàng bạc cũng chẳng còn. Các loài điều thú đến lòi ăn thực phẩm đồ tùm lum, v.v. như nhà hoang hoặc nơi mộ địa. Quân lính cả kinh, liền trở về tâu với vua CULANÌ rằng: MAHOSATHA nói đúng sự thật, cung nội như chốn tha ma, chỉ thấy loài quạ đến kêu la mổ ăn thực phẩm. Đức vua nghe tâu lấy làm đau lòng xót dạ và xét rằng: Đây là do MAHOSATHA mà ra cả, nên Ngài phát thịnh nộ.

Đức Bồ Tát biết bèn nghĩ rằng: Đức vua này có nhiều quân binh, vì oán giận, Ngài quên cả vợ con, có thể hại ta được. Vậy ta nên tùy cơ tả sắc đẹp của Hoàng hậu cho Ngài xúc động tình thương thì ta mới thoát khỏi tai hại.

Đức Bồ Tát bèn đưa tay chỉ mà rằng: Đây là con đường mà Hoàng hậu đã ngự đi rồi tả sắc đẹp duyên dáng của bà: Tâu Hoàng thượng, lệnh bà có đủ tướng tốt, dáng điệu yêu kiều thướt tha, màu da mịn màng, thật là cảnh vàng gót ngọc, tiếng nói của bà thanh tao êm dịu, giống như tiếng hạc con, mày tằm mắt phụng, thể gian hi hữu như ngọc nữ trên thiên cung, thật là sắc nước hương trời làm cho người người đều cảm mến. Tâu, bà Hoàng hậu đi theo ngõ này.

Nghe Bồ Tát diễn tả dung mạo và dáng điệu của Hoàng hậu như thế, đức vua CULANÌ phát động lòng thương yêu Hoàng hậu vô cùng.

Đức Bồ tát tâu: Như vậy Đại vương đành lòng để cho Hoàng hậu chết chẳng? Ngài đại nộ dạy người giết tôi. Nếu đại vương giết tôi thì đưa vua VIDEHARÀJA chẳng dung tha Hoàng hậu của Ngài đâu. Bà xuống diêm vương, tôi cũng xuống diêm vương. Diêm chúa thấy tôi và bà bị giết như thế, sẽ đem bà gả cho tôi, tôi chết mà được vợ báu như vậy thì đâu có ân hận.

[Vấn: - Vì sao đức Bồ Tát chỉ mô tả dung nhan, hình dáng của hoàng hậu mà chẳng nói đến ba vị hoàng tộc kia?

Đáp: - Lệ thường, chúng sinh hay thương yêu và quyến luyến người vợ nhiều hơn kẻ khác, chỉ có vợ con là quan trọng hơn cả, cho nên đức Bồ Tát chỉ diễn tả dung nhan của Hoàng hậu NANDÀ]

Đức Bồ Tát tâu về hình dung của bà NANDÀ như vậy, làm cho đức vua CULANÌ rất nhớ thương như thấy bà đứng trước mặt, rồi Ngài xét rằng: Ngoài MAHOSATHA ra, chẳng có ai đem Hoàng hậu yêu quý của ta về được, chỉ có một MAHOSATHA thôi. Nghĩ vậy, Ngài rất thâm tâm xót xa, nhớ thương Hoàng hậu vô cùng, làm Ngài không ngồi vững trên lưng voi.

Đức Bồ Tát thấy thế, tỏ lời an ủi Đức vua CULANÌ rằng: Tâu Đại Vương chớ lo ngại, ba vị Hoàng gia là bà hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, và Hoàng Tử, khi tôi về đến thành MITHILÀ giờ nào, tôi sẽ cho người đưa về ngay. Xin Đại Vương an lòng đừng phiền muộn.

Đức vua CULANÌ nghe rồi không còn nghi ngờ lo sợ và nghĩ rằng: Kinh đô của ta đã cho người gìn giữ phòng thủ cẩn mật, có quân binh đông đúc, có sao MAHOSATHA lại bắt được cả bảy vị hoàng tộc, đi từ thành này đến thành nọ được và Đức vua VIDEHARÀJA cùng quân binh trở về nước, mà chẳng có một ai hay biết. Như thế MAHOSATHA có phép che mắt người chăng?

Nghĩ rồi Ngài bèn phán hỏi đức Bồ Tát rằng: Này bậc trí tuệ MAHOSATHA, người có học phép thần thông chăng? Hay là người có phép che mắt người, nên người mới giải nạn cho vua VIDEHARÀJA ra khỏi tay Trẫm?

- Tâu, tôi biết phép thần thông. Lệ thường bậc trí tuệ hằng có học phép thần thông ngừa khi tai nạn, đem dùng giải khổ cho mình và kẻ khác. Những quân lính trẻ trung của tôi, tôi đã tập luyện thuần thục và tinh nhuệ, nên sai họ tạo đường hầm, mới đem Đức vua VIDEHARÀJA về đến xứ MITHILÀ theo đường hầm đó.

Đức vua CULANÌ nghe rồi muốn xem đường hầm. Bồ Tát hiểu ý bèn tâu: Nếu Đại Vương muốn xem đường hầm, hạ thần xin thỉnh Đại Vương xem như ý nguyện. Đường hầm này, tôi cho người trần thiết tốt đẹp bằng cách hoạ tranh, nhất là hình voi, ngựa, xe lính v.v... Đường hầm này, sáng sủa như ban ngày và tốt đẹp như cõi trời, có tám mươi cửa lớn, 64 cửa nhỏ, 101 phòng ngủ và hằng nghìn ngọn đèn, nếu Đại Vương thật lòng với tôi, không còn thù hận nhau nữa, tôi xin thỉnh Ngài vào xem sự cao sang của đường hầm. Đây, tôi xin mở cửa rước Đại Vương.

Đức vua nghe theo lời, đức Bồ Tát bèn cho mở cửa. Đức vua CULANÌ cùng 101 tiểu vương có quân binh hộ giá vào thành đường hầm. Đức vua

CULANÌ xem thấy sự trang hoàng trong đường hầm thật là mỹ thuật, đẹp đẽ, vinh hoa phú quý, Ngài rất hài lòng, khen ngợi tài năng của đức Bồ Tát rằng: Nay bậc trí tuệ MAHOSATHA, bậc trí tuệ thông minh như người, nếu ở trong xóm làng, quận châu, hay quốc độ nào, người người đều chung hưởng an vui hạnh phúc, Đức vua càng nhìn xem càng tán tụng tài đức của Bồ Tát. Đức vua CULANÌ ngự đi trước, kế đến Bồ Tát cùng các tiểu vương và quan quân đồng đi theo sau. Vừa đi vừa ngắm cảnh đường hầm trang trí thật là mỹ quan²⁶, chưa từng thấy. Khi Đức vua CULANÌ ngự đi gần đến cửa đường hầm bên mé sông, vừa ra khỏi cửa, đức Bồ Tát theo bên cạnh liền giục máy làm cho 80 cửa to và 64 cửa nhỏ đóng kín lại, nhiều ngọn đèn đều tắt một lượt.

Trong đường hầm tối đen, khiến tất cả những vị tiểu vương, quan quân đều sợ hãi, chỉ có đức Bồ Tát và vua CULANÌ ra khỏi cửa mà thôi. Đức Bồ Tát liền rút gươm ra đưa lên, hỏi rằng: Tâu Đại Vương, tài sản trong thế gian này là của ai?

Đức vua kinh sợ đáp: Tất cả của cải trong đời là của người, nên tha tội cho Trẫm đi.

- Tâu, Đại Vương, tôi đưa kiếm lên đây không phải là mong hại sát Đại Vương, chỉ cố ý trình bày cho thấy rõ uy thế của trí tuệ. Đức Bồ Tát bèn trao kiếm cho Đức vua CULANÌ và tâu rằng: Nếu Đại Vương muốn giết tôi thì dùng kiếm này mà giết tôi đi, bằng Đại Vương từ bi tha thứ cho tôi cũng được.

- Nay bậc trí tuệ MAHOSATHA, Trẫm xá tội cho người, người chớ lo ngại.

Lúc ấy cả hai là đức Bồ Tát và Đức vua CULANÌ đồng nhau thề nguyện không giết hại lẫn nhau và một lòng đoàn kết thương yêu nhau. Đức vua CULANÌ phán hỏi rằng:

- Nay bậc trí tuệ MAHOSATHA, người gồm đủ trí tuệ như vậy, vì sao người không mong đế vị?

- Tâu, nếu tôi muốn đế quyền thì đã hại tất cả vị vua trong hôm nay, rồi đoạt ngôi báu. Nhưng sự giết người và đoạt vị ấy, lấy của đó, không phải là điều đáng cho bậc trí tuệ ngợi khen.

- Nay bậc trí tuệ MAHOSATHA, bây giờ đây tất cả vị vương và đại chúng còn ở trong đường hầm, chưa ra khỏi được đang kêu la cầu cứu. Xin bậc trí tuệ hãy cho sinh mệnh đến chúng đi.

Đức Bồ Tát liền mở cửa đường hầm, lúc bấy giờ đường hầm trở nên sáng sủa. Đại chúng hết lòng mừng rỡ, cả 101 vị tiểu vương ra khỏi đường hầm

đến trước mặt Bồ Tát. Đức Bồ Tát dẫn Đức vua CULANÌ vào một phước xá rồi tâu: Tôi đã hành lễ thành hôn cho Đức vua VIDEHARÀJA và Công chúa PANCÀLACANDÌ trên giường ngọc, tại nơi đây rồi mới đưa đi.

Tiếp theo 101 vị tiểu vương nói với Bồ Tát rằng: Ngài ôi! Chúng tôi chỉ nhờ một mình Ngài mới khỏi chết, nếu Ngài không từ bi mở cửa đường hầm, trong chốc lát thì tất cả chúng tôi đều tử nạn.

- Tâu, chẳng phải quý Ngài chỉ nhờ ơn cứu tử của tôi trong kỳ này đâu, khi trước quý Ngài cũng nhờ tôi mà thoát khỏi chết.

- Này, bậc trí tuệ! Ngài nói rằng: Khi trước cũng nhờ Ngài, vậy trong lúc nào?

- Tâu, sau khi Đức vua CULANÌ được làm bá chủ trong thế gian này chỉ trừ thành MITHILÀ. Đức vua trở về thành UTTARAPANCÀ định tổ chức lễ ẩm tửu khai hoàn trong vườn thượng uyển, quý Ngài còn nhớ chăng?

- Chúng tôi còn nhớ.

- Tâu, Đức vua CULANÌ và vị cô vắn KEVATA dạy bỏ thuốc độc vào rượu vào vật thực để đãi quý Ngài dùng cho tuyệt mạng hết. Rõ biết như thế tôi nghĩ rằng: Giờ nào còn tại tiền, tôi không nên lãnh đạm ngồi yên, đành để cho quý Ngài lại bị hại, nên tôi có sai quân lính đến tùy cơ mà tấn công đột nhập vào đập bể tất cả hũ rượu, đổ đồ nấu ăn có độc được không cho quý Ngài dùng, mới cứu thoát quý Ngài được.

Các vị tiểu vương nghe qua rùng mình rợn óc bèn tâu hỏi Đức vua CULANÌ có phải thật như vậy không?

- Đúng vậy, lúc đó tôi nghe lời của KEVATA mà hành động như vậy thật.

Tất cả 101 tiểu vương đồng nhau tạ ơn Bồ Tát rằng: Ngài ôi! Trí tuệ của Ngài là nơi nương tựa của chúng tôi, chúng tôi cậy vào Ngài mới được sinh tồn đến hôm nay. Các vị tiểu vương cúng dường đến đức Bồ Tát rất nhiều vật báu.

Đức Bồ Tát bèn tâu vua CULANÌ xin tạ tội với các vị tiểu vương và quan quân trọng thể, có cả kịch vui chơi trong đường hầm đến 7 ngày đêm, mới trở về thành đô UTTARAPANCÀ. Đức vua CULANÌ ban thưởng Bồ Tát rất nhiều của báu và yêu cầu Ngài ở lại trong nước rằng: Này bậc trí tuệ, người đừng trở về với Đức vua VIDEHARÀJA nữa, ở lại đây, Trẫm sẽ trọng đãi người hơn Đức vua VIDEHARÀJA, vậy người hãy ở lại với Trẫm đi.

- Tâu, bỏ chủ mà ham danh lợi là điều không tốt, phải bị người chê trách đê đờ. Tâu, bao giờ Đức vua VIDEHARÀJA còn thống trị tôi không thể bỏ Ngài mà đi thờ một vị Hoàng Đế nào khác.

- Như vậy, người nên hứa rằng: Ngày nào Đức vua VIDEHARAJA băng hà, người sẽ trở qua ở với Trẫm đi.

Bồ Tát bèn hứa chịu, Ngài ở lại thêm 7 ngày, rồi vào tâu xin trở về thành MITHILÀ. Đức vua CULANÌ ban thưởng đức Bồ Tát rất nhiều châu báu, cho thu thuế trong 7 quận gần biên thủy xứ MITHILÀ cấp cho bốn trăm tôi trai, tó gái, một trăm người vợ ngoài ra còn nhiều vật quý không kể xiết

- Tâu, Đại Vương đừng lo ngại đến các vị hoàng tộc của Đại Vương. Khi Đức vua VIDEHARAJA trở về xứ, hạ thần có tâu gửi gắm rằng, phải trọng đãi đức Hoàng Hậu CANDÀDEVÌ như mẹ đẻ. Khi về đến thành MITHILÀ, tôi sẽ sai quân hộ giá đưa hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, Hoàng Tử trở về lập tức.

Đức vua CULANÌ nói SÀDHU (tốt lắm) rồi sắp đặt các nữ trang báu vật gửi qua cho Công chúa. Tất cả 101 vị tiểu vương cũng sắp sửa lễ vật biếu cho Bồ Tát rất nhiều vô số kể. Các thám tử cũng từ giã chư vương theo đức Bồ Tát trở về thành MITHILÀ

Khi về gần đến thành MITHILÀ, quân vào báo cho bốn vị giáo sư hay trước, để bốn vị vào tâu Đức vua VIDEHARAJA rõ. Vua tôi đều mừng rỡ. Đồng nhau lên tầng lầu cao xem xét. Đức vua thấy quân binh bình đông đảo bèn giựt mình lo sợ, nghĩ rằng có lẽ vua CULANÌ kéo quân đến báo thù nữa chăng? Đức vua liền hỏi: Này các khanh voi, ngựa, xe và bộ binh sao mà quá nhiều như thêm đáng lo ngại lắm, vậy các khanh xem kỹ là quân binh của ai?

SENAKA tâu: - Xin Bệ Hạ hoan hỉ vui mừng đi. Ngài MAHOSATHA PANDITA dẫn quân binh thắng trận hồi trào đã có thám tử vào phi báo trước, Ngài sẽ đến đây bay giờ.

- Này SENAKA, quân binh của MAHOSATHA ít, đâu có quá nhiều vậy.

- Tâu, có Đức vua CULANÌ phát tâm thỏa thích vui lòng cho quân binh hộ tống đưa Ngài MAHOSATHA về chớ không có chi lạ cả.

Đức vua dạy quân đem chiên trống đánh h rao cho chúng dân biết để trang hoàng trung dạn, treo cờ kết hoa v.v... từ thành thị chí thôn quê để đón rước Bồ Tát.

Đức Bồ Tát vào đền. Đức vua VIDEHARAJA bước xuống ngai vàng đến hôn đức Bồ Tát mà hỏi rằng: Con MAHOSATHA Ôi! Cha bỏ con ở lại trong xứ người, cha rất đau lòng nên đêm trông ngày đợi. Vậy con ở lại, con dùng phương pháp nào mới thoát nạn được mà về đây, con hãy tỏ cho Trẫm nghe.

Bồ Tát tường thuật lại đầu đuôi tự sự câu chuyện cho Đức vua VIDEHARÀJA nghe. Đức vua vô cùng mừng rỡ. Bồ Tát tâu tiếp về Đức vua CULANÌ ban thưởng rất nhiều báu vật. Đức vua VIDEHARÀJA càng nghe càng ưa thích, rồi tỏ lời tán tụng tài đức của Bồ Tát. Đức vua VIDEHARÀJA liền bá cáo cho dân chúng hay, để làm lễ diễn kịch trọn 7 ngày đêm ăn mừng cho đức Bồ Tát thắng trận khai hoàn. Quốc dân diễn kịch vui chơi đờn ca xướng hát, trống kèn vang rền trong thành MITHILÀ. Tất cả quân dân trang điểm y phục đem lễ vật đến cúng dường đức Bồ Tát vô số kể.

Cử hành xong đại lễ khai hoàn, đức Bồ Tát bèn vào tâu vua, cho phép đưa ba vị hoàng tộc của Đức vua CULANÌ về nước. Đức vua VIDEHARÀJA khen phải, rồi dạy đức Bồ Tát xếp đặt xe giá để tiễn đưa 3 vị hoàng tộc về.

Hoàng Hậu của Đức vua CULANÌ và của Đức vua VIDEHARÀJA (tức là Công chúa của Đức vua CULKANÌ), mẹ con than khóc lưu luyến nhau trước cảnh phân ly kẻ ở người đi thật là thảm thiết. Đức Bồ Tát giao cho quân binh tất cả bốn trăm tôi trai tứ gái, 100 người vợ mà Đức vua CULANÌ đã ban thưởng trước kia, theo hộ tống 3 vị hoàng tộc về đến xứ UTTARAPANCA. Đức vua CULANÌ hay tin rất mừng ra tiếp rước 3 vị hoàng tộc là hoàng thái hậu, Hoàng Hậu và Hoàng Tử vào đền. Đức vua CULANÌ phán hỏi: Lúc ở bên xứ MITHILÀ, Đức vua VIDEHARÀJA tiếp đãi thế nào?

Bà hoàng thái hậu đáp: Đức vua VIDEHARÀJA trọng đãi bà như vị trời lớn, cung dưỡng Hoàng Hậu như mẹ ruột và Hoàng Tử như em ruột.

Đức vua CULANÌ lấy làm vừa lòng đẹp dạ, càng ban thưởng cho quân binh của Đức vua VIDEHARÀJA và gửi tặng nhiều vật báu đến Đức vua VIDEHARÀJA. Từ đây hai nước CULANÌ PANCA và MITHILÀ trở nên thân thiết bang giao, quốc thới dân an, người người lạc nghiệp.

Nói về nàng PANCALACANDÌ tức là Hoàng Hậu thành MITHILÀ, rất được lòng nhà vua VIDEHARÀJA thương yêu. Hai năm sau, Hoàng Hậu sanh được một trai và một gái. Đến năm thứ 12, Hoàng Tử lên 10 tuổi, thì Đức vua VIDEHARÀJA thăng hà. Đức Bồ Tát làm lễ tôn vương có Hoàng Tử, rồi từ giã qua ở cùng với vua CULANÌ. Ấu chúa ngăn rằng: Ngài đừng từ bỏ tôi sớm, vì tôi còn trẻ lắm. Trẫm xin tôn trọng cúng dường Ngài như cha. Bà hoàng thái hậu PANCALACANDÌ cũng khẩn cầu rằng: xin Ngài từ bi ở lại, Ngài đi rồi còn ai là nơi nương tựa của ấu chúa.

- Tâu, tôi ở lại không được vì tôi đã hứa hẹn với Hoàng Tô Phụ trước kia rồi.

Từ các quan cho đến dân gian ai ai cũng cảm mến ân đức, khóc than đưa đức Bồ Tát.

Qua đến xứ UTTARAPANCA vào châu Đức vua CULANI. Đức vua tiếp rước trọng thể và ban cho đức Bồ Tát dinh thự xứng đáng. Từ đó đức Bồ Tát vào ra châu Đức vua CULANI.

Thuở đó, có một ni cô danh là PHERIPARIBBAJÌ có nhiều trí tuệ, hay vào thọ thực trong đền nội của vua CULANI. Ni cô này chưa từng gặp mặt đức Bồ Tát, nhưng có nghe danh MAHOSATHA PANDITA thường vào châu Đức vua CULANI. Đức Bồ Tát cũng đã nghe nói về Ni cô PARIBBAJÌ hay vào thọ thực trong đền nội, nhưng chưa từng giáp mặt.

Nói về bà Hoàng Hậu chỉ nhớ đến con là Công chúa PANCALACANDÌ chừng nào thì càng giận Bồ Tát chừng ấy, nên tìm dịp để báo thù. Bà dạy những cung nữ thân cận đáng tin cậy rình xem bắt tội Bồ Tát. Ngày kia ni cô PARIBBAJÌ vào thọ thực trong cung nội, khi trở ra gặp Bồ Tát vào châu vua. Bồ Tát đưa tay lên thi lễ ni cô rồi đứng nép một bên.

Ni cô PARIBBAJÌ tin chắc rằng là MAHOSATHA. Ni cô muốn biết Bồ Tát có trí tuệ thực hay là thế nào, nên ni cô định ra câu đố, hỏi thử. Nghĩ rồi ni cô bèn xòe bàn tay ra trước mặt Bồ Tát cố ý hỏi rằng: Đức vua mời Ngài sang đây, thường ngày Đức vua có ban thưởng của cải chi thêm chăng?

Đức Bồ Tát hiểu ý ni cô hỏi, nên đáp ngay, bằng năm tay lại dụng ý nói rằng: Chưa ban thưởng vật chi thêm.

Ni cô đưa tay lên vuốt đầu là hỏi đố rằng: Như thế thì Ngài cực khổ lắm, vậy Ngài có thể xuất gia như ta, hay thế nào?

Đức Bồ Tát bèn lấy tay vuốt bụng, cố ý đáp rằng: Tôi chưa xuất gia được, vì có vợ con nhiều phải cần nuôi nấng.

Chỉ nói với nhau bằng tâm chí như thế, rồi ni cô ra về chỗ ngụ, Bồ Tát vào châu vua.

Phần các cung nữ mà Hoàng Hậu CANDÀ đã sai đi rình, tìm lỗi Bồ Tát đó. Khi thấy được điều như thế, bèn vào tâu cho đức Hoàng Hậu hay. Hoàng Hậu việc có tâu với vua rằng:

- Chúng tôi gặp ni cô PARIBBAJÌ và Ngài MAHOSATHA ra câu đố nhau muốn đoạt ngai vàng của Hoàng Thượng. Sau khi thọ thực, ni cô vừa ra khỏi đền gặp Ngài MAHOSATHA hỏi ý rằng: Ngài bắt Đức vua rồi đoạt để vị có được chăng? Ngài MAHOSATHA nắm bàn tay lại đáp, có nghĩa là: hai ngày nữa tôi sẽ bắt hạ sát Đức vua để đoạt ngai vàng. Ni cô đưa tay lên vuốt đầu hỏi, có nghĩa rằng: Chặt đầu đi, đừng để lâu. MAHOSATHA đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là: Tôi chặt đầu không tiện, để tôi chém ngang

mình. Tâu, lệnh Hoàng Thượng nên giết MAHOSATHA cho mau đừng chậm trễ, không nên để đuôi mà lâm nạn.

Nghe tâu, Đức vua CULANÌ bèn nghĩ: Có lẽ đâu MAHOSATHA lại dám hại ta? Vậy để ta hỏi lại ni cô cho rõ đã. Sáng ra, ni cô vào thọ thực, Đức vua CULANÌ bèn hỏi: Bạch, bà với MAHOSATHA có gặp nhau chẳng?

- Tâu, có được gặp nhau tại ngày hôm qua ngay trước đền.

- Bạch bà có nói chuyện chi với MAHOSATHA chẳng?

- Tâu, không có nói lời chi cả, chỉ ra câu đó rằng: Tôi xoè bàn tay ra, có ý hỏi. Đức vua mời Ngài qua đây có ban thưởng thêm chi chẳng?

MAHOSATHA nắm tay lại đáp, có nghĩa là: Chưa ban thưởng chi thêm.

- Tôi đưa bàn tay kên vuốt đầu, có ý hỏi: Như thế Ngài khổ lắm, vậy nên xuất gia như tôi vậy Ngài nghĩ sao?

MAHOSATHA đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là: Tôi có vợ con nhiều cần phải nuôi nấng.

Chỉ có ra thai hỏi và đáp như thế thôi, rồi tôi ra về, MAHOSATHA vào châu.

- Bạch, bà xem MAHOSATHA là bậc có trí tuệ nhiều thật chẳng, hay thế nào?

- Tâu, trong đời này, không ai sánh bằng trí tuệ MAHOSATHA.

Tâu xong, ni cô từ tạ trở về am an nghỉ. Khi ni cô vừa ra về, Bồ Tát vào châu, Đức vua phán hỏi: Này MAHOSATHA! Khanh với ni cô PARIBBÀJÌ có gặp nhau lần nào chẳng?

- Tâu, hôm qua hạ thần có gặp ni cô trước đền.

- Có trò chuyện cùng nhau chẳng?

- Tâu, không có nói bằng lời mà chỉ trao đổi ý kiến bằng cử chỉ câu thai, để vấn đáp, Bồ Tát liền tâu rõ tự sự cho Đức vua nghe.

Đức vua CULANÌ rất hoan hỉ liền phong cho MAHOSATHA làm đại tướng, rồi giao phó cho tất cả công việc triều chính cho Bồ Tát. Từ đây uy quyền của đức Bồ Tát càng vẻ vang chói lọi. Sau khi đó, đức Bồ Tát nghĩ rằng: Tại sao Đức vua giao phó công việc triều đình cho ta trọn quyền nắm giữ như vậy, thật là khó hiểu. Có khi Ngài mưu chước hại mình cũng có. Vậy để ta tìm xét thử coi, ngoài ni cô ra không ai hiểu được Đức vua, để ta đến bạch hỏi xem?

Khi vào lễ bái cúng dường ni cô rồi, đức Bồ Tát bạch: Thưa bà từ ngày bà tán tụng đức tính của tôi, Đức vua nghe được rồi ban thưởng tôi rất trọng hậu, nhưng không rõ Đức vua có lòng tin tưởng tôi thật chăng? Cầu bà, tùy dịp hỏi Đức vua, rồi cho tôi biết. Ni cô hứa chịu.

Sáng ra vào đèn, ni cô mong tìm hỏi Đức vua, nhưng lo ngại vó nhiều người sợ vua không nói thật, nên tâm rằng: Tôi có việc kín xin tâm với Đại Vương.

Đức vua liền bảo mọi người ra khỏi sân rồng chỉ còn Ngài và ni cô. Ni cô tâm: Tất cả 7 người là: hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, thứ vương, vị THÙSEKKHA, vị cố vấn SEVATA, bậc trí tuệ MAHOSATHA và Đại Vương. Tất cả 7 vị đồng nhau xuống thuyền ra đến giữa biển, có một con quái vật nước to, lên tìm ăn thịt người. Quái vật nước ấy vệt nước ra nổi lên nắm chặt chiếc thuyền, hấn hỏi Đại Vương rằng: Ngài phải cho ta ăn 6 người trong thuyền này, thì ta tha Ngài. Khi quái vật nói như thế, Đại Vương cho hấn ăn người nào trước?

- Bạch, như thế thì tôi cho quái vật ăn mẹ tôi trước, thứ nhì là nàng NANDÀ (Hoàng Hậu) thứ ba là thứ vương, thứ bốn là THÙSEKKHA, thứ năm là KEVATA, còn thứ sáu, tôi biểu quái vật nước hả miệng tôi vén cằm bào lên cho gọn, nhảy ngay và mồn quái vật cho nó ăn tôi. Còn bậc trí tuệ MAHOSATHA tôi không cho hấn ăn đâu!

Nghe Đức vua đáp như vậy, bà ni cô hiểu rằng Đức vua thương MAHOSATHA thật. Biết rõ lòng vua, bà ni cô mong làm cho tài đức của MAHOSATHA càng thêm rõ rệt. Bà yêu cầu cho mời tất cả mọi người trong cung nội hội hiệp lại rồi tâm hỏi Đức vua về con quái vật nước. Đức vua bằng lòng cho quái vật ăn mẹ trước v.v... Bà ni tâm: Mẹ của Đại Vương có rất nhiều ân đức, nhất là công lao sanh thành dưỡng dục, nào là tắm rửa lau chùi những vật ô uế. Khi Đại Vương còn thơ ấu, bà lo từng miếng ăn, tấm mặc, lúc khóc la, khi đau ốm, dạy bảo cho Đại Vương được an vui cho đến lúc căn thu thúc giới trưởng thành. Khi Đại Vương bị CHÀBBIBRÀHMANA làm hại, đức mẹ của Đại Vương tìm đủ phương cách để cứu vớt Đại Vương, không có bà mẹ nào sánh bằng. thật là ân đức sâu dày. Tại sao Đại Vương lại cho quái vật nước ăn bà mẹ trước, bà có lỗi chi?

Có lời hỏi rằng: Tại sao ni cô PARIBBÀJÌ lại tâm như vậy? Bởi thuở trước Đức vua CULANÌ còn bé, bà hoàng thái hậu thương yêu CHÀBBIBRÀHMANA, rồi hại vua CULANÌ đem đế vị dâng đến CHÀBBIBRÀHMANA, bà trở thành Hoàng Hậu của CHÀBBIBRÀHMANA.

Ngày nọ Hoàng Nhi CULANÌ đến nói với mẹ rằng: Con đói bụng. Bà mẹ tức Hoàng Hậu đem nước mía đến cho dùng, nhưng ruồi bay lại đậu hút nước mía xung quanh mình trẻ CULANÌ. Hoàng Nhi CULANÌ rải một chút nước mía lên đất, rồi đuổi cho ruồi đậu hút nước mía ấy xong trở lại dùng nước tự do, khỏi phải đuổi ruồi nữa.

CHÀBBIBRÀHMANA thấy vậy bèn nghĩ rằng; Hoàng Nhi này rất khôn ngoan, khi trưởng thành đâu có để cho ta giữ an nguy vàng. Vậy ta hãy giết trẻ này cho được. CHÀBBIBRÀHMANA tính rồi nói với Hoàng Hậu. Hoàng Hậu tâm dối rằng: Bệ Hạ đừng lo ngại, chồng tôi trước kia tôi còn hại được, huống chi đức trẻ nhỏ này, giết giờ nào mà không được, song nếu hại nó thì đừng cho ai biết, Hoàng Hậu tâm dối như thế bởi bà có mưu. Bà gọi người đầu bếp vào rồi dạy kín rằng: Con trai ta và con trai của người, sanh ra trùng ngày, trùng tháng và thường hay gần gũi thân thiết nhau lắm, nay CHÀBBIBRÀHMANA muốn giết con trai ta. Vậy người nên cứu tử CULANÌ, con trai ta với đi.

- Tâu lệnh bà muốn tôi làm thế nào?

- Nay đầu bếp, người cùng con trai ta và con trai người cả 3 bên thường ngủ trong nhà bếp, song chớ cho ai rõ được, rồi người tìm lượm nhặt xương dê đem để tại chỗ mà 3 người thường hay ngủ đó. Đêm khuya vào giờ Ngọ ngủ mê, người hãy đem lửa đốt nhà bếp và dẫn con ta, con người chạy ra khỏi cửa thành, tìm ngụ nơi biên thủy, mà cũng chẳng nên cho ai biết CULANÌ là con của Đức vua cả, hãy giữ cho kín miệng thì sẽ được hạnh phúc ngày sau. Hoàng Hậu lén lấy nhiều vật báu cho người đầu bếp. Một hôm vào lúc nửa đêm thanh vắng đầu bếp bèn nổi lửa đốt nhà bếp, dẫn hai trẻ chạy ra ngoài bang tìm ở với Đức vua MADDHARÀJA tại kinh đô SÀKALA.

Đức vua bèn thu nhận, cho làm đầu bếp. Mỗi khi đầu bếp vào chầu vua, hai trẻ là CULANÌ và THÙSENAKKHA cùng vào theo luôn. Đức vua hỏi: Nay đầu bếp, hai trẻ này là con của ai?

- Tâu, chúng là của hạ thần

- Tại sao lại không giống nhau?

- Tâu, vì khác mẹ nhau.

Hai trẻ thường vào ra trong đền nội nên quen. Một ngày nọ gặp Công chúa của Đức vua MADDHARÀJA, cùng chơi với nhau. Trẻ CULANÌ dạy Công chúa đi bắt dế kiếm dây buộc dế mà Công chúa không đi, CULANÌ đánh Công chúa la khóc.

Đức vua nghe, hỏi ai đánh con Trẫm?

- Các cung nữ chạy hỏi NANDÀ Công chúa. Ai đánh Công chúa? Trẻ NANDÀ nghe rồi nghĩ rằng nếu ta nói bị CULANÌ đánh thì, Phụ Vương ta bắt tội (vì thương trẻ CULANÌ) nên Công chúa NANDÀ đáp, không có ai đánh cả, rồi cũng giỡn chơi với CULANÌ.

Một bữa nọ, chính Đức vua MADDHARÀJA xem thấy con mình bị CULANÌ đánh. Ngài xét, đứa trẻ này mặt mày khôi ngô không giống người đầu bếp chút nào, nó không kiêng nể ai cả, khác hơn đứa trẻ của người đầu bếp. Từ đó, Đức vua MADDHARÀJA để ý phân biệt cử chỉ của trẻ CULANÌ.

Các cung nữ đem bánh dâng cho Công chúa, Công chúa đem chia cho những trẻ chơi cùng nhau, đứa nào đến lấy bánh cũng có ý kiêng dè cuối đầu mà thọ bánh. Trừ trẻ CULANÌ đi đến tự nhiên, rồi chen lấn giành lấy bánh. Ngày nọ các trẻ chơi cùng nhau, vào gần chỗ long sần của Đức vua, trẻ nào cũng chun dưới giềng kiếm đồ chơi, còn trẻ CULANÌ chỉ lấy cây khều ra chớ không chun dưới giềng. Đức vua MADDHARÀJA thấy khác thường hơn các trẻ nhiều lần như thế, quyết định rằng: Em CULANÌ không phải là con của thường dân, Đức vua dạy cho đòi đầu bếp đến, rồi Ngài rút gươm ra, đưa lên mà nói rằng:

- Trẫm chắc trẻ CULANÌ này không phải là con đẻ của người. Vậy người nên khai thật, bằng không Trẫm sẽ chém đầu.

Anh đầu bếp kinh hồn bèn tâu ngay: Tâu, đây là Hoàng Tử của Đức vua CULANÌ. Sau khi biết rõ nguồn cơn, Đức vua MADDHARÀJA bèn gả Công chúa NANDÀ cho CULANÌ.

Đây nói về bà hoàng thái hậu CHALAKÀDEVÌ thấy nhà bếp cháy hết, rồi dạy người đi nhặt xương dê đem trình cho CHÀBBIBRÀHMANA rằng: Đây là hài cốt của trẻ CULANÌ, nó đi ngủ chung của đầu bếp bị cháy, nên nó phải bị chết thiêu như vậy. CHÀBBIBRÀHMANA nghe được rất hài lòng.

Bà ni cô PARIBBÀJÌ tâu: Khi CHÀBBIBRÀHMANA hại Đại Vương đó, nhờ bà hoàng thái hậu cứu tử Đại Vương. Như thế tại sao đại vương lại cho quái vật nước ăn trước?

- Bạch, thường ngày mẹ tôi đã già mà chưa chịu là già, làm như là gái tơ, dùng đồ nữ trang tô điểm khác thường, không xứng đáng với tuổi già. Một ngày nọ, Trẫm đang lâm triều chung lo việc nước cùng các đại thần, mẹ Trẫm mang dây lưng có đủ ngọc báu đi qua lại trước đền, tiếng ngọc của dây lưng khua động khắp cả thành nội. Lại nữa, mẹ Trẫm các lần gọi các trẻ lại mà đùa giỡn với chúng, thật không xứng đáng, ai ai cũng bất bình. Một hôm,

mẹ Trầm một mình tả chiếu chỉ giả rằng: Là lệnh của Trầm cho chư hầu biết "Mẹ tôi còn trẻ tuổi cần ngũ dục. Ngai nào vừa lòng, thì đến lãnh về chung hưởng". Viết như vậy rồi gửi về chư hầu, các Ngai đáp rằng: Vì sao Hoàng Thượng dạy như thế?

Chư hầu đem chiếu chỉ ra đọc giữa hội, Trầm lấy làm hổ thẹn muôn phần, và cảm thấy phản uất, như bị người áp chế. Vì mẹ Trầm có lỗi như vậy, nên Trầm cho quái vật nước ăn trước.

- Nếu Đại Vương nói Hoàng thái hậu có lỗi nên cho quái vật nước ăn trước, còm bà NANDÀ Hoàng Hậu, thường thốt những lời tao nhã và là người đức hạnh, hết lòng phụng dưỡng gần gũi Đại Vương từ thuở Ngai còn thiếu niên. Khi Đại Vương đến ngự trong nước của bà, bị Ngai rầy la đánh đập thế nào, bà cũng không nói thật vì hết lòng yêu mến Ngai. Bà NANDÀ là phụ nữ có trí tuệ biết quan sát tìm điều lợi ích cho Đại Vương, do nhân nào Đại Vương lại cho quái vật nước ăn, bà có tội gì chăng?

- Bạch, nàng NANDÀ hay còn những của không nên xin, những đồ trang sức mà Trầm cho vợ con đó, nàng NANDÀ chờ có dịp thì xin, thấy Trầm mê say nàng giờ nào thì xin giờ ấy. Khi trăn đã bị phiền não dục lôi cuốn, càng xin Trầm càng cho, khiến Trầm phải chạy theo thế lực của phiền não dục, sau rồi dẫu xin mà Trầm không cho mà cũng lấy, Trầm quả trách cũng không kiêng nể, quyết lấy cho được. Do đó, nên Trầm cho quái vật nước làm thực phẩm.

- Tâu, nếu Hoàng Hậu NANDÀ có tội, còn vị thứ vương rất thông minh, võ nghệ siêu quần, dẹp an giặc biên thủy làm cho các ngoại bang đều kiêng nể hằng phục Đại Vương. Có sao Đại Vương lại cho quái vật nước ăn, th? vương có tội gì?

[Vấn: Có lời hỏi, có sao bà ni cô PARIBBÀJÌ lại hỏi như thế?

Đáp: Thuở bà Hoàng Hậu CHALÀKA thích khách Đức vua CULANÌ (chồng bà) rồi dâng đế vị cho CHÀBBIBRÀHMANA, thì thứ vương TIKKHANAMANDÌ còn trong bào thai, nên tưởng CHÀBBIBRÀHMANA là cha ruột, không rõ rằng là cha nuôi. Sau rồi mới phân biệt chơn giả, do một vị đại thần tâu kín. Khi được biết rằng CHÀBBIBRÀHMANA không phải là cha ruột. Ngai bèn thịnh nộ mong giết CHÀBBIBRÀHMANA.

Hoàng Tử bày kế cho hai quan đại thần, rầy la đánh đập nhau trước ngo môn, Hoàng Tử liền vào tâu với CHÀBBIBRÀHMANA rằng: Cây đao mà Hoàng Thượng ban cho tôi, nay có kẻ lại đòi nói là của họ.

- Tại sao thế? Đao ấy của Trầm, Trầm nhận biết được, vậy con ra lấy đem vào đây cho Trầm xem lại.

Hoàng Tử ra lấy đao vào, đem cho CHÀBBIBRÀHMANA nhìn, rồi thừa dịp thuận tiện chặt đầu CHÀBBIBRÀHMANA đứt lia. Khi Hoàng Tử hạ sát CHÀBBIBRÀHMANA rồi, triều thần đồng tôn Ngài lên kế vị. Đức Hoàng thái hậu CHÀLANÌ mới chịu khai rõ rằng: Nay con TIKKHANAMANDI anh trai của con còn sinh tiền, hiện nay còn ngự tại thành Đức vua MADDHARÀJA. Hoàng Tử, khi được biết hoàng huynh còn sống liền đem binh đến thành của Đức vua MADDHARÀJA thỉnh đức CULANÌ về tôn lên ngôi báu.]

Sau khi được rõ tự sự như thế, bà ni cô PARIBBÀJÌ tâu rằng: Thứ vương có đại ân với Đại Vương đi thỉnh Đại Vương từ ngoại quốc về, rồi đem đế vị dâng đến Đại Vương, thì Thứ vương có tội gì mà Đại Vương đành cho quái vật nước ăn?

- Bạch, mỗi ngày đây, ngự đệ TIKKHANAMANDI hằng nói rằng: Biên thủy nhờ ta mà được thái bình. Đức vua này lên ngôi báu cũng nhờ ta rước về, nay mới được hạnh phúc như vậy. Thường nói như thế, thật rất khinh rẽ Trẫm. Vừa lòng thì hấn vào châu, bằng trái ý thì hấn không đến. Vì lẽ đó Trẫm mới cho quái vật nước ăn ngự đệ TIKKHANAMANDI.

- Thôi thứ vương có lỗi đã đành, vậy THNÛSENAKKHA là bạn thiết của Đại Vương, sanh đồng ngày, tháng, năm, cùng Đại Vương quê hương. Lại nữa, Ngài hết lòng chăm lo việc triều chính quanh năm, mãi tháng, bạn lành chơn chánh như vậy, có tội gì mà Đại Vương lại cho quái vật nước làm thực phẩm?

- Bạch, bạn THNÛSENAKKHA của tôi, từ bé ở chung, ngủ chung, đùa giỡn cùng nhau, đến nay cũng vẫn còn như thế, tôi không bỏ rơi phụ bạc bạn xưa. Khi có lỗi, tôi cũng không bắt tội, vào đền sái giờ tôi cũng không cấm. Như vậy mà người không biết xét mình, có lúc tôi cùng Hoàng Hậu ở trong cung cấm mà hấn vẫn vào tự do. Vì vậy nên tôi mới cho bạn đến quái vật nước ăn.

- Tâu, thôi để đó, vậy vị cố vấn KEVATA, ông sáng suốt trong các công việc, biết rõ đây là nhân, kia là quả. Ông nghe được tiếng chim, tiếng qua biết rõ điều hay lẽ phải, biết coi ngày tháng, xem sao bói quẻ khó mà tìm được một vị cố vấn như ông. Vậy do nhân nào mà Đại Vương cho quái vật nước ăn thật?

- Bạch, vị cố vấn KEVATA có khuynh hướng không tốt, là trước mặt hay khuất mặt người, giữa đại chúng mắt hấn liếc tôi trợn trắng như giận dữ đáng sợ. Vì KEVATA có thái độ không đoan trang với tôi như thế, nên tôi cho quái vật nước ăn.

- Tâu, tất cả 5 người trước nhất là hoàng thái hậu cuối cùng là vị cố vấn KEVATA, Đại Vương cũng cho quái vật nước ăn liên tiếp. Cho đến người thứ 6 là Đại Vương, Ngài cũng đành nhả vào miệng của quái vật nước cho nó ăn, không mển tiết ngai vàng và sinh mệnh, để thế cho bậc trí tuệ MAHOSATHA, vậy bậc trí tuệ MAHOSATHA có đặc ân chi với Đại Vương?

Tâu, đại vương là bậc quý nhân, sản nghiệp của Đại Vương hằng ngày đây, biên giới chí đại hải, chẳng có một cường quốc nào sánh bằng sự vinh quanh xán lạn của đại vương. Đại Vương có uy thế lẫy lừng, hơn cả 101 quốc vương trong Thiên hạ. Nước giàu dân mạnh, binh hùng, tướng giỏi. Đại Vương là một vị Hoàng Đế uy phong lẫm liệt, đường đường chính chính cao sang tột bậc. Lệ thường người giàu sang phú túc như Đại Vương, ai ai cũng đều mong được trường thọ để hưởng hạnh phúc lâu dài.

Cớ sao Đại Vương lại hành hạ mình đành chịu làm mồi cho quái vật nước, chết thế cho bậc trí tuệ MAHOSATHA. MAHOSATHA có ân đức gì với Đại Vương?

- Bạch Ni cô! MAHOSATHA đây, từ khi qua ở bên kinh đô này, hằng tìm làm biết bao điều lợi ích cho Trẫm. Cả ngày lẫn đêm, MAHOSATHA hông làm đi?u gì quấy, dù là nhỏ nhen. Trước kia khi còn là thù nghịch, có thể giết Trẫm được mà không giết. MAHOSATHA đủ điều kiện hại vợ con Trẫm mà cũng dung tha. Vợ con Trẫm à được an vui, sum vầy chung hưởng hạnh phúc đây cũng nhờ MAHOSATHA. MAHOSATHA biết rõ nhân quả trong quá khứ, vị lai và hiện tại, ví như đấng Chánh đẳng Chánh Giác. MAHOSATHA có thân, khẩu, yù lành. Bậc trí tuệ MAHOSATHA gồm đủ các tính từ, bi, hỉ, xả. Vì thế, nên Trẫm ới chịu chết, để bảo vệ bậc trí tuệ MAHOSATHA

Đức vua tường thuật tài đức của Ngài MAHOSATHA như vị trời có nhiều năng lực, cầm vàng trắng đưa lên giữa hư không vậy.

Bà ni cô PARIBBÀJÌ có ý, mong cho tài đức của Ngài MAHOSATHA được truyền tụng trong đời, nên cầu xin Đức vua ra trước đền, rồi bá cáo cho dân chúng hay, tựu hội lại để nghe lời cao quý. Bà hỏi Đức vua về câu chuyện cho quái vật nước ăn thịt 6 người, để Đức vua đáp lại cũng như đã giải trước. Bà ni cô PARIBBÀJÌ chọn những phần hay để thuyết pháp bà nêu cao đức trí tuệ của đức Bồ Tát MAHOSATHA, ví như người đã tạo xong nhà, rồi đem ngọc ma ni treo trên nóc, rằng: Cùng tất cả quốc dân đến hội họp trong nơi này, hãy chăm chú nghe thiện ngôn của Đức vua CULANÌ, Ngài thuyết về câu chuyện mà Ngài từ bỏ hoàng thái hậu, Hoàng Hậu, thứ vương,

bạn thiết, vị cố vấn KEVATA và sanh mệnh của Ngài cho quái vật nước ăn để gìn giữ bảo vệ bậc trí tuệ MAHOSATHA. Đây thật là chuyện hy hữu.

Này quý vị! Các Ngài nên lưu tâm quan sát cho thấy đức tính của trí tuệ. Đức của trí tuệ thật là siêu nhiên²⁷. Kẻ nào gồm có trí tuệ rộng lớn là chánh kiến, xét thấy chon chánh rồi, làm những việc vô tội theo sự suy nghĩ đứng đắn, đem lợi ích cho mình và kẻ khác trong kiếp hiện tại và vị lai.

Bà ni cô PARIBBÀJÌ thuyết về đức tính siêu tuyệt²⁸ của trí tuệ như thế.

SATTHÀ IMAM DAMMADESANAMÀHARITVÀ: Đức Thiên Nhơn Sư thuyết xong tích MAHOSATHA rồi bèn giải tiếp rằng: Này các thầy Tỳ khuru! Chẳng phải Như Lai chỉ có trí tuệ cao siêu trong kiếp cuối cùng này đâu, thuở Như Lai thọ sanh làm MAHOSATHA, Như Lai cũng có trí tuệ vượt lên trên tất cả mọi người vậy. Xong đức Thế Tôn hợp các tiền kiếp lại rằng:

TADA KALE: trong thời đó, SENAKO giáo sư SENAKA nay là KASSOPO, thượng tọa Ca Diếp; PAKUTO giáo sư PAKUTA nay là AMBATTHO thượng tọa AMBATTHO; giáo sư KAMINDA nay là KUTADANDABRAHMANA; DEVINDA nay là SONADANTHERA; cố vấn KEVATA nay là DEVADATTA (Đề Bà Đạt Đa); CHALAKÀ, nàng CHALAKÀ (Hoàng Hậu) nay là Tỳ khuru ni THULANANDISUNDANI; PANCALACANDÌ (Công chúa) nay là Tỳ khuru ni MANGALIKA BHIKKHUNI; nàng UDUMABARA nay là DITTHAMANGALIKA BHIKKHUNI; Đức vua VIDEHARÀJA nay là Tỳ khuru KALUDAYITHERA; nàng PARIBBÀJÌ nay là Tỳ khuru ni UPALAVANNA THERI BHIKKHUNI; Triệu phú SIRIVADDHANA nay là SUDDHANO đức Tịnh Phạn Vương; vợ Triệu phú nay là MAHAMÀYÀ Hoàng Hậu; nàng AMORA nay là BIMBA; thứ vương TIKKHANA nay là CHANDO Tỳ khuru; THNÙSEKKHA nay là RAHULO Tỳ khuru RAHULA; kết SUVAPOTAKA nay là SARIPUTTO Đại Đức Xá Lợi Phất; MAHOSATHA đức MAHOSATHA nay là LOKANATHO Đức đại bi Chánh đẳng Chánh Giác siêu nhiên như thế.

---o0o---

QUYỂN II

[08] - NAMATTHURATANATTAYASSA - BHÙRIDATA JÀTAKA - TRUYỆN ĐỨC BHÙRIDATA (BỒ TÁT TU HẠNH TRÌ GIỚI BA LA MẬT)

Một thuở nọ, đức Phật ngự an trong Kỳ viên tịnh xá, kinh đô SÀVATTHÌ, Ngài đề cập đến chư thiện tín về sự trì bát quan trai giới cho có

nhân rồi Ngài thuyết về truyện này. Bậc A Xà Lê kết tập Tam tạng (SANGITIKÀCÀRYA) tùy ý nghĩa kệ ngôn mà giải rộng thêm rằng: "Ta được nghe như vậy: Những thiện tín đến ngày định nguyện thọ bát quan trai giới từ lúc rạng đông và làm phước bố thí, xé lại vào chùa dâng hoa, cùng các vật thơm cúng dường và nghe pháp tại Bồ Kim Tự. Ngày đó, Đấng Đại Bi ngự đến phước xá, vào tọa trên bảo tọa xong, Ngài hỏi chư thiện tín rằng: Ngày nay, các người đã thọ bát quan trai giới chưa?"

- Bạch đức Thế Tôn chúng tôi được thọ bát quan trai giới hằng ngày không bỏ qua.

- Các người nhờ thầy chỉ dạy, mới thọ bát quan trai giới được, không thấy chi lạ thường. Ngày xưa, bậc trí tuệ không thầy mà vẫn tinh tấn thọ bát quan trai giới, không lo ngại đến gia tài, sự nghiệp. Ngài chỉ nói bấy nhiêu rồi mặc tướng²⁹.

Các thiện tín mong được biết tiền tích, nên cầu thỉnh Ngài thuyết pháp. Đức Phật bèn thuyết về truyện về đức BHURIDATA rằng

ATITO KÀLE: - Nay chư thiện tín! Thuở xưa có một Đức vua danh hiệu BRAHMADATA thống trị thủ đô BÀRÀNASI. Ngài phong cho con Ngài làm thứ vương. Không bao lâu Đức vua thấy thứ vương có nhiều uy thế, nên lo sợ thứ vương đoạt ngôi vàng. Ngài bèn đòi vào phán rằng: "Này con! Con hãy ra khỏi thành tùy sở thích, khi nào cha thăng hà rồi con hãy về kế vị". Hoàng Tử vâng lời, lạy tạ lui ra khỏi đền, lần hồi đi đến sông YAMANÀ, tạo tịnh thất gần mé sông rồi ngự yên trong nơi ấy.

Thuở đó, có một long nữ tên là MÀNAVIKÀ, chồng mới chết. Vị Long nữ này thấy các Long nữ khác giàu sang vui thú với chồng, nên nàng buồn tủi về ái tình. Nàng bèn ra khỏi Long cung, lên bờ biển thấy dấu chân của Hoàng Tử. Giờ ấy Hoàng Tử đi hái trái trong rừng nên vắng mặt. Vào tịnh thất thấy các vật dụng của bậc xuất gia, Long nữ bèn nghĩ rằng: Đây là tịnh thất của người tu ở rừng. Vậy ta nên thử thách đạo sĩ này, xem có phải là bậc chân tu không? Nếu thật là bậc chân tu thì không nằm trên giường có các thứ hoa mà ta trang hoàng đây. Bằng như không phải là bậc xuất gia theo đức tin chơn chánh thì sẽ nằm trên giường có trải hoa. Long nữ trở về chỗ ngụ, lấy các thứ hoa đem trần thiết phòng ngủ, có cả nước thơm rồi nàng trở về cõi Ròng.

Khi Hoàng Tử trở về tịnh thất, thấy phòng ngủ có trải hoa và nước thơm thì khen rằng: Ai đến trang hoàng phòng ngủ của ta như vậy, thật là làm cho ta vừa lòng phỉ dạ, rồi Ngài nằm trên giường hoa ấy, ngủ cho đến rạng đông. Sáng sớm Ngài vào rừng hái trái độ nhật.

Giờ đó, nàng Long nữ MÀNÁVIKÀ trở lại thấy hoa héo, thì biết rằng không phải là bậc chân tu. Nàng đem bỏ các hoa cũ, rồi rải hoa mới, xong nàng trở về chỗ ngụ.

Hoàng Tử về đến tịnh thất cũng lên giường nằm có rải hoa thơm ấy và nghĩ rằng: Ai đến đây trầm thiết như vậy, có lẽ do nguyên nhân gì chẳng, không sai.

Sáng ra, Hoàng Tử không vào rừng hái trái nữa. Ngài lánh mặt trong gần nơi ấy để rình xem, thấy nàng Long nữ đem hoa và nước thơm đến tịnh thất. Hoàng Tử thấy dung nhan xinh đẹp của nàng MÀNÁVIKÀ liền sanh tâm bông bột, luyến ái nàng. Đạo sĩ theo vào phòng nội, trong khi nàng MÀNÁVIKÀ đang trang hoàng chỗ nằm bằng các hoa thơm, đạo sĩ bèn đem lời thiện cảm mà nói rằng:

- Nàng là ai, quý danh là chi?

- Bạch, tôi là Long nữ MÀNÁVIKÀ.

- Này nàng! Có chồng hay chưa?

- Bạch, tôi là sương phụ³⁰. Bạch quý danh Ngài là chi, ở xứ mô, mà đến ngụ trong nơi đây như vậy?

- Ta là Hoàng Tử của Đức vua BÀRÀNASI, tên là BRAHMADATA KUMÀRA. Em bỏ Long cung đến đây, do nguyên nhân nào?

- Bạch, tôi thấy sự cao sang vui thú của các Long nữ có chồng, nên tủi phận buồn teo, trải đi kiếm người quân tử để nương bóng từng quân như vậy.

- Vậy em hãy lại đây, chúng ta chung sống cùng nhau, từ đây anh là chồng của em.

Nàng Long nữ tuân theo lời của Hoàng Tử, nàng liền hóa dinh thự có đủ vật dụng nhu cầu cao sang. Từ đây Hoàng Tử không phải vào rừng hái trái, vì có đủ món cần dùng.

Thời gian qua, nàng Long nữ sanh được một trai đặt tên là SÀGARABRAHMADATA. Trẻ này vừa biết ăn, biết nói, lại sanh được một đứa gái nữa tên là SAMUDDHAJÀ.

Một hôm, có người thợ săn đi đến nơi ấy, được biết rõ Hoàng Tử bèn quý tâu rằng "Tôi sẽ trở về tâu cho Hoàng gia biết chỗ ngụ của Ngài" rồi lạy tạ từ giả Hoàng Tử trở về kinh đô BÀRÀNASI. Trong khi đó, Đức vua BÀRÀNASI vừa thắng hà. Triều đình đang làm lễ hỏa táng, rồi tụ hội trước đền, bàn luận cùng nhau rằng: Nay Đức vua đã thắng hà, vậy chúng ta tôn ai

lên ngôi báu. Có Hoàng Tử song không rõ nay Ngài ngự trong nơi nào. Như thế chúng ta phải làm thế nào?

Khi đó người thợ săn vừa về đến kinh đô BÀRÀNASI, thấy có đông người hội họp trong nơi ấy và được nghe rõ nguyên do, bèn báo cho các vị đại thần hay rằng "Tôi biết rõ chỗ ngự của hoàng tử, vì tôi đã có tới nơi đó". Các quan nghe lấy làm vui mừng, liền ban thưởng trọng hậu cho người thợ săn, rồi dạy hấn hướng dẫn quân binh vào rừng lạy thỉnh Hoàng Tử, nghênh giá hồi triều, vì Đức vua đã thăng hà rồi.

Được biết như thế, Hoàng Tử vào gần nàng Long nữ tỏ lời thiện cảm hỏi rằng: Nay em yêu mến! Nay Phụ Vương của anh đã băng hà, nên các quan đến thỉnh anh về kinh đô BÀRÀNASI để kế vị. Vậy em nên theo cùng anh về hưởng quyền cao chức trọng, phú quý vinh hoa trong thủ đô BÀRÀNASI. Anh sẽ tôn em làm Hoàng Hậu lớn hơn tất cả cung phi.

- Thưa Ngài, tôi không thể đi cùng Ngài được. Tại sao? Vì tôi là loài Rồng, khi có điều chi không vừa lòng nhẫn nại được, nếu đã phát sân thì tia nọc độc đến các cung phi, cùng chồng phải tử mệnh. Vì vậy, tôi không thể đi cùng Ngài được.

Hoàng Tử vẫn nài nỉ, mà Long nữ vẫn quyết chối từ.

- Thưa, hai con đây là loài Rồng, nếu Ngài mến tôi, xin Ngài chăm nom hai trẻ cho cẩn thận, bằng để cho hai trẻ bị gió nắng lúc nào, thì chúng sẽ chết ngay. Ngài nên dạy cho người đào ao, chứa nước cho đầy, dành cho hai trẻ xuống tắm chơi, thế chúng mới được an vui.

Thương hại thay! Cho nàng Long nữ MÀNAVIKÀ, lạy Hoàng Tử ẵm hai con nâng niu và nằm cho ngủ bên mình, ôm ấp tung tiu, trước cảnh biệt ly tình mẫu tử, nàng đầm đìa giọt lệ rồi biết mất. Hoàng Tử rất thâm sầu, tha thiết giọt lệ tuông rơi, Ngài lau mặt xong, ra tiếp chuyện với các quan.

Triều thần đồng thỉnh Ngài về kinh đô BÀRÀNASI. Về đến hoàng cung lên kế vị ngôi vàng, Ngài phong quan tể tướng cho quan quân, chấn bản dân chúng. Ngài dạy quân đào ao chứa nước cho đầy, trồng các thứ hoa thơm, dành cho hai con đến tắm mát, được an vui.

Ngày nọ, có con rùa to vào trong ao ấy, khi tìm đường ra không được, nên nổi lên mặt nước, làm cho hai trẻ hoảng sợ, chạy đến tâu cho Phụ Vương rõ ràng, trong ao có con quái vật lộ trên mặt nước, khiến chúng con lo sợ, xin Phụ Vương dạy người bắt nó, đem đi lập tức cho được. Quan quân đồng nhau đến ao, bắt được con rùa to, đem nạp trước bệ Rồng. Đức vua phát thịnh nộ, nên dạy đem giết rùa ấy. Có vị đại thần dạy vua nên đem liệng trong nước xoáy, cho nó chết.

Rùa được liệng xuống nước, bèn lội đến cung điện Long Vương DASARATHA. Vì oán vua bảo giết, nên rùa tâu dối với Long Vương rằng: Đức vua muốn gả Công chúa cho Long Vương. Long Vương DASARATHA nghe qua rất hoan hỉ, liền đem binh Rồng lên cõi người rước Công chúa. Khi đến dân gian. Cho người vào báo tin. Đức vua BÀRÀNASÌ vì lo sợ uy lực thần thông biến hóa của Long Vương, tuy rằng không có hứa, nhưng Đức vua buộc lòng chịu gả Công chúa cho Long Vương.

Khi trở về cùng Long Vương. Dần dần Công chúa sanh được 4 trai: Con trưởng tên SUDASANA, thứ hai tên SUBHOGA, thứ ba tên DATAKUMÀRA tức là đức Bồ Tát, có nhiều trí tuệ nên được cha mẹ thương yêu hơn cả, người con thứ tư tên là ARITTHA.

Lúc nọ, Long Vương lên châu đức Đế Thích. Đế Thích và chư thiên có nhiều điều nan giải, nhờ có đức Bồ Tát giảng minh rõ rệt nên Đế Thích hằng ngợi khen đức trí tuệ và tặng danh là BHÜRIDATA (vì có nhiều trí tuệ). Đức BHÜRIDATA khi lên Đạo Lợi thiên cung thấy sự sang cả vinh hoa của đức Đế Thích thì mong được về cõi trời, nên nghĩ rằng: Ta là loài thú không tốt, khi trở về cõi Rồng, ta sẽ thọ bát quan trai giới, để hưởng quả báo trong ngày vị lai.

Sau khi trở về Long cung, đức BHÜRIDATA vào xin cha mẹ cho phép Ngài lên cõi người để giữ bát quan trai giới, cha mẹ Ngài hết sức khuyên lơn ngăn cản, song Ngài vẫn quyết trốn lên trần gian tu hành như ý muốn. Ngài chỉ cho Long nữ và vợ của Ngài biết rằng: Anh đi hành bát quan trai tại cây da to, gần mé sông YAMANA Ngài giữ được 10 điều học (thập giới) và phát nguyện rằng: "Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương trong thân thể ta, thì tùy sở thích" .Ngài thọ trì thập giới tại cây da ấy rất lâu.

Thuở đó, có hai cha con thợ săn, cha tên là NESÀDABRÀNA, con là SOMADATABRÀNA. Hai cha con thợ săn thường đi trong rừng, bắt thú để nuôi sống. Bữa nọ, tìm trọn ngày không được thịt thú. Người cha mới nói với con rằng: Nay con SOMADATABRÀNA. Nếu ta trở về nhà tay không như vậy, mẹ con bất bình, vậy ta cố tìm cho được thịt rồi sẽ về.

Nói xong hai cha con bèn đến cây da, nơi Bồ Tát ngụ mà nghỉ đêm tại nơi ấy. Nửa đêm nghe có tiếng đờn ca xướng hát của các Long nữ đến chào Bồ Tát. Thợ săn đến xem, các Long nữ thấy vậy nên biết mất, chỉ còn đức Bồ Tát mà thôi. Người thợ săn liền hỏi: Nay anh! Anh tên chi, từ đâu mà đến đây để làm gì?

Bồ Tát nghĩ rằng: Nếu ta tự xưng ta là Đế Thích cũng được, nhưng không nên. Ngài bèn tỏ thật rằng: Ta là Long Vương có nhiều uy lực, cha ta là

DASARATHA Long Vương, mẹ ta là Hoàng Hậu SAMUDDHAJÀ. Ta danh là BHÜRITA.

Bồ Tát nghĩ, sợ thợ săn này trở về nói lại với thầy rắn đến phá hoại sự trì giới của ta. Vậy ta mời y xuống cõi Rồng, rồi cho báu vật đến y để ngừa sự tai hại ấy. Ngài bèn nói rằng: Này, người thợ săn! Người nên cùng ta đi đến cõi Rồng, ta sẽ ban thưởng nhiều báu vật đến người.

Bồ Tát dẫn hai cha con người thợ săn xuống Long cung, cho hưởng sự cao sang phú quý, ban cho mỗi người có đủ vật dụng dinh thự, có 700 Long nữ hầu hạ, nên cha con được ở an vui nơi cõi Rồng.

Về phần Bồ Tát, Ngài không dễ duôi, vẫn tinh tấn thọ trì bát quan trai như thường. Nửa tháng Ngài trở về Long cung một lần, để viếng cha mẹ Ngài và Ngài không quên đến vấn an cha con người thợ săn, rồi mới vào cung nội của Ngài.

Nói về người thợ săn, vì ít phước, nên ở âu sanh lòng phiền não, nhớ vợ con trên nhân gian, vì vậy mong mỗi trở về. Người cha khuyên con phải tâu xin với đức Bồ Tát cho phép trở về nhà. Đức Bồ Tát an ủi bảo thế nào cũng chẳng nghe, nên Ngài ban cho nhiều báu vật, rồi sai bốn thanh niên hộ tống hai cha con thợ săn về đến cõi người. Lên trần gian, lần hồi đi đến một ao nước, hai cha con để đồ trên bờ ao, rồi xuống tắm. Bởi ít phước nên những báu vật của Bồ Tát cho đó, đều tiêu mất. Khi tắm xong trở lên, hai cha con thấy của cải đã mất, rất mèn tiếc. Lúc về đến nhà, vợ chồng cha con xum họp mừng rỡ. Sau đó người mẹ hỏi con SOMADATA rằng: Này con SOMADATA! Có sao cha con và con đi đến nơi nào mà nay mới trở về?

- Thưa, cha và con gặp đức BHÜRIDATA là một vị Long Vương, đem về cõi Rồng, ban cho đầy đủ sự sang cả, rồi khuyên bảo ở lại hưởng hạnh phúc nơi cõi ấy. Không bao lâu cha nhớ nhà, bảo con cùng trở về thăm mẹ và các em, nên nay mới được hội ngộ như vậy. Từ đây, hai cha con thợ săn vẫn vào rừng săn thịt, để nuôi mạng như xưa.

NESÀDA KANDAM NITTHITAM - Dứt đoạn người thợ săn

TADÀ DAKKHINAMAHÀSAMDDHAM EKO GRUDDHO PAKKAVÀ
MAHATE SAMUDDE UDDAKAM VINNÙHITVÀ EKAM
MAGARÀJANAM SISE GANHI TADAHI SUPANINÀGÀNAM
NATUTTHAM GAHETUN AJÀNANTO EVAM PACCHÀPANDA
RAJÀTAKE JÀNINSU SO PÀNA SÌSE GAHETVÀPI UDAKE
AJOTTHARANTE EVATAM UKKHIPTVÀ OLAMPANTAM ÀDÀYA
HIMMAVANTAM MATTHAKE PÀYASI.

Thuở ấy, có một Điều Vương³¹ ở trên cây gòn gần phía đông bờ biển, có nhiều uy lực thần thông làm gió lớn, rẽ nước làm hai để bắt loài Rồng đem về núi Tuyết Sơn làm thực phẩm. Trong thời gian đó, có một người thợ săn ngụ trong thành KÀSIKARÀJA từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo sĩ trong nơi ấy. Có cây da gần tịnh thất của vị đạo sĩ, là một nơi nghỉ trưa và cũng là chỗ đi kinh hành của Ngài.

Một ngày nọ, Điều Vương bắt được rồng, bay đem đi ăn, ngang cây da. Rồng dùng đuôi khoanh siết chặt cây da mong thoát chết. Điều Vương không hay biết. Dùng hết tốc lực bay lên làm cây da phải tróc gốc, đem Rồng đến cây gòn rồi mổ ăn, cây da sa xuống biển nghe tiếng âm. Điều Vương xem biết là cây da, rồi nghĩ rằng cây da này là nơi tu hành của đạo sĩ. Tự hỏi như thế ta có tội chăng? Vậy ta đến hỏi đạo sĩ xem. Rồi biến thành thanh niên đến tịnh thất của đạo sĩ. Thấy đạo sĩ đang sửa sang chỗ cây da tróc gốc cho bằng phẳng. Thanh niên ấy giả như không biết chi cả, bèn bạch hỏi rằng:

- Do nguyên nhân nào mà nơi đây có đất sụp như thế?

- Này cậu thanh niên! Có một Điều Vương đi tìm thực phẩm, bắt được Long Vương rồi đem đi, Long Vương dùng đuôi siết chặt cây da, Điều Vương dùng sức mạnh bay, đem đi luôn cả

- Bạch, Điều Vương vô ý làm cây da tróc gốc vì siết chặt, vậy ai có tội?

- Này thanh niên! Điều vương vô ý làm cây da tróc gốc nên vô tội.

- Bạch, vậy Long Vương có tội chăng?

- Này thanh niên! Long Vương cũng vô tội, vì sợ chết mà siết chặt cây da.

Khi vị đạo sĩ đáp câu hỏi như thế, Điều Vương rất hài lòng nên bạch rằng: Tôi là Điều Vương cao quý hơn tất cả các loài điều, đến đây để hỏi Ngài cho rõ chánh tà. Tôi rất hoan hỉ trong sạch với Ngài. Tôi có chú ngữ³² gọi là ÀLAMBÀYANA, xin dâng đến Ngài, Ngài học để dành.

Đạo sĩ đáp: Này thanh niên! Hãy trở về đi, ta không mong được chú ngữ đó đâu. Điều Vương khuyên giải yêu cầu vị đạo sĩ học rồi trở về chỗ ngụ.

Về sau có người thợ săn nghèo khó, không nơi nương tựa, nên tính vào rừng tự tử. Đến tịnh thất của vị đạo sĩ, xin ở đậu với Ngài và hết lòng phụng sự đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghĩ rằng: Người thợ săn đây có nhiều công đức với ta, vậy ta nên đem chú ngữ của Điều Vương mà truyền lại cho người thợ săn này. Xét như thế, rồi vị đạo sĩ cho biết ý thức. Người thợ săn bạch: Tôi không cần chú ngữ đó đâu. Vị đạo sĩ an ủi nhiều lần, rồi dạy chú ngữ ấy. Khi học xong,

người thợ săn ở thêm vài ngày, rồi từ giả đạo sĩ ra đi khỏi nơi ấy. Vừa đi vừa đọc thầm chú ngữ theo đường đến sông YAMANÀ.

Trong khi đó, có các long nữ đều là vợ của Bồ Tát BHÙRIDATA cầu mong được ngọc ma ni cho được thành tựu như sở nguyện. Ra khỏi Long cung để ngọc ma ni trên bãi cát, gần mé sông YAMANÀ, các long nữ đem nhau giỡn nước trợn đêm, có hào quang của ngọc ma ni chiếu sáng. Đến rạng đông mặt trời vừa mọc, các nàng trang điểm y phục rồi ngồi chung quanh ngọc ma ni. Thình lình các nàng nghe tiếng người thợ săn đọc chú ngữ, tưởng là Điều Vương hoảng hốt sợ chết, trốn về Long cung, bỏ ngọc ma ni trên bãi cát.

Nói về người thợ săn ÀLAMBÀYANA đi đến thấy ngọc ma ni, cả mừng, liền lượm đem đi, gặp hai cha con người thợ săn SOMADATA. Hai cha con người thợ săn này biết ngọc là ngọc ma ni của BHÙRIDATA Bồ Tát đã cho mình khi trước, nên tỏ lời thiện cảm với ÀLAMBÀYANA rồi nói rằng: Này ÀLAMBÀYANA! Ngọc ma ni rất quý, đem đến nhiều hạnh phúc cho thành tựu mọi điều mong muốn, anh được ngọc ma ni đó từ đâu?

- Này anh! Tôi được ngọc ma ni này trên bãi biển hồi sáng sớm này.

- Này ÀLAMBÀYANA! Ngọc ma ni này nếu người biết gìn giữ chân chánh thì nó sẽ đem đến nhiều kết quả tốt đẹp, nếu không biết chăm nom cẩn thận ắt có tai hại chẳng sai.

- Anh là kẻ bất hạnh, không nên giữ ngọc ma ni ấy, hãy cho tôi đi, tôi sẽ trả vàng bạc đến anh.

- Này anh thợ săn! Ngọc ma ni của tôi rất quý, tôi không tin lời anh, tôi không bán cũng không đổi với bất cứ vật gì.

- Này ÀLAMBÀYANA, anh không tin, không bán, vậy anh muốn cái chi?

- Nếu anh biết chỗ ngụ của Long Vương có nhiều uy lực, cho tôi rõ giờ nào, tôi sẽ cho ngọc ấy đến anh trong giờ ấy.

- Vậy anh có phải là Điều Vương biết hóa ra để tìm thực phẩm chăng?

- Không, tôi là người thuần thực trong nghề bắt rắn, tôi có tên rõ rệt là ÀLAMBÀYANA, nếu anh biết Long Vương ở nơi nào hãy cho ngay đi.

- Này ÀLAMBÀYANA, uy lực của anh như thế nào mà dám bắt Long Vương?

- Này anh thợ săn! Điều Vương có dạy chú ngữ đến đạo sĩ đang tu hành trong núi, tôi vào ngụ nơi ấy và hết lòng phụng dưỡng ngài cả ngày lẫn đêm, nên Ngài từ bi thương xót rồi truyền chú ngữ ấy đến tôi. Chú ngữ rất linh

úng³³, vì thế mà họ gọi tôi là ÀLAMBÀYANA. Tôi là thầy của thầy giết rắn đây.

Người thợ săn nghe qua liền bàn với con rằng: Này con SOMADATA! Ta chỉ BHÜRIDATA cho ÀLAMBÀYANA đi, hay thế nào?

- Thưa, đức BHÜRIDATA có đại ân với ta, Ngài cho cha hưởng được giàu sang vinh hiển, lẽ đâu cha lại lấy ơn đáp oán cho đành. Cha không nên làm điều tội lỗi như thế. Cha mong được của cải, hãy đến Ngài mà xin đi, muốn bao nhiêu cũng được toại nguyện, nếu chỉ cho biết Ngài BHÜRIDATA thì thật là không nên. Cha chớ nên phản bạn, tội này thật là xấu xa đê hèn lắm, sẽ chịu hình phạt trong địa ngục.

- Này con SOMADATA! Con còn nhỏ mà biết gì, những thợ săn xưa kia biết bao nhiêu nghiệp ác mà họ đâu có chịu quả khổ chi, xuống tắm trong sông Hằng³⁴ thì hết tội. Nói xong, người thợ săn bèn dẫn ÀLAMBÀYANA đến BHÜRIDATA Bồ Tát trong khi Ngài đang thọ bát quan trai giới trong nơi đó.

Nói về người con SOMADATA là kẻ biết ơn, khi đã dùng hết lời để ngăn cản, cha không nghe nên chỉ trích nhiều điều rồi tuyên bố cho Chư Thiên nghe rằng: Thưa Chư Thiên, xin các Ngài chứng minh, tôi không đi chung cùng người có tội như thế. SOMADATA tuyên bố rồi lánh xa khỏi cha, xuất gia làm đạo sĩ, hành thiền đắc phạm định và thần thông, sau khi mạng chung, được sanh lên cõi trời Phạm Thiên.

Người thợ săn gọi ÀLAMBÀYANA rằng: Anh đừng lo buồn, hãy theo tôi, sẽ được gặp Long Vương, rồi dẫn ÀLAMBÀYANA đến chỗ BHÜRIDATA trì giới chỉ cho ÀLAMBÀYANA, anh hãy bắt Long Vương và cho ngọc ma ni cho đến tôi đi.

ÀLAMBÀYANA thấy Bồ Tát thì hoan hỉ vui thích, bèn liệng ngọc ma ni trên bàn tay người thợ săn, ngọc ma ni rớt xuống đất biến luôn về Long cung . anh thợ săn bị tiêu tan ba điều lợi ích là:

- Không được ngọc ma ni
- Người con bỏ lánh đi mất
- Lìa xa bạn lành là đức Bồ Tát, vì hấn là kẻ bạc ơn.

Bồ Tát liếc xem, thấy người thợ săn dẫn ÀLAMBÀYANA đến, Ngài bèn nghĩ rằng: Người thợ săn này nhờ ta đem xuống Long cung cho hưởng mọi điều hạnh phúc, khi về ta cho nhiều báu vật cũng lấy không được, nay lại dẫn thầy rắn đến hại ta, nếu ta bắt bình làm hại hấn rất dễ, nhưng không nên vì ta là người thọ trì giới, vả lại ta đã phát nguyện rằng: Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương của ta thì hãy dùng tùy theo sở thích. nay

ÀLAMBÀYANA muốn làm sao tùy ý, ta không khi nào sân hận bất bình. Ngài tưởng đến lời nguyện như vậy, rồi nhắm mắt nằm im không động đậy.

ÀLAMBÀYANA dùng thuốc nhai phun cùng mình, tay chân, đọc chú ngữ xong mới vào gần Bồ Tát, nắm đuôi kéo ra khỏi gò mối, nắm cứng đầu Bồ Tát rồi gỡ miệng ra, nhổ thuốc vào miệng Bồ Tát, thật đáng thương xót, xong nắm đuôi đưa lên, đầu trở xuống cho mưa thực phẩm ra, để nằm dài trên đất, dẫn Bồ Tát tới, dẫn lui như thuốc da, máu chảy ra theo miệng và mũi, thật là vô cùng thảm não. Đoạn hấn liệng trên đất làm khô trăm bề như thế, mà Bồ Tát vẫn nhẫn nại không hề oán giận. Ngài không liếc xem chi cả, chỉ chăm chú trì bát quan trai cho trong sạch.

ÀLAMBÀYANA làm Bồ Tát yếu sức, mới bức dây làm giỏ nhốt Bồ Tát, ÀLAMBÀYANA dùng chân đạp Bồ Tát vào, thật là đau đớn vô cùng, rồi quảy vào xóm mà báo tin cho dân chúng biết đến xem Ròng múa nhảy.

Khi có người tụ hội đông đủ, ÀLAMBÀYANA mở giỏ kêu Bồ Tát ra dạy làm thân hình to lớn, xong bảo làm nhỏ lại, làm cho cao, cho thấp. Làm mình cho đỏ, trắng, vàng, xanh, làm cho mất nửa mình, phun độc ra như nước, lửa, khói v.v... ÀLAMBÀYANA dạy thế nào Bồ Tát cũng làm theo cả

Dân chúng xem rồi, ai ai cũng thương hại Bồ Tát, không ngăn giệt lệ được, ngày ấy ÀLAMBÀYANA thu góp tiền của dân chúng được 1000 lượng. Trước kia hấn nói khi được 1000 lượng thì hấn thả Bồ Tát, nay được 1000 lượng, hấn càng mong được nhiều hơn nữa. ÀLAMBÀYANA đem Bồ Tát cho dân chúng xem từ làng này sang quận nọ, lần lượt đến kinh đô BÀRÀNASÌ. ÀLAMBÀYANA đem cơm tấm mật cho Bồ Tát dùng, nhưng ngài không dùng. ÀLAMBÀYANA vào châu xin Đức vua BÀRÀNASÌ cho phép Bồ Tát vào múa trong đền. Đức vua cho bá cáo đến dân chúng hay, để vào xem Ròng của ÀLAMBÀYANA múa trong ngày bát quan trai giới.

Nói về khi ÀLAMBÀYANA bắt đức Bồ Tát, ngày đó, mẹ của Ngài là Hoàng Hậu SAMUDDHAJÀ, nằm mộng thấy người đen, mắt đỏ, cường tráng cầm dao, lại chặt lấy tay mặt của bà đem đi, máu chảy ròng ròng. Giật mình thức dậy, bà rất lo sợ sự tai hại đến chồng con, nhất là nhớ tưởng đến đức Bồ Tát, vì Bồ Tát lên nhân gian thọ bát quan trai giới, có lẽ con bà bị thầy rắn bắt rồi chăng? Càng nhớ đến Bồ Tát bao nhiêu, thì bà càng đau đớn bấy nhiêu. Đến nửa tháng mà không thấy Bồ Tát về, mẹ Ngài thêm buồn thảm, khóc tham không dứt, bỏ ăn quên ngủ.

Nói về ba con của bà là: SUDASANA, ARITTHA và SUBHOGA đến thăm mẹ, thấy mẹ rầu buồn não, khóc than, nằm im trên long sàng không thốt lời chi mừng như mọi khi, nên lấy làm lạ liền quỳ tâu hỏi cho biết duyên cớ. Bà

liền cho ba con biết về điềm mộng mà bà đã thấy và đã quá kỳ rồi, nhưng không thấy con BHÙRADATA về thăm như mọi khi. Bà cho ba con hay rằng: Nếu mẹ không gặp con BHÙRADATA thì khó sống được. Nghe lời mẹ than van buồn xót dạ, mong tìm cho ra tin tức của Bồ Tát, bèn quỳ tâu với mẹ rằng: Xin mẹ giảm con hiền nãi, để ba con hết lòng trải đi do tin tức của BRÙRADATA.

Người anh cả là SUDASANA nghĩ rằng: Sự đi tìm BRÙRADATA đây không nên đi chung một đường, vậy ta nên chia ra; một người đi lên cung trời, một người lên núi tuyết sơn, một người đi tìm trong cõi người. Cần phải đi tìm trong ba cõi mới tiện. Và lại em KÀNÀRITTA hung dữ lắm, nếu để đi trên nhân gian gặp em BHÙRADATA trong châu quận nào, thì em đốt phá châu quận đó tiên tan ra tro bụi. SUDASANA là anh cả xét thấy như thế, mới nói với em, KÀNÀRITTHA rằng: Nay em ARITTHA! Hôm nay định đi tìm em BHÙRADATA, nếu chúng ta đi cùng nhau một đường thì không nên, em lãnh phận sự lên thượng giới, vì chư Thiên, hằng mong thỉnh pháp. Có lẽ Chư Thiên muốn thỉnh em BHÙRADATA lên Thiên cung chăng? Nếu gặp em BHÙRADATA, em nên mau mời về. Tuân theo lệnh anh, KÀNÀRITTHA kiêu từ ra đi. SUDASANA gọi em SUBHOGA đến dạy rằng: Em lãnh lệnh đi núi Tuyết sơn, phải tìm cho khắp núi sông, rồi sẽ trở về cho mẹ biết. Về phần SUDASANA là anh cả lãnh trọn trách nhiệm lên nhân gian, nhưng nghĩ rằng: Nếu ta hóa ra một thanh niên đi tìm thì không hay bằng tướng mạo của người xuất gia. Bậc xuất gia là hạng đáng cho phần đông kính mến. Vậy ta nên đi dưới hình thức vị đạo sĩ trong thời này. Nghĩ rồi bèn biến làm Đạo sĩ quỳ lạy từ giã mẹ, mong lên cõi người như thế.

Ngày ấy, có một long nữ tên ACCAMUJÌ là em gái của đức Bồ Tát. Nàng ACCAMUJÌ đây rất mến thương Bồ Tát, thấy SUDASANA biến làm đạo sĩ định lên trần gian kiếm BHÙRADATA nên thưa rằng: Thưa anh, tôi rất khổ tâm vì quá nhớ tưởng đến anh BHÙRADATA, xin cho tôi đi tìm anh BHÙRADATA cùng với vương huynh, xin vương huynh tội nghiệp từ bi cho em đi với.

- Nay em! Em cùng đi không tiện đâu, vì anh đi bằng tướng người đạo sĩ, em là người phụ nữ không tinh khiết cho bậc xuất gia, không nên đi cùng nhau đâu.

- Xin anh đừng lo ngại, tôi không đi bằng tướng người, tôi biến thành con nhái thật nhỏ và xanh, rồi ẩn trong búi tóc của anh.

- Ồ! Như thế thì được.

Nàng ACCAMUJÌ biến thành làm con nhái xanh núp trong búi tóc của người anh là SUDASANA.

Nói về SUDASANA mong trải đi tìm từ nơi đức Bồ Tát thọ bát quan trai giới, theo lời chỉ của các long nữ vợ của Bồ Tát.

SUDASANA đến nơi đó, đập nhằm những cục máu của em trai văng ra, và thấy chỗ mà ÀLAMBÀYANA dùng dây làm giỏ còn bỏ rác tại đó, nên biết rằng BHÜRIDATA đã bị thầy rắn bắt đem đi, rồi than rằng: Ôi! Thầy rắn độc ác quá, đến làm tội em ta cho đến chảy máu còn thấy như vậy. Ôi! Không rõ em ta ra sao? thầy rắn đem em ta đến nơi nào? Đạo sĩ càng nghĩ đến, càng đau đớn xót xa. Em BHÜRIDATA Ôi! Em chưa từng bị đau khổ, chỉ quen hưởng sự cao sang hạnh phúc, nay em phải chịu kẻ hổ hình, nằm trong giỏ dây nhợ hẹp, trăm phần khổ não. SUDASANA khóc than kẻ lẽ thật là thảm thiết, rồi noi theo dấu chân đi của ÀLAMBAYANA cho đến nơi ÀLAMBAYANA cho Bồ Tát múa nhảy đầu tiên. SUDASANA hỏi thăm người có thấy thầy rắn đem Rồng đến nhảy múa trong nơi nào chăng?

- Bạch đạo sĩ! Có người thầy rắn đem Rồng đến đây cho phần đông xem cách nay đã nửa tháng rồi.

- Nay các ông! Thấy họ xem rồi có cho tiền thầy rắn không?

- Bạch, thầy rắn góp được 1000 lượng

- Thưa quý ông, nay thầy rắn đem Rồng đến đâu?

Nhờ người chỉ giùm, nên đạo sĩ lần hỏi đến đền vua BÀRÀNASI. Khi SUDASANA vừa đến cửa thành cũng vừa gặp ÀLAMBÀYANA dạy người quảy giỏ đựng Bồ Tát đồng đi vào thành. Khi vào thành nội, đến giờ diễn kịch, Đức vua còn ngự trong cung nội, dạy các quan ra cho phép diễn cho dân chúng xem trước.

Về ÀLAMBÀYANA dạy người để giỏ đựng Bồ Tát xuống, rồi ra dấu hiệu rằng: Nay Long Vương! Người hãy ra khỏi giỏ đi.

Lúc ấy SUDASANA nghe rõ lệnh truyền của ÀLAMBÀYANA. Đức Bồ Tát bèn nghiêng đầu ra khỏi giỏ liếc xem dân chúng trước khi diễn kịch, đây là thói quen của loài Rồng, do hai nguyên nhân là:

- Tìm xem Điều vương

- Tìm xem thân thuộc

Các loài Rồng nếu thấy Điều Vương thì không dám diễn kịch, vì sợ hại đến sinh mạng. Nếu gặp quyến thuộc, Rồng cũng không diễn kịch, vì hổ thẹn với thân tộc.

Khi BHÜRIDATA liếc xem công chúng như thế, bèn thấy anh mình là SUDASANA biến hình làm đạo sĩ, đứng ở nơi cuối cùng công chúng. Đức

Bồ Tát không thể dằn lòng, hai hàng lệ tuôn rơi, Ngài ra khỏi giỏ rồi trườn mình đi đến trước mặt SUDASANA là anh Ngài, trong lúc ấy.

Quần chúng thấy đức Bồ Tát trườn đến, mọi người hoảng hốt, chạy tránh xa chẳng ai dám đứng trong nơi ấy, chỉ còn SUDASANA (đạo sĩ). Đức Bồ Tát bò đến nghiêng đầu xuống nơi chân anh. Trước cảnh tan thương ấy đạo sĩ SUDASANA cảm lòng không đậu, cũng ứa lệ dầm dề, rồi đức Bồ Tát trườn mình trở lại như trước.

ÀLAMBÀYANA tưởng rằng Ròng mình đã mổ đạo sĩ, nên vội vàng đến an ủi đạo sĩ và bạch rằng: Bạch Ròng có cần mổ ngài chăng? Xin Ngài cho biết để tôi cho thuốc. Tôi là thầy rắn đại tài, xin Ngài đừng lo ngại chi, sự cứu chữa cho Ngài là bổn phận tôi.

SUDASANA đáp: Này ÀLAMBÀYANA, Ròng này không thể cần mổ làm cho ta phải đau khổ đâu, dầu có cần mổ cũng chẳng làm hại được ta, ta đây cũng là thầy rắn vậy. Chẳng có thầy rắn nào sánh bằng ta đâu.

Khi SUDASANA thốt lời như thế, ÀLAMBÀYANA không rõ đạo sĩ là Long Vương, cho là người tầm thường, nên anh rất bất bình, rồi tuyên bố với quần chúng như vậy: Xin công chúng đừng khiển trách tôi, vì tại đạo sĩ gây chuyện trước.

Khi được nghe như thế, SUDASANA đáp: Này ÀLAMBÀYANA! Anh đừng làm phiền công chúng, nếu anh nói mình là cao cường hãy cùng ta so tài cho quần chúng thấy rõ, anh dùng Ròng, tôi dùng con nhái con, để đấu cho nhau rõ tài cao thấp, với số bạc là 5 ngàn lượng.

- Tôi giàu có không thiếu, chỉ lo cho ông không có tiền. này đạo sĩ! Ông là kẻ nghèo chỉ khoe khoang bằng lỗ miệng dám đánh cuộc³⁵ đến 5 ngàn lượng. Vậy ai là người hộ ông, ông là hàng xuất gia, tiền bạc đâu? ông hãy đem đến trước đi.

- Này ÀLAMBÀYANA, ta có 5 ngàn lượng thật. Nói xong, SUDASANA vào đền nội của vua đến trước bệ Ròng tâu rằng: Tâu Hoàng Thượng, người là bậc cao quý, có cả đủ sự giàu sang, thanh danh bốn bể, cầu Hoàng Thượng nghe lời tôi tâu. Xin Hoàng Thượng tế độ cho tôi 5 ngàn lượng, bây giờ đây.

Đức vua nghe qua, lấy làm ngạc nhiên rằng: Tại sao đạo sĩ này đến xin tiền ta như vậy? Ngài nghĩ xong bèn phán hỏi: Bạch Ngài, đến xin tiền ta nhiều như vậy, có lẽ Ngài là thân tộc hay bạn thân thiết của Trẫm chăng? Trẫm đã có hứa trước nên mới đến như vậy, hoặc Ngài dối gạt Trẫm chăng? Nên Ngài mới tự mình đến đây như thế?

- Tâu, nay ÀLAMBÀYANA đánh cuộc với tôi 5 ngàn lượng, với một vấn đề trắc ẩn. Do đó, nên tôi đến đây xin Ngài 5 ngàn lượng và xin thỉnh Hoàng Thượng ra chứng minh một chút. Vậy kính thỉnh Hoàng Thượng cùng tôi ra đến đó.

Đức vua cùng đạo sĩ ra nơi diễn kịch.

Phản ÀLAMBÀYANA thấy bèn nghĩ rằng: Có lẽ đạo sĩ này có Đức vua hộ độ, nên mới thỉnh được vua ra đây. Xét như thế nên có ý lo sợ đạo sĩ.

ÀLAMBÀYANA bạch: Tôi không dám khinh rẽ Ngài đâu, tôi vừa nói lúc này là vì thấy Ngài không kiêng nể, không cúng dường Rồng có nọc độc. Tôi đâu có khinh ngài hiểu biết thấp hèn.

- Nay ÀLAMBÀYANA! Bởi người đem Rồng không có nọc độc mà cho rằng có nọc độc, nên ta cho công chúng rõ biết vậy thôi.

Nghe lời khinh khi của đạo sĩ, ÀLAMBÀYANA càng thêm sân nên đáp rằng: Nay ông đạo sĩ mặc y vàng da cạp, dốt nát si mê, ông đến đây dám nói giữa đám đông rằng Rồng không có nọc độc, như vậy có nên chăng? Ôi! Nếu tôi nói rằng Rồng không nọc độc, thử vào gần đây một tí, nếu không ra tro bụi thì bắt lấy đi.

- Nay ÀLAMBÀYANA! Nọc rắn mãng xà, rắn nước, rắn lục còn hơn Rồng của người nữa. Rồng đỏ này không có nọc độc, người lừa phỉnh người đó, chớ dối ta không được.

- Nay đạo sĩ! Như tôi đã có nghe rằng: Người có đức tin là thí chủ, nên hộ độ có bậc giới như A la hán, có thiên định cao quý, sau khi mạng chung sẽ được thọ sanh lên cõi trời. Nay nếu ai là đàn-na có vật chi hãy bố thí mau đi, để rồi đạo sĩ này dènh tội với Rồng. Rồng này có nhiều nọc độc khó biết được, ta cho nó mổ ông bay giờ đây, sẽ thành ra tro bụi mà xem.

- Nay ÀLAMBÀYANA! Nếu người có của nên làm phước cho mau đi, rồi ta cho nhái con tên là ACCAMUJÌ xịt nọc độc cho người thành tro bụi lập tức bây giờ.

SUDASANA liền đưa tay ra gọi em gái giữa quần chúng rằng: Nay em ACCAMUJÌ! Em hãy ra khỏi đầu tóc và đến bàn tay của anh ngay bây giờ.

Nàng ACCAMUJÌ nghe anh gọi, bèn thực hành y theo lời dạy. SUDASANA hét lên tiếng "Biên thủy sẽ tiêu tan". Tiếng hét của SUDASANA nghe vang cả thành BÀRĀNASÌ rộng 12 do tuần.

Khi SUDASANA hét lên rằng "Biên thủy sẽ tiêu tan" lúc ấy Đức vua SAGARABRAHMADATA phán hỏi: Bạch đạo sĩ, tại sao biên thủy sẽ tiêu tan?

- Tâu, tôi không thấy nơi nào để xịt nọc độc, nên phải xịt trong biên thủy, biên thủy sẽ thành ra tro bụi.

- Vậy đổ xuống đất có được chăng?

- Tâu, nếu xịt trong đất sẽ sanh lên nọc mới, rồi làm hại nữa.

- Vậy liệng trong nước đi.

- Như thế làm hạn hán 7 năm, cũng không nên.

- Than ôi! Tôi chẳng biết làm sao, tùy ý Ngài định, mà làm thế nào cho xóm, làng, châu, quận thành thị đừng hư hao.

- Tâu, xin Hoàng thượng cho người đào ba cái hầm.

Đức vua dạy dân chúng lập tức đào ba cái hầm tại nơi ấy. SUDASANA dạy lấy củi chất đầy hầm thứ nhất, rồi đem nọc độc đổ vào cho đầy, liền dẫn lửa phát cháy hầm thứ nhất, kế đến hầm thứ nhì, thứ ba cũng như thế cho đến khi cháy hết nọc độc

Nói về ÆLAMBÀYANA bởi nghiệp ác đã tạo, nên khiến y đứng gần miệng hầm, khi lửa trong hầm phát, cháy thiêu cả thân thể ÆLAMBÀYANA tiêu tan ra tro. Trong lúc đó, chỉ được nghe tiếng ÆLAMBÀYANA la lên rằng: Ta thả Rồng này.

Đức Bồ Tát nghe tiếng la của ÆLAMBÀYANA như vậy, liền bò ra khỏi giếng, rồi hóa ra hình người xinh đẹp, có đủ cả phục sức, đến đứng trước mặt Đức vua BÀRÀNASI là bác của ngài, giống như vị trời Đế Thích. SUDASANA và nàng ACCMUJÌ cũng trang điểm như Bồ Tát vậy.

SUDASANA bèn tâu hỏi Đức vua rằng: Tâu Hoàng Thượng, Ngài có biết chúng tôi đây là ai chăng?

- Trẫm nào có rõ.

- Tâu, lệnh Hoàng Thượng có biết SAMUDDHAJÀ mà Đức vua BÀRÀNASI đã gả cho Đức Long Vương DASARATTHA chăng?

- Ồ, Trẫm biết nàng SAMUDDHAJÀ, tức là em của trẫm.

- Tâu, chúng tôi đây không ai đâu xa lạ, tức là con của bà SAMUDDHAJÀ là em gái của lệnh Hoàng Thượng, Ngài là bác của chúng tôi.

Được nghe như thế, Đức vua rất mừng, bèn đến ôm các cháu, rồi đồng nhau vào cung nội, cúng dường rất trọng thể. Đức vua tỏ lời thiện cảm hỏi BHÙRIDATA rằng "Cháu ôi! Trong tất cả các cháu đây, cháu có nhiều uy lực thần thông, vì sao mà ÆLAMBÀYANA bắt cháu được?"

- Tâu, vì cháu đang thọ trì bát quan trai giới và phát nguyện thí máu, xương, thịt, da cho Đức vua nghe đầy đủ, xong đức Bồ Tát thuyết 10 vương pháp [8] đến Đức vua bác và khuyên Ngài gìn giữ 10 pháp ấy.

SUDASANA tâu: Chúng tôi ở đây không tiện, vì mẹ chúng tôi rất buồn rầu thương nhớ em BHÜRIDATA.

- Trẫm đây hằng nhớ tưởng em trẫm, là mẹ các cháu. Làm thế nào cho Trẫm được em Trẫm?

- Tâu, ông ngoại của các cháu hiện nay ngụ trong nơi nào?

- Cháu ôi! Từ ngày mẹ cháu về Long cung, thì ông ngoại các cháu rất thương nhớ, rồi từ bỏ ngôi vàng vào tu trong núi.

- Tâu, mẹ cháu, thường nhớ tưởng, mong được gặp bác và ông ngoại. Nay bác mong được gặp mẹ cháu, xin bác đi tìm ông ngoại thỉnh về, rồi chúng cháu sẽ mời mẹ chúng cháu gặp bác và ông ngoại.

Sau khi quyết định ngày hội họp, SUDASANA, BHÜRIDATA, và long nữ ACCAMUJÌ lạy từ giã vua bác trở về Long cung.

khi đức Bồ Tát về đến Long cung, tất cả triều thần đều nghe tiếng hoan hô chào mừng Bồ Tát. Cha mẹ Bồ Tát ra mừng. Bồ Tát làm lễ mừng cha mẹ, xong rồi trở về cung điện của Ngài. Bồ Tát an nghỉ để dưỡng sức, vì đã chịu nhiều đau khổ trong tháng qua. Những thân tộc của Bồ Tát đến viếng, lần lượt kể tới người lui nhiều không kể xiết.

Nói về KÀNÀRITTHA lên Thiên cung, tìm không gặp đức Bồ Tát nên trở về nước, những hoàng thân thấy KÀNÀRITTHA có tính cộc cằn, có thể ngăn cản thân tộc được, nên khuyên giữ ngọ môn cho Bồ Tát an nghỉ

Còn SUBHOGA khi lãnh trách nhiệm đi tìm Bồ Tát khắp núi Tuyết Sơn mà không gặp, bèn xuống kiếm trong biển cho đến sông YAMANÀ.

Nói về người thợ săn là cha của SOMADA khi thấy ÀLAMBÀYANA bị hình phạt như thế, nên nghĩ rằng: Vì ta mong được ngọc ma ni nên chỉ cho ÀLAMBÀYANA đến làm khổ đức BHÜRIDATA. Vậy ta phải rửa tội, đừng cho tội dính theo mình, rồi đến sông YAMANÀ, xuống tắm, khấu cầu cho hết tội lấy ơn làm oán, ấy là người bạc ơn quên nghĩa với đức BHÜRIDATA.

Khi SUBHOGA đến nơi đó, vừa được nghe lời khẩn vái của người thợ săn, nghĩ rằng: Thợ săn này là kẻ bạc ơn, anh ta đem hấn về Long cung để hưởng đầy đủ sự sang cả an vui, nay hấn lại chỉ đường cho ÀLAMBÀYANA đến bắt làm khổ anh ta, ta để hấn sống thế nào cho được ... Nghĩ rồi phát sân, bèn dùng đuôi quần chân người thợ săn lội qua vực sâu cho hấn ngộp thở

một chút rồi cho nổi lên, làm khổ hấn nhiều lần như vậy. Khi người thợ săn cất đầu lên khỏi nước bèn hỏi: Ai nhận nước ta đây, ta chẳng rửa tội, sao mà nở làm khổ ta như vậy.?

- Này thợ săn! Ta là em của đức BHÙRIDATA con của Đức vua DASARATHA đã đến vây thành BÀRÀNASI lúc trước đó, người không biết sao? Ta là loài Rồng tên SUBHOGA.

Thợ săn nghe rồi khùng khiếp. Ôi phen này mạng ta khó sống. Vậy ta nên tỏ lời ca tụng danh đức của SUBHOGA và cha mẹ y, mong cầu SUBHOGA thương xót tha thứ cho. Nghĩ xong bèn thưa rằng: Thưa Ngài, Ngài là Hoàng Tử của Đức vua DASARATHA là vị Hoàng Đế duy nhất, có nhiều đức hạnh không ai sánh bằng. Hoàng phụ của Ngài và đại Hoàng Đế và cõi, nơi Long cung và trên trần gian, mẫu hậu ngài cũng thế, không ai sánh kịp. Trong đời này, Ngài là bậc cao sang quân tử lẽ đây lại đến nhận nước thợ săn như tôi thế này, xin Ngài rộng lượng từ bi tha tội tôi chết.

- Này thợ săn ác đức! Người đừng nhiều lời vô ích, ta không tha người đâu. Khi người còn đi săn, sát hại thú rừng, thú chạy trốn, cha con người đuổi theo cố tìm giết cho được. Anh ta đem người xuống Long cung, cho người hưởng đầy đủ sự giàu sang phú túc, kẻ tùy tùng hậu hạ, người lại đem ân báo oán, chỉ đường cho ÀLAMBÀYANA. Bất hành hạ anh ta. Nay ta không thể cho người sống đâu, ta nghĩ đến tội của người đã làm chùng nào, khiến ta càng thêm phiền não, ta sẽ chặt đầu người ngay bây giờ đây.

Nghe những lời của SUBHOGA nói, anh thợ săn càng hoảng hốt, mới dùng mưu chước tỏ rằng: Ba la mật có đủ ba chi:

- Hiểu Tam Phệ Đà.
- Biết trong sự xin ăn
- Cúng dường lửa.

Bà La Môn nào thông rõ kinh Tam Phệ Đà như vậy, người không nên giết hại. Kẻ nào làm khổ Bà La Môn có đủ ba chi ấy, phải chịu đọa trong địa ngục, bị hành phạt lâu đời.

SUBHOGA nghe lời người thợ săn nói như vậy, liền nghĩ rằng: Có lẽ như thế chăng? Vậy ta bắt thợ săn này đem về hỏi anh ta xem, nếu thật ta sẽ tha hấn, bằng không, ta sẽ xử tội hấn. Nghĩ xong SUBHOGA dẫn thợ săn về Long cung. Trước khi vào đền, liền gặp em KÀNÀRITTHA lãnh phần gác cửa cho anh BHÙRIDATA

ATHANAM DOVÀRIKO HUTVÀ KÀNÀRITTHO. Nói về KÀNÀRITTHA tại ngo môn quan, thấy anh là SUBHOGA làm khổ Bà La Môn nên nói rằng: Bà La Môn là con Đại Phạm Thiên Vương, nếu Ngài biết

chúng ta, Ngài sẽ làm chúng ta tiêu tan chẳng sai đâu. Này anh SUBHOGA! Bà La Môn là hạng cao quý nhất, có nhiều uy lực (vì tiền kiếp ARITTHA đã sanh là Bà La Môn cúng dường lửa, nay sanh lên là KÀNÀRITTHA mới tôn kính cúng dường Bà La Môn như vậy).

ARITTHA gọi anh là SUBHOGA và các loại Ròng hội họp lại rồi thuyết pháp về đạo đức cúng dường lửa của Bà La Môn rằng: Này anh SUBHOGA! s? thông hiểu kinh Tam Phệ Đà và cúng dường lửa không phải là thấp hèn đâu, dầu là Bà La Môn nào hèn hạ, nếu đã được học kinh phệ đà và cúng dường lửa, người người đều kính phục chẳng nên làm khổ Bà La Môn ấy; kẻ nào dễ duôi khinh rẻ, họ sẽ bị tiêu tan của cải và hại đến sinh mệnh.

- Này anh SUBHOGA! Anh có biết chúng sanh trong thế gian, ai sanh ra chẳng?

- Tất cả chúng sanh đều do Đại Phạm Thiên Vương mà có, Đại Phạm Thiên Vương là cha của Bà La Môn. Ngài tạo ra tất cả, ngài chia ra hạng người da đen, trắng vàng v.v... dòng vua, quan, dân... Ngài dạy Bà La Môn chỉ nên học kinh phệ đà, cúng dường lửa. hàng vua chúa không nên làm công việc khác ngoài sự thăng kẻ nghịch và gìn giữ bờ cõi nước nhà; kẻ nông phu chỉ học nghề cày cấy mà thôi.

- Này anh SUBHOGA! Bà La Môn có nhiều đức tính đáng tôn sùng dâng cúng, các thí chủ sẽ được lên cõi trời và mặt trăng v.v... đều nhờ cúng dường Bà La Môn mà được hưởng nhiều hạnh phúc như thế.

Thuở xưa, có một vị vua tên ANUJA có đủ hùng tướng mạnh đáng sợ. Ngài tin tấn cúng dường lửa, cung cấp các thầy Bà La Môn, nên sau khi thăng hà được thọ sanh lên cõi trời.

- Còn một vị vua nữa, thống trị trong kinh đô BÀRÀNASI. Đức vua này cũng tin theo các thầy Bà La Môn, cúng dường các Ngài được đầy đủ an vui, sau khi bỏ ngũ uẩn cũng được lên thiên cung.

- Anh nên biết, Bà La Môn là bậc đáng cúng dường trong đời.

- Có một vị Hoàng Đế nữa hiệu là JUPUJADINNA trong thủ đô BÀRÀNASI có ý mong về cõi trời, rồi phán hỏi các vị Bà La Môn, các Ngài khuyên dạy cúng dường các thầy Bà La Môn và Chư Thiên của Bà La Môn (trời của Bà La Môn tức là lửa, cho lửa ăn sữa v.v...) đức Hoàng Đế nghe rồi tinh tấn thực hành theo, sau khi mạng chung cũng được lên Thiên cung.

- Này anh SUBHOGA! anh có biết nước biển vì sao mà mặn không?

- Anh đâu có rõ.

- Anh chỉ làm khổ Bà La Môn, anh có biết vì nguyên nhân nào mà nước biển mặn. Các Bà La Môn có thuật lại rằng: Thuở xưa có một vị Bà La Môn, có nhiều đức tính, thông hiểu kinh phệ đà, mong rửa tội, nên xuống biển vì thương mình theo cách rửa tội. Lúc ấy nước biển lớn lên tràn ngập vị Bà La Môn cho đến chết. Đại Phạm Thiên là cha của vị Bà La Môn ấy, khi được rõ nước biển lên lấp khỏi đầu, hại con ngài, nên Ngài giận mới phán rằng, không một ai uống được. Cho nên từ đó đến nay nước biển vẫn mặn không một ai uống được.

- Nay anh SUBHOGA! Vị Bà La Môn này có nhiều đức tánh là bậc đáng cúng dường của trời Đế Thích. KÀNÀRITTHA tán dương uy đức kinh phệ đà và Bà La Môn theo sự tín ngưỡng của y là sự tà kiến, sai pháp luật như thế.

Tất cả loài Rồng đến thăm và hầu hạ đức Bồ Tát, khi được nghe lời giảng giải của KÀNÀRITTHA đều tin theo tà kiến cả, vì cho rằng ARITTHA nói đúng. Đức Bồ Tát nằm trên long sà nghe ARITTHA thuyết từ đầu đến cuối, Ngài bèn nghĩ rằng: Để ta phá nghi cho phần đông khỏi lầm lạc, bỏ hẳn tà kiến mà theo về chánh kiến. Ngài bèn dậy đi tắm rửa xong, lên ngồi trên bảo tọa, gọi tất cả đến nghe rằng: "Này ARITTHA! Những lời em giảng về đức của kinh phệ đà, sự cúng dường, với đức của Bà La Môn đều là tà kiến, mà các thầy Bà La Môn soạn đề lại cho chúng được phát sanh lợi lộc. Các bậc trí tuệ không bao giờ tin tưởng những điều ấy. Sự cúng dường lửa không đem về cõi trời được đâu. Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chơn chánh cả.

Này em ARITTHA! Những người đọc đủ Tam Phệ Đà, chỉ làm cho những kẻ si mê, lầm lạc, chớ bậc trí tuệ không ai vừa lòng nghe đâu. Những kẻ ngu dốt mới chịu lời dạy bảo ấy. Nếu ai tin theo ắt phải sa vào bốn ác đạo. Ví như loài thú thấy sóng nắng tưởng là nước, mong được uống, nhưng nào có nước, rồi phải chịu chết khát giữa trời như thế nào; kẻ si mê vô trí tuệ, khi nghe thấy không phân biệt, hiểu quấy theo Tam Phệ Đà, thực hành theo thân khẩu, ý ác, sai lời Phật dạy ắt sẽ bị hại trong kiếp này và đời sau, cũng như loài thú thấy sóng nước cho là nước vậy.

Này em ARITTHA! Kẻ ngu dốt lầm lạc theo Tam Phệ Đà, làm điều tội lỗi, tạo nghiệp ác, phản bạn, hành trái với chân lý, khi quả theo kịp sẽ chịu nhiều thống khổ. Không nên nương theo kinh phệ đà đâu. Cái quả học Tam Phệ Đà không sao che ngăn ác quả mà mình đã tạo, do đây bậc trí tuệ không gọi là cao pháp quý đâu.

Này em ARITTHA! Lời mà Bà La Môn nói Đại Phạm Thiên dạy các Đức vua phải chiến thắng kẻ thù nghịch, gìn giữ biên cương đó tin thế nào được.

Này em ARITTHA! Tam Phệ Đà là lời ghi chép tô điểm để lại của Bà La Môn theo sở thích, cũng như chỉ dụ của vua, nếu không lưu ý quan sát, thì khó phân biệt chân giả chánh tà. Ví như đường bị ngập, nếu thiếu óc suy xét thì khó đi được an vui.

Này em ARITTHA! những người giàu có tận tụy tìm làm công việc là nhân mong được của cải, các Bà La Môn cũng có tâm xan tham tạo những tội ác là nhân sanh tội lỗi như thế, vì còn đủ 8 điều pháp thế gian³⁶ là: Được lợi thì mừng, thất lợi thì buồn, được quyền thì vui, mất quyền thì khổ v.v... Các Bà La Môn đây khác hẳn các Bà La Môn ngày xưa, bởi không thực hành chánh pháp theo Bà La Môn trước, không có trí tuệ quan sát chu đáo, để tìm tội phước chánh tà.

Này em ARITTHA! chúng sanh hiệu hữu chẳng có một ai lìa khỏi 8 pháp thế gian đâu; các Bà La Môn cũng chưa khỏi, vẫn còn xao động vì 8 pháp thế gian giống nhau. Những điều giả dối phỉnh người là cao quý. họ chú tâm để sự lợi lộc mong quyền thế mãi mãi, như thế thì cao quý chỗ nào?

Khi đức Bồ Tát là bậc sẽ giác ngộ Chánh đẳng Chánh Giác, Ngài giảng thuyết phá tan tà kiến như thế, khiến những loài Rồng bộ hạ, nhất là em ARITTHA đều trở nên chánh kiến theo Ngài như thế.

Về phần các loại Rồng, sau khi được nghe chánh pháp của đức Bồ Tát phát tâm hoan hỷ, ưa thích, hoan hô đức trí tuệ của Bồ Tát. Đức Bồ Tát dạy đem người thợ săn thả về nhân gian.

SÀGARABRAHMADANTO. Đây nhắc về Đức vua SÀGARABRAHMADANTO là vua bác của đức Bồ Tát. Đức vua không quên lời hứa với các cháu của Ngài, nhất là với đức Bồ Tát. Đến ngày hẹn, Đức vua cùng các quan ngự đến tịnh thất, chỗ ngụ của vị đạo sĩ, là Phụ Vương của ngài.

Về phần đức Bồ Tát, Ngài cũng tâm với cha mẹ Ngài hay, và thỉnh song thân của Ngài đồng lên nhân gian để viếng vua bác và ngoại tổ, có quân lính riêng hộ giá Hoàng gia đến sông YAMANA, ngự ngay đến tịnh thất của vị đạo sĩ ngoại tổ. Đức Bồ Tát ngự đi trước các anh em và cha mẹ Ngài lần lượt đến sau.

Đức vua BÀRÀNASI là vua bác đã đến trước trong tịnh thất của Phụ Vương ngài; xem thấy đức Bồ Tát đến với rất nhiều quân binh, Đức vua nhận không biết là cháu, mới bạch hỏi Phụ Vương rằng:

- Tâm phụ vương. Đức vua ngự đến đó có đủ quân binh hộ giá, trang sức đủ 7 báu chói lợi rực rỡ. Đường đường chính chính như Đế Thích thắng hơn A Tu La vương. Đức vua này danh hiệu là chi? Ngự trong kinh đô nào?

Đức Đạo sĩ đã đắc ngũ thông có nhiều uy lực, khi nghe vua SÀGARABRAHMADATA, là Hoàng Nhi của ngài, tâu hỏi như thế, mới đáp rằng: Nay Hoàng Nhi! Đức vua đây không phải là ai xa lạ, tức là cháu của Hoàng Nhi tên BHÙRIDATA là con của nàng SAMUDDHAJÀ, em gái của Hoàng Nhi và là vợ của Long Vương DASARATHA dưới Long cung .

Khi Đức vua SÀGARABRAHMADATA đang đàm thoại cùng Phụ Vương thì các tướng Rồng đến, và quì mọp làm lễ rồi ngòì nơi phải lễ.

Về phần BHÙRIDATA (Bồ Tát), SUDASANA, SUBHOGA, ARITTHA và Đức Long Vương DASARATHA đồng nhau làm lễ vị đạo sĩ và Đức vua SÀGARABRAHMADATA.

Khi đó, đáng thương xót cho nàng SAMUDDHAJÀ từ ngày nàng xa cách vương huynh của nàng là SÀGARABRAMADATA, ngự xuống Long cung, đến nay rất lâu, cho đến khi cả bọn con của nàng trưởng thành, nàng mới gặp được anh. Lay cha, mừng rồi nàng than khóc kể lễ chuyện hàn huyên âm lạnh, con nhớ tưởng thiết cha, tình thương yêu thân thiết với cha và anh. Khi đã được giải buồn, bà hỏi thăm chuyện trò cho đến hừng sáng

Nàng SAMUDDHAJÀ và bốn con, đồng nhau lay từ biệt đức đạo sĩ và Đức vua SÀGARABRAMADATA. trở về Long cung. Phần Đức vua SÀGARABRAMADATA ngự lưu lại với đạo sĩ là Phụ Vương của Ngài đến hai, ba ngày sau mới từ tạ trở về kinh đô BÀRANASI. Nàng SAMUDDHAJÀ về Long cung cho đến ngày mạng chung tại cõi rồng.

Đức BHÙRIDATA (Bồ Tát) hằng thọ trì giới được trong sạch cho đến ngày tan rã ngũ uẩn, được sinh lên Thiên cung. Những loài rồng nghe theo lời dạy của đức Bồ Tát cũng được lên cõi trời rất đông.

SATTHA - Đức Giáo Chủ khi đã thuyết xong bèn giải tiếp rằng: Nay chư thiện tín! Cận sự nam là bậc hiền minh ngày xưa là Như Lai đây, dầu trong kiếp trước. Như Lai l?n kiếp là BHÙRIDATA cũng từ bỏ sự cao sang quyền thế nơi cõi rồng, tìm chỗ để thọ bát quan trai giới không để đuôi, như thế.

Đức Phật giảng xong, Ngài hợp các tiền kiếp lại như vậy: TADÀ KALE MÀTÀPITATO - Trong thuở đó, đức hàng phụ và mẫu hậu của BHÙRIDATA nay là Tịnh Phạn Vương và MÀYÀ Hoàng Hậu; (NESADO) – người thợ săn nay là Đè Bà Đạt Đa, SAMADATO (SOMADATA) nay là ANANDA, (ACCAMUJÌ) – nàng ACCAMUJÌ nay là Tỳ khuu ni UPAVANNATHERÀ - SUDASANA nay là đức Xá Lợi Phất, SUBHOGA nay là Đại Đức Mục Kiền Liên, KÀNÀRITTHA nay là Tỳ khuu SUNAKKHATATHA, BHÙRIDATA nay là Như Lai đây.

[09] - CANDAKUMARA JĀTAKA - TRUYỆN CANDAKUMARA (BỒ TÁT TU HẠNH NHÃN NHỤC BA LA MẬT)

RĀJĀ SILUDDHAKAMMĀTI IDAM SATTHĀ GIJJHAKŪTE PABABBATEVIHARANTO DEVADATTAM ĀRABBHA KATHESI TASSA VATTHUN SANGHABHEDAKE ... PĀPUNĀTI.

Đức Thế Tôn là đấng Giáo Chủ tối cao trong tam giới ngự trong thạch động GIJJHAKŪTA, Ngài đề cập đến Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng, rồi Ngài thuyết về pháp tích CANDAKUMARA này. Các bậc A xà lê giải rộng ra như vậy: Các bậc trí tuệ nên hiểu rằng: Đức a xà lê dẫn tích Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng, từ ngày xuất gia cho đến khi vua BIMBISĀRA thăng hà.

Đây xin giải rộng về chuyện CANDAKUMARA:

Thuở đấng Đại Bi ngự trong thạch động GIJJHAKŪTA, một ngày nọ, chư Tỳ khưu tụ hội nơi phước xá, đàm thoại cùng nhau về câu chuyện Đề Bà Đạt Đa làm việc không tốt rằng: Này các thầy! Đề Bà Đạt Đa là kẻ bạc nghĩa vong ân đức Thế Tôn, cố tìm dịp giết hại nhiều người, cũng vì cố tâm buộc oan trái với đức Giáo Chủ. Nhờ nương với đức Phật mà những kẻ ấy mới thoát nạn. Khi chư Tăng cùng luận bàn nhau như thế, nhờ nhĩ thông đức Thế Tôn biết chuyện ấy, bèn ngự đến phước xá, vào ngôi trên bảo tọa, rồi phán hỏi rằng: "Này các thầy Tỳ khưu! Các người hội họp nói về chuyện chi đây?"

- Bạch đức Thế Tôn, chúng tôi luận về Đề Bà Đạt Đa quên ơn đức Thế Tôn, nên làm hại nhiều người, chỉ vì gây oan trái với đấng Đại bi.

- Này các thầy! Chẳng phải hẳn chỉ quên ơn Như Lai trong kiếp này mà thôi, từ bao kiếp trước Đề Bà Đạt Đa cũng bạc nghĩa với Như Lai vậy, mong giết hại rất nhiều người, cũng do cố tâm gây oan trái với Như Lai như trong kiếp này vậy.

Đức Thế Tôn chỉ giảng bấy nhiêu rồi nín thinh. Chư Tăng mong được nghe tiền kiếp, mới quỳ cầu đức Thế Tôn thương xót thuyết cho chư sư nghe.

Đức Thế Tôn từ bi, bèn giảng về chuyện CANDAKUMĀRA rằng: "Này các Tỳ khưu! ATIKE KĀLE- Thuở xưa, thành BĀRĀNASĪ có tên rõ rệt là PUPPHAVADĪ, có một Đức vua tên EKARĀJA là Hoàng Tử của Đức vua VASAVATI, thống trị trong thủ đô PUPPHAVADĪ. Ngài có một đồng cung tên là CANDAKUMĀRA³⁷. Khi đức CANDAKUMĀRA biết đi, Hoàng Hậu sanh được một Hoàng Tử nữa tên là SURIYAKUMĀRA. Lúc Hoàng Tử này biết nói, Hoàng Hậu sanh thêm Công chúa SELĀ. Đức vua có hai Hoàng Tử nữa là: BHADDASARA và SURAKUMĀRA, khác mẹ. Khi đức CANDAKUMĀRA (Bồ Tát) thành thân vua cha bèn cho sánh duyên với

Công chúa CANDAKUMÀRÌ làm chánh thất của Bồ Tát, rồi phong cho Ngài làm thứ vương.

Có một Bà La Môn tên KANDAHÀLABRAHMANA làm cố vấn dạy Đức vua. Đức vua thấy KANDAHÀLABRAHMANA có nhiều trí tuệ nên phong làm quan tòa để phán đoán. Khi được làm quan cao cấp, KANDAHÀLABRAHMANA quên mình không biết sợ tội lỗi là gì cả, xử đoán bất công không tuân pháp luật, phân xử theo ý muốn, tham quan vô lại thường thường như thế.

Ngày nọ, có kẻ kiện nhau đến cửa tòa. Khi KANDAHÀLABRAHMANA được hỏi lộ rồi, xử cho người thất thành được kiện. Họ bất bình, khi ra khỏi tụng đình, vừa thấy đức CANDAKUMÀRA vào chầu vua cha, hấn bèn quỳ xuống bên chân đức Bồ Tát rồi vật mình than khóc.

Đức Bồ Tát xem thấy tình trạng như thế bèn hỏi: "Cớ sao, người lại than van khổ não?"

- Trẫm lạy Ngài, nay KANDAHÀLABRAHMANA là kẻ si mê, xử đoán không công bình, được của hối lộ, bỏ công lý, tội phải mà xử tội quấy, làm cho tôi bất bình buồn khổ. Cầu xin Ngài từ bi thương xót cứu độ cho ngu dân nhờ.

- Vậy, người hãy theo cùng ta đến trước tòa cáo³⁸, không sao đâu.

Rồi Ngài vào tự mình phán đoán theo công lý cho dân chúng thấy rõ rằng: "Người này ngay, kẻ kia gian, phán quyết theo chánh pháp". Tất cả nhân dân và quan tòa hiện diện trong tòa án đều hoan hô "đúng lắm" tán dương đức Bồ Tát vang rền. Tiếng reo mừng thấu đến tai đức EKARÀJA là Phụ Vương của đức Bồ Tát. Đức vua bèn phán hỏi quân hầu, họ tâu rằng: "Đó là tiếng hoan hô khen ngợi đức CANDAKUMÀRA là Hoàng Tử của lệnh Hoàng Thượng, vì Hoàng Tử đã phân xử theo công lý không tây vị". Đức vua EKARÀJA biết được rất hài lòng. Liếc mắt xem thấy đức Bồ Tát vừa đến chầu mới phán rằng: Này con CANDAKUMÀRA! Từ đây cha phong cho con làm pháp quan để xét đoán tất cả công việc trong tòa.

Từ đó KANDAHÀLABRAHMANA bị loại ra khỏi pháp đình, không còn hưởng quyền lợi chi cả. KANDAHÀLABRAHMANA cố tâm buộc oan trái, tìm dịp để bắt lỗi đức Bồ Tát, không giờ phút nào bỏ qua.

Một đêm nọ, Đức vua ngủ mê đến rạng đông. Ngài nằm mộng thấy đến Đào lợi Thiên cung, nào là lầu vàng, bảy báu cao 60 do tuần, có đường đi rộng rãi, đầy những cát vàng, có đèn vua cao ngất 100 do tuần, toàn là ngọc bảy báu, đủ thứ hoa thom ngũ sắc, vườn thượng uyển, ao sen cao đẹp, xem rất ngoạn mục. Chư Thiên nam nữ hội họp du lãm tám chơi. Thiên nữ hái hoa

và ca xang múa hát hầu hạ đức Đế Thích. Ngài xem càng vừa lòng hả dạ, ưa thích mê mết... Đức vua EKARÀJA thấy mộng đến đó thì thức dậy. Ngài nghĩ nhớ đến cõi trời, thật là vinh hoa, phú quý, mong được lên Thiên cung để thọ hưởng cảnh hạnh phúc ấy, nhưng không biết phải làm phước chi mới được thọ sanh lên đó. Ngài nghĩ: Vậy sáng sớm, Trẫm sẽ dõng các quan vào châu để hỏi thăm đường lên Đạo Lợi thiên cung.

Sáng ra, Đức vua EKARÀJA ngự đến tắm rửa, trang điểm y phục Đế Vương xong, ngài dạy các quan quân hộ giá ngài đi du lãm. Có KANDAHÀLABRAHMANA đến lạy chào trong nơi ấy, rồi tâu rằng: "Đêm hôm, lệnh Hoàng Thượng được an giấc chăng?"

- Này khanh! Nào có được an vui đâu.

Ngài bèn cho phép vị cố vấn KANDAHÀLABRAHMANA ngồi, rồi bày tỏ về sự nằm mộng của ngài và nói rằng: "Này hiền khanh! Những hàng nam nữ nào trong thế gia, làm phước bố thí trong kiếp này, đến khi tan rã ngũ uẩn thọ sanh trong nơi nào? Phước thế nào, mới được sanh lên cõi trời? Người có nhiều trí tuệ, vậy hãy giải cho Trẫm nghe phân minh."

Thật ra Đức vua nên hỏi câu này nơi đức Phật toàn giác hoặc Thỉnh Văn giác, đến các thánh nhân. Nếu không có hạng ấy thì nên tìm đức Bồ Tát mà nhờ giảng giải. Nay Đức vua lại trở hỏi KANDAHÀLABRAHMANA, khác chi là kẻ lạc đường 7 ngày, không biết lối ra, lại tìm đến người làm nẻo trợn ngày tháng thì càng luông công vô ích. Như Đức vua EKARÀJA phán hỏi KANDAHÀLABRAHMANA là người si mê, hỏi đến hẩn thì làm cho Ngài càng thêm đen tối nữa. Được nghe Đức vua hỏi như thế, KANDAHÀLABRAHMANA lấy làm mãn nguyện, đỉnh ninh rằng, đây là dịp may cho ta báo oán, giết kẻ thù là Hoàng Tử CANDAKUMARA, sự mong mỏi của ta sẽ được theo sở ước chẳng sai. Nghĩ rồi KANDAHÀLABRAHMANA bèn tâu thỉnh Đức vua vào trong mà rằng:

- Tâu, nếu bệ hạ hy vọng được lên Thiên cung bệ hạ nên giết người như: vợ, con, và gia súc là trâu, bò, ngựa, voi vô tội để cúng dường lửa. Tâu bệ hạ như thế chắc hẳn được lên cõi trời. Tâu, hàng nam nữ, không phải làm lành bố thí mà được sanh lên Thiên cung đâu, vậy cần phải thực hành theo những lời mà hạ thần đã tâu đó.

- Này hiền khanh! Cúng dường lửa là thế nào? Giết người vô tội là sao? Hiền khanh hãy giải cho Trẫm nghe đi.

- Tâu lệnh Hoàng Thượng, cúng dường lửa là phải giết 4 giống chúng sanh, mỗi loại:

4 Hoàng Tử
4 Công chúa
4 Hoàng Hậu
4 triệu phú
4 bò đực
4 ngựa cỡi
4 voi kéo

dùng dao chặt đầu chúng sanh ấy, rồi lấy máu vàng hứng máu đổ trong mâm cúng dường lửa.

Tâu, các Đế Vương ngày xưa mong được lên trời thường giết con, vợ v.v... cúng dường lửa như vậy.

Tâu, lệnh Hoàng Thượng là chúa tể, Ngài bố thí cơm, gạo, nước, y phục đến sa môn, Bà La Môn, kẻ nghèo đói, cô độc thật vô ích, không có phước chi cả. Giết con trai, con gái v.v..., lấy máu đem cúng dường lửa gọi là bố thí cao thượng, trong kiếp hiện tại này.

Nghe Đức vua và KANDAHĀLABRAHMANA trù tính như thế, những người trong hoàng cung rất sợ hãi, khóc la, kể lễ vang động khắp hoàng cung. KANDAHĀLABRAHMANA bèn tâu thêm rằng: Cách cúng dường lửa như vậy, lệnh Hoàng Thượng có thể làm được chăng?

- Nay hiền khanh! Người cứ thực hành đi, Trẫm cho phép khanh thi hành cho được kết quả vui đến trẫm.

Vị cố vấn nghe rồi rất hân hoan rằng: Nay sự thành lợi phát sanh đến cho ta rồi. Hấn bèn dùng lời phủ uỷ Đức vua rằng: Tâu bệ hạ! Hạng người không bạo dạn không thể cúng dường lửa được. Đây là việc phước lớn và rất khó làm, bệ hạ đừng trễ nải, hãy dạy bắt chúng sanh ấy hội họp tại đây cho đủ đi. Phần hạ thần lãnh việc đào hầm, dâng đèn bệ hạ. Nói xong, vị cố vấn từ tạ lui ra khỏi thành lo sắp đặt hầm, cho có đủ vật dụng theo phép cúng dường lửa.

Khi ấy, Đức vua EKARĀJA pháp dạy quân hầu rằng: Các người hãy dẫn 4 con của Trẫm đến đây, là: CANDAKUMĀRA, SURIYAKUMĀRA, BHADAKUMĀRA, SURAKUMĀRA để trước sân rộng cho Trẫm giết lấy máu cúng dường lửa ngày nay, (CANDAKUMĀRA và SURAKUMĀRA là con của Hoàng Hậu GOTAMI; còn Hoàng Tử SURIYAKUMĀRA và BHADAKUMĀRA khác mẹ). Quân thần nghe lệnh vua truyền liền đến bắt CANDAKUMĀRA trước. Thưa rằng: "Chúng tôi vâng chiếu chỉ đến bắt Ngài đem giết máu để cúng dường lửa. Xin Ngài vui lòng đừng để đuôi cường lại lệnh truyền".

Đức CANDAKUMÀRA hỏi: Này các người! Do nguyên nhân chi mà Phụ Vương ta dạy bắt ta cúng dường lửa. Ai trù liệu ra chuyện này?

- Thưa, đây là lời tâu bày của KANDAHÀLABRAHMANA rằng: "Nếu Hoàng Thượng muốn được lên thiên cung hãy giết các con trai, con gái và loài gia súc, 4 chúng sanh mỗi loài, chặt đầu lấy máu đem cúng dường lửa sẽ được thọ sanh lên cõi trời". KANDAHÀLABRAHMANA tâu như vậy nên Hoàng Thượng mới ra lệnh bắt Hoàng Tử đấy.

- Phụ Vương chỉ truyền bắt một mình ta, hay còn giết ai nữa?

- Thưa, lệnh Hoàng Thượng dạy bắt cả 4 Hoàng Tử.

Đức Bồ Tát nghe rồi than rằng: "Ôi! đây cũng vì KANDAHÀLABRAHMANA oán giận ta, nên tìm chước báo thù. Từ ngày hấn không được lợi quyền trong pháp đình đến nay, hấn mới hại ta như vậy. Ôi! Thảm thương thay những người đồng chung số phận với ta, vì ta mà phải bị hại chung. Các người thi hành theo lời chỉ dụ. Ta đâu dám cãi lệnh Phụ Vương ân xá kẻ khác".

Quân hầu liền bắt đức Bồ Tát đem nạp trước đền, rồi lần lượt dẫn ba Hoàng Tử nữa là SURIYAKUMÀRA, BHADAKUMÀRA và SURAKUMÀRA đến gần Bồ Tát, rồi vào tâu rằng: Tâu Hoàng Thượng, chúng tôi đã bắt 4 Hoàng Tử nạp trước bệ rồng.

Đức vua bèn dạy rằng: Các người hãy đi dẫn 4 Công chúa là UPASENA, KORILÀ, MUDDHIKÀ và NANDÀ, đem để gần các anh của chúng nó, cho trẫm cúng dường lửa.

Các quân hầu vào cung thưa rằng: Chúng tôi vâng lệnh Hoàng Thượng đến bắt các Công chúa để cúng dường lửa ngày nay. Các Công chúa đều sợ hãi nhào lăn ra khóc. Các quân hầu liền dẫn 4 Công chúa đến trước đền.

Đức vua truyền sai 4 Hoàng Hậu dung nhan xinh đẹp sắc nước hương trời là: Bà VIJAYA, bà VÌAVADÌ, bà KESINÌ và bà SUNANDÀ đem đến cho đều đủ. Quân hầu bèn tuân lệnh làm theo, dẫn bốn Hoàng Hậu đến gần đức Bồ Tát.

Đức vua truyền dạy bắt 4 nhà triệu phú là: PUNNAMMUKHA, BHADOHIYA, SINGALA và BHADDHA, để trước đền.

Khi các quan hầu vâng lệnh bắt 4 Hoàng Tử, 4 Công chúa, 4 Hoàng Hậu thì không nghe dân chúng nói lời gì. Về phần 4 nhà triệu phú có nhiều thân tộc bạn bè, nên khi quân hầu đến bắt thì có tiếng kêu oan vang động rằng: "Này, chúng ta ôi! Nay Đức vua dạy bắt 4 triệu phú của chúng ta đem cúng dường lửa". Tất cả thân bằng quyến thuộc đến bao vây 4 triệu phú, vào đến sân

rồng, rồi quỳ tâu cầu khẩn, xin tha mạng sống cho 4 nhà triệu phú rằng: "Tâu, xin Hoàng Thượng từ bi đừng hại 4 triệu phú chúng tôi". Khẩn cầu thế nào cũng vô ích, các quân hầu dẫn 4 nhà triệu phú đến trước đền.

Liền đó Đức vua dạy bắt 4 voi là: ABHAYA, NÀLÀGIRI, ACCUGGA và VARUNA, bắt 4 ngựa là: KESI, SUBHAMMUKHA, PUNNAMUKHA và VINATAKO và 4 bò đực là: AYUDHAPATI, MODAKASISABHA và KAVAMPA.

Đức vua truyền lệnh cho bắt đủ các nhân vật họp lại một chỗ rồi, Ngài phán rằng: Sáng sớm, Trẫm sẽ khởi sự cúng dường lửa.

Nói về Phụ Hoàng và Hoàng thái hậu của Đức vua EKARÀJA, hai hoàng tộc này vẫn còn sinh tồn. Các đại thần dẫn nhau đến tâu cho Hoàng thái hậu hay về việc Đức vua cúng dường lửa ấy. Phải giết 4 Hoàng Tử, 4 Công chúa, 4 Hoàng Hậu, 4 triệu phú, và các gia súc... Bà Hoàng thái hậu nghe qua ngậm ngùi, bà đưa hai tay lên than thở, rồi đến ra mắt Hoàng Nhi và hỏi rằng: "Này Hoàng Nhi! Mẹ nghe Hoàng Nhi định sát hại 4 Hoàng Tử để cúng dường lửa phải chăng?"

- Tâu mẫu hậu, con giết hại 4 Hoàng Tử, nhất là CANDAKUMÀRA để cúng dường lửa được lên Thiên đàng.

Hoàng thái hậu can rằng: "Hoàng Nhi ôi! Hoàng Nhi hành động như thế không nên. Giết con, vợ mà được lên Thiên đàng đó, là sai với lẽ đạo từ ngàn xưa".

- Này Hoàng Nhi cao quý! Sự sát hại chúng sanh là tạo ác đạo, không phải Thiên đạo đâu. Hoàng Nhi nên vâng lời mẹ, mà tha chết cho vợ con đi."

Đức vua nghe mẫu hậu nói như thế, bèn đáp rằng: "Sự giết hại con trai, con gái để cúng dường lửa mà được lên Thiên đàng ấy chẳng phải lời nói ngoa đâu, chính là vị cố vấn KANDAHÀLABRAHMANA chỉ dẫn đấy. Tâu mẫu hậu, vì con mong mỗi được lên Thiên đàng hưởng sự giàu sang hạnh phúc, nên mới nghe lời dạy của vị cố vấn KANDAHÀLABRAHMANA mà giết cho đủ 4 con trai, 4 con gái, 4 Hoàng Hậu v.v... để cúng dường lửa, là điều bổ thí rất cao thượng, ít ai làm được. Vị cố vấn giải rằng: Nếu Đức vua nào, đánh dứt bỏ những vật thương yêu triu mến mà cúng dường lửa, thì ắt sẽ được lên Thiên cung chắc chắn. Những hành động ấy không phải tự con, do lời chỉ dẫn của KANDAHÀLABRAHMANA nên con mới nghe theo, vì con mong được lên cõi trời". Thật vậy, Đức vua EKARÀJA đã quá tin tưởng như thế, dầu mẫu hậu của Ngài khuyên đến đâu, Ngài cũng không tuân lời

Đức Hoàng thái hậu đã cùng đường, không hy vọng vào đâu cho Hoàng Nhi nghe theo lời khuyên của bà, nên buộc lòng phải trở về cung nội.

Đức vua EKARÀJA vừa đưa mẹ trở về hoàng cung xong, thì hoàng phụ của Ngài lại đến nữa. Hoàng phụ của Ngài lại phán hỏi:

- Nay Hoàng Nhi! Hoàng Nhi sẽ giết 4 Hoàng Tử cúng dường lửa phải không?

- Tâu Phụ Vương, con định giết các con và vợ cùng các loại chúng sanh để cúng dường lửa theo lời dạy của KANDAHÀLABRAHMANA rằng: Khi đã làm như thế, sẽ được lên Thiên cung.

- Nay Hoàng Nhi! Hoàng Nhi làm như vậy không nên. Sự sát hại con trai, con gái là điều tội lỗi, sẽ bị sa trong 4 ác đạo. Hoàng Nhi nên tinh tấn bố thí, trì giới, phụng sự mẹ cha, chú tâm trong pháp từ bi, không tạo nghiệp dữ, không hại chúng sanh, như thế là con đường lên nhàn cảnh đó. Nếu Hoàng Nhi hành động ác như vậy chẳng nên đâu. Hoàng Nhi chẳng nên nghe theo KANDAHÀLABRAHMANA làm tội lỗi như thế.

- Tâu Phụ Vương, đây là lời chỉ dẫn chân thành của KANDAHÀLABRAHMANA. Sự sát hại vợ con để cúng dường lửa như vậy là điều bố thí cao thượng khó làm, kẻ nào thực hành theo, chắc chắn sẽ được thăng thưởng giới, nên con hoan hỷ quyết định thực hành cho kỳ được như sở nguyện, ngõ hầu hưởng hạnh phúc nơi Thiên cung.

Đức vua cha bèn khuyên giáo thêm rằng: Nay Hoàng Nhi! Hoàng Nhi nên thống trị theo Thập pháp vương³⁹ (DASABIDHARÀJA) là:

1) DÀNAM: Bố thí có giới hạn theo cá nhân, tinh tấn bố thí đến bậc tu hành, kẻ nghèo khó, tật bệnh, cô độc.

2) SÌLAM ; Trì giới cho thân khẩu, ý chân chánh.

3) PARICCÀGAM: Dứt bỏ của cải đến tất cả chúng sanh, không riêng biệt.

4) ÀJIVAM: Có 4 khuynh hướng pháp, ngay thật, chơn chánh, là phán đoán theo Phật pháp, không tây vị.

5) MUDUKAM: Có khuynh hướng đến chuộng từ bi, thương xót chúng sanh.

6) ÀTAPAM: Tinh tấn trừ điều ác, làm việc thiện.

7) AKODHAM: Không nên giận vô lý (đè nén tâm sân hận, có tâm từ thiện)

8) AVIHIMSÀ: Không làm khổ kẻ khác, có lòng từ bi mẫn.

9) KHANTI: Có tâm nhẫn nại.

10) AVIRODHANÀ: Không làm sai pháp luật, không khuynh hướng theo pháp thế gian.

- Hoàng Nhi hãy tinh tấn trong thiện pháp, chớ nên làm cho kẻ khác phải đau khổ, gìn giữ các con cho được an toàn, mới có thể đem lại quốc thái dân an được lâu dài.

Đức Phụ Hoàng hết sức khuyên lơn thế nào cũng vô hiệu quả, vì Đức vua EKARAJA khăng khăng một lòng quyết nghe theo lời dạy của cố vấn KANDAHÀLABRAHMANA. Thấy khuyên con không được, vua cha ngậm ngùi giọt lệ trở về hoàng cung

Khi ấy, đức Bồ Tát là dòng dõi của đức Phật xét nghĩ rằng: "Đại chúng bất bình buồn khổ, chỉ do ta mà ra cả. Vậy ta nên vào tâu, xin Phụ Vương ân xá cho mọi người cho dân chúng vừa lòng". Đức Bồ Tát CANDAKUMÀRA bèn quỳ trước bệ rồng, cầu xin: Tâu Phụ Vương, lời KANDAHÀLABRAHMANA nói, nếu Đức vua nào cúng dường lửa bằng các con thì sẽ được lên Thiên đàng, xin Phụ Vương hãy giết vợ, con hấn mà cúng dường lửa đi, cho hấn được lên trời trước, để làm gương mẫu, rồi sau Phụ Vương hãy giết các con cúng dường, chúng con nguyện hy sinh tính mạng cho phụ vương, không dám trái lệnh. Xin Phụ Vương bình tâm xét lại, nếu lời tâu của KANDAHÀLABRAHMANA là đúng chân thật, có sao hấn không giết vợ đẹp, con yêu của hấn. Lời của KANDAHÀLABRAHMANA như dòng nước ngập tràn, không chắc vào đâu. Tâu Phụ Hoàng, kẻ nào cúng dường lửa sẽ sa địa ngục. Người dạy kẻ khác cúng dường lửa hoặc có tâm hoan hỷ, người ấy phải chịu khổ trong địa ngục.

Tâu Phụ Hoàng, nên bỏ tà kiến trước, nếu Phụ Hoàng tin lời của KANDAHÀLABRAHMANA rồi phải đọa trong 4 ác đạo.

Tâu Phụ Hoàng, KANDAHÀLABRAHMANA tin chắc quả báo của sự cúng dường lửa, xin Phụ Hoàng cho KANDAHÀLABRAHMANA tự sát mà cúng dường để được lên trời trước đi. Vì sao hấn thấy sự lợi ích mà không làm, lại bảo giết anh em chúng con? Xin Phụ Vương hãy quan sát cho tường tận trước. Phụ Vương ôi! KANDAHÀLABRAHMANA không được của hồi lộ trong sự xử đoán trong pháp đình, nên mới tìm mưu trước sát hại chúng con như vậy. Con nay có chết cũng đành, nhưng thương hại cho các em vô tội, vì sự oán thù của KANDAHÀLABRAHMANA mà phải chịu sự liên can. Phụ Vương ôi! Nếu Phụ Vương không suy xét nghe theo lời độc ác của KANDAHÀLABRAHMANA hành động tội lỗi, rồi đây nước mất nhà tan, đến lúc lâm chung Phụ Hoàng không tránh khỏi 4 đường ác đạo.

Đức Bồ Tát CANDAKUMÀRA trình bày cạn lời mà cũng không thể làm cho vua cha động lòng thương xót.

Khi ấy, Công chúa SELAKUMÀRI là em út của đức Bồ Tát, thấy anh hết lòng khuyên giải mà bất thành, nàng rất động lòng, liền quỳ tâu: Phụ Vương

định giết chúng con, chỉ mong lên trời để làm gì? Phụ Vương cần dùng cái chi mà phải lên Thiên cung, đành sát hại chúng con?

Đức vua nghe Công chúa tâm như thế, Ngài cảm động nín thính.

Có một em bé, con của đức Bồ Tát tên VASULARAJAKUMARA, thấy cha chịu khổ cầm lòng không đậu, bèn nghĩ, để ta vào tâm với Tổ Phụ Hoàng, xin ân xá cho cha ta kéo tội nghiệp. Em bé VASULARAJAKUMARA liền vào gặp nội tổ, vừa tâm, vừa khóc rằng: "Nếu nội tổ không thương xót cho cha cháu, thì cũng xin tội nghiệp dùm cháu, vì cháu nhỏ dại, đừng giết cha cháu cho cháu có người nương nhờ. Xin nội tổ từ bi thương xót cháu với, vừa tâm vừa than khóc đầm dề, vì rất triu mến cha lành"

Đức vua EKARAJA thấy cháu thâm như thế, đau lòng xót dạ muốn xiu, tâm thần xao xuyên, như bị tên bắn vào tim, dần lòng không được nên cũng khóc ròng đoạn ôm cháu mà dỗ rằng: "Cháu ôi! Lời cháu đúng lắm, cháu hãy vui đi, nội tổ sẽ tha cho cha cháu". Đức vua bèn dạy quân thần phóng thích tất cả. Ngài nói: Thôi, trăm không được lên Thiên cung cũng cam, miễn sao chúa tội được sum họp.

Khi KANDAHALABRAHMANA hay được, lập tức chạy vào đền nội tâm rằng: Tâm, vì sao bệ hạ lại không giữ lời, hạ thần đã tâm rằng là việc khó làm, mà thực hành được mới là cao thượng. Bệ hạ quyết định phải làm cho được, chẳng nên bỏ qua lời nguyện.

Đức vua nghe lời thúc dục của KANDAHALABRAHMANA bèn nghe theo. Ngài liền dạy quân hầu bắt Hoàng Tử, Công chúa, Hoàng Hậu, các triệu phú và các loài thú trở lại.

KANDAHALABRAHMANA nghĩ rằng Đức vua có tánh nhu nhược lắm, dạy bắt rồi dạy tha, bảo thả rồi cho bắt. Với đứa cháu VASULA đến khóc nài nỉ mà Ngài cũng siêu lòng. Vậy ta nên thỉnh Ngài ngự đến hàm cúng dường lửa. Nghĩ xong, KANDAHALABRAHMANA bèn thỉnh Đức vua đến hàm ngay, rằng: "Tâm, hạ thần xin thỉnh bệ hạ đến dự lễ khai mạc cúng dường lửa, bệ hạ sẽ lên Thiên cung, bây giờ đây". Đức vua EKARAJA trang điểm bằng 7 báu rồi ngự đi.

Đây nói về bà GOTAMI là mẹ của CANDAKUMARA xem thấy quân dẫn con đến gần hàm cúng dường lửa, thì rất thương tiếc, vật mình khóc than, kể lễ, giọt lệ đầm dề trong con tử biệt. Bà liền chét vào quì tâm xin tính mệnh cho con rằng: Tâm, xin lệnh Hoàng Thượng từ bi tội nghiệp thần thiếp là GOTAMI, bệ hạ đừng giết 4 Hoàng Tử. Nếu thánh thượng không ân xá, thì thần thiếp cũng không sống mà làm gì.

Vật mình khóc lóc, thở than đến đâu Đức vua cũng bắt nể⁴⁰. Khẩu cầu với Đức vua không được, bà liền xoay qua khiển trách thậm tệ KANDAHÀLABRAHMANA rằng: "này KANDAHÀLABRAHMANA ác độc kia, người đem các con ta cúng dường lửa, làm cho ta phải chịu khổ não muôn phần, những thống khổ này ta sẽ trả lại cho vợ con người, người cố tâm tìm mưu chước giết hại con ta, người làm khổ người, những nỗi đau lòng xót dạ này sẽ trả quả ác cho người chẳng sai đâu. Người sẽ chịu hết khổ não, lia xa dân tộc, vợ con yêu quý của người, để người đền trả lại những thảm trạng khốc hại này". Hoàng Hậu nhiec máng KANDAHÀLABRAHMANA nhiều điều chua cay như thế.

Lúc ấy, Công chúa của Đức vua PANCÀLARÀJA là vương phi của Bồ Tát, khóc chồng. Nhưng không biết tính lẽ nào, vì mẹ chồng nàng khẩn cầu nhiều lượt mà Đức vua bất kể, nàng CANDÀ là con dâu thì mong gì nài nỉ cho được, cùng kể nên phải đánh liều, liền quì dưới chân Đức vua mà tâu rằng: "Tâu Phụ Hoàng! Nhân sao mà Phụ Hoàng chẳng đoái hoài đến Hoàng Tử, xin Phụ Hoàng từ bi thương tưởng đến tình phụ tử đừng giết Hoàng Tử".

Đức vua nghe lời van xin của con dâu như thế, nên phán rằng: "Này con CANDÀ, nay con là dâu của Trẫm, Trẫm rất thương yêu, song nên vì mong lên cõi trời nên giết con trong lúc này. Con chớ khóc than kể lể, những kẻ giết đó, cũng sẽ gặp nhau trên cõi trời".

- Tâu, nếu Phụ Hoàng không thương xót, quyết định giết CANDAKUMÀRA cho được, xin Phụ Hoàng giết con trước, đừng để con quá khổ tâm, não nề, thê thảm như vậy. Phụ Hoàng nữ đành giết chồng con, để con sống còn có ích chi! Con xin từ biệt Phụ hoàng để đến cõi ma, chết cùng chồng ngay bây giờ. Phụ Hoàng hãy sát hại con trước đi, con nguyện chết theo CANDAKUMÀRA.

Đức vua EKARÀJA phán với nàng CANDÀ: "Con chớ lo ngại về sự chết của chồng con, Phụ Vương cho con sẽ ở cùng em chồng con". Nghe vua phán như thế, nàng vật mình than khóc rằng: "Ôi! ta thật là kẻ vô duyên thiếu phước, được chồng vừa lòng yêu mến, mà Phụ Hoàng lại nỡ phân ly chồng con như vậy, làm cho ta phải trở thành quả phụ, nỗi khổ này ta quyết uống độc dược chết còn hơn, hoặc dùng dây thắt cổ tự tử cho rồi, hay nhảy vào đồng lửa chết thiêu càng tốt".

Rồi nàng gọi các con cùng nhau vào tâu với Đức vua cha rằng: "Cầu Phụ Hoàng đừng giết chồng con, hãy giết con hay cháu bé đây mà cúng dường lửa". Dẫu nàng CANDÀ quyết hy sinh đủ mọi lẽ để cứu mạng cho chồng, nhưng Đức vua cũng chẳng nghe. Nàng bèn trở vào ôm chồng, rồi vật mình nằm lăn lộn bất tỉnh trong nơi ấy.

Trong khi CANDÀDEVÌ (vợ đức Bồ Tát) đang khóc than kể lể, thì KADAHÀLABRAHMANA làm vừa xong cái hầm để cúng dường lửa, liền dạy quân dẫn đức Bồ Tát vào gần miệng hầm. KADAHÀLABRAHMANA lấy sẵn mâm vàng để hứng máu, rồi đứng dậy đi lấy grom định chặt đầu tất cả trong giờ ấy.

Lúc đó, nàng CANDÀDEVÌ thấy cử chỉ KADAHÀLABRAHMANA như thế nàng hoảng hốt, không còn biết đâu là nơi nương tựa. Nàng nghĩ rằng: Giờ đây không có chi nương cậy bằng sự ngay thật, cái quả của sự ngay thật là nơi nương nhờ vững chắc của chồng ta, có thể đem lại sự an vui được. Nghĩ xong nàng đưa hai tay lên khỏi đầu rồi cầu nguyện trong khi đó rằng:

Tamattham pakàsenato satthà àhasabbasmin upaggtasmin nisidite candasuriyasmin... ajjayanti

Đức Chánh đẳng Chánh Giác, Ngài bèn giảng phân minh của tứ chúng (Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ) nên thuyết rằng: Này chư Tỳ khuru! Trong khi CANDAKUMÀRA và SURIYAKUMÀRA vào gần miệng hầm cúng dường, mà người ta sắp đặt sẵn đó, Nàng CADÀDEVÌ con của Đức vua PANCALARÀJA tỏ lời run run cầu khẩn giữa công chúng, nàng đưa hai tay lên lễ bái Chư Thiên và cầu nguyện rằng:

ETENA SACCAVAJENA: Thưa Chư Thiên, do lời thành thật của tôi đây, tôi không giả dối, KADAHÀLABRAHMANA này là kẻ vô trí tuệ, không có giới đức, là người bất lương, không chân thật, vô hạnh kiểm, sự thật là như thế. Do lời thành thật này, cầu mong oai lực của Chư Thiên nhất là đức Đế Thích và tứ đại Thiên vương ủng hộ chồng tôi thoát khỏi tay kẻ độc ác, đừng cho tôi lìa xa chồng tôi trong giờ này.

Trong lúc đó, đức Đế Thích cầm côn cháy đỏ, lướt đến ngự trên hư không, hét lớn rằng: Này vua thống trị bất minh, ngươi được thấy rõ trong nơi nào từ xưa, ai dạy bảo "Cúng dường lửa bằng máu rồi được lên Thiên đàng"? Ai là người chỉ dạy ngươi như vậy? Nếu ngươi dạy giết con, vợ, các triệu phú v.v... thì ta sẽ bỏ côn sắt cháy hỏa hào này lên đầu ngươi ra tro bụi, lập tức bây giờ!

Khi đó, cả hai là Vua EKARÀJA và KADAHÀLABRAHMANA nghe tiếng hét la, quở trách trên trời và thấy rõ hào quang của đức Đế Thích thì kinh tâm tán đởm, mới cho thả ngay tất cả, nhất là hoàng tử CANDAKUMÀRA. Đại chúng đang hội họp gần hầm cúng dường lửa đều xông xáo huyên náo, đồng cùng nhau dùng cây đánh đập, kẻ ném đá trúng KADAHÀLABRAHMANA chết tại chỗ. Thấy KADAHÀLABRAHMANA chết rồi, công chúng bèn tiến vào định hạ sát vua EKARÀJA. Đức hoàng tử CANDAKUMÀRA liền xông đến ôm đỡ vua cha khuyên can, không cho

người giết. Chúng dân tâu: "Chúng tôi tha chết cho vua EKARÀJA, nhưng vua này rất độc ác, bất minh, chúng tôi không bằng lòng cho thống trị nữa. Chúng tôi quyết định loại ông ta ra khỏi thành".

Nói xong, chúng xông vào lột hết y phục triều đình của vua, cho mặc y nhuộm màu vàng nghệ trở thành kẻ hạ tiện, rồi đuổi ra ở với người thấp hèn độc ác. Khi đã giải quyết xong những điều không may ấy, họ xếp đặt trang hoàng để tôn vương cho CANDAKUMÀRA. Tất cả dân chúng, nhất là các nhà triệu phú đều hội lại đông đủ làm lễ đăng cực⁴¹ đức CANDAKUMÀRA trong lúc đó.

Khi quan quân, cung phi đại thần và vị cố vấn đã tề tựu đông đủ, đức Đế Thích cũng đến cầm cây long vàng to và thổi sáo chào mừng. Do uy lực của đức Đế Thích đến dự lễ tước vị của đức CANDAKUMÀRA nên Chư Thiên và các ngọc nữ, nhất là nàng SUJÀTÀ cũng đến tham gia lễ lên ngôi của đức CANDAKUMÀRA.

Khi đức Bồ Tát lên ngôi rồi, Ngài bèn tu chỉnh việc triều chính, chấn bản dân nghèo, phóng thích tù nhân. Nhân dân được gọi nuần ân huệ, nên trong nước toàn dân được an cư lạc nghiệp, thật là đời thái bình thanh trị.

Đức Bồ Tát hằng hết lòng phụng sự cha già, nhưng không cho cha EKARÀJA vào đền. Ngài ngự đến thương uyển rồi đi thăm cha, song Ngài không làm lễ. Cha Ngài lại lễ bái Ngài và chúc nguyện cho Bồ Tát được an vui lâu dài. Đức Bồ Tát trị quốc theo thập vương pháp nên sau khi thăng hà được sanh lên Thiên cung.

SATTHÀ - đức Thế Tôn khi đã giải xong truyện đức Bồ Tát CANDAKUMÀRA, rồi giải tiếp rằng: BHIKKHAVE - Nay các thầy Tỳ khuru! Đề Bà Đạt Đa không chỉ quên ơn Như Lai trong kiếp này mà thôi. Các tiền kiếp khi Như Lai chưa sanh làm CANDAKUMÀRA, Đề Bà Đạt Đa cũng bạc nghĩa Như Lai vậy, chỉ vì oan trái mong giết hại Như Lai.

Xong, Ngài thuyết pháp Tứ Diệu Đế, chúng sanh nghe và đắc đạo quả rất đông.

Đức Thế Tôn bèn hợp các tiền kiếp lại như vậy.

TADÀ: Trong thuở đó, KADAHÀLABRAHMANA nay là Đề Bà Đạt Đa, bà GOTAMI, tức là Phật mẫu, CANDAVEVÌ nay là nàng BIMBÀ, tức là mẹ RAHULÀ, nàng SELÀKU MÀNÌ nay là UPAVANNA Tỳ khuru ni, trẻ VASULAKUMÀRA nay là ANANDA, RÀMAGOTARO nay là đức Ca Diếp, BHADDHASEMO nay là Mục Kiền Liên, SURIYAKUMÀRA nay là Đại Đức Xá Lợi Phất, đức Đế Thích nay là A Nậu Lâu đà. Tất cả kẻ tùy tùng bộ hạ của Bồ Tát nay toàn là hàng Phật tử. Đức CANDAKUMÀRA là dòng

dõi của Phật nay là đấng Chánh Đẳng Chánh Giác, giác ngộ tất cả pháp như thế.

---o0o---

[10] - NÀRADA JÀTAKA - TRUYỆN NÀRADA (BỒ TÁT TU HẠNH XẢ BA LA MẬT)

AHURÀJÀ VIDEHÀNANTI IDAM DHAMMADE SANAM SATTHÀ
LADDHIVANUDYÀNASAMIPE RÀJAGAHANAGARE VIHARANTO
URUVELAKASSA PATTHERAM ÀRABBHA ATHESI

(ATTHÀ) – Một thuở nọ, đức Giáo Chủ ngự an trong rừng tre gần thành RÀJAGAHA, Ngài đề cập đến hóa độ đức URUVELAKASSAPA rồi thuyết về chuyện NÀRADA.

Các vị A xà lê kết tập Tam tạng nương theo Phật ngôn thứ nhất là: AHU RÀJÀ VIDEHÀNAMI ITI... rồi giảng rộng rằng: Khi Đức Thế Tôn thuyết DHAMMACAKKAPPAVANASŪTRA (kinh Chuyển Pháp Luân) xong, Ngài ngự đi hóa độ ba anh em, nhất là URUVELAKASSAPA bỏ tà kiến, cho xuất gia EHI BHIKKHU⁴² trong Phật giáo, Ngài có tất cả 10 ngàn tỷ khuru tùy tùng, ngự vào kinh đô RÀJAGAHA để thủ lời hứa với Đức vua Tần Bà Xa (BIMBISÀRA) rồi an nghỉ trong rừng tre gần kinh đô RÀJAGAHA.

Thuở ấy, Đức vua Tần Bà Xa và 12 muôn dân cư, đồng nhau ngự đến lễ Phật, rồi ngồi nơi phải lễ. Khi ấy, các Bà La Môn, triệu phú suy nghĩ rằng: Đức URUVELAKASSAPA hành đạo theo đức sa môn GOTAMA hay là đức sa môn GOTAMA là đệ tử của Ngài URUVELAKASSAPA, có thể vậy chăng? Khi các Bà La Môn và triệu phú phát tâm nghi ngờ, phân vân như vậy. Đức Đại bi hiểu rõ tâm niệm của họ như vậy, Ngài muốn cho mọi người thấu đáo rằng: URUVELAKASSAPA tu theo giáo pháp của Ngài. Đức thế tôn liền nói với đức URUVELAKASSAPA như vậy:

- KIMEVA DISVÀ URUVELAVÀSI AGGIN KISAKOVADÀNO
PUCCHÀMI TAM KASSAPA ETAMATTHAM KATHAM PAHINAM
TAVA AGGIHUTANTI.

- Nay URUVELAKASSAPA! Ngươi là thầy dạy dỗ tất cả năm trăm đệ tử của ngươi trong xóm URUVELA, nay có sao nay ngươi liệng bỏ tất cả vật cúng dường lừa?

Đức URUVELAKASSAPA mong tỏ bày nguyên nhân ấy cho rõ rệt, bèn quỳ bạch bằng câu kệ ngôn rằng:

- RÙPECA SADDECA ATHO RASECA KÀMITHIYO CÀBHIVADANTI
YANNÀ ETAM MALANTI UPADHÌSU NÀTVÀ...

- Bạch Đức Thế Tôn! Thông thường các Bà La Môn sáng lập đạo cúng dường lửa đó, là mong được tăng gia sắc, thanh, hương, vừa lòng phụ nữ, tham ngũ dục là điều không tinh khiết. Bạch Phật, tôi đã thấy và hiểu được sự cúng dường lửa là không trong sạch, là phiền não, lôi cuốn chúng sanh vào vòng sanh tử luân hồi. Bạch Phật, tôi quán tưởng thấy Niết Bàn là nơi dập tắt phiền não, không sanh diệt tức là ngũ uẩn. Tôi thấy chắc rằng Niết Bàn chẳng còn phiền não, thoát ly tam giới. Niết Bàn này chúng sanh không thể đến được, bằng ngoài đạo tâm của người được chứng quả, thoát ly tất cả thống khổ. Vì thế tôi chẳng còn ưa thích sự cúng dường lửa và bỏ cả vật cúng dường như thế.

Đại Đức URUVELAKASSAPA sau khi quì bạch, đáp như đã giải, chỉ mong cho công chúng biết rõ rằng Ngài là hàng Thinh Văn của đức Đại Bi, rồi cuối đầu mọp nơi chân Đức Phật mà tuyên bố rằng: SATTHÀME BHANTE BHAGAVÀ... Đức Thế Tôn là đấng Giáo Chủ, tôi là Thinh Văn đệ tử của ngài. Ngài là đức Bổn sư của tôi.

Xong, đức URUVELAKASSAPA liền hiện thân thông bay lên hư không trung cao một cây thốt nốt, ba, bốn, năm, sáu, cho đến bảy cây thốt nốt, nghĩa là bay lên bảy lần, trở xuống mỗi lượt đều quỳ lạy dưới chân của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác bảy lần như vậy, rồi đến ngồi trong nơi phải lẽ.

Đại chúng xem thấy thân thông phi thường như thế, rất khâm phục và bàn luận cùng nhau rằng: Đức Phật có nhiều uy đức. Ngài URUVELAKASSAPA mà chúng ta cho rằng là bậc A La Hán Phật chinh phục được, làm cho Ngài URUVELAKASSAPA phải bỏ vật cúng dường lửa, quì phục theo làm đệ tử của ngài.

Đức Thế Tôn nghe đại chúng khen ngợi như vậy bèn phán rằng: "Này chư thiện tín! Như Lai được giác ngộ rồi, hóa độ URUVELAKASSAPA đây không phải lạ thường đâu. Khi xưa Như Lai sanh làm NÀRADA Đại Phạm Thiên, còn tham, sân, si, nhưng cũng đã chinh phục URUVELAKASSAPA cho liệng bỏ các vật cúng dường lửa theo tà đạo", rồi Ngài nín thính. Chư tỳ khuru mong được nghe tiền tích, nên quỳ xin Đức Thế Tôn giảng tiếp.

Đức Phật bèn thuyết về truyện NÀRADA rằng: Này các Tỳ Khuru! ÀTITE KÀLE: Trong thuở quá khứ, có vị Hoàng Đế tên là ANGATIRÀJA trị vì trong thành MITHILÀ, đức Hoàng Đế này trị dân theo chánh pháp.

Đức Hoàng Đế có một Công chúa tên là RUCÀ có quốc sắc, thiên hương, là vị đại phúc. Hoàng Đế ANGATIRÀJA chỉ có con một, nên rất quý mến.

Hằng ngày Đức vua ban cho Công chúa những y phục quý giá và hoa thơm 25 hộp để nàng trang điểm, và thực phẩm cao lương mỹ vị vô giá. Mỗi nửa tháng Ngài đều cấp cho một ngàn lượng để Công chúa chi phí tùy sở thích.

Trong các quan hầu của vua, có ba vị đại thần là: VIJEYA, SUMANA và ALATA. Cả ba vị đại thần này đều vừa lòng vua. Khi đến ngày rằm tháng 12 (Ấn Độ), Đức vua dạy trang hoàng đường xá, từ các châu thành đến hoàng cung thật là xinh đẹp, như thiên cung, rồi cho dân chúng diễn kịch vui chơi. Đức vua phán hỏi các đại thần rằng: Nay các khanh! Nay là ngày rằm tháng 12, trời thanh trắng tỏ, gió mát cảnh vui, vừa cho chúng ta lưu lại trọn đêm, để ngắm cảnh êm đềm lạc thú. Vậy các khanh có chi hay, hãy trình bày cho Trẫm nghe.

Khi ấy, vị đại thần ALATA tâu rằng: Hạ thần xét thấy, nếu bệ hạ đem binh chinh phạt tâu phục được các nước lân bang thành thuộc địa của Đại Vương là hay nhất.

Đức vua nghe bèn cảm ngăn, không vừa lòng lời tâu ấy.

Vị đại thần SUMANA thấy Đức vua không chấp thuận, nên tâu: Hạ thần xin bệ hạ cho người sắm sanh cao lương mỹ vị, rồi cùng nhau ăn uống vui chơi, dạy cung nữ ca xang múa hát, thế mới thật là vui thú cho.

Nghe tâu như thế, Đức vua không vui và cũng không buồn, Ngài nín thinh.

Về phần đại thần VIJEYA thấy Đức vua không ưa thích ngũ dục, cho Đức vua là bậc trí tuệ. Lệ thường bậc trí tuệ hằng mang được nghe pháp. Vậy ta nên tâu thỉnh Đức vua đi nghe pháp chắc Ngài vừa lòng, nghĩ rồi tâu: Tâu, lệnh Hoàng Thượng, đêm nay đáng cho chúng ta đi tìm các sa môn hoặc Bà La Môn, hay hàng trí tuệ học cao hiểu rộng, thấy xa mà luận đạo hoặc hỏi những điều nan giải, để phá nghi cho chúng ta. Tâu, hạ thần thấy như vậy mới thật là hạnh phúc cho chúng ta.

Đức vua ANGATIRAJA rất hài lòng, Phạt phán rằng: Khanh tâu như thế rất hay, vậy khanh biết rõ có bậc trí tuệ trong nơi nào, đáng cho Trẫm nghe đạo.

Khi Đức vua phán như vậy, vị đại thần ALATA nghĩ rằng: Ta có một nội tổ là GUNAJIVAKA ngụ trong vườn thượng uyển. Vậy ta nên tâu cho Đức vua rõ, để Ngài đến đó, cho nội ta được làm thầy Đức vua thì vinh dự biết bao. Nghĩ như vậy rồi đại thần ALATA bèn tâu rằng: Hạ thần có một nội tổ, hiện nay ngụ tại ngự uyển, Ngài là thầy tổ của phần đông, các Ngài dạy toàn là lời chân chánh và biết tri túc. Xin thỉnh bệ hạ đến luận đạo với nội tổ hạ thần, tin chắc Ngài sẽ phá nghi cho bệ hạ được.

Đức vua ANGATIRÀJA bèn dạy sửa sang long xa và mặc triều phục có quan quân hộ giá cùng các đại thần ngự đến vườn thượng uyển. Khi gần tới, Ngài xuống xe, đi chân không vào gần thầy GUNÀJIVAKA rồi đưa tay lên lễ bái: Bạch Ngài GUNÀJIVAKA! Thân tứ đại của Ngài được điều hòa không? Thường ngày, Ngài có được thực phẩm cho vừa ngũ uẩn chăng? Không thiếu thôn thái quá chăng? v.v...

Khi Đức vua ôn tồn tỏ lời hỏi ấm lạnh như thế, Đạo sĩ GUNÀJIVAKA đáp:

- Uy nghi, chín khiếu tôi đã duy trì như thường lệ, thực phẩm cũng vừa đủ nuôi mạng, sự mạnh khỏe ốm đau khi vậy khi khác v.v... Tâu Đại Vương, trị vì được an vui, bệnh hoạn cũng không làm hại, Đại Vương được sức khỏe kiện toàn chăng?

- Bạch, tôi trị nước được thái bình, thân tâm mạnh khỏe an vui. Bạch Đạo sĩ, chúng tôi đến đây hy vọng hỏi những pháp mà chúng tôi còn nghi nan, cho minh bạch điều gì nên làm, việc chi phải tránh.

Xong, Đức vua bạch hỏi rằng:

- Thông thường, Đức vua trị an trong nước nên có:

Thiện pháp với triều thần

Phụng sự cha mẹ, các bậc thầy tổ và hàng trưởng thượng.

Đối với vợ con.

Đối với Sa Môn, Bà La Môn

Đối với dân chúng bằng cách nào?

Tu hành thế nào mới được lên cõi trời?

Người trong đời này, sau khi mệnh chung được sanh về nhàn cảnh bằng nghiệp lành nào?

Những kẻ phải sa đọa địa ngục, do nhân ác gì?

(Với những câu mắc mớ, vi tế và cao thượng ấy, Đức vua ANGATIRÀJA nên hỏi đấng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Thịnh Văn Giác, bằng không có các bậc thánh nhân, thì tìm đức Bồ Tát, chẳng nên hỏi GUNÀJIVAKA, khác chi kẻ mù trong đêm tối, biết gì mà giải được!)

Khi nghe hỏi như thế, Đạo sĩ GUNÀJIVAKA không biết pháp gì mà giảng cho vua nghe, nên thuyết về pháp tà kiến rằng:

- "Tâu Đại Vương, Ngài nên lắng nghe tôi giảng chánh pháp đây: Quả báo của thiện pháp không có đâu, không có tội phước chi cả, những kẻ mà vô trí thức mới nói có tội, có phước mà vô trí, trị giới là có được phước.

Tinh tấn bố thí, trì giới luật là luống công, vô ích làm cho tiêu hao tài sản, Thiên đàng, địa ngục cũng chẳng có, đời này không, cha mẹ cũng không, mà ông bà, thầy tổ cũng chẳng có. Thường ngày đây, sự tốt xấu như nhau, lành dữ cũng chẳng có, tiếng nói sát sanh, tiếng giết người cũng sai, ai giết, ai chết? Sanh ra là thành hình là nơi tập hợp của bảy yếu tố, vui khổ và sinh mệnh. Đến khi tan rã bảy yếu tố, đất thì theo đất, nước, gió, lửa, gió cũng theo mỗi yếu tố, vui khổ và sinh mệnh thì bay lên không trung. Như thế thì gọi giết ai, ai chết? Tiếng nói chúng sanh là gọi theo thông thường mà thôi, thật tra sự giết chết nhau không có. Khi bảy yếu tố tan rã chia lìa rồi, đời chỉ sanh là chết. Là hết sinh mệnh. Hết thế nào được, sinh mệnh ở trên không trung. Người nào có thể làm cho hết sinh mệnh được. Mặc dù kẻ cướp đoạt của giết người như thế, nếu quan sát theo chân lý và tứ đại đem yếu tố đi, không có người cướp, cũng không có kẻ tà dâm.

Tâu Đại Vương, con người trải đi trong vòng sanh tử luân hồi, cho đến hạn kỳ 84 kiếp rồi, thì tự nhiên trong sạch, dầu thực hành cho trong sạch đến đâu, thì cũng phải đến hạn kỳ đó".

Đức vua được nghe như thế, phán rằng: "Nếu quả phước không có, thì đi tìm nhà sư có ích gì?!". Nói xong, Ngài liền đứng dậy ngự về thành. Khi Đức vua đến gặp GUNÀJIVAKA thì Ngài lễ bái, lúc trở về thì Ngài không từ giả chi cả. Vì GUNÀJIVAKA thuyết pháp tà kiến như thế, nên mới tiêu tan tất cả lợi lộc cúng dường như vậy.

Sáng ra, Đức vua ANGATIRÀJA cho các đại thần tề tựu lại đông đủ, hỏi phán rằng: "Kể từ đây, các khanh hãy xếp đặt tìm kiếm cho đầy đủ ngũ dục để trang hoàng cung điện cho Trẫm thọ dụng được an vui. Trẫm không còn phụng sự lớn nhỏ trong triều chính như trước nữa. Ba đại thần là: VIJEYA, SUNAMA và ÀLÀTA hãy lãnh trách nhiệm chỉ huy thay thế cho Trẫm đi, dầu có việc đại sự chi cũng chẳng nên cho Trẫm hay, Trẫm không còn phải bận lòng gì nữa cả. Các phước xá đã tạo trước nay nên phá hủy đi".

Đến ngày 14, Công chúa RUCÀRÀJA cho đòi các cung nga đến dạy rằng: "Mai này là ngày mà Chư Thiên hội họp nhau, chúng ta sẽ đi thăm vua cha, các người nên xếp đặt đồ trang sức và phục sức cho ta, cho khác hơn ngày thường."

Các cung nga vâng lời đem tràng hoa bằng lõi trầm hương quý giá và các ngọc báu... cho Công chúa trang điểm. Sáng hôm sau, Công chúa cùng 500 cung nữ bạn của Công chúa cùng nhau đến chầu Phụ Vương của nàng.

Đức vua thấy Công chúa đến chầu, Ngài rất vui mừng, rồi ban thưởng cho nàng 100 lượng tùy ý sử dụng. Đây là vua cha cho theo thường lệ vì thương con, nhưng không ưa thích trong sự bố thí vì Ngài đã chấp hản tà kiến.

Sáng ra, Công chúa sắp đặt sẵn sàng để thọ trì bát quan trai giới và làm việc bố thí đến kẻ cô độc, nghèo đói, bệnh tật vừa với chí hướng của nàng. Sự xu hướng của Đức vua nghe theo lời GUNAJIVAKA dân chúng khắp thành BÀRANASI đều biết.

Các cung nga hay tỏ tự sự của Đức vua, bèn vào tâu cho Công chúa biết. Công chúa tỏ được nguồn cơn sanh lòng buồn thảm, phiền muộn rằng: Phụ Vương không nên thân cận với GUNAJIVAKA, kẻ không biết hổ thẹn như thế. Phụ Vương nên tìm hỏi đạo với các bậc Sa Môn chơn chánh, lẽ đâu lại vấn đạo nơi GUNAJIVAKA! Nay, ngoài ta ra, ai dám khuyên Phụ Vương ta bỏ tà theo chánh được. Ta nhớ được bảy tiền kiếp, và biết được bảy hậu kiếp thành 14 kiếp. Ta sẽ đem giảng các kiếp và những nghiệp mà ta đã tạo, cả quả mà ta đã chịu cho vua cha nghe rõ, khiến Phụ Vương bỏ tà kiến mới được. Nếu ta vào châu trong ngày nay, khi Phụ Vương hỏi nguyên nhân nào mà đến gặp. Theo thường lệ ngày rằm mới vào châu, nếu ta tâu rằng vì được nghe Phụ Vương theo tà kiến mới đến, thế là không hợp thời. Thôi ta chờ đến một ngày nữa, như đã quen đến châu từ trước, ta giả làm như không nghe biết chi cả.

Xét như thế, Công chúa chờ đến ngày rằm, nàng trang điểm xong cùng đi với các cung nga vào châu vua cha, khi Công chúa lễ bái rồi nàng ngồi lên bảo tọa vàng. Đức vua thấy con vào châu, rồi cùng các bạn gái dung nhan xinh đẹp như các ngọc nữ trên thiên cung. Ngài rất vui lòng, rồi tỏ lời thiện cảm hỏi con rằng:

- Nay con quý mến! Hoàng cung của con có đủ đồ trang hoàng, có ao sen, hoa thơm đủ màu, có cung nga mỹ nữ hầu hạ, con được vừa lòng ưa thích chăng?

- Tâu, những trang sức, kẻ tùy tùng bộ hạ, cao lương mỹ vị... mà Phụ Vương ban cho, con rất được hài lòng. Tâu, mai này là ngày 30, có Chư Thiên hội họp, xin Phụ Vương cấp cho con 1000 lượng, để con bố thí như trước mà hồi hướng phước báu đến Phụ Vương.

Nói về Đức vua ANGATIRAJA từ trước Ngài hằng ban của tiền đến Công chúa RUCARAJA, không chờ nàng phải xin và thường hay nhắc nhở nàng bố thí. Nay Ngài không cho, vì Ngài đã tin hẳn theo tà kiến, là bố thí không có quả phúc chi. Đức vua phán Công chúa rằng: Nay con RUCÀ! Con đã bố thí nhiều, của cải cũng đã tiêu hao nhiều rồi, từ đây con đừng làm việc bố thí nữa, con hãy lo ăn cho no bụng, vui chơi còn tốt hơn. Trước kia cha không biết, tưởng rằng là được phước, có quả báo, lợi ích mới khuyên con làm. Nay cha được gặp giáo pháp mới nơi Đạo sĩ GUNAJIVAKA tu đạo loã thể, là vị giáo sư cao quý lắm. Đạo sĩ dạy rằng: Không phước, không tội, thiên

đàng không có, địa ngục cũng không, cha mẹ cũng không, đời này qua đời sau cũng chẳng có. Thường ngày đây, con người sanh ra là sanh với nhau, luân hồi 84 kiếp rồi trở nên trong sạch tự nhiên. GUNAJIVAKA dạy cha như vậy.

Công chúa RUCÀ được nghe vua cha phán như thế, nàng rất buồn thảm. Ôi! Phụ Vương ta đã chấp hẫn theo GUNAJIVAKA, vậy ta nên tường thuật 14 kiếp mà ta nhớ được, cho Phụ Vương ta nghe rõ quả phước và quả tội, để Phụ Vương bỏ tà quy chánh, trong giờ này. Xét như thế, nàng RUCÀ tâm rằng: Tâu Phụ Vương! Các bậc trí tuệ từ ngàn xưa có tuyên ngôn rằng: "Kẻ nào gần hạng si mê thì sẽ thành si mê, thân cùng lầm lạc thì sẽ lầm lạc theo, đây là những lời của những bậc tiền bối. Phụ Vương là dòng dõi cao sang quyền thế, có nhiều trí tuệ, lẽ đâu lại nghe lời của GUNAJIVAKA, là hạng thấp hèn, vô ý thức. Phụ Vương là bậc trí tôn trong đời, không xu hướng theo tà kiến, những lời mà GUNAJIVAKA đã giảng toàn là những điều xấu xa tội lỗi, hần không biết hổ thẹn, Phụ Vương không nên tin tưởng. Và lại, lời nói trước và sau không hiệp nhau rằng tội không tội, phước không phước, không có lợi ích, phước tội cũng không, đến 84 kiếp thì trở nên trong sạch. Như thế tại sao hần không đi theo ngũ dục, lại tu là đạo sĩ lỏa thể làm chi cho phải khổ sở như vậy? GUNAJIVAKA là kẻ lạc đường, không thấy xa, như con phù du (con thiêu thân) thấy ánh sáng lửa trong đêm, cho là vui rồi nhảy vào lửa mà phải chết. Phù du chết vì ngọc lửa, thế nào GUNAJIVAKA theo tà kiến tìm không thấy hạnh phúc, sẽ chịu khổ trong bốn ác đạo vì sự lầm lạc, khác nào thiêu thân trong đó vậy. Những người đã lầm lạc tin theo GUNAJIVAKA ắt sẽ bị hại chẳng sai, như loài cá ăn mồi của ngư ông, sẽ bị khổ chết không sao tránh khỏi, thế nào, kẻ tin lầm theo lời của GUNAJIVAKA ắt sẽ sa trong bốn ác đạo chịu khổ lâu đời.

Tâu phụ vương, con xin thí dụ cho Phụ Vương rõ, như người thương mại chở chuyên rất nhiều hàng hóa, vì mong được lợi, tưởng là thuyền to đến khi nước ngập vào, thuyền đắm trong biển, khác nào kẻ làm tội mà chưa chịu quả khổ, là vì quả khổ chưa đến kịp, nên còn hưởng sự vui, khi nhân ác cho quả, phải mang lấy nghiệp khổ không sai.

Lê thường, người sinh ra trong đời nên gần bạn lành và có hạnh kiểm tốt, biết tội phước, biết tốt xấu, lợi hại, chánh tà, thân cận các bậc hiền minh, bác học, lánh dữ làm lành, bố thí, trì giới, tham thiền, niệm Phật nghe pháp.

Những người được gặp thầy, bạn lành như thế, thì hằng được vui trong cõi này, đến kiếp sau được gần bậc có giới đức dẫn dắt, nhắc nhở, khuyên lon thì sẽ trở nên bậc hiền nhân, biết rõ rằng đây là lành dữ, kia là tội phước. Khi đã rõ tội hay phước, rồi là nhân cho mình bỏ dữ về lành, chỉ làm điều phải

đem hạnh phúc đến mình và cho kẻ khác, do nhờ thân cận bậc trí tuệ như thế. Những người tìm giao thiệp với bậc trí tuệ sẽ thành những bậc trí tuệ giống nhau, ví như lá cây có rễ nước thơm. Kẻ gần bậc hiền minh sẽ được các Ngài dìu dắt lên phẩm hạnh thanh cao đến nơi giải thoát. Những kẻ làm bạn cùng hạng si mê, hằng gặp những điều bất hạnh, những hạnh phúc dần dần sẽ hao mòn, của cải sẽ tiêu tan, vì hạng si mê vô trí tuệ thường rủ trong việc ác là sát sinh, trộm cắp... mặc dù mình chưa quen làm, chỉ thân thiết với kẻ si mê, mình sẽ trở nên hạng si mê. Ví như lá cây mà họ dùng gói cá thối. Thì lá trở nên hôi thối thế nào, người thân cận với kẻ ác sẽ là người ác như thế. Những người hay tìm gần kẻ si mê, ắt sẽ làm điều tội lỗi rồi sẽ sa đọa địa ngục. Do đó, hàng trí tuệ không bao giờ thân cận với kẻ tối tăm, lầm lạc và luôn luôn tránh xa họ, vì khi đã si mê vô trí tuệ rồi hằng lầm lạc làm những việc trái với công lý và phải chịu khổ trong ác đạo lâu đời.

Tâu Phụ Vương, nếu Phụ Vương tôn sùng và tin lời GUNAJIVAKA không nên đâu. Quả của thiện pháp có, quả của ác pháp cũng có: Làm lành hằng được vui, làm dữ phải chịu khổ, chẳng phải như lời GUNAJIVAKA đã giảng đó đâu.

Những hàng nam nữ nào tinh tấn bồ thí, trì giới ... các nam nữ ấy sẽ đến Niết Bàn. Kẻ nào làm điều tội lỗi phải chịu khổ trong bốn ác đạo. Luân hồi sanh tử nhiều kiếp. Khi luân hồi đến 84 kiếp rồi được trong sạch chẳng phải đâu.

Tâu Phụ Vương, xin Phụ Vương hãy lắng nghe con tâu cho Phụ Vương rõ các tiền kiếp của con như vậy:

Một kiếp trước, con sanh làm con trai của người thợ bạc, ngụ trong kinh đô Rajagaha. Thuở đó, con gần bạn ác, nên tà dâm với vợ con người, nhưng khi hấp hối, nghiệp ác đó chưa trả quả, nghiệp lành của con đã tạo trong kiếp trước nữa đến cho quả, nên con sinh làm con trai của một triệu phú có 800 triệu trong thành Kosambi. Kiếp này con được gặp bạn lành, bạn con dẫn dắt con biết tội phước chánh tà ... Và nhắc nhở con làm việc lành nhất là bồ thí, trì giới. Con tinh tấn thọ trì bát quan trai thường, nhưng đến khi mạng chung, cái phước đó chưa cho quả kịp, nghiệp dữ mà con đã tạo khi làm con trai của người thợ bạc theo kịp, nên sau khi chết phải sa đọa trong địa ngục Roruva⁴³ rất lâu. Hôm nay con nhớ đến những thống khổ đó nên không dám cầu thả dễ dãi. Con bị khổ trong đại ngục Roruva muôn phần thâm, không sao tả xiết. Ra khỏi địa ngục rồi, cũng chưa hết tội, con lại sanh làm lừa của vị đại thần trong thành Nakataraja, họ bắt thiến và dùng để cỡi, nếu không cỡi thì họ ắt kéo xe rất nặng nề, khổ nhọc. Khi chết khỏi kiếp lừa, sanh làm khỉ trong rừng. Khi ra khỏi lòng mẹ không bao lâu bị người ta bắt

đem về thiến rất đau khổ, kêu la đến đâu họ cũng thiến cho được. Đây cũng vì tội tà dâm đã tạo trong kiếp người, khi là con thợ bạc.

Tâu, sau khi chết khỏi kiếp khi, sanh lên làm người lương tính⁴⁴ trong thành Vajirāja, do tội tà dâm còn dư sót, song nhờ phúc hộ trợ nên mới làm người như vậy. Cha, mẹ, anh, em, ông, bà thân tộc bạn hàng thương yêu con luôn. Sau khi chết con được sanh lên cõi trời là một Thiên nữ, hưởng phước trên Đạo Lợi thiên cung, là Hoàng Hậu của Đế Thích. Được làm hoàng hậu của đức Đế Thích bốn kiếp. Đến kiếp thứ năm con sanh ra là Hoàng Hậu của vị trời JAVANA.

Một ngày nọ, đức JAVANA dẫn đi ngoạn cảnh, cùng các ngọc nữ tùy tùng đến hái hoa; các ngọc nữ hầu hạ hái hoa đến trảng,แต่ง trang điểm cho con. Trong lúc đó con hết phước, nên hạ sanh làm con của Phụ Vương hiện giờ. Nay con đã được 16 tuổi rồi, nhưng đối với cõi trời thì chỉ một phút mà thôi, nên vị trời JAVANA và các cung nữ chưa biết con đã chết, còn đang lo xỏ hoa để trang điểm cho con. Khi bỏ ngũ uẩn kiếp này, con sẽ sanh lên cõi trời có nhiều uy lực và sẽ khỏi làm người nữ kiếp này đây.

IDAM NÀRADA VATTHUN - về truyện đức NÀRADA đây chư thiện nam tín nữ được nghe biết như đã vừa giải qua, có lẽ nghi ngờ và đặt câu hỏi rằng: Tại sao nói nàng công chúa nhớ được 14 kiếp (7 kiếp trước và bảy kiếp sau) nay lại thấy giải 13 kiếp và một kiếp vị lai, tại sao?

Xin giải rõ rằng: Nàng công chúa RUCÀ nhớ được bảy tiền kiếp, vì căn cứ khi nàng làm Hoàng Hậu của đức Đế Thích, không phải đề cập về kiếp hiện tại, khi nàng là Công chúa RUCÀ đây. Bởi kiếp nàng là Hoàng Hậu của đức Đế Thích đó, nàng nhớ được bảy kiếp vị lai và bảy tiền kiếp. Khi được sanh ra là Công chúa RUCÀ đây, nàng chỉ nhớ được 13 kiếp và một kiếp vị lai như thế thôi.

Nàng Công chúa RUCÀ giảng giải về tiền kiếp và vị lai kiếp cho Phụ Vương nàng nghe, có lời kệ ngôn rằng: người nào mong được làm người nam trong mỗi kiếp. Cần phải giữ không tà dâm, cho trong sạch. Người đã rửa sạch chân rồi, hằng tránh không cho dính bùn, vì sợ dơ bẩn. Và lại, kẻ nào mong được lên cõi trời, nên chừa cải những điều tội lỗi, phải hành theo thập thiện (thân, khẩu, ý lành) trú trong pháp không cầu tha (Appamadadharma) đừng làm hại chúng sanh. Chúng sanh sinh ra trong đời có đủ sự sang cả, uy quyền, được nhiều người kính mến tôn sùng, đều nhờ nghiệp lành của mình đã tạo từ bao kiếp trước.

Tâu phụ vương! Phụ Vương nên suy nghĩ xem tất cả mười sáu ngàn cung nga mỹ nữ, quốc sắc thiên hương như hàng ngọc nữ, ngày đêm hầu hạ Phụ Vương. Phụ Vương được các nàng hầu hạ, châu chực do nhân nào, hay là

Phụ Vương ngủ rồi có được, hoặc Phụ Vương làm điều ác đức mà được? Phải chăng nhờ kiếp trước Phụ Vương có bố thí, làm lành nên nay mới được thọ hưởng cao sang như vậy. Xin Phụ Vương bình tâm suy xét cho tường tận. Phụ Vương nghe lời của GUNAJIVAKA, rồi Phụ Vương xét lại lời của bạn lành như con đã giải. Phụ Vương tin rằng đời này có quả báo như thế đi. Các Sa Môn, Bà La Môn cũng có, Phụ Vương đừng nghĩ sai như vậy.

Công chúa chỉ con đường lên thiên cung cho Đức vua cha nhận thức phân minh như thế. Đức vua ANGATIRAJA được nghe, thì vui thích, vừa lòng lời giải của công chúa, nhưng vừa lòng bằng cách trống không, vẫn chấp hủn tà kiến, một mực không chịu đời đời kiến thức. Đây là do sự thân cận với kẻ si mê, thiếu trí tuệ mới trở nên lầm lạc như thế.

Các bậc trí tuệ nên quán tưởng cho thấy rõ mà tránh xa, kẻ si mê ta chẳng nên ăn ở chung với kẻ ấy, xem kẻ đó như nọc độc. Nhưng khi đã lỡ (nên tìm gần các bậc hiền minh) vướng nọc độc rồi nên tìm các bậc hiền minh có thể sửa chữa khỏi được. Trái lại, kẻ nào thân cận với hạng người si mê, khó gỡ cho khỏi tay độc ác được và ắt sẽ bị hại không sai.

Khi Công chúa RUCÀ hết lòng giảng giải cho Phụ Vương nàng nghe, từ sáng sớm cho trọn đêm như thế, mà cũng không làm cho vua bỏ tà kiến theo chánh kiến được. Khi công chúa đã hết lòng khuyên giải để vua thức tỉnh vua cha mà bất thành như vậy, nàng nghĩ ta phải tìm phương pháp nào cho vua cha bỏ tà theo chánh mới được. Nghĩ xong nàng bèn đưa tay lên quỳ vái, khẩn cầu 10 phương, nguyện rằng: "Các Ngài Sa Môn, Bà La Môn có giới đức, Chư Thiên Phạm Thiên có nhiều uy lực trong thế gian, xin giúp tôi để cởi mở tà kiến cho Phụ Vương tôi. Nếu ân đức của cha mẹ có thật, cầu xin các Ngài hãy làm cho Phụ Vương tôi đừng vướng tà kiến nữa, hiện trong giờ này."

Khi công chúa RUCÀ cầu nguyện xong, rồi quỳ lạy 10 phương, khiến cảm ứng đến đức Bồ Tát của chúng ta là đức NÀRADA. Ngài có nhiều đức từ bi, thường tìm xem sự phải quấy của chúng sanh. Khi đức Bồ Tát NÀRADA quán tưởng thấy rằng Công chúa RUCÀ mong Phụ Vương nàng bỏ tà kiến, cầu khẩn Chư Thiên hộ trì, Ngài suy nghĩ rằng: Thật vậy, ngoài ta ra không ai làm cho Đức vua ANGATIRAJA bỏ tà kiến được. Vậy ta hãy tế độ nàng Công chúa RUCÀ, cho Phụ Vương nàng bỏ tà kiến, đem đến chúng sanh những điều hạnh phúc. Hôm nay ta nên xuống bằng cách này đây: Ta giáng hạ xuống bằng tướng người xuất gia có phạm hạnh, là bậc mà đại chúng thường tôn kính.

Bồ Tát xét như thế liền biến ra người xuất gia, tướng mạo đường đường chính chính, có đủ y bát rõ ràng, hào quang chiếu sáng như vàng trắng tỏ

trong đêm rằm. Ngài ngự trên không trung ngay trước mặt vua ANGATIRÀJA trong lúc ấy.

TAMATTHAM ATHÀTAMÀ BRHMALOKÀ NARADO NASSIPAJAM
JAMBÙDÌPAM APEKKHANTO ADUSARÀJÀNAM ANGOTITATO
PATITTHAPÀ SAVE VEDEHASSA PUGATO TABBADISVÀ
NUDAPATTAM PÀIMAM VANDA THÀTI YAM ATTHAM

Ý nghĩa nào không rõ rệt trong câu chuyện Đức Thế Tôn khi thuyết có ý nghĩa đó, Ngài giảng bằng câu chuyện Phật ngôn rằng: "BHIKKHAVE – Này các thầy Tỳ Khưu! Khi đức Bồ Tát xem thấy trong thế gian có Đức vua ANGATIRÀJA tà kiến, rồi thương hại Công chúa RUCÀ, nên giáng hạ từ cõi trời Phạm Thiên ngự trên không trung ngay hoàng cung, trước mặt Công chúa RUCÀ, nàng xem thấy hết lòng hoan hỷ rằng: "Ngài đến trong giờ này đây, là vị trời từ bi sẽ tế độ ta, sẽ làm cho Phụ Vương ta bỏ tà kiến không sai", rồi nàng quỳ lạy đức Bồ Tát trong khi ấy.

Nói về Đức vua ANGATIRÀJA khi thấy đức Đại Phạm Thiên NÀRADA ngự trên hư không ngay mặt ngài. Ngài sợ uy đức của trời Phạm Thiên, không thể ngồi trên bảo tọa được, Ngài bèn ngự xuống đứng nơi đất mà hỏi rằng:

- KUTO NU ÀGACCHÀSI DEVAVANNI OBHÀSAYAM SABBARÀTTI
CANDIMÀVA KATHEHI ME PUCCHITAM NÀMA GOTTALAM
KATHAM NA JÀNANATI MANUSSALOKETI

Tôi xin hỏi Ngài: Ngài có tướng mạo quang minh như Chư Thiên hào quang của Ngài chói lọi trên không trung như ánh sáng mặt trăng trong đêm. Ngài đây, từ nơi nào đến, quý danh Ngài là chi? Xin Ngài cho tôi biết rõ tên họ phân minh

Đức vua ANGATIRÀJA cho rằng đức NÀRADA là hạng phàm nhân, nên không làm lễ. Đức NÀRADA hiểu rằng Đức vua ANGATIRÀJA tưởng là cõi khác không có, vậy ta nên giảng cho vua hiểu rằng cõi khác cũng có. Nghĩ rồi đức Bồ Tát tỏ bằng kệ ngôn rằng:

- ANAM PIDEVATO IDÀNI EMA OSABHÀYAM SABBARÀTTI
CAMNDIMAVE AKKHAPITE PUCCHITO NAMAGOTTAM JÀNANTI
NARODO KASSAPOTI.

- Này Đại Vương! Ta đây từ cõi Chư Thiên mà đến, vì ta là trời, nên mới có hào quang rực rỡ, như ánh sáng của mặt nguyệt trong đêm. Đại chúng nên biết ta là NÀRADA họ KASSAPA đây.

Đức vua ANGATIRÀJA nghe được rồi nghĩ rằng: "Đức NÀRADA nói Ngài từ Thiên cung mà đến, lời này chứng tỏ rằng có cõi khác, vậy điều này ta sẽ hỏi sau". Đức vua ANGATIRÀJA bèn hỏi rằng: Bạch đức NÀRADA, tướng mạo của Ngài thật khác phàm phu, uy đức của Ngài rất đáng tôn trọng. Đức NÀRADA ngự trên không trung đi trên không, thật là phi thường. Tôi xin hỏi về thần thông mà Ngài NÀRADA có đó, do nhân nào, nguyên nhân chi?

- SANCADHAMMO VADAMOPÀJA PATOGUNÀNA METECAGATA PURÀMÀ

- Tâu Đại Vương! Tôi hiện thần thông đây, vì tôi được chế ngự ngũ căn, đè nén phiền não pháp là xan tham, sân hận, si mê. Tôi tinh tấn bỏ tức không bỏ qua thiện pháp, nhân đó nên thần thông và uy lực mới được toại nguyện, đi, đứng, ngồi trên không trung được như vậy.

Đức vua ANGATIRÀJA đã chấp hấn tà kiến trong tâm, khi được nghe đức NÀRADA giải như vậy thì sanh nghi cho rằng điều nói có thiên đàng đó tin không được, mới hỏi rằng:

- Bạch Ngài NÀRADA, Ngài dạy pháp cho kết quả thần thông phi thường, lời Ngài nói đây thấy rằng có phước như thế nào? Đây là những điều Ngài vừa giảng qua nhưng tôi còn sanh nghi ngại.

- Đại Vương cứ hỏi theo ý muốn đi, tôi cho phép, không sao đâu. Tôi sẽ giải cho Đại Vương được phân minh, cho hết hoài nghi. Chẳng phải tôi giải bằng lý thuyết suông đâu, tôi sẽ cụ thể hóa cả lý nhân quả trước, sau để phá nghi cho Đại Vương. Vậy Đại Vương hoài nghi điều gì cứ tùy tiện hỏi đi.

Đức vua ANGATIRÀJA bèn bạch hỏi rằng: Bạch Ngài NÀRADA, tôi hỏi đây xin Ngài trả lời theo chân lý đừng dối giả. Này Ngài NÀRADA! Điều mà chúng sanh hằng gọi là Chư Thiên, Phạm Thiên cõi này, cõi kia có thật hay không? Chư Thiên nam, Chư Thiên nữ có thật chăng?

- Này Đại Vương! Chư Thiên có thật, đức Đế Thích, đức Phạm Thiên có thật, cõi này cõi kia có thật như chúng sanh đã kêu rằng KAMESUKHITÀ MIDA VAMULÀHA. Người không nhìn nhận trong thiện nghiệp là kẻ vô trí tuệ đó, không biết rằng có Chư Thiên nam, Chư Thiên nữ, có đức Đế Thích, đức Phạm Thiên, có cõi này cõi khác, thế gọi là người thiếu trí tuệ và trí nhớ.

Đức vua nghe đức NARÀDA trả lời như vậy bèn cười nhạo rằng: Bạch Ngài ARÀDA, Ngài nói cõi khác có, con người ra khỏi cõi này, sanh lên cõi khác có gia tài, của cải, chỗ ngụ, nơi ăn trong cõi khác, trong ngày vị lai có thật. Nếu Ngài NÀRADA thấy chắc, tin chính xác như thế xin Ngài cho tôi mượn 500 lượng, song kiếp này tôi chưa trả, Ngài NÀRADA sẽ lấy lại trong kiếp

sau tôi sẽ trả bằng hai số mà đức NÀRADA cho tôi mượn đó, nghĩa là tôi sẽ trả 1000 lượng trong kiếp vị lai, đức NÀRADA dám cho tôi mượn không?

Khi Đức vua ANGATIRÀJA nói như vậy. Đức đại phạm Thiên Bồ Tát tỏ lời khiển trách rằng: Đại Vương nên hiểu, nếu đại vương có giới nói lời ngay thật, là người hiền lành có thiện pháp trong tâm, khi ra khỏi cõi này rồi không sinh trong bốn ác đạo, như thế, tôi mới cho Đại Vương mượn 500 lượng. Còn Đại Vương không có giới đức, không chân thật, có tâm ác, xa lánh thiện pháp, từ trước tới giờ chỉ có si mê, sân tham, theo phái tà kiến, thì không sao tránh thoát bốn ác đạo đâu, phải sa trong địa ngục chịu khổ não muôn phần, lâu đời nhiều kiếp. Như thế, 1000 lượng đó, biết bao giờ Đại Vương mới đem trả lại cho tôi, dẫu tôi có theo đòi hỏi cũng không được, vì lửa địa ngục có ai thay thế ai, tôi đâu dám theo đòi Đại Vương trong địa ngục. Thông thường, trên thế gian này, nếu họ thấy ai tốt, lành thì cho mượn hoặc cho luôn cũng có. Còn họ biết rõ là kẻ xấu, không ngay thật cho mượn thì không gì mà đòi được, như vậy họ đâu cho. Như Đại Vương đương mở miệng mượn 500 lượng để kiếp sau trả 1000 lượng tôi quan sát biết rằng khó đòi lại được, vì Đại Vương là kẻ tội lỗi, chấp tà kiến, đã phá bỏ các phước xá bố thí từ trước, không thọ giới, cũng không niệm Phật, chỉ làm việc ác, tà dâm vợ con người. Đại Vương tạo đây tội ác sau khi tan rã ngũ uẩn phải sa địa ngục, như vậy Đại Vương được của đâu mà Đại Vương trả cho tôi, dẫu tôi có theo đòi Đại Vương trong địa ngục đi nữa cũng vô ích.

Khi đức Phạm Thiên Bồ Tát nói như thế, vua ANGATIRÀJA không lời lẽ nào đáp lại được đành nín thinh, trong khi đó.

Trong lúc ấy, đại chúng rất hân hoan sung sướng reo mừng khắp kinh thành rằng đức NÀRADA có nhiều uy lực, đáng làm cho Đức vua bỏ tà kiến được.

Nhờ thần lực của đức Bồ Tát, tất cả nhân dân trong thành MITHILÀ rộng hơn sáu do tuần đều được nghe đức NÀRADA Bồ Tát giảng đạo.

Đức NÀRADA Bồ Tát nghĩ rằng: Đức vua ANGATIRÀJA này đã chấp vững lập trường tà kiến. Vậy ta nên tả cảnh khổ hải nơi địa ngục cho Ngài sợ mà bỏ tà kiến; rồi sẽ cho thấy cảnh hạnh phúc trên Thiên cung, an ủi cho Ngài vui thích mới được. Đức Bồ Tát bèn nói rằng: Này Đại vương! Nếu Ngài không bỏ tà kiến, sau khi chết sa vào địa ngục, được thấy loài thú to miệng lửa cháy đỏ đến cắn mổ, banh da xẻ thịt, uống máu Đại Vương, thân hình Đại Vương đứt từng đoạn máu chảy đầm dề xem rất thê thảm, chết rồi phải sống trở lại chịu khổ nữa; phải bị lao sắc đâm từ đầu đến chân, ví như cá bị người lấy cây đâm từ miệng đến đuôi. Chết rồi tái sinh để chịu khổ nữa. Có quỷ sứ dùng các vũ khí lửa cháy hỏa hào, đánh đập tội nhân cho thân thể đứt lìa từng khúc... Đại Vương càng kêu la, khóc kể, thì càng bị

đâm bằng buá, lao, riều, niềng sắt cháy đỏ. Đại Vương chạy khỏi địa ngục đó, quý sứ rượt theo đánh đập bảo phải trèo lên địa ngục cây gòn, có gai sắt nhọn, bén dài 16 ngón tay, cháy hảo hảo. Đại vương vừa leo lên phía dưới quý sứ dùng côn sắt cháy đỏ đánh đập, làm cho gai sắt cây gòn đâm thủng đến thịt đến xương. Khi Đại Vương leo lên bị đánh, lúc tuột xuống cũng bị đập rất là đau khổ không sao kể xiết. Quý sứ đánh đập như thế cho Đại Vương chạy đến địa ngục gương. Vào địa ngục này, gió quạt lá cây thành gương, chém đứt tay, chân, mũi, miệng, mặt, rồi sa vào địa ngục đồng sôi. Cảnh khổ trong chảo đồng sôi thật là thảm khốc, xong, quý sứ thả cây sắt cháy đỏ, cho uống nước đồng sôi, Đại Vương chịu đau khổ không sao kể xiết. Chết rồi còn sống lại để chịu hành phạt như vậy nữa. Như thế ai theo đòi 1000 lượng bạc trong các địa ngục đó được?

Này đại vương! Nếu Đại Vương không bỏ tà kiến, sẽ đọa trong địa, bị quý sứ hành hạ, bắt Đại Vương tra vào xe sắt cháy hỏa hào, như bò trâu bị kéo xe vậy, rồi quý sứ dùng côn sắt cháy đỏ đánh bốp trên đầu, thân thể toàn mủ máu. Như vậy Đại vương nghĩ sao?

Đức vua ANGATIRAJA khi được nghe đức NÀRADA Bồ Tát giảng thuyết như thế, kinh tâm tán đờm sợ hãi vô cùng, mong tìm nơi nương dựa ở đức Bồ Tát, bèn tỏ lời cầu khẩn rằng: Tôi được nghe đức NÀRADA giảng giải các nỗi thống khổ trong địa ngục, tôi lấy làm ghê sợ, tâm hồn rung động, ví như cây tróc gốc, lá lìa cành. Tôi là người lầm lạc, nay tôi nhận biết mình là si mê, lầm lạc rồi, tôi rất sợ khổ trong địa ngục. Nay tôi không nơi nương nhờ, ví như người bị chìm thuyền trong biển cả, cầu ngài NÀRADA từ bi cứu vớt tôi ví như củi lao là nơi nương nhờ của người bị chìm thuyền nơi đại hải. Xin Ngài NÀRADA là nơi nương cậy của tôi, như ngọn đèn là nơi nương nhờ kẻ lạc đường trong đêm tối. Giờ đây tôi chỉ biết nhờ Ngài NÀRADA mà thôi. Xin đức NÀRADA từ bi thương xót, chỉ dẫn tôi, giảng giải con đường Thiên đàng trong sạch, để tôi tinh tấn thực hành theo trong giờ này. Thấy Đức vua ANGATIRAJA đã hối cải ăn năn, bỏ tà theo chánh, đức NÀRADA Bồ Tát bèn chỉ rõ con đường tu hành trong sạch, để dẫn dắt Đức vua như vậy:

Này đại vương! Các Đế Vương ngày xưa là URINNARAJA và sáu Đức vua khác, các Ngài hằng bố thí đến các vị Sa Môn, Bà La Môn, nên sau khi tan rã ngũ uẩn đều được sanh lên sáu cõi trời dục giới Thiên. Chẳng phải chỉ có thế thôi đâu, còn rất nhiều Đức vua khác, có đức tin trong sạch bố thí, trì giới rồi cũng được thị sanh lên cõi trời. Ngài hãy chuyên cần làm phước bố thí, trì giới cho trong sạch đi, quả phước của sự bố thí có thể đem Ngài lên cõi trời. Ngài nên cho người đem cơm, nước, y phục v.v... Cho đến kẻ cô độc, nghèo nàn và dâm cúng đến bậc tu hành. Đại Vương dạy quân đi báo

cáo cho dân chúng trong và ngoài thành hay, ai mong được cơm, nước, y phục v.v.... thì đến thọ lãnh về dùng. Những trâu, bò, ngựa voi đã già yếu, ngài nên cho thả, đừng bắt chúng nó kéo xe, làm việc nặng nề như trước nữa. Với những quan lại tuổi đã già sức yếu, Đại Vương chẳng nên thái hời, phải ban huệ như trước. Nay Đại Vương! Tôi khuyên Đại Vương lánh dữ làm lành, đây là chỉ mong Đại Vương tránh khỏi bốn ác đạo, được lên thiên cung. Khi sanh lên thế gian sẽ được giàu sang phú túc, nhờ sự bố thí như thế.

Quả báo của sự bố thí sẽ đem đến người nghèo đói được sự an vui, được thiên hạ yêu mến kính vì. Mặc dù phước bố thí cao quý như vậy, cũng chưa bằng phước của sự trì giới. Trì giới có nhiều quả báo hơn bố thí. Người tin tấn trì giới, ví như trang điểm bằng bảy báu quý giá nhất trên đời. Kẻ không trì giới ví như không trang sức.

SILAM YÀNA MUTTANAM: Giới ví như một cơ quan giao thông để thoát khổ, có thể dẫn chúng sanh thoát ly ác đạo. Giới là phương tiện để đưa hành giả lên cõi trời Niết Bàn. giới làm cho người được tinh khiết khỏi phiền não.

SILA MOKKHASSA SAPÀNÀ: Giới là cái thang cho người đi đến nhàn cảnh là Niết Bàn.

Này Đại Vương! Đại Vương tinh tấn thọ năm giới, tám giới đừng cho dứt, vì quả báo của giới thật là cao quý nhất.

Đức Bồ Tát giảng giải về pháp bố thí và trì giới như thế rồi, đức Bồ Tát nghĩ thêm rằng: "Thật, Đức vua này, nếu như ta thuyết pháp đem thí dụ thân thể với long xa, Ngài sẽ ưa thích lắm". Đức Bồ Tát liền giảng rằng: Nay Đại Vương! Ngài đem thân thể của ngài như long xa, chú tâm như người xa phu, có tâm không làm khổ chúng sanh, nên chia sót vật dụng đến các thầy Sa Môn, Bà La Môn, kẻ cơ hàn đói khát và cô độc; TAM PÀDASANNA: Chế ngự hai chân, không làm ác nghiệp bằng chân; TAM HATTASANNA: Chế ngự hai tay, không làm nghiệp dữ bằng tay. TAM KUCCHISANNA: Chế ngự bụng là dùng thực phẩm cho vừa; chế ngự miệng đừng nói chuyện nhiều, chỉ nói những lời hữu ích, ngay thật, hiền lành, mát mẻ, hòa nhã, đoàn kết, đừng dùng lời sang đàng mát thì giờ quý báu. Cần phải nói lời nhã nhặn với tất cả mọi người. Có đức tin trong sạch đối với Tam Bảo, tìm nghe thuyết pháp, chế ngự nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm. Đừng để ác pháp phát sanh lên được, như dây cương giữ ngựa chạy cho ngay không còn sân hận do tâm bác ái đến mọi loài, tham thiên tập trung tư tưởng vào một đối tượng, cho tâm không phóng túng theo ngoại trần, cho trí tuệ phát sanh để diệt trừ phiền não, nhất là tà kiến, ngã mạn. Muốn cho các đức tánh ấy mau được tấn hóa, cần phải thân cận bậc trí tuệ, làm người dễ dạy, thật tâm vâng lời chỉ giáo của các ngài, đó là điều cần thiết.

Đức Bồ Tát thuyết pháp cho Đức vua ANGATIRÀJA bỏ tà kiến như thế, rồi khuyên Đức vua thọ trì bát giới, nên tâm rằng: "Từ nay Đại Vương đừng gần kẻ ác, phải tìm nương với bạn lành, chớ để duôi quên mình như trước nữa". Xong, đức NÀRADA Bồ Tát tỏ lời khen Công chúa và khuyên bảo các cung nữ, rồi Ngài trở về cõi trời Phạm thiên, theo uy lực thanh cao thấy rõ trước mắt đại chúng như thế.

Về phần Đức vua ANGATIRÀJA, Ngài thực hành theo giáo huấn của đức NÀRADA Phạm Thiên Bồ Tát, bố thí, trì giới, tham thiền, sau khi thăng hà được lên cõi Thiên cung.

SATTHÀ ISAM DHAMMADESANAM ÀHARITVÀ. Đức Chánh Đẳng Chánh Giác khi giải về tích đức Phạm Thiên NÀRADA Bồ Tát rồi Ngài gọi: BHIKKAVE – này chư Tỳ Khuru! URUVELAKASSAPA được bỏ tà kiến không phải chỉ nhờ Như Lai trong kiếp này đâu, thưở sinh làm Đức vua ANGATIRÀJA được bỏ tà kiến cũng do Như Lai trấn áp như đã giải trên.

Đức Thế Tôn bèn hội các tiền kiếp như vậy: TADÀ – Trong khi đó (ALÀTO) đại thần ALÀTA nay là Đề Bà Đạt Đa ; (SUNÀMO) đại thần SUNÀMA nay là BHADHAJITHERA; (VIJAYO) đại thần VIJAYA nay là Đại Đức Xá Lợi Phất ; (VIJAKO) VIJAKA nay là Đại Đức Mục Kiền Liên; (LACANAPUTTO) Đức vua JIVANA nay là Tỳ Khuru SUNAKKHATABHIKKHU; GUNOGUNÀJIVAKA nay là ACELAKAJÌ; RUCÀ công chúa nay là Đại Đức ANANDA; (RÀJÀ, Đức vua ANGATIRÀJA nay là Đại Đức URUVELAKASSAPA; MAHÀBRÀHMA BODHISATTA đức Đại Phạm Thiên Bồ Tát tức là Như Lai, SAMMÀSAMBUDDO là đức Chánh Đẳng Chánh Giác đây.

---o0o---

[11] - VIDHURA JÀTAKA - TRUYỆN VIDHURA (BỒ TÁT TU HẠNH CHÂN THẬT BA LA MẬT)

PANDUIYÀSI DUBBALÀTI IDAM SATTHÀ JETAVANE VIHARANTO
PANNÀPÀRAMIN ÀRABBHA KATHESI EKADIVESAMHI
BHIKKHUDHAMMASABHÀYAM KATHAM SAMUTTHÀPESUN
AVUSO AHOVATA SATTHÀ MAHAPANNO TIKKHANAPANNO
PUTHUPANNO JAVANAPANNO HÀSAPANNO NIBBEDHIKAPANNO
PARAPPÀVÀDAMTTHAMO ATTANO PUNNÀNÙBHÀVENA...
PATIPÀDESÌTI.

Một thưở nọ, đức Thiên Nhơn Sư an nghỉ trong Kỳ Viên tịnh xá gần thành SÀVATTHÌ, Ngài đề cập đến trí tuệ Ba La Mật của ngài cho có nhân, rồi

ngài thuyết pháp về truyện VIDHURA giữa hàng tứ chúng (Tỳ Khuru, Tỳ Khuru ni, thiện nam, tín nữ).

Các vị A La Hán kết tập Tam Tạng tùy Phật ngôn nhất là PANDHUKISIYÀ DUBBALÀ ITI mới có lời chú giải rộng rằng khi Đức Thế Tôn ngự trong Kỳ Viên tịnh xá đó.

Ngày kia, có chư Tỳ Khuru tụ hội trong phước xá bàn luận về trí tuệ Ba La Mật trong giữa tăng hội rằng: Nay các thầy! Ô thật là hết sức phi thường, đức Giáo Chủ của chúng ta đây, Ngài có rất nhiều trí tuệ tối thượng:

- 1) PUTHUPANNA: Trí tuệ của Phật dày dặn không thể đo lường
- 2) HÀSAPANNA: Nói về trí tuệ làm cho thánh giả được vui, vượt quá quyền hạn trời và người.
- 3) TIKKHANAPANNO: Nói về sự bén nhọn, là hiểu biết xuất chúng vô ngại tất cả các pháp, giác ngộ chân chánh trong Niết Bàn. Ngài trấn áp những người sẵn sàng sắp đặt trí tuệ, nhưng chẳng có một ai có thể lướt qua trí tuệ của Ngài được.

Các câu đố của Sa Môn, Bà La Môn, vua, triệu phú toàn những bậc có trí tuệ, đến tìm hỏi những điều thắc mắc vì tế rất nan giải, thế nào Ngài cũng giảng được cả, từ đầu đến cuối phân minh. Ngài từ bi tế độ những kẻ tà kiến, ngã mạn được dứt bỏ sự hiểu lầm tương quấy, trở nên ưa thích, phát tâm trong sạch, có đức tin chơn chánh trong Tam Bảo và thọ trì tam qui, ngũ giới thực hành chánh pháp, đạt đến đạo quả Niết Bàn. Thật là kỳ diệu, theo trí tuệ của Ngài.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ngự trong hương thất (GANDHAKUTI), nhờ nhĩ thông Ngài hiểu rõ, rồi ngự đi đến phước xá, vào ngôi trên bảo tọa rồi hỏi rằng: Trí tuệ của Như Lai trong kiếp cuối cùng này dầu là xuất chúng cũng như không xuất chúng, vì Như Lai đã giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác rồi. Thuở trước lúc Như Lai trí tuệ còn kém, là còn tu hạnh Bồ Tát. Như Lai cũng hơn chúng. Kiếp Như Lai sinh làm VIGHURAPANDITA có trí tuệ sắc bén, chinh phục Dạ Xoa PURANNAKA trên đỉnh núi KÀLÀGI, cao 60 do tuần làm cho Dạ Xoa qui phục, bỏ tà kiến, ngã mạn trở nên bác ái, mới đáng là huyền diệu, nói đến đây rồi Ngài mặc tướng.

Chư Tỳ Khuru mong được nghe tiền tích, bèn qui thỉnh Đức Thế Tôn giảng tiếp. Ngài liền dẫn tích VIDHURA mà giảng rằng:

BHIKKHAVE ATIKE KÀLE: Nay các thầy Tỳ Khuru! Trong thuở quá khứ có một Đức vua danh là THNANJEYAKORABARÀJA trị vì trong kinh đô CAMPÀKA, vị cố vấn giáo đạo cho Đức vua ấy có tên rõ rệt là

VIDHURAPANDITA, lời nói tao nhã là một pháp sư cao quý. Vị pháp sư VIDHURAPANDITA thuyết pháp rất du dương trong khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối cùng, làm cho công chúng nhất là Đức vua vừa lòng ưa thích, ai được nghe pháp của VIDHURAPANDITA rồi cũng không muốn trở về nhà.

Đây xin giải về tiền kiếp của Đức vua THNANJEYAKORABARAJA như vậy. Thuở nọ, có bốn phú gia ngụ trong thành BÀRÀNASI làm bạn cùng nhau. Cả bốn Bà La Môn đó, bỏ nhà vào núi tu trong núi Tuyết Sơn, tham thiền đắc định, hái trái cây làm thực phẩm. Lâu ngày thêm vật chua, mặn nên cùng nhau đến thành CAMPÀKA vào ngụ trong vườn thượng uyển của vua, sáng sớm đắp y mang bát vào thành khát thực. Trong thành CAMPÀKA có bốn nhà triệu phú gia là bạn thân cùng nhau, bốn vị này thấy các vị Đạo sĩ có giới đức, chế ngự lục căn nên phát tâm trong sạch thỉnh về nhà, mỗi người một Đạo sĩ. Sau khi thọ thực, các phú gia ấy thỉnh bốn vị Đạo sĩ ngụ trong vườn thượng uyển. Buổi xế mỗi vị Đạo sĩ tìm nơi an vui vừa lòng: Một vị Đạo sĩ lên nghỉ trưa trên đạo lợi Thiên cung, một vị xuống nghỉ tại Long cung, một vị vào nghỉ tại núi Tuyết Sơn và một vị nghỉ tại vườn thượng uyển của vua VIJEYAKORAHARAJA. Mỗi vị Đạo sĩ thấy sự nghiệp Đế Vương của bốn vị vua [1], nên trở về tường thuật sự sang cả của bốn Đức vua ấy đến thí chủ mình. Nghe bốn Đạo sĩ trình bày sự cao sang phú túc của bốn vị vua như thế, bốn thí chủ đều phát tâm ưa thích, tinh tấn, bố thí, trì giới, sau khi chết được như sở nguyện.

Người phú gia thứ nhất được sinh lên cõi trời làm Đế Thích, người phú gia thứ nhì được sanh làm Long Vương, vị thứ ba sanh về cõi Điều Vương, vị thứ tư sanh vào thai bào của Hoàng Hậu của vua THNANJEYAKORABARAJA, sinh ra đặt tên KORABAKUMARAJA, khi trưởng thành lên kế vị vua cha. Ngài trị quốc theo 10 vương pháp, không dám dễ dãi. Ngài tinh tấn bố thí, trì giới chăm chú thực hành theo lời chỉ giáo của Đức vua VIDHURAPANDITA Bồ Tát, không vi phạm điều ác. Song Ngài còn mê đánh cờ tướng ăn cuộc.

Một ngày nọ, đến kỳ bát quan trai giới, Đức vua THNANJEYAKORABARAJA đang thọ bát quan trai giới, Ngài tham thiền quán tưởng và mong tìm nơi vừa lòng để hành đạo theo sở thích. Trong ngày ấy, đức Đế Thích cũng thọ bát quan trai. Ngài xét rằng: Tại cõi trời không thanh vắng, ta nên xuống nhân gian để tham thiền. Ngài quán xét thấy vườn thượng uyển của Đức vua dưới trần gian là nơi vừa lòng, liền hạ san xuống tọa thiền trong nơi đó.

Chẳng phải chỉ có đức Đế Thích mà thôi, vị Long Vương đế quyền dưới Long cung cũng thọ bát quan trai vậy. Ngài thấy tại cõi rồng huyền ảo, ồn ào cũng như đức Đế Thích, nên đến vườn thượng uyển của Đức vua trên nhân gian mà tập trung tư tưởng. Nói về vị Điều Vương hưởng cảnh giàu sang trong núi Tuyết Sơn, thọ bát quan trai giới cũng suy xét như Long Vương rồi tìm đến cõi người mà tham thiền.

Tất cả bốn vị vua là đức THNANJEYAKORABARÀJA, đức Đế Thích, đức Điều Vương và đức Long Vương đều ngồi thiền trong vườn thượng uyển cùng nhau.

Sáng sớm ngày ấy, bốn vị vua ra khỏi chỗ tọa thiền, đến gặp nhau gần ao sen. Khi thấy nhau bèn phát tâm yêu mến, ưa thích nhau, có tâm từ bi thương xót lẫn nhau. Đây là tiền kiếp làm bốn vị phú gia, trong thành CAMPÀKA, từng làm bạn thân thiết cùng nhau.

Đức Đế Thích ngồi trên tảng đá, Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA, Điều Vương và Long Vương cùng nhau ngồi đàm thoại. Đức Đế Thích bèn hỏi ba vị vua kia rằng: Tất cả bốn ta đều hàng vua chúa, đồng nhau bỏ sự sang cả, để tìm thọ bát quan trai giới, như thế ai là người cao quý hơn hết?

Khi ấy Long Vương nói lên trước rằng: Giới của tôi cao thượng hơn của các ngài.

- Này Đại Vương! Vì sao Ngài cho rằng giới của Ngài cao thượng hơn?

- Tâu, vì tôi đê nén được sân hận. Đức Điều Vương là thù nghịch của tôi. Lệ thường Long Vương đã sinh rồi, hoặc đang sinh hay chưa sinh hằng xem Điều Vương là thù nghịch, song tôi dần lòng không bao giờ oán giận Điều Vương dù là vi tế hay thô thiển. Nhân đó tôi thấy giới của tôi cao thượng hơn quý Ngài.

Nói xong, Long Vương bèn tuyên bố lời kệ ngôn rằng:

- YOKO PANA NEYYANKAROTI KOPAM NAKUCCHATI
SAPPURISO KATHANI KADAPI KUDDHPTISO NÀVIROTI KOPAM
TAM VENARAM SAMANA MÀHULOKE.

- Đức vua, Bà La Môn, thương gia, nông phu v.v... hành pháp nhẫn nại, không oán giận, như đức Đạo sĩ KHANTIÁPASA không oán giận, vua GARAPANAJA, các bậc trí tuệ khen rằng là một vị Sa Môn trong đời. NAKUCCHATI SAPPURISO. Thông thường, bậc thiện trí thức hằng hành pháp nhẫn nại, là vật trang sức, là năng lực vận tải, là lực lượng của thân thể, không bao giờ sân hận chi cả. Bậc thiện trí thức hằng đê nén sự giận, không cho bộc lộ ra ngoài. Kẻ nào không có sự hờn giận trong tâm, các bậc trí tuệ

hàng ngợi khen là vị Sa Môn yên lặng tội lỗi trong đời. Nay ba Ngài, các đức tính như đã giải ấy, có trong tâm tôi. Vì thế tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn của ba Ngài.

Đức Điều Vương được nghe qua, liền ngăn lời của Long Vương mà rằng: Giới của tôi đây mới cao quý hơn của ba Ngài, vì tôi chế ngự được trong bụng tôi. Long Vương, đây là thực phẩm cao lương của tôi, được đức Long Vương VIJEYAKORAHARAJA là món ăn mỹ vị. Như vậy là tôi nhẫn nại được là không làm tội, vì sự ăn. Nhân đó, nên tôi cho rằng giới của tôi là cao quý hơn cả. Đức Điều Vương muốn cho lời tỏ mình trường cửu, nên tuyên bố bằng kệ ngôn rằng:

- ONODARO YO SAHATE JIGHACCHI DANTO
TAPASSAIMIGAPÀNABHO PI ÀCÀRIYA HETU NA KAROTI PÀPAM
TAM NARAM SAMANAMAHU LOKE.

- Kẻ nào có bụng đói cào ruột xót xa mà cố gắng nhẫn nại sự khó chịu ấy, không làm tội bởi miếng ăn, thực hành chế ngự không ăn, trì giới được trong sạch, dùng nước cho vừa để chịu đựng, không làm ác vì sự ăn. Các bậc trí tuệ hàng ngợi khen người đó là bậc Sa Môn đàn áp được tội lỗi trong đời. Nay ba Ngài! Ngày nay tôi không làm tội vì miếng ăn nên tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn các ngài.

Tiếp theo, đức Đế Thích bèn tự cao tụng giới của mình rằng: Giới của tôi rất cao quý hơn giới của các ngài, vì đã từ bỏ những thú vui cao sang trên thiên cung, nào là đèn vàng ngọc nữ, mà xuống nhân gian để thọ bát quan trai giới. Đức Đế Thích muốn cho lời nói được kế tục, Ngài bèn đọc câu kệ ngôn rằng:

- KHIDDAM RATTIVIPPAJAHİ TATTHA SABBAM NA
PATIKAMKHÀ SATI KINCI LOKE VIBHÙSANATTHÀNA VIRATO
METHUNASÀ TAM VE NARAM SAMANAMÀHU LOKE.

- Người nào trong đời này, dứt tính lười biếng và ưa thích ngũ dục không nói những lời sang đàng vô ích, tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít, tránh xa nhục dục cùng sự tô điểm hình thể, thoa vật thơm dồi phấn và đeo hoa, có tiết độ trong thực phẩm. Như thế các bậc trí tuệ hàng ca tụng kẻ ấy là bậc Sa Môn, chế phục tội lỗi được hẳn, trong đời. Nay quý ngài! AJJA AHAM DEVACCHARAM PAHAYÀ: Hôm nay tôi bỏ được các ngọc nữ, không mén tiếc sự nghiệp thiên cung, đến thọ bát quan trai giới trong cõi người đây. Do đó tôi tự khen rằng tôi có giới cao quý hơn các Ngài.

Kế, Đức vua THNANJEYAKORABARAJA bèn tán dương giới của mình rằng: giới của tôi đây mới là quý hơn của các ngài, rồi tuyên bố rằng:

- PARIGGAHALOKA DHAMMANCA SABBAM YEVA PARINNAYA
PARICCAJANTI DANTAM THITATAM RAMANAM NIRÀSAM TAM
VE NARAM SAMAMNAMÀHULOKE.

- Người nào biết quán tưởng phân biệt tội lỗi của vật dục và ái dục phát sanh trong vật dục đó theo Ba La Mật PARINNA là: NÀTAPARINNA, TIRANAPARINNA PAHÀNAPARINNA: Sự hiểu tình trạng thông thường nhất là của ngũ uẩn gọi là NÀTAPARINNA, sự thấy nhất là tội lỗi của ngũ uẩn gọi là TIRANAPARINNA, sự thấy tội lỗi và bỏ tất cả được gọi là PAHÀNAPARINNA như ý nghĩ đã giải trên, rồi quyết tâm dứt bỏ vật dục và phiền não dục, trừ ngang ngạnh vì tự cao, phá tan tà tư duy, chí tâm kiên cố tham thiền để diệt phiền não. Các bậc trí tuệ ngợi khen cho là bậc Sa Môn chế ngự được tội lỗi trong đời.

Khi bốn vị vua tự ca tụng giới đức cao quý của mình, không đồng ý nhau như vậy. Liên khi ấy, đức Đế Thích, đức Điều Vương và đức Long Vương bèn hỏi Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA rằng: Tâu Đại Vương! Trong lãnh thổ của Đại Vương có bậc trí tuệ nào chăng?

- Tâu, bậc trí tuệ của tôi là ngài VIDHURAPANDITA có sự hiểu biết không người bì kịp, là bậc trí tuệ cao quý, thường hay chỉ giáo đến tôi. Bậc trí tuệ đó, có thể phá nghi cho bốn chúng ta được. Vậy chúng ta hãy tìm đến bậc trí tuệ VIDHURAPANDITA ấy.

Cả ba vị vua đồng ý nhau rằng: SADHÙ, phải rồi liền dẫn nhau ra khỏi vườn thượng uyển, ngự đến phước xá sắp đặt bảo tọa an bài rồi dạy người đi thỉnh đức VIDHURAPANDITA Bồ Tát đến. Bốn vị vua bèn thỉnh Bồ Tát lên bảo tọa, tỏ lời thiện cảm cùng nhau, rồi bốn Đức vua đồng nói rằng: "Này bậc trí tuệ! Xin ông hãy phá nghi giùm chúng tôi hay nay. Này bậc trí tuệ! Ông có thể biết được nhân quả, việc đáng làm và không nên làm. Nay, chúng tôi bảo thủ sự trì giới cao thấp của chúng tôi là hạng người lầm lạc, không vừa ý nhau. Xin ông hãy giải nghi cho bốn chúng tôi, như Chư Thiên cắt đánh núi Tu Di bằng gươm báu vậy. Ông nên làm cho chúng tôi thoát khỏi sự hoài nghi trong lúc này."

Xong rồi bốn Đức vua lần lượt bày tỏ tự sự cho đức Bồ Tát nghe, như đã giải trên. Đức Bồ Tát được nghe rõ lời tường thuật của bốn Đức vua rồi, quan sát thấy rằng giới đức của bốn vị có quả báo đồng nhau, không cao không thấp, không quý, không hèn hơn nhau, nên ngài tâu rằng:

- SABBÀNI TÀNI SUBHASITÀNI NA HETUDUBBHÀSITÀ
MATTHIKINCI YASMINCA ETÀNI PATITTHITÀNI DHAMMEHI
SAMANGIBHÙTAM TAM VENARAM SAMANAMÀHU LOKE.

- Tâu, lời của bốn thánh thượng vừa trình bày toàn là thiện ngôn cả, có quả báo đồng nhau. Bốn pháp ấy có trong người nào, các bậc trí tuệ hằng ngợi khen là bậc Sa Môn, đàn áp các pháp được kiên cố trong đời. Tâu, giới của các ngài cao quý đồng nhau, không cao không thấp.

Bốn Đức vua nghe lời tâu của đức Bồ Tát liền hết nghi nan. Mỗi vị đều tỏ lòng hoan hỉ tán dương đức Bồ Tát bằng lời SADHÙ hay lắm, phải lắm, đáng lắm rằng: "Ông thật là bậc trí tuệ cao quý chẳng ai sánh bằng. rõ ràng là bậc trí tuệ duy nhất trong đời này."

Đức Đế Thích ban y báu và phán rằng: Y này có màu như hoa sen tinh khiết và vô giá, tôi xin dâng cúng đến chánh pháp của ông.

Đức Điều Vương cúng dường hoa vàng và phán rằng: Hoa này rất quý có đủ 100 mùi, có nhụy như ngọc báu, tôi xin cúng dường pháp của ông.

Đức Long Vương cúng dường ngọc ma ni vô giá, có hào quang sáng chói để trang điểm cho đức Bồ Tát, mà rằng: Tôi xin cúng dường pháp của ông.

Về phần Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA cúng dường 1000 bò sữa, có bò đực hướng dẫn, một tượng bạch, một long xa và 10 ngựa tốt để kéo long xa, và ban cho thụ cống 16 làng, đến đức Bồ Tát.

Đức Đế Thích, đức Điều Vương và đức Long Vương, sau khi ban thưởng đức Bồ Tát rồi, bèn từ giã trở về cung điện của mình.

Nói về Hoàng Hậu của Long Vương VARUNANAGARÀJA tên VÌMALÀRAJEDEVÌ, khi không thấy ngọc ma ni trang sức nơi cổ của chồng bà, bà liền tâu hỏi: Tâu, ngọc ma ni Ngài trang điểm để trong nơi nào mà thần thiếp không thấy?

- Nay Hậu! Trẫm đi thọ bát quan trai giới trên nhân gian được gặp đức Đế Thích, đức Điều Vương và vua THNANJEYAKORABARÀJA rồi có đàm đạo cùng nhau về giới của mỗi vị coi ai cao quý hơn. Ai cũng tự cho giới của mình là cao thượng hơn cả, không đồng ý nhau, cứ bảo thủ ý kiến riêng của mình, nhân đó, phải cầu đến bậc trí tuệ VIDHURAPANDITA phá nghi cho. Sau khi được nghe đức VIDHURAPANDITA giải phân minh, phát tâm vui thích, mỗi vị bèn đem báu vật cúng dường pháp đến VIDHURAPANDITA. Phần Trẫm đã phát âm trong sạch đem ngọc ma ni cúng dường pháp của đức VIDHURAPANDITA rồi.

- Tâu, như vậy VIDHURAPANDITA là bậc pháp sư thế nào?

- Nay Hậu! VIDHURAPANDITA thật là bậc trí tuệ nhất trong đời, không ai sánh bằng đâu. Tất cả nhân gian đều kính mến và tán dương oai đức của ngài. Những kẻ được nghe pháp không ai muốn trở về quê hương, vì sợ mất

điều lợi ích trong sự thính pháp. Phần đông quý trọng sự nghe pháp đó hơn xú sở, gia tài sự nghiệp. Pháp mà vị VIDHURAPANDITA thuyết cho Trẫm và các vua được toại nguyện, như được nghe đờn của vị Chư Thiên. Long Vương tường thuật và tán dương uy đức của VIDHURAPANDITA như vậy.

Hoàng Hậu của Long Vương nghe qua, cố ý mong mỗi được nghe pháp, mới nghĩ rằng: Nếu ta cầu Đức vua (chồng) thỉnh VIDHURAPANDITA về đây nói pháp cho ta nghe, ắt ngài không ưng thuật theo ý nguyện của ta đâu. Vậy nên giả bộ như có bệnh, nêu Đức vua hỏi, ta sẽ trả lời mong được quả tim của VIDHURAPANDITA. Nghĩ rồi nàng vào lên long sà nằm giả đau và cho cung nga biết trước.

Nói về Long Vương VARUNANÀGARÀJA khi đến gần Hoàng Hậu hỏi thăm rằng: Này Hậu, do nhân nào mà thân thể của hậu tiền tụy khô héo như vậy, khác chi là cây rơi khỏi cành. Hậu phải bệnh chi, hãy tâu trẫm rõ ngay đi.

Hoàng Hậu VÌMALÀRAJADEVÌ tâu rằng: Tâu lệnh Hoàng Thượng, lệ thường các long nữ có sự mong muốn khác nhau. Nếu long nữ mong được vật chi mà bất thành thì buồn phiền khổ não, mặt ủ mày chau, thân thể võ vàng là thường sự của phái yếu. Tâu, thần thiếp ước mong được quả tim của VIDHURAPANDITA. Hoàng Thượng đem trái tim của bậc trí tuệ ấy đến cho thần thiếp theo lẽ đạo. Nếu không được trái tim của VIDHURAPANDITA chắc thần thiếp không thể sống còn được thấy mặt rồng từ đây. Thần thiếp xin từ biệt Hoàng Thượng để đi đến cõi ma.

Sự thật, Hoàng Hậu VÌMALÀRAJADEVÌ không phải mong được ăn trái tim của VIDHURAPANDITA, nàng chỉ mong được biết trí tuệ của bậc hiền minh ra sao mà thôi.

Đức vua VARUNANÀGARÀJA khi được nghe Hoàng Hậu tâu như thế bèn đáp rằng: Này Hậu, Hậu hy vọng được tim của VIDHURAPANDITA cũng như ước được mặt trăng, mặt trời trên không trung, vì đức VIDHURAPANDITA là người mà tất cả Đức vua trên nhân gian hằng hộ trì gìn giữ nghiêm ngặt khó thấy được. Nếu khó thấy được, như thế thì làm sao đem VIDHURAPANDITA về cõi rồng được, Hậu nên biết rõ như vậy đi. Nghe đức Long Vương nói như thế, Hoàng Hậu liền xoay mặt vào trong nằm im lìm trên long sàng.

Đức Long Vương thấy vậy bèn nghĩ rằng: Nếu không lấy được tim của VIDHURAPANDITA thì Hoàng Hậu khó sống được. Vậy ta phải làm sao mới lấy được tim của VIDHURAPANDITA.

Đức Long Vương VARUNANÀGARÀJA có một Công chúa tên là VIRANDATI rất xinh đẹp, có các Long nữ hầu hạ tùy tùng nằng vào hầu vua cha, rồi ngồi một bên. Nàng thấy sắc mặt vua cha khô héo, có vẻ âu sầu buồn thảm, nên tâu hỏi rằng: Tâu Phụ Vương là chúa cõi rồng, uy lực rộng đến 50 do tuần, nay có điều chi mà Phụ Vương phải lo âu, hoặc có ai làm cho Phụ Vương phiền muộn, nên Phụ Vương tiền tụy như vậy?

- Nay con yêu mến! Mẹ con mong được trái tim của VIDHURAPANDITA, bằng không thì khó sống được. Cha suy nghĩ rằng: VIDHURAPANDITA là bậc khó tìm thấy, vì các vua chúa trên nhân gian hằng gìn giữ nghiêm ngặt thì làm thế nào đem VIDHURAPANDITA đến Long cung cho được. Cha xét thấy chỉ có con mới cứu mạng sống của mẹ con được. Vậy con hãy cứu mẹ con đi. Con hãy tìm chồng cho vừa ý con, là người có đủ tài trí, có thể lấy tim của VIDHURAPANDITA đến nạp cho cha, người đó là chồng của con.

Sự thật, đức Long Vương dạy con đi tìm chồng không nên, như thế lòng chẳng nên, song vì mong cứu sống Hoàng hậu, nên buộc lòng phải bảo như vậy. Bởi sợ cho Hoàng hậu phải mạng chung, nếu không có trái tim của VIDHURAPANDITA.

Khi công chúa nghe vua cha phán dạy như vậy bèn quỳ tâu rằng: Xin Phụ Vương đừng lo ngại, con nguyện vâng lời và cố làm vui lòng cha mẹ. Đoạn công chúa vào cung nội thăm mẹ, xong lạy tạ trở về hoàng cung. Công chúa trang điểm y phục bằng 7 báu xinh đẹp như ngọc nữ, rồi rẽ nước lên cõi người, bay đến núi KÀLÀGIRI cao 60 do tuần. Đến đỉnh núi, nàng tìm đến hái các hoa thơm trang hoàng đỉnh núi rất đẹp, rồi nàng ngồi giữa những hoa ấy, ca hát tiếng nghe du dương, có thể quyến rũ được lòng người, nghe tiếng ca đáng luyến ái bằng kệ ngôn rằng:

- KE GANDHABBHE CAMPÀKA YAKKHASE NÀGEKA KINPURISE
CAMPÀKA MÀNUSEKE PANDITE SABBAKÀ MADADE
DIGHARATTAM SO ME BHAVISSATÌTI.

- Kẻ nào là Càn Thác Bà, Dạ Xoa, Long Vương, Kimnara⁴⁵ hoặc người, dầu là bậc trí tuệ có thể đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến mẹ ta được như nguyện. Người ấy sẽ là chồng của ta, cùng nhau được lâu dài.

Nàng VIRANDATI ca hát trầm bổng, tiếng nghe dịu dàng êm ái khiến mọi người nghe phải luyến ái. Khi đó có một Dạ Xoa tên là PURANAKA là cháu của một trong bốn vị Tứ Đại Thiên Vương VESSASUVANNAMA HARÀJA đang cỡi ngựa bay trên không trung nghe tiếng hát du dương của nàng VIRANDATI Long nữ nên say mê, nịch ái (vì đã có làm vợ chồng nhau trong kiếp trước) bèn dừng ngựa trên mây mà hỏi

rằng: Này nàng tiên nữ kia, nàng mong được trái tim của VIDHURAPANDITA là như thế nào? Ta đây có thể đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến mẹ nàng. Vậy, em hãy chịu làm vợ anh đi, anh đây là chồng của em.

Nàng VIRANDATI đáp: Khi nào ông đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến mẹ tôi được rồi, tôi mới chịu là vợ của ông. Tôi không phải là con mồ côi, cha tôi là Đức vua VARUNANÀGARÀJA, mẹ tôi là VIMALÀ Hoàng Hậu.

Khi được nghe nàng VIRANDATI nói như thế, Dạ Xoa PURANAKA xin lỗi và từ giả nàng, rồi lên ngựa bay đến kinh đô của đức THNANJEYAKORABARÀJA, xuống ngựa vào đền vua bằng tướng người thanh niên, quân hầu không thấy được.

Thuở ấy, có 101 đức vua hội trước sân rồng đang đánh cờ tướng. Vị thanh niên đến nơi tâu rằng: Tâu chư vương, nơi đây có Đức vua nào bằng lòng đánh cờ tướng cá với tôi không. Nếu tôi thua thì lấy ngọc ma ni của tôi, bằng tôi thắng thì phải trả vật quý gì đến tôi.

Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA nghe rồi nghĩ rằng: Ta chưa từng thấy có người nào bạo dạn như vậy. Người thanh niên này tên chi, từ đâu mà đến? Vậy ta nên hỏi cho biết. Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA phán hỏi rằng: Người là ai, ở quốc độ nào? Trẫm chưa từng gặp, vì những thanh niên trong xứ Trẫm chưa có ai dám tỏ lời như vậy.

- Tâu Đại Vương, tôi là MANABA dòng KACCÀYA, cha mẹ tôi ở trong thành KÀLACAMPÀKA thuộc lãnh thổ ANGARÀJA, Thiên hạ gọi tôi là ANOLONÀMA. Tâu Đại Vương, tôi đến đây vì muốn đánh cuộc cờ tướng .n?u Đức vua nào vui lòng chơi cờ tướng, xin thỉnh đánh cuộc với tôi bây giờ.

- Này, người thanh niên! Nếu người thua thì phải cho Trẫm bằng cái chi?

- Tâu, tôi có ngọc ma ni. Ngọc ma ni của tôi gọi là MANOHARACINDÀ, ngọc có nhiều uy lực, mong cái chi cũng được như nguyện.

Khi Dạ Xoa PURANAKA trình bày uy lực của ngọc ma ni như vậy, rồi tâu rằng: Nếu Đại Vương thắng thì tôi xin dâng ngọc ma ni đến Ngài, còn nếu Đại Vương thua thì Ngài phải trả vật chi cho tôi?

- Này người thanh niên! Nếu Trẫm thua thì Trẫm cho sự nghiệp Đế Vương đến người, tr? ra ngôi vàng, Trẫm và Hoàng Hậu, ngoài ra người muốn lấy món nào tùy ý.

- Tâu đại vương, xin Đại Vương dạy xếp đặt sẵn chỗ đánh cờ đừng để lâu, vì tôi là người phương xa, mau đánh cuộc cho mau, lúc bấy giờ.

Đức vua dạy các quan lo sửa soạn chỗ đánh cờ. Trước khi đánh cờ, Dạ Xoa tuyên bố có đủ 101 Đức vua làm chứng rõ rệt. Cuộc đánh cờ không bao lâu Đức vua thua Dạ xoa, Dạ xoa vỗ tay cười reo rất lớn, ai ai cũng đều nghe biết.

Đức Thế Tôn giảng thuyết đến đây bèn gọi chư Tỳ Khưu rằng: Này các thầy! Khi Đức vua thua Dạ xoa, trong lúc đó Đức vua rất bất bình. Dạ Xoa thấy thế, nên tâu rằng: Tâu Đại Vương thông thường sự đánh cá khi ăn lúc thua, không có ai ăn hoài hoặc thua luôn luôn đâu. Nếu kỳ này Đại Vương thắng thì được báu vật, chẳng may Đại Vương mất món quý, Đại Vương buồn nổi gì, xin Đại Vương nên cho tôi biết mau lẹ, đừng thương tiếc để lâu.

Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA phán rằng: Này người thanh niên! Người chẳng nên nghĩ rằng trầm đã quên lời hứa với người đâu: Voi, ngựa, bò, trâu, tôi trai, tở gái, thanh nam, thiếu nữ, ngọc ma ni, tất cả vật chi của trầm, Trầm vui lòng cho đến người, trừ ra Trầm, ngôi vàng và Hoàng Hậu thôi, người muốn thọ dụng vật chi đem đến xứ mô, người hãy chuyên chở tùy sở thích đi.

- Tâu, tất cả những vật báu, gia súc, tôi trai, tở gái v.v... của Đại Vương đó, ngoài VIDHURAPANDITA ra, tôi không ước ao chi cả, tôi chỉ xin một VIDHURAPANDITA mà thôi. Đức VIDHURAPANDITA cao quý hơn tất cả. Đức VIDHURAPANDITA là món báu đáng cho tôi là người thắng cuộc được lấy, xin Đại Vương hãy cho đức VIDHURAPANDITA đến tôi bây giờ đây.

- Này người thanh niên! Đức VIDHURAPANDITA đó gọi là chính thân của trầm, là nơi nương tựa tới lui tiến hóa của trầm, là nơi khuyến khích ủng hộ hình thể của Trầm mãi mãi. Đức VIDHURAPANDITA không nên so sánh với báu báu. Đức VIDHURAPANDITA đây ví như mạng sống của trầm. Trước Trầm có hứa với người rằng sẽ cho các vật khác, trừ mình Trầm, ngôi báu và Hoàng Hậu, trầm đã hứa như thế, nếu người muốn lấy đức VIDHURAPANDITA, trầm không vui, xin người đừng lấy. Đức VIDHURAPANDITA có tương đương với trầm và đồng sanh mạng với trầm.

- Tâu Đại Vương, Đại Vương cùng tôi cãi nhau mất thì giờ vô ích, vậy chúng ta nên đến gặp đức VIDHURAPANDITA đi. Chừng ấy, chúng ta sẽ hỏi xem lời của ai quấy phải, để đức VIDHURAPANDITA phân xử. Đức VIDHURAPANDITA xử sao thì ta nên nghe theo vậy.

Khi nghe lời của người thanh niên, Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA bèn phán rằng: Nay người thanh niên, lời nói của người rất hữu lý, đó là công lý vậy. Chúng ta nên đi đến gặp đức VIDHURAPANDITA, nhờ đức VIDHURAPANDITA xử đoán thế nào thì cứ nghe theo. Tất cả 101 Đức vua cùng đi với Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA và vị thanh niên đến phước xá của đức VIDHURAPANDITA.

Đức VIDHURAPANDITA quỳ xuống làm lễ Đức vua, rồi đứng qua một bên. Khi đó PURANAKA Dạ xoa gọi đức Bồ Tát rồi hỏi rằng: Tôi có nghe Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA có vị đại thần là đức VIDHURAPANDITA, là bậc có thiện pháp và duy trì thiện pháp rất chơn chánh, không lời nói giả dối, để bảo tồn sinh mệnh. Danh thơm của ông được bay khắp cả Đông thắng thần châu. Hôm nay, tôi được biết rõ ông là người hăng gìn giữ thiện pháp, tôi hết lòng tin tưởng trong việc xử đoán của ông.

Này bậc trí tuệ! Xin Ngài phân xử theo công lý, tôi và Đại Vương đây đều tin tưởng trong sự phán đoán sáng suốt của Ngài. Ngài hãy cho tôi biết phân minh theo chánh pháp. Ngài là dòng dõi thấp hơn Đức vua, hay đồng với Đức vua hoặc quý hơn Đức vua? Ngài là tôi của Đức vua hay là thân tộc, hoàng thân quốc thích của Đức vua?

Đức Bồ Tát nghĩ rằng: Nếu ta tự xưng là thân quyến của vua hay là quý cao hơn Đức vua, nói như thế vô ngại, làm cho người thanh niên tin theo cũng được. Nhưng tất cả cái chi cao quý ngoài "sự ngay thật" chẳng có, ta nên nói lời ngay thật là hơn. Đức Bồ Tát đáp:

- ÀMA YATHÀ SÀMI BHAVANTEHI TUYHAM DAJATI. Nay người thanh niên! Thông thường tôi tớ của người đây có bốn hạng:

- Tôi tớ sanh trong nhà.
- Tôi tớ mua chuộc.
- Người mong đến nương dựa và vừa lòng làm tôi tớ.
- Kẻ bị bắt, bị giam bị cầm tù.

Sự thịnh đạt và điều suy vi của Đức vua, cả hai điều ấy, đề qua một bên, ta không để ý đến sự thịnh suy xảy đến của Đức vua. Ta chỉ lấy sự thật, lời đích xác, chánh đáng mà nói, ta chẳng giả dối được, ta không nghĩ đến thân và sinh mạng ta, ta phải giữ vững lời chân thật. Đức vua bỏ ta cho đến người trong cuộc cũng cho là theo pháp, không có mưu chước chi dơ bẩn dính dáng đến Đức vua.

Có lời chú giải rằng: Đức vua Bồ Tát tuyên thệ Ngài là tôi của vua cho kết quả 10 Ba La Mật :

- 1) Đức Bồ Tát không lo ngại tới của cải và sinh mệnh, chỉ mong Đức vua khỏi nợ của người thanh niên, nên nói lời thành thật, đó là bổ thí Ba La Mật.
- 2) Nói lời chánh đáng, chân thật không giả dối là giới Ba La Mật
- 3) Có tâm không suy nghĩ tà rồi nói ra, là xuất gia Ba La Mật
- 4) Suy xét theo trí tuệ rồi mới nói ra, là trí tuệ Ba La Mật
- 5) Có tâm vô ngại, không hổ với tiếng làm tôi, không ngã lòng vì quyền lực mà nói, là tinh tấn Ba La Mật.
- 6) Tính gắng chịu điều khổ cực mà người thanh niên sẽ làm đến Ngài, là nhẫn nhục Ba La Mật.
- 7) Nói ra lời ngay thật rằng: Ta chỉ nói lời xác thật rồi giữ vững không bỏ qua, chỉ quyết định nói theo chân lý, tránh khỏi lời lừa đảo, đó là chân thật Ba La Mật
- 8) Nói lời chính đáng là chỉ nói lời xác thật, rồi giữ vững không bỏ dỡ, đó là quyết định Ba La Mật
- 9) Không oán giận người thanh niên sẽ làm hại đến ngài, đó là bái ái Ba La Mật
- 10) Đức Bồ Tát nghĩ rằng: Người thanh niên này đem ta đi nơi nào cũng mặc định, tùy sở thích đi, ta sẽ gắng chịu thống khổ. Ngài xét như vậy rồi điềm nhiên lãnh đạm, dù là khổ não xảy đến chon, đó là xả Ba La Mật.

Mười pháp Ba La Mật lấy sự dứt bỏ của cải, bỏ sinh mệnh, bỏ ba điều ấy đem nhân với ba pháp là: Ba La Mật đến bờ kia, đến bờ trên và đến bờ cao thượng, thành ra 30 Ba La Mật.

Dạ Xoa PURANAKA nghe lời xử đoán của đức Bồ Tát nhận là tội của Đức vua thì phát tâm hoan hỷ, bèn vỗ tay cười reo rằng: Nay, ta đã thắng vua hai lượt. Thật vậy, điều mà ta hỏi đức VIDHURAPANDITA đây, Ngài trả lời rất chân chánh. Lời đáp đây là thiện ngôn, là chánh đáng, như vậy thì Đức vua không có chánh pháp, nên Ngài mới tìm cơ không ưng thuận cho đức VIDHURAPANDITA đến ta.

Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA nghe rất lấy làm bất bình rằng: Ôi là vô thường! Bậc trí tuệ không hòa với ta, ta là vua, hết lòng hỗ trợ phong quan tấn tước, ban thưởng đều đủ quyền cao chức trọng. Như vậy có nên chăng? Bậc trí tuệ không niệm tình ta lại tưởng đến người thanh niên mới quen biết nhau trong chốc lát.

Đức vua không vừa lòng, than trách đức Bồ Tát như thế, rồi tỏ lời với PURANAKA rằng: Nay người thanh niên! Bậc trí tuệ nói rằng "tôi" của

trẫm, không phải là thân quyến của trẫm. Vậy chính mình bậc trí tuệ cao quý hơn ngọc báu trong đời này, nay thuộc quyền sở hữu của người, người muốn dẫn đi nơi nào tùy ý. Đức vua phán như vậy rồi nghĩ rằng: - Người thanh niên sẽ dẫn bậc trí tuệ theo ý muốn của hắn, từ đây ta là kẻ mồ côi, ai đâu là người thuyết pháp cho ta nghe như trước nữa. pháp sư vì điều này ta khó nghe được nữa. Vậy ta nên hỏi pháp sư để được nghe lần cuối cùng này.

Xét rồi Đức vua bèn hỏi đức Bồ Tát rằng: Khi hiền khanh đi rồi, Trẫm mất lợi ích trong sự nghe pháp. Vậy xin thỉnh hiền khanh lên bảo tọa thuyết pháp lần cuối cùng cho Trẫm nghe đi.

Đức Bồ Tát vâng lệnh, liền lên bảo tọa để thuyết pháp. Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA hỏi rằng: Xin pháp sư có danh hiệu rõ rệt là VIDHURAPANDITA giải cho Trẫm biết thế nào là:

- 1) Người cư sĩ tại gia, cần phải nuôi sanh mệnh bằng cách nào để cho được an vui, khỏi lo sợ?
- 2) KATHANCA ASSA SANGAHA: Người cư sĩ thực hành thế nào mới gọi là đều đủ bốn pháp tế độ?
- 3) ABYÀPAJJHAM KATHAM ASSA: Người cư sĩ tu hành cách nào mới khỏi khổ?
- 4) SACCAVADÌ: người cư sĩ nói lời ngay thật, khi ra khỏi đời này kiếp khác, phải làm cách nào mới thoát khỏi phiền não?

Câu pháp sư giảng bốn điều rõ rệt đến Đức vua trong đời này.

Đức Bồ Tát tâu rằng: Thông thường, người cư sĩ tại gia muốn được yên vui, cần phải có trí tuệ và trí nhớ, chẳng nên chịu theo tình dục.

NA SÀDÀRASSA: Không nên có vợ chung với kẻ khác, tức là đừng tà dâm.

NABHUNJA SÀDHU PEKKHO: người cư sĩ nếu được vật ngon đừng ăn một mình, nên tùy tiện chia sẻ đến kẻ khác.

NA SEVE LOKÀYATIKAM: Người cư sĩ chẳng nên thân cận với kẻ có thành kiến trong "hư vô luận"⁴⁶ không phải là đường trời, Niết Bàn, chẳng nên học điều đó.

NETAM PANNAYA VANDHANAM: Thật vậy, thuyết hư vô không có sự tiến hóa lợi ích, không cho phát sanh trí tuệ, không phải là đạo giải thoát.

SÌLAVÀ SAMPANNO. Người cư sĩ nên thọ trì ngũ giới, nếu là bậc vua chúa thì phải giữ 10 pháp dành cho vua (thập vương pháp)

APPAMADO VICAKKHANO: Nên có trí nhớ và trí tuệ, đừng cầu thả dễ dãi trong các pháp, đừng ngạo mạn, phải tin tấn hành theo lời dạy của bậc trí tuệ, có lòng bác ái đến mình.

ABADDO: Nên dứt lòng bỏn xẻn, đừng chịu theo tâm dơ bẩn hẹp hòi, phải làm người dễ dạy dễ nói, nên nói lời êm dịu dàng cho công chúng bằng lòng, dứt bỏ những điều ác.

SANGAHETA CAMPÀKA MITTANAM: Người cư sĩ nên tế độ bạn lành theo trí nhớ biết rằng người nào là bạn lành, thì một lòng thành thật trước mặt cũng như sau lưng, phải tìm điều lợi ích đến cho bạn lành, ấy là dâng cúng đến các bậc Sa Môn, Bà La Môn, kẻ nghèo đói, cô độ, phải sáng suốt trong phương cách sinh hoạt.

DHAMMAKÀMO: Nên ưa thích trong thập thiện là thân, khẩu, ý lành.

SUTÀDHARO: Nên thường nghe pháp, thấy rõ điều nào lợi ích nên làm, thì cố gắng thực hành chẳng nên bỏ qua.

PURIPUCCHAKO: Nên gìn bậc trí tuệ để học hỏi điều lẽ, phải, quấy, phước tội.

Nên hiểu rằng người cư sĩ, nếu đã thực hành theo những pháp kể trên thì hằng được an vui tấn hóa, khỏi lo sợ; cũng gọi là hành theo bốn pháp tế độ, làm cho mình khỏi khổ. Trong đời này gọi là người chân thật, khi tan rã ngũ uẩn sẽ khỏi phiền não lo sợ, vì đã được ở theo pháp cư sĩ.

Thật vậy, pháp cư sĩ hằng đem hạnh phúc đến người thực hành, ví như bóng cây to, che cho người được mát mẻ an vui. Vì thế, trong kinh VIJIRASÀRA có giải rằng: Pháp cư sĩ đây là bốn cây da to theo PÀLI (Phạn ngữ) như vậy: CATTÀRO KIRA NIGRODHÀ VARA BUDDHIMÀ; giải rằng: KIKA – Như đã được nghe có bốn cây da to cành lá sum suê, là nơi vừa lòng an vui đến kẻ hành khát tới nương dựa mà đức VIDHURAPANDITA đã trồng để trong thành INDAPATTA có nhiều sự an vui. Cây da thứ nhất có chữ nơi gốc, cây da thứ nhì có chữ ở giữa thân cây, cây da thứ tư có chữ ở giữa trên ngọn. Cả bốn cây da đó, không chi lạ, tức là bốn kệ ngôn của đức VIDHURAPANDITA đã giải đáp trong pháp cư sĩ mà Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA đã hỏi trước khi Dạ Xoa dẫn đức Bồ Tát đi.

Bốn câu kệ ngôn ấy là:

1) NA SÀDHÀRANA DARASSA NA BHUNJEYYA SÀDHUPEKKHO
NA SEVERO KÀYÀTIKAM NETAM PANNÀYA VADDHANAM

Nghĩa là: Đừng tà dâm vợ người, đừng ăn vật ngon một mình, đừng đọc kinh sách vô ích.

2) SÌLAVÀ VATTASAMPANNO APPAMATTO VACAKKHANO NIRÀGA UTTADASA DO TALATO SAKHILOMUDUNI

Nghĩa là: Giữ năm giới đừng cho dứt, phải thi hành theo lệnh vua chớ nên cầu thả, làm người dễ dạy, dễ nói, nói lời tao nhã.

3) Câu kệ thứ ba là: Dạy tế độ đến bạn lành, chia sót, bỏ thí, thông rõ phương cách sanh nhai, dâng cúng đến các bậc Sa Môn, Bà La Môn.

4) DHAMMAKÀMO SUTTÀDHARO BHAVEYYA PURIPUCCHAKO SAKKACCAM PAYIRUPÀYA SÌLAVANTE BAHÙSUTTE

Nghĩa là: Dạy phải thọ trì thiện pháp mà mình đã được nghe, phải tinh tấn học hỏi cho biết phải quấy, phước tội, nên gần bậc có giới hạnh.

Cư sĩ nào thực hành theo bốn kệ ngôn ấy, thì sẽ phát sanh trí tuệ, của cải, báu vật trong kiếp này và kiếp vị lai

Nếu là bậc hiền minh có trí tuệ đáng thân cận và tôn kính thì nên thực hành theo, ắt sẽ được an vui, như kẻ lữ hành cực nhọc trong đường xa mà được nương dưới bóng cây to, có bóng mát hằng được vui khỏi lo sợ nóng nực và đói khát v.v...

Khi thuyết xong đức Bồ Tát liền xuống pháp tọa. Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA cúng dường đức Bồ Tát rất nhiều rồi từ biệt về cùng 101 vị vua.

Dạ Xoa PURANAKA, nói với đức Bồ Tát rằng: Nay bậc trí tuệ nên đi theo tôi, Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA đã giao mạng ông cho tôi rồi, ông nên làm điều lợi ích đến tôi từ đây. Tình trạng thực hành cho lợi ích đến tôi đó, là thói quen của công chúng, không có chi lạ.

- Nay người thanh niên! Tôi hiểu rõ rồi, nhưng tôi xin lưu lại ba ngày. Ông mà được tôi là do lời chân thật của tôi, chớ không phải được vì lẽ khác. Nay người thanh niên! Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA có nhiều ân đức với tôi, nhưng tôi không theo ý muốn của Ngài, tôi nói lời chánh đáng, nên ông mới được tôi theo sở thích. Do đó, ông nên hiểu: Tôi có đại ân với ông nhiều lắm, vậy ông hãy vui lòng cho phép tôi lưu lại đây ba ngày đi.

PURANAKA Dạ Xoa nghe đức Bồ Tát nói như thế nghĩ rằng: Đức VIDHURAPANDITA đây có đại ân với ta, đừng nói chỉ ba ngày, dù là 7 ngày hoặc nửa tháng ta cũng cho phép. PURANAKA liền chấp thuận lời yêu cầu của đức Bồ Tát. Đức Bồ Tát bèn cho sửa sang chỗ ngụ để PURANAKA trong dinh thự 7 tầng, đây là nơi ngụ của Ngài. Đức Bồ Tát có ba dinh thự là: KONÀCA, MAYURA và PIYAKATA. Cả ba điện ấy đều ngụ trong ba mùa: nóng, mưa và lạnh.

Đức Bồ Tát bèn dạy dọn một trong ba điện của Ngài cho PURANAKA Da Xoa, có đủ vật dụng cao quý, có 500 thanh nữ xinh đẹp hầu hạ, ca xang múa hát. Đức Bồ Tát tuyên bố rằng: Cả 500 thanh nữ này, tôi cho là vợ của ông, ông được tự do hưởng những lạc thú vinh hoa. Xong đức Bồ Tát bèn trở về dinh thất của Ngài.

Ngài gọi nàng ANIJÀ là vợ Ngài đến an ủi rằng: Này em! Em hãy gọi các con trai, gái đến tề tựu trong ngày nay được đông đủ, để anh có lời chỉ giáo đến em và các con. Anh chỉ còn ba ngày nữa, để từ nay không được ở lâu thêm nữa. Khỏi ba ngày anh sẽ từ biệt em đi với người thanh niên theo duyên nghiệp, anh chỉ còn thấy mặt em và chỉ được dạy bảo em trong ba ngày này nữa thôi, nên em gọi các con mau tựu họp lại đây.

Nàng ANOJÀ được nghe lời của đức Bồ Tát liền vật mình khóc, hai hàng giọt lệ tuông rơi, nghĩ rằng ta đi gọi các con không được, bèn bảo nàng dâu đi kêu và dạy rằng: Này! Con hãy mau đi gọi các anh, chị em con tề tựu lại đây cho đều đủ để cha con dạy việc. Các nàng dâu liền đi tìm các nơi, gọi anh em lớn nhỏ mau đến hầu và nghe cha dạy bảo, mà rằng: "Được nghe cha tường thuật, có một gã thanh niên đến chơi cờ tướng với Đức vua, Đức vua đánh cuộc thua mới giao cha của chúng ta cho gã thanh niên làm chủ. Cha chúng ta xin lưu lại đây ba ngày để dạy bảo chúng ta, rồi cha chúng ta phải đi theo người thanh niên ấy. Nay cha mong giảng dạy chúng ta, dạy tởm tìm các anh em tựu hội nhau trong giờ này. Vậy các anh em nên đến lập tức, và sẽ được thấy cha trong lần chót."

Khi đó, con trưởng nam là DHAMMAPÀLA, vừa nghe qua lời nói như thế cảm lòng không đậu giọt lệ chan hòa, rồi hỏi các em mau cùng nhau đến nghe cha dạy bảo. Vào đến gần Bồ Tát, các con nam nữ than van kể lể thật rất thâm.

Đức Bồ Tát khi thấy thân bằng quyến thuộc đã tựu hội đông đủ, Ngài bèn dạy rằng: Này các người đã tựu hội nơi đây, hãy lắng tai nghe ta thuyết trình về nhiệm vụ công dân đối với Đức vua. Làm công việc gì phải cẩn thận, suy xét cho chu đáo rồi sẽ làm. Phải giữ bậc trung đừng quá lo sợ hay quá dạn dĩ. Phải có trí tuệ, không nên cầu thả trong việc của Đức vua ban hành. Phải có giới đức, dùng trí tuệ suy xét cho thấy điều quấy phải, tội phước nên hay chẳng. Lệ thường Đức vua biết rõ kẻ nào có giới đức thì Ngài thường hay nghe và tin theo, không nên giấu giếm, phải chân thật. Khi Đức vua dạy sao thì làm vậy, đừng chịu theo pháp tây vị, phải làm cho chánh đáng, bảo giờ nào phải làm theo giờ ấy, nên tránh pháp tây vị vì thương, vì ghét, vì si, vì sợ. Phải sáng suốt trong công việc làm. Đường nào họ trang hoàng dành cho Đức vua ngự đi, ta chẳng nên đi con đường ấy. Chẳng nên trộm lấy của vua,

đừng ăn mặc như Đức vua, vật nào Đức vua trang điểm mình đừng dùng tới vật cao sang ấy, đừng uống rượu say, đừng ngồi lên ghế, giường ngựa, chỗ của Đức vua dùng.

Khi vào chầu vua, đừng ngồi gần quá hay xa quá, ngồi chỗ vừa nghe được Đức vua chỉ phán, đừng làm điều chi trái ý với Đức vua. Tâu điều chi thì nên đúng lời êm ái hữu ích. Khi vào chầu, phải chờ lệnh mới nên vào. Nếu Đức vua ban vật gì đến người nào, ta chẳng nên tìm nói phải quấy đến việc ấy.

Kẻ làm tôi vua, khi dùng cơm, nên dùng có chừng mực, đừng ăn quá no. Nên hiểu biết chỉ dụ cũ hay mới. Không nên quá say mê ngũ dục. Khi hầu chuyện với Đức vua chẳng nên nhiều lời, nói cho vừa phải, nên dùng lời thiện cảm và hữu ích. Phải nói lời vô tội là đừng nói dối, đừng nhiech mắng chưởi rửa ai và đừng nói chuyện sang đàng. Không nên dễ duôi phải tinh tấn phụng sự mẹ cha và bậc trưởng thượng. Phải là người dễ dạy, dễ nói, biết khiêm nhượng. Biết ân huệ của Đức vua, nên thọ bát quan trai giới, nhất là phải bố thí. Khi Đức vua bố thí, ta đừng ngăn cản. Nên suy xét cho thấy quấy phải, phước tội. Nên biết thương xót kẻ tội tở, người giúp việc của mình. Nên biết dùng thời giờ là: Giờ này nên bố thí, ngày này nên thọ bát quan trai giới, giờ này nên vào chầu, thời tiết nào nên cày bừa trồng tía, nên mua bán. Nếu anh chị em không có giới hạnh, thì chẳng nên cho làm lớn. Kẻ phá giới dầu là thân thuộc, dầu còn sống, ví như đã chết. Những kẻ du tội tở, mà có hạnh kiểm tốt cũng nên giao trách nhiệm trong nhà được, nên chu cấp vật thực, y phục, chỗ ở cho vừa, lúc bệnh hoạn phải thuốc men sẵn sóc.

Đức Bồ Tát VIDHURAPANDITA khi đã dạy bảo, dặn dò thân bằng quyến thuộc, trải qua ba ngày rồi, đến ngày thứ tư, sau khi thọ thực xong, Ngài bèn vào lạy Đức vua từ biệt rồi đi cùng người thanh niên trong lúc đó.

Khi vào đến sân rồng, Ngài nhiễu ba vòng rồi quỳ dưới chân Đức vua, đưa tay lên tâu rằng: Tâu bệ hạ, hạ thần xin từ biệt dưới chân bệ hạ, để đi với người thanh niên trong giờ này. Cầu xin bệ hạ ở lại được an vui, trị vì quốc thới dân an. Cầu xin cho lệnh Hoàng Thượng hằng có sức khỏe kiện toàn. Hạ thần ví như kẻ té nằm trên đất, tức là lệnh Hoàng Thượng là nơi nương tựa của hạ thần. Kẻ té nằm trên đất ví như hạ thần. Không vì Đức vua mà gìn giữ lời chân thật nói đến người thanh niên rằng là "tôi" thuộc hạ của lệnh Hoàng Thượng, làm cho bệ hạ thua lời nói của người thanh niên. Tội này là của hạ thần, cuối xin bệ hạ từ bi tha thứ cho hạ thần. Tâu, hạ thần không có ai là nơi nương tựa, chỉ có bệ hạ là nơi cậy nhờ của hạ thần, từ đây ví như hạ thần là kẻ nằm trên đất và nằm được là nhờ mặt đất. Khi hạ thần đi với người thanh niên này rồi, vợ con thân quyến của hạ thần, hạ thần cầu xin bệ hạ, tế độ cho ở ngày mai hậu, cũng như lúc hạ thần còn phò bệ hạ vậy. Và

lại, của cải mà Hoàng Thượng đã ban cho hạ thần và những báu vật mà các Đức vua ngoại quốc đã Thường cho hạ thần còn rất nhiều không kể xiết, xin bệ hạ ủng hộ cho hạ thần xin gởi tất cả con, vợ thân quyến và bạn bè, cầu xin bệ hạ từ bi thương xót.

Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA được nghe qua lầy làm cảm động, đau lòng xót dạ, giữa tình biệt ly của Bò Tát mới phán rằng: Này bậc trí tuệ! Hiền khanh đi cùng gã thanh niên đó không vừa lòng trăm. Vậy hiền khanh đừng đi, để trăm gọi thanh niên ấy đến, rồi giết chết hắn, giấu kín đừng cho ai biết, cần gì hiền khanh phải phục tùng đi với hắn.

- Tâu bệ hạ, làm nghiệp ác như thế không nên đâu. Bệ hạ cần nghiêm trì thiện pháp, ác pháp không ích lợi gì đâu, đó là nguyên nhân dẫn dắt chúng sanh phải chịu khổ trong đường ác đạo ở ngày vị lai mà người đã tạo, bậc trí tuệ hằng chê trách. Làm tội rồi cũng không thoát chết, khi chết lại chịu vô cùng khổ não. Do đó, hạ thần mới tâu rằng: Xin bệ hạ không nên làm vậy. Hạ thần nghĩ, nếu gã thanh niên ấy đem hành hình, hạ thần thế nào hạ thần cũng không oán giận, đây là do duyên nghiệp của hạ thần.

Đức Bò Tát tâu như vậy rồi lạy tạ lui ra. Đức vua và các quan ai ai cũng đều thương hại khóc than, kể lễ trước giờ phút biệt ly của đức Bò Tát.

Chúng dân từ thành thị đến thôn quê, khi nghe đức Bò Tát sẽ cùng bị đi với người thanh niên ấy, đều đem nhau tụ hội đông đủ đến để tiễn biệt đức Bò Tát và khóc than thương hại. Đức Bò Tát an ủi chúng dân chớ nên phiền não, thương tiếc, hãy ở lại an vui, cố gắng làm phước bố thí, trì giới, tham thiền. Tất cả tập hợp nhất là thân ngũ uẩn mà đời chỉ dành cho nam nữ đây đều là vô thường. Xong Ngài từ biệt trở lại dinh của Ngài.

Khi đó, trưởng tử của đức Bò Tát là DHAMMAPÀLA dẫn dắt các em lớn nhỏ đồng nhau đứng chờ trước dinh. Đức Bò Tát thấy các con như thế, bèn ôm con trưởng nam vào ngực, nhìn con giọt lệ đầm dề. Ngài dùng trí tuệ quán tưởng ba tướng thông thường⁴⁷, Ngài thấy rõ tất cả vạn vật trên vũ trụ này đều là vô thường, khiến cho Ngài diệt trừ phiền não rồi vào dinh.

TAMATTHAM PAKÀSENTO SATTHÀ ÀHA: Ý nghĩa nào chưa rõ rệt, Đức Thế Tôn bèn giải ý nghĩa đó phân minh rằng: Này các thầy Tỳ Khưu! Người thấy sợ trong sự luân hồi, ai cũng đều khóc tham mê đắm, thương tiếc đức Bò Tát vô hạn., đau đớn xốn xang, bực tức muôn phần, ví như người bị chặt tay chân.

Đức Bò Tát thấy tình cảnh chúng dân như thế thật là cảm động vô cùng. Ngài dùng pháp vô thường đem giảng dạy công chúng và khuyên bảo đừng cầu thả trong thiện pháp, lánh dữ làm lành, bố thí, trì giới cho trong sạch.

Giảng giải xong, đức Bồ Tát xoay qua hỏi PURANAKA Dạ Xoa: Chúng ta phải đi ngõ nào? Tôi đã làm xong bốn phận. Vậy ông hãy dẫn tôi đi theo tùy ý thích của ông.

- Nay bậc trí tuệ, người hãy nắm chặt đuôi ngựa của tôi đi. Đường mà chúng ta phải đi rất xa, nhà người đi chuyển này không mong gì trở lại, thấy người trong thế gian này nữa.

- Nay thanh niên! Ta không lo sợ chi cả, vì những nghiệp ác dẫn người đi thọ sanh trong cảnh khổ, ta đã tránh khỏi rồi. Nhân đó tâm ta không hối hận lo ngại chi cả.

Đức Bồ Tát tỏ lời như thế, tâm Ngài không còn chi lo sợ, rất dạn dĩ như sư tử vào rừng. Đức Bồ Tát chú tâm nguyện rằng: y phụ ta mặc đây dùng sút khỏi mình, dù cho thanh niên này có đem ta đi đến nơi nào, xin cho y phục dính chặt vào thân ta mãi mãi.. Xong Ngài dùng hai tay xiết chặt đuôi ngựa, rồi Ngài nói với thanh niên rằng. Người mong mỗi đem ta đến đâu thì người cứ đi theo sở nguyện.

Khi ấy Dạ Xoa PURANAKA điều khiển cho ngựa bay lên không trung. Dạ Xoa PURANAKA nghĩ rằng: Ta không nên đi đường gần, nên theo đường núi tuyết sơn. Rồi giục ngựa cho đi trong khoảng cây, đá cố ý làm cho VIDHURAPANDITA va vào đá, vào cây cho chết để mở lấy tim đem dâng cho Hoàng hậu của Đức vua Long Vương VARUNANÀGARAJA thì sẽ được đem công chúa VIRANDATI về làm vợ như ý. Do uy lực của đức Bồ Tát sanh ra để chứng quả Phật tổ nên khiến ngựa né tránh cây, đá không đụng vào mình đức Bồ Tát được, thật là huyền diệu vậy.

Dạ Xoa PURANAKA dùng ngựa để xem cho biết đức Bồ Tát chết hay chưa, thấy vẻ mặt đức Bồ Tát trong sáng như gương vàng, biết rằng còn sống, hẳn dục ngựa cho chạy theo khoảng cây, đá nữa, chạy qua chạy lại như thế đến ba lượt, nhưng dường như cây và đá có tâm thức biết tránh đức Bồ Tát, nên không chạm vào Ngài chút nào, thật là phi thường. Dạ Xoa PURANAKA thấy đã lâu nên ngoảnh lại xem đức Bồ Tát đã chết hay chưa. Khi biết đức Bồ Tát còn sống, Dạ Xoa lấy làm bực tức liền lái ngựa bay lên không trung, tính cho gió thổi hình thể đức Bồ Tát ra tro bụi, gió ở tầng này có thể thổi đỉnh núi cao lìa ra từng đoạn được, nhưng không thổi nhằm đức Bồ Tát, nhờ uy đức Ba La Mật pháp của Ngài, khiến gió rẽ làm hai chừa khoảng trống, không chạm nhằm đức Bồ Tát, tuy nhiên đức Bồ Tát rất khổ thân vì phải bám chặt đuôi ngựa, bay qua bay lại trên không trung. Dù khổ thân đến đâu đức VIDHURAPANDITA vẫn bình tĩnh không chút lo sợ, gương mặt Ngài trong sáng ví như đoá sen vừa chớm nở. Dạ Xoa PURANAKA ngừng ngựa xem thấy đức Bồ Tát vẫn tươi tỉnh như thường nên phát lộ, khiến ngựa đi

đến chỗ gió to, bay tới bay lui 7 lượt, gió ấy cũng rẻ ra làm hai đường cho đức Bồ Tát. Dạ Xoa thấy đức Bồ Tát bất động trong những làn gió đó, nên lái ngựa bay vút lên cao độ, ở đây gió thật mạnh có thể thổi bay đỉnh núi cao 100 do tuần ra tro bụi được. gió tuy mạnh nhưng cũng không động đến Bồ Tát được. Thấy thế, Dạ Xoa PURANAKA lấy làm ngạc nhiên liền khiển ngựa trở về núi KĀLAGIRĪ. Đến nơi, PURANAKA cho đức Bồ Tát ngồi trên đỉnh núi.

Đây xin nhắc lại, khi dân chúng và vợ con của đức Bồ Tát vật mình than khóc, lúc tỉnh dậy không thấy đức Bồ Tát, nên đem nhau vào dinh Ngài để tìm kiếm, nhưng chẳng gặp đức Bồ Tát và Dạ Xoa PURANAKA. Nghĩ biết là người thanh niên đó là Dạ Xoa biết ra hình người để tìm bắt đức Bồ Tát. Càng nhớ đến càng thương hại không rõ quỷ Dạ Xoa đem đức Bồ Tát đến nơi nào, hay là giết Ngài rồi chẳng? Họ than thở vô cùng thê thảm rồi dẫn nhau vào đều tâu cho vua rõ ràng: Tâu bệ hạ, gã thanh niên đến đánh cò tướng với bệ hạ đó, không phải là người đâu, hẳn là Dạ Xoa biết hình, nay không biết Dạ Xoa đem đức VIDHURAPANDITA đi đến chốn mô? Tâu bệ hạ, nếu chúng tôi chờ đến 7 ngày mà không thấy đức VIDHURAPANDITA trở về, chúng tôi xin từ biệt bệ hạ, đồng nhau nhảy vào lửa thiêu thân cho rồi, còn hơn sống mà xa đức VIDHURAPANDITA thì không lợi ích chi.

Đức vua dùng lời khuyên lơn rằng: Các người chớ nên quá buồn thảm, đức VIDHURAPANDITA thuyết pháp rất hay, có lẽ khi Dạ Xoa nghe đức chánh pháp của VIDHURAPANDITA rồi cải hối phát tâm trong sạch đưa Đức VIDHURAPANDITA trở về, không sao đâu, trăm tin chắc như vậy. Các người đừng quá nông nổi mà tự tử chẳng nên.

Khi Dạ Xoa PURANAKA để cho đức Bồ Tát ngồi trên đỉnh núi KĀLAGIRĪ rồi hẳn nghĩ rằng: Đức VIDHURAPANDITA đây còn sống đến đâu, thì sự mong muốn đức nàng VIRANDATI của ta cũng chưa kết quả đến đó, vậy ta phải tìm cách cố giết đức VIDHURAPANDITA cho đức, nhưng ta không giết bằng tay, ta nên biến ra hình kỳ quái để hại người cho chết lập tức. Dạ Xoa PURANAKA liền hiện nguyên hình ra quỷ Dạ Xoa rất to lớn, dị kỳ đáng ghê tởm, hét to như tiếng sấm nổ đánh đức Bồ Tát nằm rồi để vào nanh dường như muốn ăn tươi nuốt sống. Đức VIDHURAPANDITA Bồ Tát tự nhiên bất động. Thấy vô hiệu quả. Dạ Xoa liền hóa ra hình sư tử rồi bắt đức Bồ Tát định cắt xé, chà đạp cho nhừ, nhưng nhờ uy lực pháp Ba La Mật bảo vệ, đức Bồ Tát vô h?i. Dạ Xoa liền biến làm rắn to bằng chiếc ghe, bò tới xít nọc độc, quấn mình đức Bồ Tát, nhưng không đủ làm hại, đức Bồ Tát vẫn điềm nhiên. Dạ Xoa đem Bồ Tát trên đỉnh núi hóa gió to thổi đức Bồ Tát té xuống núi ra tro bụi. Nhưng gió to ấy không lay chuyển đức Bồ Tát.

Biến hóa đủ cách mà giết đức Bồ Tát không được, nên Dạ Xoa nghĩ rằng: Ta giết đức VIDHURAPANDITA bề ngoài không được, vậy ta phải dùng tay mới được. Dạ Xoa PURANAKA liệng đức Bồ Tát lên không trung, hất rẽ núi cách mười lăm do tuần chực sẵn. Khi đức Bồ Tát rớt xuống, Dạ xoa nắm hai chân đỡ lên xem thấy đức Bồ Tát còn sống, bèn liệng lên nữa, khi liệng lên kỳ nhì cao hơn 30 do tuần, lúc rớt xuống đức Bồ Tát chưa chết. Dạ Xoa tức giận liệng đức Bồ Tát lần thứ ba cao 60 do tuần, nhưng khi rớt xuống đức Bồ Tát vẫn còn sống. Dạ Xoa nghĩ rằng, phen này ta phải liệng VIDHURAPANDITA xuống tận chân núi cho chết. đầu phải chịu thống khổ như vậy, đức Bồ Tát vẫn không động đậy. Ngài nghĩ rằng. Vì sao gã thanh niên này lại tìm đủ mọi cách gết ta như vậy? Nguyên nhân có lợi ích chi, ta hỏi thử xem coi ra sao? Ta nên biết cho rõ nguyên cớ mà Dạ Xoa mong hại ta. Đến đây Dạ Xoa có phần kiêng nể uy lực của đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát bèn hỏi rằng: Ông ôi! Thân thể của ông xinh đẹp như vị trời, có thể ghép vào hàng thiện trí thức là bậc lành có giới đức. Tại sao ông lại là kẻ phá giới, không chân thật, là người tàn ác, xem thấy ông không có chút lương tâm? Này người thanh niên! Quý danh người là chi? Thuộc hạng Dạ Xoa nào? Do nhân chi mà người quá tàn nhẫn, cố giết hại ta?

- Này bậc trí tuệ! PURANAKA NÀMA YAKKHO. Tôi đây có tên thật rõ rệt là PURANAKA Dạ Xoa – VESSA VANNASSA AMACCO - Ta là cháu mà cũng là đại thần của đức VESSUVANNA⁴⁸ – AYAM LOKONUGA HITENA DASSATI - Ta cố gắng giết cho được ông hôm nay, chỉ vì yêu nàng VIRANDATI con của đức vua VARUNANÀGARÀJA Long vương.

- Này PURANAKA Dạ Xoa! MAHEVA MOHO – Ông đừng hiểu lầm, đời này chúng sanh phải chịu đau khổ và cũng sẽ bị tiêu diệt cũng bởi sự hiểu lầm đó. Này PURANAKA Dạ Xoa! Tôi muốn biết chút ít duyên cớ, tại sao ông vừa lòng VIRANDATI mà cố gắng hại tôi hôm nay?

- Này bậc trí tuệ! Tôi rần sức giết ông, không phải vì si mê hiểu quấy đâu. Vì nàng VIRANDATI có tuyên bố rằng muốn được nàng đem về làm vợ thì phải lấy cho được trái tim của đức VIDHURAPANDITA đến dâng cho mẹ nàng là Hoàng Hậu VIMALÀJADEVÌ, song phải đúng theo pháp. Này bậc trí tuệ! Do đó mà tôi phải cố gắng giết ông.

Vừa nghe qua, đức Bồ Tát liền hiểu ngay bằng tuệ lực của Ngài rằng: VIMALÀ DAYENA KICCAM NATTHI – đức Long vương VARUNA được nghe pháp của ta, rồi cúng dường ngọc ma ni là vật trang điểm của Ngài. Có lẽ khi trở về Ngài tường thuật cho Hoàng Hậu VIMALÀ nghe, nàng mong được thỉnh pháp, nên nói muốn được trái tim của ta. Đức Long vương hiểu lầm rồi dạy công chúa VIRANDATI làm việc như thế, nên Dạ

Xoa mới đến tìm làm khổ ta như vậy. Vậy ta nên yêu cầu Dạ Xoa để ta xuống trên đỉnh núi này, ta sẽ thuyết pháp chinh phục PURANAKA Dạ Xoa tha mệnh sống cho ta, trong lúc này.

Đức Bồ Tát bèn nói rằng: Này PURANAKA Dạ Xoa! Nếu ông được trái tim của ta, ông hãy để ta xuống trước đi, rồi sẽ giết lấy tim ta sau.

Được nghe đức Bồ Tát nói như vậy, PURANAKA Dạ Xoa liền để Ngài xuống đỉnh núi KĀLAGIRĪ rồi thỉnh Ngài thuyết pháp.

Đức Bồ Tát nói: Thân thể tôi không được sạch, xin cho tôi tắm rửa trước đã.

Dạ Xoa PURANAKA khen phải, liền lấy nước hoa thơm cho đức Bồ Tát tắm và cho dùng thực phẩm quý xong. Dạ Xoa PURANAKA trang hoàng bảo tọa, rồi thỉnh đức Bồ Tát bố thí pháp. Đức Bồ Tát thuyết pháp về pháp SĀDHUDHARMA cho Dạ Xoa PURANAKA nghe trong khi ấy.

Đức Bồ Tát thuyết về pháp SĀDHUDHARMA trong lúc đó, rất oai nghiêm và thanh nhã như bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ... đức Bồ Tát nói với PURANAKA Dạ Xoa rằng: Này ông! SĀDHUDHARMA có bốn phần là:

Phải đi theo người đã đi trước

Không nên đốt tay ướt

Đừng phản bạn, làm hại bạn

Đừng ở trong quyền lực của người có ác pháp

Được nghe pháp tóm tắt như thế. Dạ Xoa PURANAKA không hiểu bèn hỏi tiếp rằng:

- Tôi xin hỏi: Người đi trước có ý nghĩa như thế nào? Đốt tay ướt đó ra sao? Phản bạn, hại bạn như thế nào? Đừng ở trong quyền lực của kẻ khác có ác pháp là cách nào? Xin bậc trí tuệ giải rộng cho tôi nghe

- Này ông! Điều thứ nhất có ý dạy rằng, người nào có ân với mình, mình phải tìm dịp báo ân. Dẫu với người mà mình chưa quen biết, chưa từng ăn ở chung, khi gặp họ niềm nở mời mình ngồi, chỉ có bấy nhiêu, dù là chưa được ăn uống chi, cũng gọi là người đi trước. Những người biết ơn, không cầu trả, cố gắng đáp ơn, được gọi là kẻ đi theo người đi trước.

Điều nói "Không nên đốt tay ướt" là mình nương ngụ trong nhà người rồi, nên tỏ lòng tri ân người đã thi ân với mình, như thế gọi là người lành, không đốt tay ướt vậy.

Điều nói "Không nên phản bạn, hại bạn" là ám chỉ người nào đã thi ân đến ta, thì ta đừng tính làm hại họ. Chỉ nên tưởng đến điều tốt của họ và tìm làm điều lợi ích đến họ. Kẻ bạc nghĩa, quên ơn người, làm hại người ân gọi là phản bạn, là kẻ đê hèn, tội lỗi. Không riêng về làm hại người ân, dù là với

cây là mình đã vào nghỉ mát, rồi lại làm cho rụng lá, gãy cành cũng gọi là kẻ xấu xa, phản bạn.

Điều nói "Đừng ở trong quyền lực của kẻ có pháp ác" là dạy người không nên chịu theo phụ nữ. Thông thường phụ nữ mà người nam đã cho gia tài của cải, hoặc làm đến bậc Chuyển Luân Vương có đủ 7 báu, cũng không nên tin lòng phụ nữ, chỉ yêu thương một mình ta. Phụ nữ khi có trai hằng khinh rẻ chồng. Nhân đó, mới gọi là người có ác pháp, tức là người yêu riêng phụ nữ đó vậy. Người có trí tuệ không bao giờ ở trong quyền lực của phụ nữ, không phạm tà dâm gọi là không chịu theo quyền lực của người có ác pháp.

Này ông! Ông nên trú trong bốn SÀDHU DHARMA như tôi đã giải đây.

Khi đức VIDHURAPANDITA Bồ Tát thuyết về bốn pháp SÀDHU DHARMA vừa dứt Dạ Xoa được nghe rồi nhìn nhận rằng: Bậc trí tuệ xin sanh mạng với ta, trong bốn pháp. Thật vậy, bậc trí tuệ đã có cúng dường đến ta rồi. Ta với bậc trí tuệ chưa gặp nhau lần nào. Bậc trí tuệ đã thi ân với ta, ta được nương nhờ, ăn ngủ trong dinh của bậc trí tuệ, thọ hưởng gia tài của bậc trí tuệ trong ba ngày, nay ta làm hại như vậy cũng vì phụ nữ. Nếu xét rõ ta là kẻ phản bạn, hại bạn trong lúc này, thế gọi là không được đi theo người đi trước, là kẻ đốt tay ướt và kẻ phản bạn và cũng là kẻ ở trong quyền lực của phụ nữ có ác pháp. Ôi! Ta càng xét càng thấy ta là người không tốt, là kẻ rất xấu xa. Lợi ích chi với nàng VIRANDATI không được thì thôi, ta không nên làm tội đâu.

Này bậc trí tuệ! Lại đây tôi sẽ đưa ông về thành NIDAPATTA ông sẽ hết khổ, do thiện ngôn của ông. xin ông thứ lỗi cho tôi, ông hãy lại đây, tôi đưa ông về chỗ ngụ của ông.

- Này Dạ Xoa PURANAKA! Ông khoan đưa tôi về thành NIDAPATTA trước, nên đem tôi đến Long vương cung đi. Tôi mong được thấy dinh thự Long vương, muốn biết xứ sở tại Long cung, ông hãy đem tôi đến đức Long vương trước đã.

- Này bậc trí tuệ! Lệ thường bậc trí tuệ khi họ biết rằng kẻ nào là thù nghịch rồi, họ không hy vọng vào gần. Nhưng tại sao ông lại muốn gặp Long vương và vừa lòng đến xứ sở của kẻ thù, do nhân nào?

- Này Dạ Xoa PURANAKA! Không nên tìm đến kẻ thù, điều này tôi đã hiểu. Nhưng tôi không tạo những điều ác, tội lỗi, vì thế tôi không ghét, biết sợ đối với sự chết xảy đến cho tôi. Này ông! Xin ông đừng lo ngại chi, như ông trước kia đã hiểu làm làm khổ tôi, mà tôi còn an ủi bằng sự thuyết pháp cho ông trở nên có tánh tình dễ dãi được. Hà tất loài rồng dù là với

Long vương, tôi cũng có thể chế phục được, đó là phận sự của tôi. Vậy ông nên đem tôi xuống cõi Long cung đi.

Dạ Xoa PURANAKA đáp: SÀDHU – Phải rồi, thỉnh Ngài lên ngồi ở phía sau. Sở dĩ Dạ Xoa PURANAKA để đức Bồ Tát ngồi phía sau đó với ý định rằng. Nếu thấy Long vương có lòng mát mẻ với bậc trí tuệ thì thôi, bằng không ta sẽ bảo vệ đem bậc trí tuệ về lập tức, không cho Long vương làm hại Ngài. Nghĩ như thế Dạ Xoa mong che khuất thân thể của đức Bồ Tát xuống đến Long cung, đi thẳng vào cung trước mặt Long vương.

Đức Long vương VARUNA thấy PURANAKA bèn hỏi rằng: Người đi tìm trái tim của VIDHURAPANDITA trên cõi người có được kết quả chăng?

- Tâu, tôi đem được đức VIDHURAPANDITA đúng theo pháp, Ngài hãy nhìn xem bậc trí tuệ đây. Ngài hãy nên cầu nghe pháp của đức VIDHURAPANDITA thuyết theo giới đức, rất du dương trong giờ này. Tâu, kẻ nào thân cận bậc trí tuệ như đức VIDHURAPANDITA đây, hằng được an vui trong cõi này và kiếp sau.

Đức Long vương VARUNA khi được thấy đức Bồ Tát bèn phán rằng: Này bậc trí tuệ! Ông là loài người, đến cõi rồng được thấy Long cung mà từ trước chưa từng thấy. Xuống đây thì sự chết của ông trong tay ta, vì sao ông không lo sợ, xuống ngựa mà lễ bái ta. Thái độ của ông không phải là bậc trí tuệ đâu.

Đức Bồ Tát nghe Long vương bảo lễ bái, Ngài bèn đáp rằng: Tôi đây không nên lạy Đại vương làm như thế không nên. Tôi không được thủ lễ Đại vương đây vì tôi là tội nhân. Tâu, kẻ có tội chết, dù là lạy hay không cũng không khỏi chết, thế nào cũng bị tử hình, tội nhân lạy đao phủ thủ làm chi? Đao phủ thủ có dạy tội nhân lễ bái cũng chẳng ích chi. Như thân tôi đây, Đại vương dạy Dạ Xoa PURANAKA giết tôi để lấy trái tim như thế, thì Đại vương bảo tôi lễ bái Ngài có ích gì?

Đức Long vương VARUNA nghe qua cho lời của đức Bồ Tát là đúng, nên khen phải: Này bậc trí tuệ! Lời của người là chánh đáng, đúng là bậc trí tuệ rồi.

Đức Bồ Tát tỏ lời thiện cảm với đức Long vương rằng: Tâu Đại vương là bậc vua chúa, có nhiều uy lực, đế nghiệp của Đại vương trong thật trường cửu thật, song cũng gọi là được vững chắc. Long cung của Đại vương hằng rực rỡ bằng hòa quang của ngọc báu và vàng ròng, như sét chớp trên không trung. Trong Long cung có đầy đủ Long nữ trang điểm xinh đẹp, ca xang xướng hát hầu hạ đêm ngày ... Những hạnh phúc này phát sanh theo mùa tiết

hay tự nhiên mà có, hoặc Đại vương tự tạo ra hay Chư Thiên làm cho Đại vương. Đại vương được sự nghiệp vĩ đại như vậy, do nhân nào?

- Nay bậc trí tuệ! Đèn vàng điện ngọc đây, chẳng phải do trẫm tự tạo ra được, cũng không nhờ Chư Thiên làm cho, cũng chẳng phải sanh ra do thời tiết, những gia tài của cải cao sang này phát sanh do nơi nghiệp lành do quả phúc đến trẫm, trẫm là chúa tại Long cung.

- Kiếp trước Đại vương tạo nghiệp chi, nên nay Đại vương được sự nghiệp to tát như vậy?

- Nay bậc trí tuệ! Trẫm và nàng VIMALÀ Hoàng Hậu kiếp trước là vợ chồng nhau trong thành CAMPAKA, chúng tôi có đức tin đồng nhau bố thí như là y phục, thức ăn, món uống, thuốc men, chỗ ở hoa thơm đèn đuốc đến các vị Sa Môn, Bà La Môn, kẻ nghèo đói, cô độc. Nhà của chúng tôi là nơi nương náu của các thầy Sa Môn Bà La Môn, kẻ nghèo đói, cô độc, ví như giòng nước là nơi tắm rửa cần dùng và loài thú. do uy lực của sự bố thí và làm lành như thế, đến khi tan rã ngũ uẩn tôi được sanh ra làm Long vương, thọ hưởng đế nghiệp cao sang phú túc như vậy.

- Tâu Đại vương là bậc vua chúa trong cõi rồng, khi Đại vương đã nhận đây là hạnh phúc cao sang quyền quý thì Đại vương chẳng nên cầu thả say mê vì đế nghiệp. Điều nào là tội Đại vương dùng bần lòng tạo những nghiệp ác ấy, Đại vương nên cố gắng gieo trồng cội phúc. nghiệp lành nào làm cho đế nghiệp được bền vững và cho hạnh phúc trong kiếp vị lai được lâu dài, Đại vương hãy tin tấn đào tạo thêm đừng bỏ qua và quyết tâm không cho vi phạm, dù là tội ác nhỏ nhen.

- Nay bậc trí tuệ! Trẫm tính bố thí, nhưng tại Long cung không có Sa Môn và Bà La Môn, vậy phải làm thế nào được bổ túc điều thiện. Xin nhờ bậc trí tuệ từ bi giảng giải, chỉ giáo đến trẫm đi. Phải tu thân thế nào, mới có thể giữ vững ngôi vàng này được lâu dài đến kiếp vị lai.

- Tâu nếu Đại vương ước mong như vậy, cần phải đè nén sự sân hận, thấy tội phát sanh trong tâm rồi nên chế ngự cho giảm bớt, lắng lòng yên lặng, đừng chịu theo tâm ác. Nên tinh tấn trấn áp điều ác, cho sanh lòng từ bi đến khắp cả loài rồng, gần hoặc xa, tức là vợ con cùng các quan châu chực mỗi ngày. Đại vương nên rải lòng bác ái đến tất cả, đừng phân biệt giai cấp, nên cố gắng hành thiện pháp bằng nghiệp thân, khẩu lành, đừng làm tội ác tâm. khi Đại vương tu hành như thế rồi, thì Đại vương được an vui, đến hết tuổi thọ sẽ được sinh lên cõi trời theo quả phúc của tâm bác ái và thân, khẩu, ý lành. phước báu của tâm bác ái quý báu hơn sự bố thí, Đại vương nên niệm tâm bác ái cho khăng khít trong tâm.

Đức Long vương VARUNA được nghe pháp của đức Bồ Tát, Ngài bèn phát tâm vui thích và nghĩ rằng: Ta đê cho đức VIDHURAPANDITA ở lâu không tiện, vậy ta nên dẫn đến nàng VIMALA Hoàng Hậu, cho nàng được thính pháp để đè nén lòng mong mỏi của nàng, rồi ta sẽ nhờ Dạ Xoa đưa đức VIDHURAPANDITA về kinh đô NIDAPATTA cho đức vua THNANJEYAKORABARAJA vui mừng. Đức Long vương bèn phán rằng:

- Nay bậc trí tuệ là đại thần của đức vua THNANJEYAKORABARAJA trong lãnh thổ KURU. Dạ Xoa PURANAKA được bậc trí tuệ đây do nguyên nhân nào?

- Tâu Dạ Xoa PURANAKA đến đánh cuộc cờ tướng với đức vua THNANJEYAKORABARAJA. Đức vua thua nên phải cho tôi đến Dạ Xoa PURANAKA theo lời giao kết, nay Dạ Xoa mới đem tôi đến nơi đây.

Đức Long vương nghe vui thích phát tâm hỷ lạc, bèn nắm tay đức Bồ Tát mời vào phòng Hoàng Hậu VIMALA. Đến nơi đức Long vương gọi:

- Nay em VIMALA! Em khổ vì mong được tim của đức VIDHURAPANDITA. Nay em VIMALA! em hãy ngồi dạy chớ phiền não, đức VIDHURAPANDITA đã vào đến nơi rồi và sẽ thuyết pháp cho em nghe. Bây giờ đây, em hãy lắng nghe thiện ngôn của đức VIDHURAPANDITA. Bậc trí tuệ VIDHURAPANDITA có danh vang khắp cả trời người, chẳng có ai sánh bằng. Đức VIDHURAPANDITA đây là nơi trừ diệt các phiền não cho em được. Đức VIDHURAPANDITA làm cho sáng tỏ tức là trí tuệ, thấy phân minh trong tất cả ý nghĩa, mời em xem đức VIDHURAPANDITA và nghe Ngài thuyết pháp.

Hoàng hậu VIMALARAJADEVI được nghe tiếng chồng gọi như thế liền vội vã ngồi dậy, nhìn đức Bồ Tát, nàng phát tâm hoan hỷ, đưa tay lên lễ bái và ân cần tỏ lời thiện cảm với đức Bồ Tát. Lời nàng VIMALA hỏi đức Bồ Tát và lời đáp của đức Bồ Tát cũng như đã giải cho Long vương nghe. Nàng VIMALA được nghe pháp, phát tâm hỷ lạc sắc mặt vui tươi bình phục lại như trước.

Khi đức Bồ Tát đã thuyết cho nàng VIMALA nghe xong, Ngài bèn nói với Long vương rằng: Tâu Đại vương, Ngài mong được trái tim của tôi, xin Ngài tùy tiện theo ý muốn đi, Ngài đừng nghi ngại điều chi cả và cũng đừng vì sự nghe pháp mà phải tha tôi. Vậy Đại vương hãy thi hành theo sở nguyện đi.

Đức vua VARUNA đáp: Nàng VIMALA hy vọng được trái tim của Ngài, nay nàng đã được như nguyện rồi, trái tim đó tức là trí tuệ của Ngài vậy. Nay bậc trí tuệ! Chúng tôi có lòng hân hoan mong được trái tim tức là trí tuệ

của Ngài từ lâu, nay đã toại nguyện. Vậy, để tỏ lòng biết ơn, nay tôi xin gã nàng VIRANDATI cho Dạ Xoa PURANAKA. Nói xong, Đức vua dạy Dạ Xoa rằng: Người này thỉnh bậc trí tuệ đem về xứ NIDAPATTA đi.

Dạ Xoa PURANAKA rất mãn nguyện vì được nàng VIRANDATI làm vợ, nên dâng ngọc ma ni đến đức Bồ Tát và tỏ rằng: Tôi nay thỏa nguyện, vì được nàng VIRANDATI làm vợ cũng nhờ Ngài. Tôi không có chi xứng đáng để đáp ơn cao dày của Ngài, tôi xin thành kính dâng ngọc ma ni đến Ngài, xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh.

Đức Bồ Tát thọ ngọc ma ni và chúc rằng: Cầu cho ông chung sống cùng nàng VIRANDATI được an vui lâu dài, đừng có điều chi trở ngại.

Dạ Xoa PURANAKA thọ lời chúc của đức Bồ Tát và thỉnh Ngài lên ngựa ngồi phía trước, Dạ Xoa ngồi giữa, và nàng VIRANDATI ngồi sau. Đầu đó chính tề, Dạ Xoa liền lái ngựa bay lên khỏi Long cung, nhắm ngay xứ NIDAPATTA mà tiến hành.

Khi đức Bồ Tát đang được đưa về, đêm hôm ấy vua THNANJEYAKORABARAJA nằm mộng lúc rạng đông: Thấy có một cỗ thụ to mọc giữa ngọc môn, có trang hoàng đủ các thứ hoa thơm dân chúng thư hội rất đông lễ bái cúng dường cây cỗ thụ ấy. Có người, hình thể to lớn, da đen mặc y đỏ, tay cầm binh khí bén đến đốn cây cỗ thụ đó đem đi. Đại chúng khóc than thương tiếc cây cỗ thụ vô hồi. Nhưng không bao lâu người ấy lại đem cây cỗ thụ trả lại chỗ cũ.

Đức vua giật mình tỉnh giấc, suy xét hiểu rằng: Cây cỗ thụ đây tức là đức VIDHURAPANDITA, người chặt cây cỗ thụ đó tức là vị thanh niên dẫn đức Bồ Tát đi trong khi ấy. Có lẽ vị thanh niên ấy sẽ đưa đức VIDHURAPANDITA trả lại nơi ngọc môn trước phước xá.

"Lành thay, sáng này, trăm sẽ gặp đức VIDHURAPANDITA chẳng sai", Đức vua quả quyết như vậy, Ngài rất mừng. Sáng sớm Đức vua dạy trang hoàng kinh đô và phước xá, bảo tọa mà đức Bồ Tát đã quen ngồi thuyết pháp từ trước. Chỉ trong chốc lát cả 101 vị vương và các quan quân cùng dân chúng châu chực chung quanh Ngài rất đông để đón rước đức Bồ Tát tại phước xá. Đức vua THNANJEYAKORABARAJA bèn tỏ lời an ủi lời công chúng rằng: Các người hãy vui thích lên đi, đức VIDHURAPANDITA sẽ trở về với chúng ta trong ngày nay.

Trong lúc ấy, Dạ Xoa PURANAKA đang bay xuống đáp giữa công chúng, đưa đức Bồ Tát để gần phước xá, rồi từ tạ dẫn nàng VIRANDATI lên thiên cung là nơi ngụ của Dạ Xoa. Những người có mặt tại đó không ai thấy được Dạ Xoa PURANAKA và nàng VIRANDATI cả.

Đức vua THNANJEYAKORABARÀJA khi nhìn thấy VIDHURAPANDITA Bò Tát, Ngài rất mừng rỡ, liền xuống ngai vàng liền chạy đến ôm hôn và ẵm đức Bò Tát để ngồi trên pháp tọa với niềm hân hoan vô hạn. Đại chúng và 101 vị vương cũng đồng vui mừng. Ví như người đã chết mà sống lại, ai ai cũng đều đưa tay lễ bái và nhìn xem gương mặt của đức Bò Tát.

Đức vua ôn tồn tỏ lời thiện cảm rằng; Này bậc trí tuệ VIDHURAPANDITA ôi! Tất cả dân cư, nhất là 101 vị vương và trăm được thấy hiền khanh hôm nay rất toại nguyện, lòng mừng không xiết kể. Hiền khanh hãy cho chúng ta nghe trước, gã thanh niên đó thuộc hạng nào, đem hiền khanh đến đâu và hiền khanh vui khổ thế nào? Do đâu mà hiền khanh được khỏi tay gã thanh niên ấy, trở về đây?

- Tâu, thanh niên đó không phải là người, thật là Dạ Xoa vương có tên rõ rệt là PURANAKA, là cháu của đức vua VESSUVANNA (một trong tứ đại Thiên vương). Dạ Xoa PURANAKA vì mong được lòng nàng VIRANDATI công chúa của vị Long vương VARUNA, đây là nguyên nhân đầu tiên.

Đức Long vương VARUNA có đến thọ bát trai giới nơi vườn thượng uyển và tranh biện về sự trì giới cao thấp mà bệ hạ đã dẫn cả ba vị vua, nhất là đức Đế Thích đến gặp hạ thần và dạy hạ thần phân đoán trong lúc trước. Long vương cúng dường cho hạ thần ngọc ma ni là vật trang điểm của Ngài. Khi trở về nàng VIMALÀ là Hoàng Hậu của Long vương không thấy ngọc ma ni nên hỏi, ngọc ma ni của bệ hạ đâu không thấy? Đức Long vương cho biết rằng đã cúng dường pháp cho hạ thần. Nàng VIMALÀ mong được nghe pháp nhưng không biết làm sao, mới tâu với Long vương muốn được trái tim của hạ thần. Đức Long vương liền dạy công chúa VIRANDATI là con của Ngài, trải đi tìm chồng có uy lực, có thể lấy trái tim của hạ thần đem về đây con cha, người đó là chồng của con.

Khi ấy Dạ Xoa PURANAKA nghe như vậy, mong được nàng VIRANDATI, nên Dạ Xoa liền trở về núi VIPÙLA lấy ngọc ma ni dành cho đức Chuyển Luân Vương, đến đánh cuộc cờ tướng với bệ hạ. Dạ Xoa thắng cuộc, bắt hạ thần. Sau khi ngụ tại dinh hạ thần trọn ba ngày đêm, đến ngày thứ tư, lúc hạ thần từ giã bệ hạ và quan quân xong, Dạ Xoa dạy hạ thần nắm đuông ngựa bay lên không trung, khiến ngựa chạy theo khoảng cây, đá bay lướt như vậy, cố tâm giết hạ thần. Khi thấy hạ thần còn sống, Dạ Xoa khiến ngựa bay lên gió mạnh, bay tới bay lui 7 lượt, cho hạ thần chết vì thế lực của gió. Lúc thấy hạ thần chưa chết, Dạ Xoa phát nộ liền khiến ngựa bay vút lên cao độ cho hạ thần ra tro bụi. Nhưng khi biết hạ thần chưa bị hại, Dạ Xoa đem hạ thần lên đỉnh núi KÀLAGIRÌ, Dạ Xoa hiện nguyên hình to lớn lý dị, hóa ra sư tử dày

xé, sau cùng biến ra rắn to quấn mình hạ thần. Vói tất cả những hành động tàn nhẫn ấy, Dạ Xoa chỉ mong giết cho được hạ thần, xong hạ thần vẫn sống. Dạ Xoa nắm hai chân hạ thần liệng lên cao 15 do tuần, khi rớt xuống hạ thần không chết, Dạ Xoa tức giận liệng hạ thần kỳ nhì hơn 30 do tuần nhưng hạ thần cũng còn sống. Dạ Xoa cố hết sức mình liệng hạ thần lên lần thứ ba cao 60 do tuần, lạ thay, khi rớt xuống hạ thần vẫn chưa chết. Đến đây, Dạ Xoa có phần kiêu ngạo, do nhờ uy lực của Ba La Mật pháp, hấn bèn để hạ thần xuống đỉnh núi KĀLAGIRĪ.

Nhân đó, hạ thần thuyết pháp SĀDHUDHARMA cảm thắng được Dạ Xoa PURANAKA, khiến Dạ Xoa ưa thích tha mạng sống cho hạ thần. Dạ Xoa đưa hạ thần đến Long cung thuyết pháp cho Long vương VARUNA và Hoàng Hậu VIMALĀ nghe. Khi nghe pháp xong, đức Long vương và Hoàng Hậu phát tâm trong sạch bèn gã công chúa VIRANDATI cho Dạ Xoa PURANAKA và dạy Dạ Xoa đưa hạ thần trở về. Dạ Xoa vâng; lời để hạ thần ngồi trước, hấn ngồi giữa, sau là công chúa VIRANDATI, cho ngựa bay lên trần gian, thẳng đến kinh đô của bộ hạ. Dạ Xoa đáp xuống để hạ thần giữa công chúa rồi từ tạ chở nàng VIRANDATI về chỗ ngụ của Dạ Xoa.

Tâu, đây là ngọc ma ni dành cho đức Chuyển Luân Vương, có thể cho đầy đủ sự mong muốn. Dạ Xoa PURANAKA biết ơn hạ thần, nên biếu ngọc ma ni này, hạ thần xin dâng lên bộ hạ.

Đức Bồ Tát quý dâng ngọc ma ni đến đức vua THNANJEYAKORABARĀJA. Đức vua THNANJEYAKORABARĀJA và đại chúng được nghe câu chuyện của đức Bồ Tát VIDHURAPANDITA chịu bao điều thống khổ như vậy, ai ai cũng đều thương xót và rơi lệ và tán tụng rằng: Ngài ôi! Tuệ lực của Ngài rất cao quý không chi so sánh bằng, từ đây cầu xin Ngài ở được an vui.

Tiếng ca tụng cầu chúc của dân chúng vang rền khắp trong xứ. Đức vua bèn tường thuật sự nằm mộng của Ngài cho đức Bồ Tát nghe rồi dạy tổ chức cuộc lễ mừng đức Bồ Tát đến nữa tháng, lúc ấy cả dân cư nam, nữ, các quan quân, hàng triệu phú v.v... đều trang phục chỉnh tề mang lễ vật đến cúng dường đức Bồ Tát. Đức vua dạy dân chúng phóng sanh súc vật rất nhiều.

Đức Bồ Tát bèn thuyết pháp, khuyên dạy nhân dân bỏ thí, trì giới để gieo trồng cội phúc trong đời này và kiếp sau. Đức Bồ Tát luôn luôn tinh tấn bỏ thí bỏ thí, trì giới tham thiền không dám dễ duôi, sau khi thác Ngài được sanh lên cõi trời. Những người thực hành theo lời chỉ giáo của đức Bồ Tát, khi tan rã ngũ uẩn đều được lên thiên cung cả.

SATTHĀIMAM DHAMMADESANAM ĀHARITVĀ - Đức Giáo Chủ dẫn tích đức VIDHURAPANDITA xong, Ngài liền gọi các Tỷ Khưu mà rằng:

Này các thần! Như Lai chẳng phải chỉ sáng suốt trong phương pháp độ sinh trong kiếp cuối cùng này mà thôi đâu. Thuở Như Lai luân hồi là VIDHURAPANDITA đó, Như Lai cũng có trí tuệ sáng suốt như thế. Đức Thế Tôn thuyết tiếp đến pháp Tứ Diệu Đế, rồi hợp tiền kiếp lại như vậy:

SADÀ - Trong thuở ấy cha mẹ của đức VIDHURAPANDITA nay là đức Tịnh Phạn Vương và MÀYÀ Hoàng Hậu; vợ của đức VIDHURAPANDITA nay là nàng GIA DU ĐÀ LA, con trưởng của đức VIDHURAPANDITA nay là LA HẦU LA; nàng VIRANDATI nay là Tỳ Khuru ni UPAVANNATHERÌ; đức Long vương VARUNA nay là Đại đức Xá Lợi Phất; đức Điều vương nay là Đại đức Mục Kiền Liên; đức Đế thích nay là A Nậu Lô Đà; đức vua THNANJEYAKORABARÀJA nay là ANANDA; Dạ Xoa nay là đức vua KANTHASAKA. Tất cả những kẻ tùy tùng nay là hàng Phật tử. Đức VIDHURAPANDITA AHAM EVA tức là Như Lai là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đã giác ngộ tất cả các pháp như thế.

---o0o---

[12] - VESSANTARA JÀTAKA - TRUYỆN ĐỨC VESSANTARA (BỒ TÁT TU HẠNH BỒ THÍ BA LA MẬT)

PHUSSATI VARAVANNÀVHETI IDAM SATTHÀ KAPIVATTHUN
UPANISÀYA NIGRODHÀRÀNE VIHARANTO POKKHARAVASSAM
ARAMBHA KATHESI

Đức Thiên Nhơn Sư, khi trú trong thành KAPILAVASTU, Ngài nghỉ an tại cư xá NIGRODHÀRÀMA của dòng Thích Ca đã tạo dựng. Ngài đề cập đến đám mưa cho có nhân, rồi Ngài thuyết về truyện VESSANTARA có cả 500 đại A La Hán, nhất là đức đại Ca Diếp (MAHAKASSAPATHERA) theo Phật ngôn như vậy:

YADÀ: Sau khi đức Giáo Chủ được giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài thuyết Pháp Luân⁴⁹ (DHAMMACCAKKAPPAVATTANA SÛTRA) lúc độ năm anh em Kiều Trần Như xong, Ngài bèn đến kinh đô RÀJAGRAHA, nghỉ an tại Trúc Lâm tịnh xá hết mùa đông (HEMANTA). Do đức UDÀYITHERA dẫn đường, Đức Phật ngự đi cùng hai muôn vị Thịnh Văn Giác trọn 60 ngày⁵⁰ mới đến kinh đô KAPILAVASTU là lần đầu tiên⁵¹.

Khi đó, dòng Thích Ca được tin đức Giáo Chủ ngự đến, đồng phát tâm hoan hỷ dạy tạo tịnh xá NIGRODHÀRÀMA và trang hoàng xinh đẹp, để thỉnh Đức Thế Tôn vào nghỉ an và cúng dường. Đến nơi Phật ngự, những thân bằng quyết thuộc đều nghĩ rằng: Đức SIDDHATTHA (Sĩ Đạt Ta) có uy nghiêm tề chỉnh, hào quang sáng rõ, thật đáng tôn kính, song phần đông

chúng ta là ông bà, cha mẹ, cô bác, chúng ta không nên lễ bái người, bèn tìm ngôi phía sau các thanh niên. Đức Giáo Chủ hiểu rõ tánh tình của thân tộc như thế, Ngài tìm cách tiếp độ cho thân quyến dứt bỏ tính ngã mạn, tà kiến. Ngài liền nhập tứ thiền dùng thần thông bay lên giữa không trung làm cho các bụi tung bay mù mịt, chiếu hào quang rực rỡ thật là thiêng liêng màu nhiệm.

Đức Tịnh Phạn Vương xem thấy phi thường như vậy, bèn đưa tay lên lễ bái Đức Thế Tôn. Trong giờ ấy có đám mưa to như thác đổ, nhưng chẳng một ai bị ướt. Tất cả Hoàng gia đều hết lòng kính phục uy đức của Phật, đông quỳ lạy không còn ngã mạn, tà kiến như trước. Sau khi đó, Chư Tăng hội nhau về pháp lạ thường của Phật mà từ xưa chưa từng thấy.

Đức Thế Tôn ngự đến nơi Tăng hội, phán hỏi cho rõ câu chuyện đàm thoại của Chư Tăng. Ngài bèn phán rằng: Nay các thầy Tỳ Khuru! Chẳng phải có đám mưa lạ thường như thế trong kiếp này đâu, xưa kia cũng đã có như vậy, rồi Ngài mặc tướng.

Chư Tăng được mong nghe tiền tích, nên quỳ lạy cầu Phật giảng tiếp.

Đức Thế Tôn giảng rằng: ATITE KÀLE: Nay chư Tỳ Khuru! Thưở xưa có một đức vua danh là SRÌSANJEYA trị vì trong kinh đô jeruttara, Ngài là hoàng tử của đức vua SIRÌMAHÀRÀJA, Hoàng Hậu tên là SUPÀRASUPATIDEVÌ là công chúa của đức vua MADHARÀJA. Nguyên nhân mà nàng có tên gọi là SUPÀRASUPATIDEVÌ đó, vì nàng được thí mùi trầm hương đến Phật VIPASSÌ, từ kiếp trước. Nàng sinh tử luân hồi trong cõi người và cõi trời, thường có mùi trầm hương có nơi thân thể nàng, trong mỗi kiếp.

Có kiếp nọ nàng sanh làm Hoàng Hậu của đức Đế Thích tại Đạo Lợi Thiên cung, nhờ mùi trầm hương từ nơi thân thể của nàng phát ra, nên đức Đế Thích ban cho nàng là SUPÀRASUPATIDEVÌ như thế. Khi gần đến ngày hạ sanh, lia thiên cung, nàng được đức Đế Thích là chồng của nàng chấp thuận 10 điều yêu cầu là:

- 1) Xin cho tôi được làm Hoàng Hậu của đức vua SRÌSANJEYA tại kinh đô jeruttara.
- 2) Xin cho tôi có cặp mắt đen huyền như cặp mắt thỏ.
- 3) Xin cho tôi được giữ tên cũ là SUPÀRASUPPATI.
- 4) Xin cho tôi sanh con trai có trí tuệ là đức tin là nơi nương nhờ của những kẻ nghèo đói và cô độc.
- 5) Lúc có thai, xin cho bụng tôi đừng lớn hơn người thường

- 6) Xin cho đôi nhũ tôi đừng lớn, cho khuất và đẹp mãi mãi.
- 7) Xin cho cặp lông mày cho được xanh kiêu diễm, và tóc tôi hằng đen mãi đừng bạc.
- 8) Xin cho nhan sắc tôi tốt đẹp như vàng mà thợ bạc thường trau dồi.
- 9) Xin cho tôi có thể lực phóng thích tội nhân được thoát khổ, như ý.
- 10) Xin cho tôi được nghe tiếng thanh tao của những loài công ở gần hoàng cung và xin cho có bậc trí tuệ thường hội họp với tôi, để nhờ giải những điều thắc mắc, nghi ngờ của tôi.

ITI SÀVARA GAHETVÀ TÀTO JUTÀMADDHA RANNO
OGGAMAHESIYÀ KUCCHIYAMHINIBBATTI...
UTTAMARÙPADHARÀ AHOSI.

Khi nàng SUPÀRASUPPATI xin được 10 điều rồi, liền giáng sanh vào thai bào của Hoàng Hậu của đức vua MADHARÀJA, đến 10 tháng sanh ra có mùi thơm như trầm hương, dung nhan rất xinh đức Phật, đức vua đặt tên là SUPÀRASUPPATI như trước.

Khi nàng lên 16 tuổi, đến lúc trưởng thành, vua cha gả nàng cho hoàng tử SANJAYAKUMÀRA. Hoàng tử SANJAYAKUMÀRA lên kế vị trị vì trong thủ đô JATUTTARA, nàng SUPÀRASUPPATI được phong làm Hoàng Hậu có cả 16 ngàn cung nữ hầu hạ.

Khi đức Đế Thích xem thấy nàng SUPÀRASUPPATI được như nguyện, chỉ còn thiếu điều thứ tư là xin cho nàng sanh con trai có trí tuệ, và đầy đủ đức tin. Đức Đế Thích bèn đi thỉnh đức Bồ Tát tại cung trời, cầu Ngài giáng sanh xuống phàm gian để bổ túc pháp thập độ và tế độ chúng sanh.

Đức Bồ Tát nhận lời thỉnh cầu của đức Đế Thích, bèn giáng sanh vào lòng Hoàng Hậu SUPÀRASUPPATI. Từ ngày Hoàng Hậu SUPÀRASUPPATI thọ thai, nàng chỉ làm việc lành, mỗi ngày nàng bố thí 60 ngàn lượng vàng. Do đó, nhà chiêm tinh đoán rằng: Hoàng hậu sẽ sanh hoàng nam là bậc đại phúc, có đức tin trong sạch phi thường không ai sánh bằng. Đức vua càng hoan hỷ ban thưởng cho Hoàng hậu nhiều báu vật, để nàng tiêu phí tùy sở thích. Khi nàng mang thai được 10 tháng, sanh ra một hoàng nam đặt tên là VESSANTARA KUMÀRA, vì sinh giữa đường của đoàn người thương mãi.

Thuở đó có sáu muôn Chư Thiên cũng giáng sinh vào thai bào phụ nhân của các quan đại thần và cũng đồng thời sinh ra, đều là bộ hạ tùy tùng của đức vua VESSANTARA (Bồ Tát) sau này.

Đức VESSANTARA là dòng dõi của chư Phật Tổ, khi lên 8 tuổi, Ngài thường bố thí mỗi ngày 100.000 KAHAPANA [4] và phát nguyện rằng: Nếu có ai đến xin thân thể, tứ chi nhỏ lớn, mắt, mũi, tim, gan v.v... thì ta có thể xẻ da, lóc thịt, móc mắt, mổ ngực lấy tim đem bố thí bất nghịch ý. Do uy lực tác ý lành thế nguyện như thế, khiến cho địa cầu rung động, thật là huyền diệu. Trong thuở ấy, có một voi cái, từ trên không trung, mang một von con tên là PACCAYANÀGENA đến dâng để làm bảo tọa cao quý cho đ?c Bồ Tát.

Khi lên 16 tuổi, đức hoàng tử VESSANTARA thông suốt tam Phệ đà. đ?c vua SRISANJEYA nhường ngôi báu và cưới công chúa MADRIJEYA cho đức Bồ Tát, có cả 16 ngàn cung phi tùy tùng. Không bao lâu Hoàng Hậu MADRIJEYA sanh được một hoàng nam tên là JALI, và một công chúa danh là KANHÀ. Đức vua VESSANTARA có tâm rộng lớn, xuất của kho bố thí mỗi ngày 10 muôn lượng vàng trong sáu phước xá.

Một hôm đức Bồ Tát ngự trên voi PACCAYANÀGENA, đến quan sát phước xá, bất ngờ có bọn Bà La Môn từ thành KALINGA đến xin voi mà Ngài đang ngự cỡi. Đức VESSANTARA liền hoan hỷ nhận lời và cho các Bà La Môn cả vật trang điểm voi đáng giá là hai triệu 8 muôn lượng vàng, và 500 nài voi. Do đó, nhân dân trong thành bất bình, đồng nhau kéo vào đền tâu xin đức vua SRISANJEYA đuổi đức Bồ Tát ra khỏi kinh đô, vì đây là voi báu của quốc gia có nhiều uy lực.

Đức hoàng phụ SRISANJEYA khi được lời nghe tâu của nhân dân như thế, Ngài nghĩ rằng: Không thể tranh biện cùng dân chúng được. Nên Ngài cho đòi đức Bồ Tát đến và phán rằng: Nay Hoàng Nhi VESSANTARA! Nay chúng dân đồng nhau đến tâu xin tâu đuổi Hoàng Nhi ra khỏi kinh thành, do Hoàng Nhi không nghĩ đến điều lợi hại của triều đình, cho voi báu đến các Bà La Môn. Vậy Hoàng Nhi hãy đi ẩn nơi nào thanh vắng đi, mai hậu thái bình Hoàng Nhi trở về trị vì thiên hạ như trước. Nếu Hoàng Nhi cưỡng lại lời của nhân dân ắt có hại. Vì họ phản uất Hoàng Nhi đã bố thí rất nhiều của cải, họ sợ cho đế nghiệp sẽ mất. Vậy Hoàng Nhi hãy vâng lệnh cha tránh một thời gian đi.

Bồ Tát nghe cha phán, rất vui lòng, Ngài bèn bố thí mỗi món 100, 7 lần như vậy, trọn ba ngày rồi mới ra đi.

Đức Bồ Tát vào cung nội cho nàng MADRIJEYA hay rằng: Tất cả của cải mà ta đã cho nàng, và tài sản phát sanh lúc hồi môn, nàng hãy cất giữ để dành làm của. Nghe như thế, nàng MADRIJEYA tâu hỏi chồng rằng: Với của ấy em phải làm thế nào?

- Nàng hãy dùng làm vật thí: Com, nước, y phục, v.v... đến kẻ nghèo đói cô độc và dâng cúng đến các bậc tu hành, như thế gọi là của chôn cao quý, chẳng có chi quý báu hơn sự bố thí, không sợ kẻ gian phi cướp đoạt. Nàng chớ nên dễ dãi, hãy tinh tấn tôn trọng, phụng sự Phụ Vương và mẫu hậu của ta. Chẳng nên trái ý nghịch lời. Nếu có vị vua nào vừa lòng, đem nàng về làm hoàng hậu, nàng phải vâng giữ hành theo cho hài lòng đức vua ấy, chớ nên thương tiếc quyền luyến ta. riêng phần ta, ta sẽ vào rừng chịu chết.

Được nghe chồng nói như thế, nàng MADRÌJEYA lấy làm nghi ngờ, bèn hỏi rằng: Vì sao mà Hoàng tử phán như vậy, từ trước thần thiếp chưa từng nghe những lời như bảo như hôm nay, dường như thần thiếp thuộc về phần hạ lưu. Không biết câu: phụ nữ xuất giá tùng phu. Tâu, xin hoàng tử ngự đi trong nơi nào, thần thiếp cũng xin đi theo hầu hạ, dầu cực khổ gian lao đến đâu, thần thiếp nguyện vui buồn cùng chia sẻ xin theo phụng sự để đền đáp công ơn dạy dỗ của Hoàng tử cho đến ngày mạng chung. Thần thiếp là MADRÌJEYA nguyện không bao giờ xa chồng được, dù là phải đói khát, ăn trái cây, sống trong cảnh màn trời chiếu đất, hay bị tai nạn đến nỗi hại mình, thần thiếp nguyện theo phụng sự Hoàng tử cho trọn niềm phụ đạo. Nếu Hoàng tử không chuẩn cho, thần thiếp là MADRÌJEYA đây cũng đành nhảy vào lửa thiêu mình còn hơn sống mà xa lìa chồng. Như vậy hay hơn là goá bụa cho người chê trách rằng: Chỉ có chồng trông khi được vui, đến lúc khổ lại bỏ nhau, thần thiếp xin theo Hoàng tử vào rừng núi chung vui, chung khổ cùng nhau, như voi cái dính theo voi chúa, có ngà xinh đẹp, trải đi trong nơi ẩm thấp mà cũng rán đi theo gót voi chúa, thế nào, tôi đây cũng nhất nguyện theo chồng, không màng gian lao khổ cực. Nếu có tai hại xảy đến, tôi hy sinh đến trước chịu chết cho chồng để báo đáp ơn sâu cho trọn niềm nhân nghĩa.

Đức vua ban cho sáu muôn bộ hạ, hộ vệ đức Bồ Tát cùng nàng MADRÌJEYA và hai hoàng tôn lên một chiếc long xa thặng bốn ngựa. Khi đi được nửa đường, đức Bồ Tát thí xe và bốn ngựa, và cho tất cả bộ hạ trở về. Ngài ẵm trai JALI, vợ bông gái KANHÀ đi bộ được 35 do tuần mới đến kinh đô JATUTTARA.

Dân cư biết rõ là đức VESSANTARA Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA khổ cực như thế, đồng đem nhau đến viếng than khóc thương hại vô cùng. phần đông chạy đến báo cho đức vua CETA đang trị vì trong xứ MATUTTARA hay. Đức vua CETA gặp đức Bồ Tát tại phước xá, bèn than van kể lể rằng: Đại vương ôi! Đại vương quen dùng vật thực cao lương mỹ vị, ngự vãng lai bằng long xa quý báu, ngồi trên bảo tọa, nằm giường ngà nệm gấm, có cung phi mỹ nữ hầu hạ. Nay Ngài ngự đi vào rừng lấy rừng núi làm kinh thành, lấy đất làm gôi, thọ thực những trái cây, chỉ nghe tiếng điều thú, thế thì thăm

thiết đến nhường nào. Ôi! Ngài phải chịu biết bao giao lao khổ nhọc. Tâu, xin Ngài đừng ngự đi đâu, thỉnh Ngài ở lại đây, chúng tôi xin dâng tất cả sự nghiệp Đế Vương đến Ngài trọn quyền sử dụng, chúng tôi đồng tình nguyện làm bộ hạ của Ngài.

Dù được lòng tốt của đức vua CETA cầu khẩn khuyên lơn thế nào, đức Bồ Tát vẫn khước từ. Ngài chỉ một lòng cương quyết tiến hành không nao núng. Đức vua CETA đưa đức Bồ Tát đến núi GANDHAMADANA, xa 15 do tuần, đức Bồ Tát ngự đi đến trước gặp hai cây da có trái ngọt như mật ong, có bóng mát, Ngài bèn nghỉ an thân thể tại đây. Sáng ra, Ngài ngự đi tới nữa, đến núi NÀLIKA là nơi ngụ của loài KINNARA⁵² múa hát như trên thiên cung và có ao nước đủ các loại hoa sen tươi đẹp. Đức vua CETA gặp người thợ săn tên CETAPUTTA, Ngài liền dặn dò CETAPUTTA nên bảo vệ đức Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA, rồi xin từ tạ trở về kinh đô.

Khi ấy, Bồ Tát ẵm trưởng nam JÀLI MADRÌJEYA, nàng MADRÌJEYA bế thứ nữ KANHÀ đi theo CETAPUTTA vào núi GIRÌVANKATA.

Có vị trời VESSUKAMMA vâng lệnh đức Đế Thích xuống tạo hai tịnh thất cách xa nhau, có đủ cả vật dụng thường ngày tiện nghi, trước khi đức Bồ Tát chưa đến. Vị trời VESSUKAMMA viết bản báo cáo rằng: Những người muốn xuất gia chớ nên nghi ngờ chi, hãy vào ngụ trong tịnh thất này và được trọn quyền dùng các vật dụng sẵn có, tùy sở thích cho phạm hạnh cao quý hằng được tăng trưởng, dùng dùng uy lực nguyện cho phi nhơn và các loài ác thú có tiếng không vừa lòng hãy tránh xa ra, đừng đến đây quấy nhiễu, và khuyên Chư Thiên tuân lệnh đức Đế Thích hộ trì đức Bồ Tát và cả gia quyến được an vui. Thi hành xong nhiệm vụ, vị trời VESSUKAMMA bèn trở về thiên cung.

Đức Bồ Tát ngự đến gần mé ao sen SANKETU, đi quan sát chung quanh trong các nơi gần đây, thấy con đường mòn có dấu chân người đi Ngài nghĩ rằng, có lẽ trong nơi đây có người tu hành mới có con đường đi vào núi như vậy. Ngài đi tới trước xem thấy có tịnh thất đủ cả vật dụng mà vị trời đã hóa ra đó, thấy có chữ đề trên bảng, Ngài xét biết có đức Đế Thích thấy việc lành đáng làm, nên Ngài từ bi biến ra để bố thí nơi đây. Ngài nghĩ như thế, đức Bồ Tát phát tâm phi lạc khiến Ngài vững bước trên đường tu luyện. Đức Bồ Tát bèn vào tịnh thất cởi tất cả vũ khí (gươm, cung tên) rồi Ngài cạo tóc tu Đạo sĩ. Xong Ngài trở ra tịnh thất, tâm thần vui tươi phát sanh hi lạc và tuyên bố rằng "Hạnh phúc thay" rồi Ngài trở lại dẫn nàng MADRÌJEYA cũng cạo tóc làm Đạo sĩ nữ tu phạm hạnh được an vui trong nơi ấy.

Nàng MADRÌJEYA Đạo sĩ nữ vì hết lòng thương yêu kính mến chồng và từ bi đến hai con, mong mỗi chồng và hai trẻ được ở an tu hành, nên đến trước

Bồ Tát quì bạch rằng: "Bạch Ngài, xin Ngài từ bi xá lỗi, cho phép tôi từ đây vào rừng hái trái về dâng đến Ngài và nuôi hai con, Ngài chỉ ngự an nơi tịnh thất, không cần phải nhọc thân tâm vào non hái trái. Chính tôi là MADRÌJEYA đây xin hết lòng phụng dưỡng, đi tìm các thứ trái cây dâng Ngài dùng và hai trẻ được an vui, còn phần dư lại để chiêu cho hai trẻ dùng, hoặc có người từ phương xa đến, thì Ngài được dịp để bỏ túc pháp thí Ba La Mật theo sở nguyện. Cầu Ngài phê chuẩn và nhận lời đây lòng thành kính tri ân của tôi, xin Ngài xem tôi như kẻ nô tỳ hầu hạ Ngài vậy"

Đức Đạo sĩ Bồ Tát nhận lời yêu cầu của Đạo sĩ nữ MADRÌJEYA mà rằng: Nàng phát tâm trong sạch nguyện phụng sự như thế, ta cũng chấp thuận theo lời của nàng, nhưng còn một điều nữa là về phép tu phạm hạnh chúng ta cần phải thọ trì cho tinh khiết, ta nay là hàng xuất gia, nhất là đã lánh tình ái, thực hành pháp Sa Môn. Thông thường phụ nữ là bất tịnh đến phạm hạnh (ITTHIMALAM BRAHMACARI YASSA). Vậy kể từ đây, nàng chẳng nên đến tìm ta trong khi khuất mặt của hai trẻ, cả ngày lẫn đêm cho đến trọn đời Đạo sĩ chẳng nên để đuôi"

Nàng MADRÌJEYA hết lòng hoan hỷ quỳ lạy thọ lời giáo huấn của Đạo sĩ, tinh tấn hành theo không dám vi phạm.

Một buổi sáng Đạo sĩ nữ thức sớm, mặc y quét dọn sạch sẽ trong và ngoài tịnh thất, sắp đặt vật dụng cho có thứ tự, xách nước đổ đầy trong những nơi chứa nước. Khi thấy Đạo sĩ Bồ Tát mở cửa đi ra, nàng mới vào trong quét dọn kỹ càng, múc nước rửa mặt. Trang hoàng đầu đầy tươm tất, nàng dạy hai con ở chơi gần Đạo sĩ, để nghe Đạo sĩ sai khiến và dạy bảo.

Phần nàng Đạo sĩ sắp đặt xong xuôi, mang giỏ vào rừng tìm hái trái ngon ngọt dùng làm thực phẩm được. Khi đầy giỏ, vừa đủ cả bốn vị dùng, nàng liền trở về tịnh thất cho kịp giờ thọ thực. Về đến phước xá, nàng MADRÌJEYA dẫn hai con cùng đi tắm rửa cho khỏe. Xong nàng soạn các thứ trái cây để giữa dâng cho Đạo sĩ một phần, còn lại nàng cùng hai trẻ cùng nhau ăn quả độ nhật. Lúc dùng xong, Đạo sĩ nữ quét dọn các nơi rồi dẫn hai con về tịnh thất riêng của nàng.

Đức Bồ Tát trì giới trong sạch, Ngài rải tâm từ bi bác ái đến với tất cả chúng sanh vô hạn, đều đủ các hướng. do Bồ Tát thực hành pháp bác ái đáo bỉ ngạn, khiến tất cả loài thú trong châu vi do tuần đều phát tâm thương xót nhau, thú dữ cũng không ra ngoài chung quanh 3 do tuần núi GIRÌVANKA. Bốn vị Hoàng gia được ngự an vui trong tịnh thất, trên núi GIRÌVANKA trọn 7 tháng.

TADÀ KÀLINGATTHETUNAVITTHA BRAHMNAGÀMAVÀSÌ
JÙAKONÀMABRAH MANO BHIKKHÀ CARIYÀYA

KAHÀPANASATAM LABHITVÀ EKASMIN BRAHMANA
KULETHAPETVÀPUNATHANAM PARIYESA NATTHÀYAGATOTI
TASMIN CIRÀYANTE BRÀHMANA KULAM SANJETVÀ PACCHÀ
ITARENA ÀGANTAVÀ COTIYAMÀNÀNAM KAHÀPANEDATUM
ASAKKONTAM AMITTÀ PANAM NÀMA ATTANODHITARAM
TASSA ADÀSI.

Có một Bà La Môn già nghèo khó, ngụ trong xứ KALINGA. Lão già này cô độc, thường đi xin ăn từ làng này đến xóm nọ, nhịn ăn mỗi ngày được 100 KAHÀPANA⁵³ sợ để trong mình của ấy sẽ hao mòn tiêu mất, nên tìm người bạn thân có thể tin cậy được, để gửi số tiền đó, rồi đi xin ăn trong nơi khác.

Hai vợ chồng người bạn của lão ăn mày, trong thời gian sau, suy sụp nghèo đói và thấy lão JÙJAKA vắng bóng lâu ngày, tưởng là ông đã chết mất, liền lấy số tiền ấy tiêu phí dần dần cho đến hết.

Ngày nọ, bất ngờ lão ăn mày JÙJAKA trở lại nhà người bạn hỏi lấy số tiền gửi. Hai vợ chồng người bạn rất nghèo không tiền trả lại, nên phải năn nỉ sẽ trả... nhưng lão không vừa lòng, rầy la quở trách rằng: Nếu không trả thì ông sẽ thừa đến nhà chức trách. Hai vợ chồng người bạn khẩn khoản không được bèn xin gả con gái tên là AMITTADÀ để trừ số tiền ấy. Lão JÙJAKA vừa lòng, bèn dẫn nàng AMITTADÀ về làm vợ hằng ngày lão JÙJAKA vẫn đi xin đem về nuôi vợ.

Phần nàng AMITTADÀ là gái hết lòng lo phụng sự chồng, không nghĩ rằng có chồng già là xấu hổ, chỉ nghĩ vì do duyên phận đã tạo, nay phải chịu và vui lòng để báo đáp ơn sâu cho cha mẹ, nên nàng rất siêng năng lo làm các công việc cho vừa lòng chồng.

Các thanh niên thấy nàng AMITTADÀ còn trẻ và có nhan sắc, nên tỏ lời trêu ghẹo trong khi lão JÙJAKA đi vắng, song nàng AMITTADÀ tỏ ra lãnh đạm với những lời chọc ghẹo ấy. Những trai thanh niên lấy làm bất bình, nên dùng lời nhục mạ rằng: Trẻ thơ mà lấy ông già không biết xấu. Sau cùng bảo các thiếu nữ chặn đường đánh chửi, làm cho nàng AMITTADÀ rất thẹn thùa bức tức, về than khóc với lão JÙJAKA rằng: Nếu không có người giúp đỡ tôi xách nước kiếm củi thì tôi không ở với ông nữa. Lão JÙJAKA khuyên lon an ủi và hứa sẽ tìm trẻ giúp việc cho nàng. Lão tính sẽ phải vắng mặt lâu ngày, nên dặn bảo nàng AMITTADÀ đừng ra khỏi nhà mà bị người ta hiếp đáp và khinh rẻ. Lão JÙJAKA bèn mang bị lên đường, vừa đi vừa hỏi thăm đến chỗ Bồ Tát ngụ, vì biết rõ đức Bồ Tát có nguyện bố thí bất nghịch ý, ai xin vật chi, có thì Ngài bố thí ngay. Tìm đến chân núi GIRIVANKA, hỏi thăm đường đi lần lên núi, gặp anh thợ săn

CETAPUTTA mà đức vua trong thành MÀTUTTARA đã gửi gắm và cho quyền ngăn cấm kẻ lạ mặt tìm đến làm khổ Bồ Tát. Khi nghe lão JÙJAKA dối gạt rằng ông là đại diện của đức vua SRISANJEYA, sai đến thỉnh đức VESSANTARA Bồ Tát kế vị như trước, anh thợ săn rất mừng, hết lòng tiếp đãi lão JÙJAKA, vì tin chắc lão là đại diện của đức vua. Anh thợ săn niềm nở mời lão dùng cơm với mật ong và thịt rừng, xong dọn chỗ cho ông an nghỉ trọn đêm tại chân núi. Sáng ra, người thợ săn sau khi chỉ đường cho lão JÙJAKA đi lên núi.

Lên lối nửa đường lại gặp một ông Đạo sĩ là ACCUTATAPASA được lão JÙJAKA cho biết rằng ông là đại diện của đức vua cho sai đến thỉnh đức VESSANTARA Bồ Tát. Vị Đạo sĩ cũng hết lòng trọng đãi cho lão JÙJAKA dùng các thứ trái cây và dọn chỗ cho lão an nghỉ. Trong đêm ấy, lão JÙJAKA hỏi thăm biết rõ tình trạng sống hằng ngày của đức Bồ Tát. Sáng ra vị Đạo sĩ đưa lão JÙJAKA một khoảng đường rồi chỉ nẻo cho lão đi ngay đến tịnh thất của đức Bồ Tát, lão nghĩ rằng: "Giờ này nàng MADRÌJEYA Đạo sĩ nữ vào rừng hái trái đã về, vậy ta chờ xem đã, lệ thường phụ nữ hay có tính bòn xén và quyến luyến chồng con, của cải, nếu ta trình diện tỏ bày việc xin con thì nàng không cho mà còn cản trở sự bố thí của chồng nàng nữa. Như thế công việc của ta bất thành, vậy ta nên tạm nghỉ đêm nay, sáng ra nàng MADRÌJEYA vào rừng hái trái chỉ còn đức VESSANTARA với hai trẻ, chừng ấy ta sẽ thực hành theo ý nguyện. Khi kết quả, ta sẽ trở về cùng với vợ ta, thế mới được an vui và không thất lợi". Lão JÙJAKA liền tìm nơi kín đáo để ngừa thú dữ, và nghỉ một trọn đêm đó.

Trong đêm lão JÙJAKA ngủ gần tịnh thất ấy, nàng MADRÌJEYA Đạo sĩ nữ, sau khi dỗ hai con ngủ rồi, nàng bâng khuâng lo nghĩ quanh quẩn việc gì đâu đâu không ngủ được, dường như có điềm chằng lành xảy đến cho nàng. Đêm về khuya quá mỏi mệt, nàng mơ, nàng thấy một người to tướng, mạnh dạn, dị hình, da đen, mặt nám, mặc y nhuộm đà, mắt sâu, má thỏn, hai tai vắt hoa đỏ, tay cầm dao bén nhọn, quơ múa vào gần cửa tịnh thất, la hét chưởi mắng đánh đập nàng, dùng dao mổ lấy tim nàng, nhưng nàng không cưỡng lại chỉ la cho đến tắt tiếng. Khi giật mình tỉnh giấc nghe trái tim đập mạnh, uể oải tâm thần, nàng lấy làm kinh khủng và nghĩ rằng: Ta chưa từng nằm mộng như vậy. Không biết tìm ai để bàn về điềm mộng này, cho biết lành dữ thế nào. Nhìn trước xem sau, tư bề quanh quẽ, chỉ thấy có chồng nàng là Đạo sĩ mà thôi. Vì quá nóng lòng lo sợ, nàng MADRÌJEYA liền đứng dậy đi đến tịnh thất của chồng, nàng kêu cửa và xin Đạo sĩ từ bi tha lỗi cho. Đức Bồ Tát bèn hỏi ai đấy?

- Bạch, tôi là MADRÌJEYA

- A, nàng quên rồi sao, giờ này không phải thời cho nàng đến đây, trong đêm tăm tối như vậy.

- Bạch, vì tôi nằm mộng thấy điều là thường khiến tôi rất lo sợ, cầu Ngài từ bi đoán cho tôi rõ.

- À, nàng ngồi phía ngoài đó, không nên vào trong. Vậy nàng nằm mộng điều chi hãy tỏ bày đi, ta sẽ giải cho nàng nghe.

Đức Bồ Tát nghe rõ từ đầu chí cuối, với trí tuệ Ba La Mật Ngài đoán biết rằng: Sáng này có kẻ ăn xin đến thọ thí. Ôi! đáng tội nghiệp cho hai con, mai này sẽ lìa xa cha mẹ. Thương thay cho nàng MADRÌJEYA sẽ chịu thảm khổ, vì lìa con thơ khờ dại, hiu quạnh một mình ở chốn rừng sâu không được thấy mặt hai con yêu mến, như thường ngày nữa, nếu ta nói ngay ra thì rất trở ngại cho con đường giác ngộ của ta.

Nghĩ như thế Ngài bèn đáp rằng: Nay nàng MADRÌJEYA, vì nàng đã quen nằm trên giường ngà chiếu ngọc, dùng cao lương mỹ vị, nay nàng bỏ đèn vàng điện gấm, trải tuyết dầm sương, phải dùng trái cây mà tự mình đi tìm kiếm, nằm trên lá cây làm cho tứ đại bất hòa, ngủ không an giấc nên nàng thấy mộng lạ thường, làm cho nàng phải buồn lòng lo sợ, nàng hãy trở về an nghỉ đi.

Nàng MADRÌJEYA vâng lời từ tạ trở về tịnh thất. Nhưng lòng vẫn còn thắc mắc chẳng yên. Trời dưng sáng, tiếng các loài chim líu lo cùng nhau bay đi kiếm ăn, nàng bèn ẵm hai con đem đi rửa mặt và dùng lời an ủi hai con rằng: Nay hai con yêu mến của mẹ ôi! Hồi khuya này, mẹ nằm mộng thấy điều khác thường, mẹ có đến hỏi cha hai con, Ngài đoán là không gì lạ. Song mẹ chẳng an lòng, tin đâu. Hai con nên lắng tai nghe lời mẹ dạy: Nay con KANHÀ ôi! Con đừng dễ duôi, quá ham chơi nhé, nên thương xót em con ngây thơ khờ dại. Hai con hãy gắng ghi lời mẹ dặn dò mọi lẽ, phải cẩn thận và thương yêu nhau. Nói xong, nàng MADRÌJEYA ẵm hai con nâng niu hôn hít một hồi, rồi tay bông KANHÀ tay dắt JÀLÌ đến tịnh thất của chồng để hai con yêu mến trước mặt Bồ Tát và bạch rằng:

- Cầu xin Ngài tế độ tôi với, xin Ngài từ bi thương xót hai con, ghé mắt xem chúng và kêu gọi cho trẻ chơi gần bên chân Ngài. Hai con khờ dại chỉ biết giỡn chơi mà thôi, ví như thú con, khi xưa cha mẹ bơ vơ một mình, thường hay đùa giỡn vui chơi, khôn biết tai họa xảy đến là thế nào. Ngài ôi! Cầu Ngài giúp tôi, để chăm nom hai trẻ trong lúc này, chúng là bạn yêu mến, trong cơn khổ cực của tôi. Vậy Ngài nên tội nghiệp MADRÌJEYA đi, chớ bỏ qua lời cầu khẩn của tôi.

Khẩn cầu gởi gắm xong, nàng lạy tạ lui về tịnh thất, sắp đặt mang giỏ vào rừng hái trái. Vừa ra đi nhớ tới hai con, nàng bận bịu quay trở lại dặn bảo, nâng ẵm tung tiu hai con không không đành rời bước, khác nào cảnh từ biệt cuối cùng của tình mẫu tử: Này hai con quý mến của mẹ ôi! Nếu mẹ có thể xẻ thân ra làm hai, mẹ xẻ ngay phân nửa đi, nửa ở lại vừa lòng thỏa thích đến hai con quý mến của mẹ. Ôi! Tâm mẹ rất quyến luyến hai con trong giờ này, mẹ không đành lìa hai con vào rừng hái trái.

Thương hại cho hai con sanh ra cô độc, xa lìa hoàng tộc, chỉ có mẹ mà không gần được trọn ngày. Đến xế chiều mẹ mới trở về, sáng ra lại đi nữa chẳng có ai bên cạnh chăm nom săn sóc hai con. Vậy hai con phải tự thân trọng nhau đi, đầu đuôi chỉ có hai anh em mà thôi; vì mắc nghiệp xưa nên nay mẹ phải chịu xa hai con như vậy. Ôi! Này hai con quý mến của mẹ! Mẹ xin giả tử hai con.

Nàng MADRÌJEYA ra đi mà lòng vẫn quán quít khó dứt, dòi, liếc nhìn hai con quý mến còn khờ dại, khiến nàng sa lệ; chân bước đi, nhưng mắt còn ngoảnh lại nhìn con vô cùng bận bịu, song phải buộc lòng ngưng lệ để vào rừng hái trái đem về nuôi ba Hoàng gia trong lúc ấy.

Ánh sáng bình minh vừa ló mọc, lão JÙJAKA nghe tiếng chim riu rít trên cành, khiến lão vui mừng hăng hái trời dậy, tìm nước rửa mặt xong, lần đến tịnh thất của đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát thấy lão JÙJAKA đến lạy làm hoan hỷ, gọi mời lão rằng: (EHIVATTABBO) Này Bà La Môn! Mời người là bạn đại hạnh, dẫn ta đến hướng Niết Bàn, người hãy vào an nghỉ đi, người giúp cho ta đem hai con bố thí Ba La Mật.

Đức Bồ Tát liền gọi con trưởng nam là JÀLI tiếp rước lão JÙJAKA rồi Ngài nói câu kệ rằng:

- UTTHEHI JÀLI PATITTHA PORÀNAMVIYADISSATI BRÀHNAM
VIYAPASSÀ MI NANDIYOMÀBBRÀHMÀVADISSATI
ATTHIKOVIYAÀYÀTI ATITTHINOBHAVISSATITI.

- Con ôi! Con JÀLI nên hiểu tâm trạng của cha, con có ưa thích ông lão đó chăng?

JÀLI nghe cha dạy nên vừa theo ý cha, song chưa biết lão Bà La Môn này giả Đạo sĩ đến làm hại hay xin vật chi. JÀLI ngoan ngoãn chạy đến lão JÙJAKA và lễ phép thưa rằng: Thưa tui ông đừng vật chi mà nặng vậy? Đưa đây cháu xin mang hộ cho. Lão JÙJAKA nghe nói tắc lưỡi nghĩ thầm: Đứa bé này có lẽ là JÀLI con của đức vua. Thông thường loài công có màu lông lóng lánh không bao giờ hoại mất, như gai không mài cũng nhọn tự nhiên,

thế nào, dù ta có xin được đưa trẻ này về, nó cũng rấn mắt khó dạy, để ta dùng lời đe dọa dẫn mắt nó trước, mà rằng: Mày là đứa con ai vô lễ, dám đến gần bậc trưởng thượng, hãy tránh ra đi, đừng ngỗ nghịch, coi chừng cây gậy này đây, không thấy sao? Vừa nói vừa trợn dục. Mày muốn lãnh một cây gậy này không? Rồi quơ gậy dọa nạt. Trẻ JÀLI bèn tránh xa và nghĩ rằng lão này thật là hung tợn.

Lão JÙJAKA dọa nạt trẻ JÀLI rồi lặn vào quì lạy đức Bồ Tát tỏ lời thiện cảm rằng: Tâu bệ hạ ngự lên ngự nơi đây được an vui chăng? Thường ngày có thú dữ đến chăng? Thực phẩm có đầy đủ chăng? Thấy bệ hạ từ bỏ đèn vàng gác tía lên đây, tôi lấy làm cảm phục vô cùng và hằng khẩn cầu được cho bệ hạ sức khỏe kiện toàn tinh tấn tu hành mau đến ngày giải thoát. Tâu bệ hạ, nước của năm con sông nhất là sông Hằng (GANGÀ) hằng chảy ra đại hải, mà biển to cũng không bao giờ tràn ngập, thế nào, tôi đây là kẻ ăn xin ngày này qua tháng nọ, cũng vẫn chưa no đủ. Vì thế không nệ tuổi già sức yếu, khô cứng, gian lao trải bao dặm trường lên ải xuống đèo đến đây tôi chỉ mong cầu xin bệ hạ cho hai trẻ JÀLI và KANHÀ để đem về làm tôi tớ, cầu bệ hạ hoan hỉ bố thí Ba La Mật đến tôi đi.

Đức Bồ Tát nghe lão JÙJAKA tỏ lời cầu xin hai con, Ngài hoan hỷ, ví như kẻ nghèo được vàng, người khát gặp nước, Ngài liền đáp: Nay ông lão ôi! Ông đến xin hai trẻ quý mến, ta vui lòng dứt sự quyến luyến cho đến ông. Nhưng, ta mong ông lưu lại một đêm chờ nàng MADRÌJEYA trở về cho nàng thấy mặt hai con, vì nàng sanh và dưỡng hai trẻ từ lâu. Tâm bố thí Ba La Mật của nàng cũng sẵn có, để cho nàng được như nguyện. Vậy ông hãy nán đợi nàng trở về, sáng mai sẽ đi cũng chẳng muộn.

Lão JÙJAKA tâu: Ngài muốn cho tôi đợi đến mai chờ lệnh bà trở về, điều này khiến cho tôi lo ngại lắm (ITTHÌYOMANTAM). Thông thường phụ nữ có nhiều mưu chước hẹp hòi chỉ tốt ngoài miệng chớ trong lòng hằng bòn xén, dính mắc không muốn rời những nhân vật của mình đã có, khó dứt bỏ đem làm việc lành, muôn người chỉ có một, thật là khó. Nếu nàng thương tiếc hai con không chịu cho thì Ngài cũng mất duyên lành bố thí Ba La Mật, khó được đạo quả Niết Bàn chăng?

Tâu, nếu Ngài có đức tin bố thí, cầu Ngài từ bi gọi hai trẻ cho tôi dẫn về làm tôi tớ giúp việc cho vợ tôi là AMITTADÀ tốt hơn là buộc tôi phải lưu lại đây một đêm nữa.

Đức Bồ Tát nghe lời tâu của JÙJAKA, không chịu nán lại, Ngài bèn khuyên bảo rằng: Vậy ông nên dẫn hai trẻ này đến kinh đô của đức vua SRÌSANJEYA, rồi Phụ Vương ta sẽ ban thưởng ngựa, bò, trâu, tôi trai, tó gái, vàng bạc không thiếu chi.

Lão JÙJAKA tâu: Tôi không dám đâu, nếu đem hai Hoàng gia đến đức Phụ Hoàng, sợ e Ngài cho tôi là kẻ trộm cháu, Ngài bắt hành phạt hoặc xử tử tôi, chừng ấy lấy đâu ra khiêu nại. Tâu, tôi đến đây vì tình thương vợ, nên tôi không nệ tuổi già cực nhọc, mong đến xin được hai trẻ đem về cho vợ sai khiến là được toại nguyện rồi, tôi không mong cầu điều chi cao sang hơn nữa. Vậy nếu bệ hạ sẵn lòng bố thí, xin Ngài gọi hai trẻ đến giao cho tôi ngay bây giờ đây.

Thương thay cho JÀLI và KANHÀ được nghe biết điều không may sắp diễn đến, hai trẻ run sợ, ví như thú con được nghe tiếng cộp thét, mong tìm đường trốn thoát. Trẻ JÀLI bèn nắm tay em là KANHA chạy ra khỏi tịnh thất, tìm ẩn trong kẹt cây, nhưng vẫn sợ lão JÙJAKA tìm gặp, nên cố tìm trốn núp từ cội cây này đến cội cây khác, nhưng nơi nào cũng thấy không kín, hai trẻ liền xuống ao trầm mình, lấy lá sen che đầu, mong trốn cha và lão ăn mày vì quá kinh sợ.

Không thấy hai trẻ trong nơi đó, lão JÙJAKA bất bình bèn tỏ lời trách cứ đức Bồ Tát rằng: Tâu, trước tiên Ngài đã tỏ tâm trong sạch hoan hỷ, bố thí không ngần ngại, tôi chưa hết lời mà Ngài đã vui lòng cho con, vậy thật đúng theo lời đồn là bậc vua chơn chánh đáng trên hết. Nhưng chẳng biết Ngài nghĩ thế nào lại bảo tôi chờ nàng MADRIJEYA về, khi thấy tôi không vừa lòng Ngài bèn dạy tôi đem hai trẻ đến đức vua SRISANJEYA, sau cùng biết tôi không tuân theo, Ngài lại ra dấu cho hai con trốn tránh, hai trẻ đã thấy cha ra ám hiệu nên chúng đã ẩn mình vắng bóng. Bậc vua chúa mà tính tình như trẻ con, nói quá lời như thế có nên chăng? Tôi chưa từng thấy vị hoàng đế nào như đức VESSANTARA này.

Đức Bồ Tát biết hai trẻ sợ nên chạy trốn mình, nên lão ăn mày mới dám sĩ nhục Ngài, Ngài bèn nói: Ông lão ôi! Ông đừng trách cứ ta, để ta tìm hai trẻ cho. Rồi Ngài theo dấu chân hai trẻ mà đến ao sen, đức Bồ Tát than với con bằng kệ ngôn rằng:

EHITÀTA PIYAPUTTA PURETHAMANA PARAMIN HATA YAMME
BHSINCETHA KAROTHACAVANAMMAMA YÀNANÀVÀ
VAMEHOTHÀ ACA LÀBHAVA SÀGARÀ JÀTIPÀRAMGAMISSÀMI
SANTÀRESSAM SADEVAKANTI EHIAMMAPIYÀDHITA PIYÀME
DÀNAPÀRAMIN HADAYAMMEBHSINCETHA DAROTHA
VACANAM MAMA YÀNANÀVÀVAMEHOTHÀ ACA
LÀBHAVASÀGARÀ JÀTIPÀRAMGAVISSÀMI UDDHA RISSAM
SADEVAKAMTI TAMATTHAM PAKÀSENTO SATTHÀ ÀHATATO
KUMÀRE ÀDÀYA JÀLINKANHÀ JINANBHO BRÀGMANASSA
ADÀDÀNAMSÌVI NAMRATTHA VADDHANOTI TATO KUMÀRE

ÀDÀPHA JÀLINKANHÀ JINANCUBHO ... CANO IME TÀNIAMMÀ
UDIKKHANTI SOKAM PATIVINESSATITI.

Này con JÀLÌ, con yêu quý của cha ôi! Con sinh trong nhà vua, hàng quý tộc, tại kinh đô SIRVIRÀJA lẽ đâu con dạn dĩ, đành bỏ cha, cho lão Bà La Môn vô lễ nhục mạ cha, con có nghe chẳng? Con quý mến! Chúng ta là dòng vua cao quý, chưa từng bị ai đến tỏ lời chê trách. Con ôi! Con có biết chẳng? Cha rất quý mến sự giác ngộ, mong độ tận chúng sanh thoát vòng sanh tử, mà trong đời chưa ai từng thực hành được. Những thuyền nào mà kẻ thương mãi đã tạo chướng ngại bằng các cây danh mộc, khít nhau và bền vững có họa hình sư tử v.v... khi đến mùa họ dùng chèo chở các hàng hóa, chờ lúc biển êm sóng dịu, họ trương buồm tách ra bề khơi, chẳng may gặp cơn gió lớn sóng to tạt vào thuyền tan rã chìm trong đại hải. Những thủy thủ đều làm mồi cho cá, chẳng còn dư sót, bởi thuyền đời không kiên cố.

Này hai ôi! Hai con hãy dòm thấy xa. Hai con hãy là chiếc thuyền báu vững bền, cho cha đưa chúng sanh đến bờ kia, tức là Niết Bàn, thoát vòng sanh tử. Vậy hai con nên chằng ắn mình dưới ao sen, hãy lên giúp cha để cha bỏ thí Ba La Mật trong giờ này đi.

Trẻ JÀLÌ khi nghe được lời than thở và khuyên giải của cha mới nghĩ rằng: Ta đây là con của đức vua, vì sao lại im lặng cho cha kêu đòi ba lượt, thật là không nên đâu. Dù lão già này có tàn nhẫn đánh đập hoặc giết hại, ta cũng mặc đời, tùy ý. Trẻ JÀLÌ liền vệt lá sen lên đi, hôn chân phải của cha khóc ròng.

Đức Bồ Tát hỏi: Còn em con ở nơi nào, JÀLÌ?

- Thưa phụ vương, lệ thường chúng sanh khi có sự lo sợ, thì mau tìm đường thoát thân là lẽ cố nhiên.

Đức Bồ Tát bèn gọi KANHÀ bằng những lời khuyên nhủ như đã kêu JÀLÌ vậy. Trẻ KANHÀ cũng xét thấy anh như JÀLÌ nên mau lên khỏi ao, đến hôn chân trái của cha, thật đáng thâm thương cho hai trẻ hiếu đạo cao quý này. Hai anh em nhìn nhau giọt lệ tuôn rơi, vật mình khóc kể dưới chân của đức cha lành.

Trước thâm trạng thương tâm ấy, đức Bồ Tát lấy làm cảm động, cúi đỡ hai con, không ngăn được giọt lệ, đành để rơi lã chã trên mặt con yêu quý, tâm Ngài héo hon không đứng vững, khòem xuống an ủi lau mặt cho hai con. Ngài đỡ hai đứa trẻ đứng dậy và nói rằng: này JÀLÌ và KANHÀ con ôi! Hai con rón nghe lời cha, hãy vui và tươi tỉnh lên đi. Con KANHÀ ơi! Con hãy ngược mặt lên nhìn cha, rồi vui vẻ tươi cười thể mới xứng con rồng cháu giống. Con ưu sầu thâm khóc làm gì, cha đây có phải là phụ thân con chẳng?

Hai con đã sáng suốt và nhận định chắc rồi; nếu cha có sẵn vàng bạc châu báu đầy đủ, cha đâu nỡ để cho hai con đi lang thang bị hành hạ khổ sở như vậy. Ôi! giờ đây cha vô cùng sầu thảm, thấy hai con yêu quý hơn muôn phần vàng bạc.

Đức Bồ Tát bèn đánh giá hai con như chủ đánh giá bò, mà thốt rằng: hai con hãy nhớ lời cha dạy: Nếu có ai đến mua chuộc hai con ra khỏi tay lão JÙJAKA. Con JÀLÌ tìm cho đầy đủ ngàn lượng vàng. Về phần con KANHÀ, phải có bò sữa, bò đực, ngựa, tời trai, tời gái, mỗi loài một trăm và một ngàn lượng vàng đưa đến tay lão JÙJAKA giờ nào, thì hai con mới được tự do trong giờ ấy. Con ôi! Con chớ trách cha là thiên vị thương con không đồng nhau không phải thế đâu nghe, JÀLÌ.

Đức Bồ Tát bèn vỗ về hai con rằng: "Lại đây hai con hiếu thuận, đừng chậm trễ, lão Bà La Môn chờ đợi". Ngài nắm tay KANHÀ dẫn đến tịnh thất để ngồi trên tảng đá. Đức Bồ Tát múc một ve nước trong, gọi lão JÙJAKA rằng: Này Bà La Môn ôi! Hãy vào lãnh ba trẻ đi. Ngài rưới nước trên tay lão JÙJAKA và chú tâm rãi lòng từ bi phát sanh tình cảm trong sạch rằng: Bà La Môn ôi! Cả hai con ta đây, ta quý mến như quả tim, như đôi mắt của ta vậy. Vì ta rất yêu chuộng sự giác ngộ trăm phần hơn con ta, cầu uy lực của sự bố thí này xin cho ta sẽ được chứng quả Phật Bảo trực giác (BUDDHARATANANANA) trong ngày vị lai.

BHIKKHAVE! Này chư tăng! Đức VESSANTARA Bồ Tát khi Ngài đem hai con quý mến thí đến lão JÙJAKA lúc Ngài rưới nước trên bàn tay lão JÙJAKA khiến cho địa cầu dày 240 ngàn do tuần phải chấn động, đây là huyền diệu phi thường.

Này các Tỳ Khưu! Khi lão JÙJAKA được đức Bồ Tát cho hai con rồi, lão liền kéo lôi hai kẻ đến và trói cả hai tay của trẻ lại, lão cầm mỗi dây lôi đi, la hét chưởi mắng, đánh đập trước mặt đức Bồ Tát, không chút thương xót, vị nể.

Trẻ JÀLÌ khóc và than rằng: Cha ôi! Vì sao cha không lòng thương hại giùm mẹ MADRÌJEYA là bạn cơ hàn, buổi sáng này, lúc mẹ con vào rừng hái trái, đem con phó thác cho cha, khóc than kẻ lữ, bây giờ cha đành để cho lão bất hạnh này tự do dày xéo hai con trước mặt cha như thế có nên chăng? Xin trăm lạy ông, tội nghiệp chúng tôi, đừng quá đánh đập, chưởi mắng chúng tôi. Ông ôi, tôi xin lạy ông, em tôi còn bé thơ khờ dại. Ôi, thương hại em tôi quá. Vừa khóc vừa van lơn đưa lưng đỡ đòn che trở cho em. Thảm thay cho trẻ JÀLÌ bị đánh nhiều lần roi ngang dọc, rướm máu khắp mình rên la than khóc, cầu khẩn mà lão JÙJAKA chẳng chút từ tâm, nên kêu đến cha xin cha khuyên can ông lão nương tay đánh đập. Cha ôi! Nỡ nào cha lãnh đạm để

cho chúng con bị hành hạ tàn nhẫn như vậy, rất thê thảm cho em con khờ dại, chịu sao thấu những trận đòn đau. Ôi! Thật là vô cùng thảm, hại. Cha ôi! Xin cha tưởng đến chút tình phụ tử cứu vớt con với. Xin ông từ bi chờ chót lát chờ mẹ con về rồi sẽ dẫn đi, giờ đây mẹ con cũng sắp về đến. Ôi, tội nghiệp em con vô cùng đau đớn.

JÀLI khóc và ôm em than thở, chỉ còn trông cậy ở mẹ hiền mau về kịp, cho mẹ con gặp mặt. Ôi! Mẹ ta trở về hay chưa hoặc đã đến nửa đường? Càng trông càng vắng bóng mẹ! Lão JÙJAKA nào kiêng nể lệnh vua, ông vẫn đánh chửi hành hạ hai trẻ. Trẻ JÀLI kêu la nài nỉ bất thành bèn than với em rằng: KANHÀ em ôi! Lấy ai để cứu khổ chúng ta, cha ta đã lãnh đạm rồi. Cha ôi! Nếu cha không thương hại con, thì xin cha tưởng đến em KANHÀ. Ôi! em tôi còn nhỏ dại, chỉ biết la khóc kêu mẹ mà thôi, thật đớn đau biết dường nào. Cha ôi! Lẽ nào cha im lặng như tảng đá to, không lay động vì gió, đành lòng để cho hai con cam chịu khổ hình như vậy.

Ông lão đánh chửi và kéo lôi hai trẻ không chút từ tâm, hai trẻ càng la khóc càng bị đánh chửi bội phần. Trẻ JÀLI kêu cha xin từ biệt và than cùng em rằng: Em ôi! biết bao giờ mới trở lại thấy cha và mẹ quý mến của chúng ta nữa. Chúng ta chắc phải bị ông JÙJAKA hành hạ cho đến chết theo sở thích của ông rồi.

Khi trẻ JÀLI kêu cha tiếp cứu, đức Bồ Tát vẫn tham thiền, không để ý đến. Thảm thay cho trẻ JÀLI liếc xem em KANHÀ, than khóc và khuyên giải rằng: Nay em KANHÀ, những người nam nữ nào đã sanh ra trong đời chưa đến Niết Bàn, đều phải chịu khổ não, lo sợ như anh em chúng ta đây. Khổ này đâu sánh bằng những nỗi đau đớn của mẹ chúng ta, khi trở về mà không thấy anh em ta, thì ắt mẹ vật mình than khóc, vì con là bạn thân lúc cơ hàn. Mẹ ôi! mẹ thường được an vui hơn hờ với KANHÀ và JÀLI mỗi ngày, mà nay phải vắng bóng, lìa xa tình mẫu tử. Ôi! Thật là vô lượng thảm khô.

Đức Bồ Tát khi nghe được hai trẻ khóc than, trong ngày ấy không thể dằn sự đau lòng được, nhưng vì thẹn với Chư Thiên nên Ngài ngự vào tịnh thất khóc thầm rằng: Ôi! Con là bạn lúc cơ hàn của cha. Con đã từng làm nghiệp thế nào, hôm nay phải chịu khổ cực vất vả cho lão JÙJAKA hành hạ tàn nhẫn đến thế, lão lôi kéo còn thêm đánh đập, xiết bao đau lòng xót dạ. Ôi! giờ xé này, mẹ con gọi nhau lại dùng quả đờ lòng, người lo tắm rửa cho con, thay quần đổi áo, vỗ về con ngủ. Hôm nay, ai từ bi cho con ta tắm, bị đánh đập dày vò thân thể, chân không mang dép, quần áo tả tơi, nằm bờ té bụi, trăm bề khổ não. Hai con quý mến của ta ôi! Ông lão thật là độc ác đánh hai trẻ trước mặt ta, như ngư phủ đập cá chẳng chút khoan hồng. Nghĩ đến đây, Ngài phát tâm bất bình muốn giết lão JÙJAKA, song nhờ trí tuệ Ngài quán

tưởng kịp về đức tính của hành thuộc về dòng dõi chư Phật rằng: Ta đem con ra bố thí mong chứng được Phật quả, lẽ nào ta lại làm trở ngại con đường giác ngộ. Nay VESSANTARA người chớ nên nghĩ quấy, khi đã cho rồi, mặc hấn muốn hành động thế nào tùy sở thích, người không nên để ý đến, đã thí rồi còn thương tiếc là có sao? Ngài liền vào tọa thiền cho tâm yên lặng, sắc mặt Ngài trở nên vui tươi, tinh thần sáng suốt.

Khi lão JÙJAKA dẫn hai trẻ đi, lão lỏ chân vấp té, lão đứng dậy bẻ roi đánh đập hai trẻ trước tịnh thất của đức Bồ Tát. Thảm thương thay cho hai trẻ thân hình bầm dập vô cùng đau đớn. Trẻ JÀLI gọi em mà than rằng: Nay em KANHÀ ôi! Người đời họ nói, không cha có mẹ cũng vui, vắng mẹ con phải cút côi thiệt thòi, trẻ nào xa cha còn mẹ cũng vừa chịu được, chớ lia mẹ còn cha cũng như không, khác nào không cha mẹ vậy, dù có bị khổ não đến đâu cha cũng điềm nhiêm. Do đó, mà người đời hằng cho ân đức của mẹ là cao hơn. Lời nói đó thật là đúng đắn em ôi, như chúng ta vì xa mẹ nên mới bị lão JÙJAKA hành hạ như thế này.

Khi lão JÙJAKA dẫn hai trẻ đi đến đường gồ ghề, ông vấp chân té nhào lăn, hai trẻ thừa cơ lén chạy về tịnh thất của cha. Lão JÙJAKA đứng dậy được bèn đuổi theo đánh đập hai trẻ ngã lăn, la khóc kêu cầu cứu. Ôi! Cha ôi, cha có hay chẳng giờ này chúng con bị khổ trăm bề thâm. Ôi! Tội nghiệp em KANHÀ còn nhỏ dại, xin ông thương xót đừng đánh em tôi.

Lão JÙJAKA lôi kéo hai trẻ dần dần xa tịnh thất của đức Bồ Tát. Thương thay bé KANHÀ khóc than thảm thiết, vì quá đau đớn mệt mỏi kêu anh mà rằng: Anh JÀLI của em ôi! Em khát sữa đói lòng đi không nổi nữa. Trẻ JÀLI an ủi em rằng: Em ôi! Em rón đi đường còn xa, chẳng có ai đến tiếp cứu mình đâu. Bạn cơ hàn của anh ôi! Nếu em đuối sức nằm đây, anh cũng nguyện chết theo em, tham sống làm gì phải chịu khổ thế này.

Thảm thay cho hai trẻ than thở cùng nhau, bơ vơ cảnh lạ chỉ còn trông cậy ở Chư Thiên. Hai trẻ khẩn vái cầu trời cho mẹ chúng tôi mau đến chỗ này, được gặp mặt chúng tôi, cho mẹ con thấy nhau lần cuối cùng, còn không bao lâu lão JÙJAKA sẽ dẫn chúng con ra khỏi rừng núi rồi, biết đâu mà tìm con. Mẹ ôi! Nếu mẹ trở về không thấy mặt chúng con, thì mẹ khổ não biết bao, không cùng tả xiết. Mẹ ôi! Chừng nào chúng con mới được hội ngộ xum vầy hết khổ được vui hỏi mẹ!

Nói về đức Bồ Tát là dòng dõi chư Phật. Ngài bỏ tước pháp thập độ, thí hai con yêu quý cho lão JÙJAKA dẫn đi trong nơi gồ ghề thảm trạng như thế, làm cho thế giới đều chuyển động. Đáng thương cho trẻ KANHÀ ấu thơ chưa rời vú mẹ, phải chịu cho lão JÙJAKA kéo lôi đánh chửi.

Khi nghe được những lời than van cầu khẩn của trẻ, Chư Thiên trong rừng đều cảm động, thương hại cho hai trẻ phải lìa cha mẹ và chịu trăm bề khổ cực, rồi đây đến lúc nàng MADRÌJEYA trở về không thấy hai con yêu mến, nàng phải vật mình kêu la khóc kể, thật là thê thảm biết bao.

Muốn cho đức Bồ Tát được bỏ túc bố thí Ba La Mật, nên ba vị trời biến ra làm sư tử, cọp và beo nằm giữa đường đi, không cho nàng MADRÌJEYA trở về sớm, sợ gặp lão JÙJAKA xin con, e có sự trở ngại bố thí Ba La Mật của Bồ Tát.

Nàng MADRÌJEYA từ buổi sáng ra khỏi tịnh thất hằng có tâm xôn xao, bứt rứt không yên, lo cho hai con sẽ bị việc chẳng may. Đi đến nơi đã quen hái trái, thấy lạ thường hôm qua cành lá sum suê, nay lại biến đâu cả thấy, vì thế mà nàng MADRÌJEYA phải đi đến nơi này chỗ nọ, để tìm hái trái mất nhiều thời giờ hơn mọi bữa, thậm trí cho đến hoa cũng khó kiếm được. Nàng cố tìm quả cho đầy đủ dâng về sớm, để thấy mặt hai con, sợ có việc chẳng lành xảy đến. Nàng cố gắng hái trái cho vừa đủ, không cần lựa chọn trái ngon như mọi khi. Nhìn lên thấy mặt trời gần lặn, lầy lẫm lo sợ, nàng bèn bươn bả trở về. Chợt nhìn thấy ba ác thú nằm cản đường, nàng phát rộ lên một cơn khủng hoảng, thật là thảm khổ. Biết theo lối nào mà về, cả hai bên đường đều là cây gai, tảng đá chập chồng không nơi tẩu thoát. Hai con ôi! Nhớ đến hai con mẹ càng thêm rối lòng bức rức, biết đường nào mà trở về được. Bất đắc dĩ ngồi xuống khẩn vái rằng: "Xin ba ngài rủ lòng từ tránh đường cho tôi về tịnh thất, được kịp thời, thương hại cho hai con tôi còn ấu thơ không ai chăm nom, bé KANHÀ con tôi còn bú, giờ này trẻ khát sữa trông mẹ rất đáng thương. Trời đã tối, xin ba vị về hang ngọc nghỉ an. Cho phép tôi đem trái cây về nuôi chồng con. Tôi là công chúa MADRÌJEYA, con của đức vua MADHARAJA và Hoàng Hậu của đức vua VESSANTARA, tôi thương chồng mong theo để báo ân và làm trọn phụ đạo, xin ba vị từ bi mở đường cho tôi tội nghiệp."

Ba vị trời được nghe lời cầu khẩn, khóc than của nàng MADRÌJEYA xin đường về tịnh thất, ba vị cảm động tránh đường, nàng MADRÌJEYA liền quày giở lên vai về tịnh thất, là nơi hai con quen chơi giỡn chờ đón mẹ. Không thấy hình dạng hai con trong nơi nào, nàng hoảng hốt kêu to rằng: Báu KANHÀ, con JÀLÌ của mẹ ơi! Con ngoan của mẹ đâu? Mẹ về đến rồi, vì sao con yêu quý không chạy đến rước mẹ? Mọi ngày trước hai con trông mẹ về chạy đến mừng quỳnh và hôn mẹ, con JÀLÌ chọn lựa trái cây, con KANHÀ quần quít theo đòi sữa, nằm nghiêng ngửa trên mình mẹ theo sở thích. Hai con yêu quý của mẹ ôi! Hai con chưa từng để chân trên đất, chưa bị ai rầy la, chỉ quen tiếng nghe mẹ ru hát võ vè, có mẹ quạt nồng đắp lạnh, mẹ hằng chăm nom đủ mọi điều. Hai con chưa từng xa mẹ một ngày. Ôi! Ta

chưa từng gặp tình cảnh thái quá như ngày hôm nay. Mẹ không nệ dầm sương phơi nắng đi tìm trái nuôi con và chồng mỗi ngày không biết mệt, mẹ bỏ hai con mồ côi từ trưa, khi mẹ trở về hai con vội vã đến mừng, thấy mặt hai con vui cười thì mẹ liền vui sướng, quên hết tất cả sự mệt nhọc. Ôi! Từ trước mẹ quen nghe tiếng hai con líu lo dịu dàng êm ái nơi đây, đây là dấu chân của JALI, kia là dấu chân của KANHÀ, mẹ còn nhớ được, đó là nơi hai con chơi cát, kia là đồ chơi còn để lại, vậy hai con yêu mến của mẹ đâu? Ôi hai con đi nơi nào mà mẹ chưa gặp. Tình thật này ời! Trước kia cảnh vật vui vậy, là nơi hội mặt hai con đùa giỡn hí hả cùng nhau trước mặt mẹ, nay lại im lìm vắng vẻ như chốn mồ hoang có lẽ hai con đã lìa xa hẳn ngực mẹ, trong giờ này chẳng?

Thoáng qua một niềm an ủi, nàng MADRÌJEYA hy vọng rằng: Hay là chồng ta bảo hai con nên ngủ trong tịnh thất chẳng, vì hôm nay ta về trễ? Nàng nửa mừng nửa lo, vụt chạy hỏi Đạo sĩ rằng: Tâu, Ngài có gìn giữ hai con đây chẳng?

Đức Bồ Tát mặc dù biết rằng nàng MADRÌJEYA rất khổ tâm, nhưng Ngài muốn thoa dịu lòng bồn bộn của sự thương tiếc, nên Ngài bèn quở trách rằng: Nàng chung vui cùng ai mà lâu thế? Đến giờ này mới về tìm hỏi con, ai biết được. Nàng chớ đến trong giờ này, hãy ra khỏi cho mau đi.

Nàng MADRÌJEYA chạy tìm con cả đêm, than khóc kêu gọi con ời, con hỡi, biết là biệt tích, nàng té nằm bất tỉnh dưới thang, nơi tịnh thất của chồng.

Đức Bồ Tát thấy thế bèn nghĩ rằng: Nếu ta không nói thật ra cho nàng rõ, ắt nàng sẽ bẽ ngực chết ngay. Ngài liền bung thau nước bước xuống lau mặt cho nàng hồi tỉnh, rồi phán rằng: Nay nàng MADRÌJEYA ôi! Cả hai con chúng ta, anh đã đem bố thí cho lão JIJAKA rồi, nàng hãy chú tâm bỏ tấc bố thí Ba La Mật đi. Nàng MADRÌJEYA bèn hoan hỷ bằng tiếng SÀDHU!SÀDHU (phải rồi, lành thay).

Nàng MADRÌJEYA tâu: Nếu Ngài từ bi nói thật như thế, dù sống hay chết tôi cũng không quá đau lòng xót dạ đâu. Tâu, vì sao Ngài không cho tôi biết sớm?

- Nay nàng MADRÌJEYA! Nếu ta vội cho nàng hay khi nàng vừa trong rừng vừa mới trở về còn mệt nhọc, sự nóng nảy và yêu mến hai con thái quá, sẽ siết chặt tim nàng, vì hai trẻ là bạn cơ hàn. Nay MADRÌJEYA ôi! Chớ nên sầu thảm vì hai trẻ đi xa.

- Tâu, vì tôi đã cố gắng chăm nom từ lâu, xin hoan hỷ bằng sự đem hai trẻ bố thí Ba La Mật, cầu cho tâm của Ngài được mát mẻ.

- Này nàng MADRÌJEYA! Nếu ta không cho theo tâm trong sạch thì quả địa cầu này đâu có rung động.

Rồi Ngài tường thuật tự sự cho nàng MADRÌJEYA nghe, Chư Thiên và trời Đế Thích đồng tỏ lời tung hô hoan hỷ vang lừng trên không trong thời ấy.

Khi hai Hoàng gia phát tâm mát mẻ trong sạch vui thích sự bố thí Ba La Mật, đang ngụ trong tịnh thất riêng tại núi GÌRIVANKA mà tu hành, đức Đế Thích là chúa cả Chư Thiên tại Đạo Lợi Thiên cung, hằng có thiện chí hoan hỷ hộ trì những trời, người, nhất là bậc cố gắng bồ tát pháp thập độ, cầu được giác ngộ chánh biến tri. Ngài suy xét thấy đức Bồ Tát, vì sự bố thí hai con yêu quý mà làm cho địa cầu rung động, nếu có kẻ nào đến xin nàng MADRÌJEYA là bạn biết lúc cơ hàn, Ngài sẽ thỏa thích cho nữa. Khiến phải cô độc vắng vẻ một mình. Khi ấy Ngài có thể tự cấp⁵⁴ được chăng? Vì mình phải đích thân vào rừng hái trái nuôi thân như thế. Vậy ta nên hạ san để giúp Ngài. Ta sẽ biến làm vị Bà La Môn trong sạch như Đạo sĩ rồi vào tỏ lời thiện cảm cho đức Bồ Tát phát đức tin, xong ta sẽ xin nàng MADRÌJEYA về làm nội trợ. khi đức Bồ Tát vui lòng bố thí nàng MADRÌJEYA đến ta và thỏa thích trong pháp Ba La Mật, ta sẽ xin gửi nàng lại để phụng sự đức Bồ Tát và cầu Ngài chớ nên cho kẻ khác.

Lúc đức Đế Thích xét nghĩ như thế, trời vừa rạng đông, Ngài bèn hạ san xuống nhân gian biến làm Đạo sĩ và đến ngay tịnh thất của hai Hoàng gia trước giờ nàng MADRÌJEYA vào rừng hái trái. Đức Đế Thích hóa ra bậc tu phạm hạnh có tướng mạo trang nghiêm đáng kính mến, đến đứng gần vừa phải lễ, rồi tỏ lời thiện cảm như vậy:

- KACCINUBHO TOKUSALAM KACCIBHOTAAN ÀMAYAM
KACCIUNCHENAYÀPETHA KACCIMÙLAPHALÀBAHÙ
KACCIDAMSÀCAMAKASÀ APPAME VÀSIRINSAPÀ
VANEBAÀLAMIGÀKINNE KACCIHINSÀNAVIJJATÌTI.

- Ôi! Bậc trưởng thượng đến ngụ trong nơi hẻo lánh, tu phạm hạnh trong tuyết sơn xa nhà người như thế, tôi xin hỏi đến sự lành dữ ra sao? Thân tâm Ngài hằng được an vui mạnh khỏe chăng? Ngài chế ngự thân tâm tinh tấn, bồ tát tham thiền đã lâu, mà thân thể có mỗi một ốm đau chi chăng? Vả lại, Ngài đến đây tu hạnh đạo sĩ trong chốn xa người, không nơi khát thực, Ngài hằng khi tìm hái trái trong rừng, vô tài chủ giữ gìn, đem về độ nhật phải chăng? Tôi thắm định Ngài hành như thế mới ngụ nơi đây được; những khoai củ nhỏ lớn đáng làm thực phẩm và các trái cây đã kiếm, tích trữ để dành trọn năm có đầy đủ chăng? Trong rừng tuyết sơn này là nơi mà Thiên hạ đồn là chỗ ở của các loài ác thú bốn chân, chúng nó hằng lại đến kẻ vắng lai, những người giữ mình những điều lo sợ thật là rất khó, Ngài ngụ trong

nơi đây không có sự khó chịu vì ác thú, bốn chân chẳng? Xin Ngài cho tôi rõ để tôi mừng với.

Đức Bồ Tát lắng nghe những lời thiện cảm của vị Bà La Môn vấn an như thế, Ngài rất vừa lòng rồi tuân tự đáp theo lời hỏi đó rằng: Nay thầy Bà La Môn, sự mạnh khỏe an vui, thân tâm không bệnh hoạn và lo sợ hằng có đến chúng tôi trong nơi đây. Chúng tôi không có sự mệt mỏi chi cả, những muỗi, ruồi không làm bận đến chúng tôi, thậm chí đến khoai củ, hoa quả cũng được dồi dào. Các ác thú bốn chân cũng chẳng làm hại, trái lại chúng rất yêu mến chúng tôi. Do đó chúng tôi ngụ được an vui, không lo sợ chi cả. Chúng tôi hằng rãi tâm bác ái đến tất cả mọi loài và không nghĩ đến loài nào là thù nghịch cả. Chúng tôi ở được an vui trong rừng này trải qua 7 tháng. Nay được thấy ông là người tu hành, dùng da thú làm y phục là nhân cho quả thành Chư Thiên trong kiếp vị lai. Nay ông vào đến đây, gọi là người thứ nhì trong sự gặp gỡ tôi ở chốn này.

Này ông Bà La Môn ơi! Sự đến trong nơi này của ông tuy quen biết, song tôi cũng thiết tưởng cũng có điều tốt, tôi không nghi ngờ điều chi là nguy hại cả. Ông là kẻ từ phương xa mới đến, tôi xin mời ông vào nơi chứa nước, tắm rửa nghỉ an cho khỏe, rồi dùng các loại quả ngon ngọt vừa lòng đi. Những trái cây có trong mùa này như: xoài, thanh trà, trái dâu... đã có sẵn trong tịnh thất, ông hãy chọn lấy mà dùng cho vừa miệng. Các trái ngon tôi cũng chẳng cất giữ, xin ông hãy thọ thực cho no đi. Lại nữa, trong lu khạp có chứa những nước trong sạch, mát mẻ và tinh khiết, tôi đã tích trữ đầy đủ, nếu vật gì vừa lòng, xin ông hãy tự tiện dùng theo sở thích.

Khi đức Bồ Tát tỏ lời trọng đãi ông Đạo sĩ Bà La Môn là đức Đế Thích biến ra đó, cốt để nêu cao phẩm giá trị của ông Bà La Môn ấy, vì Ngài rất vui lòng với sự bố thí Ba La Mật, cố ý làm cho vị Bà La Môn không ngần ngại và có dịp muốn xin chi thì tự tiện yêu cầu, nên Ngài liền tỏ lời hỏi về sự mong mỏi vào rừng của vị Bà La Môn này.

- ATHATVAM KENAVANNENA KENAVÀPAN AHETUNÀ
ANUPAPATTOSI BRAHÀRANNAM TAM ME
AKKHÀHIPUCCHITOTI.

- Tôi xin hỏi Ngài, những vật mà hạng người họ tưởng thật lại để tán dương là có giá trị, dùng lời quyến rũ rằng là có trong rừng này, nên ông mới dám băng rừng lướt bụi, không nệ gian lao, nguy hiểm mà đến non tuyết lãnh này. Những vật mà Ngài cho là có giá trị, sự cần thiết khích lệ Ngài phải vào đây. Tôi xin hỏi, vậy Ngài hãy trình bày cho phân minh để tôi được tường tri.

Lúc đó, vị Bà La Môn được dịp để tỏ rõ thiện chí với lòng từ bi rộng lớn của đức Bồ Tát, nên Ngài liền tỏ lời xin ngài MADRÌJEYA Hoàng Hậu theo kệ ngôn rằng:

- YATHÀVÀRIVAHOPURA SABBAKÀLAMNA KHIYYATI EVAM
TAMYACI TÀGANCHIN BHARI YAM MEDEHIYÀCITOTI.

- Nước hàng chảy xuống trong nơi thấp theo từng bậc cho đến đại hải là nơi cuối cùng giới hạn của địa cầu, không ngừng nghỉ. Tôi được biết ý chí khuyh hướng của Ngài ưa thích bố thí thiện pháp nhất là bố thí, nên tôi mới tìm đến đây hy vọng xin vật mà có thể cho được, nay tôi xin thú thật cùng Ngài, cầu Ngài có thể bố thí Bà La Môn là cho MADRÌJEYA Đạo sĩ nữ đến tôi, vì là nơi vừa lòng của tôi.

Đức Bồ Tát được nghe như thế Ngài phát tâm hoan hỷ rằng: Đây là một pháp bố thí Ba La Mật, mà tôi chưa được dịp làm, khó cho thường nhân thi hành được, là thiện pháp đầy đủ trong tâm, Ngài bèn đáp bằng kệ ngôn rằng:

- DADÀMINAVIKAMPÀMI YAM MAM YACASIBRAHMANA SANTA
SANTAMPAGUYTRÀMI DÀNEMERATEMANOTI"

- Nay ông Bà La Môn ơi! Dù là với việc phước to lớn, tâm tôi cũng chẳng thờ ơ thối chuyển. Vật gì mà ông mở miệng xin trong lúc này, tôi cũng vui thích đem cho, tôi không thương tiếc vì vợ mà để lòng bòn xén. Những vật chi mà thuộc quyền sở hữu của tôi cũng sẵn lòng đem bố thí vô ngại. Tôi không tính dấu diếm đối với những người đang mong mỏi, tôi vẫn hoan hỷ luôn luôn trong sự đem của ra bố thí, một lòng bất thôi, theo lời tôi đã tuyên bố.

Đức Bồ Tát phán như thế, rồi phát tâm trong sạch bố thí Ba La Mật, một tay nắm ngài MADRÌJEYA, một tay rưới nước xuống tay vị Bà La Môn, trình bày rõ rệt sự cho vợ dứt khoát đến thầy Bà La Môn. Khi ấy qua cầu lay động như lúc thí con của Ngài đến lão JÙJAKA, thật là một việc cao thượng hiếm có trong đời. Đức Đế Thích được rõ chí hướng bố thí thanh cao của đức Bồ Tát thí hai con yêu quý đến lão JÙJAKA, thật là kỳ diệu trong thế gian, mặc dù như thế mà lão JÙJAKA không phát tâm hoan hỷ, lại hành hạ đánh đập, chửi mắng, kéo lôi hai trẻ trước mặt đức VESSANTARA Bồ Tát là vị thí chủ, khiến Ngài phải một con buồn thảm bất bình. Hôm nay ta hoan hỷ ca tụng đến sự cho cả con và vợ, cho Ngài vui mừng đầy đủ trong sự bố thí, mà trên thế gian không ai thi hành được, để Ngài càng thêm tác ý lành bội phần, thêm nghị lực trong sự giác ngộ. Đức Đế Thích suy nghĩ đến đây bèn tỏ lời tán dương đức Bồ Tát bằng kệ ngôn rằng:

TAMATTHAM PAKÀSENTO SATTHÀ ÀHA.

Đức Thế Tôn muốn cho ý nghĩa được rõ rệt, nên tuyên bố Phật ngôn như vậy:

TESAMSAM KAPPAMANNÀ YADEVINDOETA DABRAVI SABBE
JITÀTEPACCUHÀ YEDIBBÀYE CAMANUSSÀ
NINNÀDITÀTEPATHAVÌ SADDOTETI. DIVAMGATO
SAMANTÀVIJJUTÀ ÀGU GIRÌNAMVÀ PATISSUTTÀ TASSA
TEANUMODANTI UBHONÀRA DAPABBATÀ INDOCABRAHMÀ
CAPAJÀPÀTICA SOMOYAMOVESSAVANNOCARÀJÀ SABBE DEVÀ
ANUMODANTI DUKKARAM HIKAROTISO DUDDADAM
DAMÀNÀNAM DUKKARAMKAMMA KUBBATAM
ASANTONÀNUKUBBANTI SATAM DHAMMDURAMNAYO TÀSMÀ
SATANCÀSATANCA NÀNÀHOTI ITOGATI ASANTONIRAYAM
YANTI SANTASAGGAPARÀ YANÀ YAMETAMKUMARE ADADÀ
BHARIYAM ADADÀVANEVASAM BRAHMA
YÀNAMAMOKAKAMMA SAGGETETAM PACCATÙTI.

Này Chư Tăng! Hãy lắng nghe ý nghĩa của cổ tích. Bậc chúa tể lớn hơn tất cả Chư Thiên trên Đạo Lợi Thiên cung, được hiểu rõ tự sự rồi suy nghĩ đến điều lợi ích của hai bậc xuất gia tu pháp Ba La Mật đúng theo chánh giáo, khiến đức Đế Thích phát tâm hoan hỷ tán dương đức Bồ Tát, Ngài hài lòng với sự thí con bằng kệ ngôn như vậy: Ôi Ngài ơi! bậc cao quý thắng qua tất cả kẻ thù nghịch, người trau dồi đường trời sẽ được lên trời trong ngày vị lai. Và lại hạng nào dù là Chư Thiên mà có tâm ác, tạo nghiệp dữ, bỏ điều lành, không tu chỉnh trong cõi người, hoặc người hay phi nhơn có tâm ác, ganh tỵ người bỏ túc điều lành, đến quấy nhiễu làm cho thí chủ bất bình bực tức là những phiền não phá hoại thiện pháp, bậc cao quý đều thắng được cả. Đây là sự thật, có bằng chứng rõ rệt sự rung động của địa cầu, có ý nghĩa hoan hỷ thiện pháp của bậc cao quý, thấu đến cõi trời có ánh sáng chói lòa trên không trung, chỉ cho thấy rằng Chư Thiên trong các hướng đều cảm phục và hoan hỷ. Các núi to lớn, là nơi cư ngụ của những đại Đạo sĩ cũng rung rinh, chứng tỏ sự vui thích với pháp bố thí Ba La Mật của Ngài trong lúc này.

Ôi, bậc đại nhân cao quý! Ngài là hàng xuất chúng thật. Ngài can đảm trừ dứt tâm bòn xén, bợn nhơ. Ngài thí con, vợ trong lúc khó khăn như vậy thật là hy hữu.

Khi các hàng thiện trí thức trong sạch khỏi lòng bòn rít, bố thí vật quý hoặc vợ, con yêu quý được, là việc cao thượng làm cho mình trở nên thượng lưu. Hàng vô trí tuệ nhiều phiền não, phóng tâm hăng thiếu nghị lực, không dám làm việc lành, vì pháp của bậc thiện trí thức là điều khó cho thường nhân

thực hành được. Con đường đi đến kiếp sau của hai hạng người trí thức và vô trí thức khác nhau.

Kẻ vô trí thức nhiều phiền não thường thọ sanh theo nghiệp ác, phải sa đọa vào bốn ác đạo. Hạng trí thức luôn luôn không bỏ qua việc lành sẽ được lên nhàn cảnh.

Nay Ngài là bậc cao quý đáng tán tụng, là bậc cao nhân đang bị câu thúc trong Tuyết sơn hiu quanh, chỉ có vợ con là bạn cơ hàn, mà Ngài vẫn còn tạo được đường phạm thiên, không kể đến sự cơ hàn vất vả trong hiện tại. Ngài đã bỏ thí hai con trong ngày hôm qua, nay có tâm trong sạch bổ sung thiện nghiệp thí Hoàng Hậu có ân đức phụng sự Ngài, sự đại thí con, vợ là pháp cao thượng, Ngài sẽ được đặc kỳ sở nguyện không sai.

Đức Đế Thích biến ra vị Đạo sĩ, khi đã giảng pháp thiện trí thức, hoan hỷ sự bỏ thí Ba La Mật của đức Bồ Tát vừa với đức tin rồi, Ngài bèn gọi nàng MADRÌJEYA lại cho đức Bồ Tát bằng kệ ngôn rằng:

DADÀMIBHOTOBHARIYAM MADDINSABBAM GASOBHANAM
TVANDEMADDIYÀCHANDO MADDÌCAPATINÀSAHA
YATHÀMAYOCASANKHOCA UBHOSAMÀKAVANNINO
EVAMTUVANCAMADDÌCA SAMÀNAMANANNINO
EVAMTUVANCAMADDÌCASAMÀNAMANACETASÀ
AVARUDDETATHA ARANNASMIN UBHOSAMMATHASSAME
KHATTIYÀGOTTA SAMPANNÀ SUKHÀTÀMÀHU PETITO YATHÀ
PUNNANIKAYIRÀTHA DADANTÀ APARÀPARANTI.

Ô, bạch Ngài! Tôi đây có lòng vui thích Ngài không có chi sánh bằng. Tôi xin hoan hỷ trả nàng MADRÌJEYA lại, tôi không mong dẫn nàng đi và yêu cầu Ngài nhận lãnh nàng MADRÌJEYA để dùng làm người phụng sự, vì tôi nghĩ rằng Ngài cần đến nàng thật, và nàng cũng đáng làm bạn với Ngài, ví như sữa tươi trong sạch vừa với nôi trắng tức là vỏ ốc mà thợ đã trau dồi bóng láng, có màu trắng trong sạch thế nào, Ngài cùng nàng MADRÌJEYA đều có nước tâm trong sạch một màu như nhau. Tôi biết rõ cả hai vị là dòng vua cao thượng. Hai Ngài đến ngụ tu phạm hạnh trong rừng này, thật là ít ai làm được. Ngài nên suy xét vật chi nên bỏ thí, thì Ngài bỏ thí để bổ khuyết pháp Thập độ theo sở thích của Ngài.

Khi đức Đế Thích đã tỏ lời thiện cảm như thế, sắc mặt Ngài vui tươi, bay lên không trung và nói rằng:

SAKKOHAMASMIDEVINNO ÀGATOSMITAVANTIKE
VARAMVARASSURAJISI VAREATTHADADÀMITETI.

- Ô, Đại vương! Tôi đây không phải ai xa lạ đâu, chính là vua trời Đế Thích đây, có thể cho kết quả mong muốn, hoặc giúp Ngài được như nguyện. Vậy cầu Ngài chọn những điều chi mà Ngài cần thiết, hãy cho tôi biết để tôi cho Ngài được như sở thích không sai.

Khi đức Bồ Tát nhận ra vị Đạo sĩ lúc nầy không phải là thường nhân, chính là đức vua trời Đế Thích trên Đạo Lợi thiên cung, Ngài bèn phát tâm trong sạch hoan hỷ đáp rằng:

- Tâu, Đại vương là chúa cả Chư Thiên, xin Ngài sẵn lòng ban cho 8 điều yêu cầu của tôi:

1) Xin cho Phụ Vương tôi là đức SANJEYAMA HARAJA có tâm vui thích theo sự hành động của tôi và Phụ Vương tôi mời tôi lên kế vị như trước.

2) Khi tôi có quyền sát hại, xin cho tôi đừng vừa lòng trong việc giết người, dù một kẻ nào có tội nặng đến đâu, tôi vẫn giữ lòng từ bi thương hại xử tội nặng thành nhẹ, hoặc phóng thích cho họ khỏi tử hình.

3) Xin cho tôi hằng thương xót chúng dân và là nơi nương tựa của mọi người. xin cho những người nam nữ, già trẻ, sang hèn đều là bộ hạ tùy tùng nương cậy với tôi như trước và là thường được an cư lạc nghiệp.

4) Xin cho tôi đừng say mê lâm lạc, tà dâm vợ con kẻ khác dù có phụ nữ đến yêu tôi, tôi đừng xiêu lòng luyến ái.

5) Xin cho tôi được kế vị theo thập vương pháp và được vừa lòng quần chúng.

6) Trước ngày tôi được quyền cao tước cả, xin cho tôi có đầy đủ thực phẩm theo sở thích vừa với tâm bố thí của tôi.

7) Xin cho những của mà tôi đã đem ra bố thí phát sanh lên đầy kho, trở lại như trước

8) Xin cho tôi thọ trì góí được trong sạch mãi mãi đến khi mạng chung, được sanh lên cõi trời luôn luôn như vậy.

Khi đức Đế Thích được nghe 8 điều yêu cầu của đức Bồ Tát, Ngài nhận lời rồi biến trở về Thiên cung.

PAMATTHAM PAKASENTO SATTHA AHA: Đức Thế Tôn tuyên bố về đức Đế Thích nhận lời của đức Bồ Tát yêu cầu bằng Phật ngôn rằng:

Tassatam vacanamsutva devindoetabravi aciramvada tetato
pitatamdatthamessati idamdatvanaghava devarajajusujampati
VESSAVATARASSAVARAMDATVA SAGGAKAYAMAPAKKAMITI.

này các thầy! Đức Đế Thích nhận lời yêu cầu của đức Bồ Tát VESSANTARA như vậy, Ngài bèn đáp lại cho vừa lòng đức Bồ Tát rằng: Ô! Không lâu, đức vua tại thủ đô SANJEYA là Phụ Vương của đức VESSANTARA sẽ ngự đến rừng núi tuyết sơn này, do tâm vui thích mong được thấy Hoàng Nhi là con yêu quý của Ngài. Đức Đế Thích chỉ tỏ bấy nhiêu lời vừa với quả phúc sẽ phát sanh theo thứ tự. Đức Đế Thích có danh là SAYAMPATÌ, Ngài là chồng của công chúa con của đức A tu la vương, tỏ lòng khoan hồng trong sự ban phước đến đức VESSANTARA rồi trở về thiên cung như vậy.

EVAM BODDHISATTOCA MADDICA SAMMO DAMANÀ
SAKKADATIYE ASSAMEVASINSU JÙJAKOPIKUMARE GAHETVÀ
SATTHÌYOJANAMAGGAM PATIPAJJIDEVATVÀ
KUMARÀNAMARAKKHA MAKAMSU JUJAKOPISURIYE
ATTHAMGAMITE KUMÀRE GACCHEBANTHITVÀ BHÙMIYAM
NIPAJJÀPETVÀ SAYAMGANDABÀLAMIGGABHAYENA
RUKKHAM ÀRUYHASÀKHAVITAPPABHANDARESEYYATÌTI.

Nói về Đạo sĩ và Đạo sĩ nữ cả hai nếu là dòng dõi nhà vua, đức VESSANTARA là giòng giống Đức Phật, còn nàng MADRÌ là công chúa con của đức vua MADHARÀJA cùng nhau ngự được an vui trong tịnh hất, tham thiền tu phạm hạnh trong tuyết sơn.

Nói về khi lão JÙJAKA dẫn hai trẻ lần theo đường rừng trải qua 60 do tuần, nhờ Chư Thiên thương xót bảo hộ, nên hai trẻ được an vui khỏi điều nguy hiểm.

Một hôm, bóng hoàng hôn vừa thấp thoáng, những tiếng thú rừng kêu la inh ỏi, lão JÙJAKA lo sợ ác thú, tìm đến gốc cây to, dùng dây buộc chân hai trẻ tại gốc cây, còn phần lão thì leo lên nhánh ẩn trú để ngủ qua đêm.

Thê thảm thay cho hai trẻ, phải chịu cảnh màn trời chiếu đất lạnh lẽo. Quần áo, thân thể lấm lem bụi đất, khóc than thảm thiết. Khi ấy có hai vị trời trên cây thấy hai trẻ quý tộc bơ vơ, cô độc nên động lòng biến ra làm cha và mẹ của hai trẻ, ẵm bồng che chở, nâng niu hai trẻ như con ruột, vị Thiên nữ cho KANHÀ bú sữa, vị Thiên tử cho trẻ JÀLI dùng thực phẩm, rồi vờ về cho ngủ trọn đêm vì lòng trong sạch và thương hại hai trẻ cô quạnh không cha mẹ. Trời dưng sáng, hai vị trời bèn để hai trẻ nằm xuống rồi biến mất.

Sáng ra lão JÙJAKA dẫn hai trẻ ra khỏi rừng. Đến đây có hai nẻo, một ngã đi đến kinh đô SANJEJA và một ngã về KALINGARÀTHA, chư Thiên khiến cho lão JÙJAKA lầm lạc đi theo đường CETUTTARA vừa đúng 15 hôm thì đến thủ đô SANJEYA.

Sáng ngày ấy, tại kinh thành có một cuộc lễ long trọng nên dân chúng dọn quét đường xá sạch sẽ, treo cờ kết hoa xinh đẹp.

Vào canh năm ngày ấy, đức vua SANJEYA nằm mộng thấy có một lão mặt đen, mặt thò, cầm hai hoa sen mới nở, vào đến tận bệ rồng, hai tay cung kính dâng đến đức vua. Đức vua thọ lãnh hai hoa sen rồi dặt lên hai tai của Ngài. Hoa sen rớt xuống trước mặt mùi thơm ngọt ngào, khiến đức vua rất vui mừng, giật mình tỉnh giấc.

Sáng ra, đức vua truyền đòi các thầy Bà La Môn đến để bàn điều chiêm bao. Các vị Bà La Môn bèn tâu rằng: Tâu bệ hạ, chúng tôi đoán chắc bệ hạ sẽ được trùng phùng với các hoàng tộc đã lìa xa từ lâu trong ngày nay. Đức vua được nghe qua rất mừng, ban thưởng cho các Bà La Môn và ngự trên long xa ra cửa thành.

Khi đó, lão JÙJAKA dẫn hai trẻ vừa đến trước mặt vua, do chư Thiên che mắt quan quân nên không ai ngăn cản, đức vua liếc thấy không rõ, nên không nhận ra là cháu, Ngài bèn tỏ lời rằng:

- KASSETAMMUKHAMÀBHATI HEMAMVUTTATTAMAGGINÀ
NIKKHAMVAJÀTARÙPASSA UKKÀMUKHAMPAMSI TAM
UBHOSADISAPACCAMGÀ UBHOSADISALAKKHANÀ
JÀLISSASADISAEKO EKÀKANHÀJINÀYATHÀ SIHÀVILÀ
VANIKKHANTÀ UBHOSAMPATÌRÙPAKÀ JATARÙPAMAYÀ YEVA
IMEDISSANTIDÀRAKÀTI.

- Các quan ơi! Hai trẻ theo lão Bà La Môn trước mặt trăm đó là con cháu của ai? Hai trẻ khô ngô, mặt mày sáng rỡ, hai trẻ đều xinh đẹp, trẻ trai bên kia giống nhìn như cháu JÀLI, trẻ bên này không khác cháu KANHÀ chút nào, hiệp với điều chiêm bao mà trăm đã thấy khi hôm. Tướng mạo cử chỉ của hai trẻ là con giòng quý tộc. Cả hai đi đứng nghiêm trang như sư tử ra khỏi động vàng, diện mạo hai trẻ như vàng ròng ánh sáng, rõ rệt là cao quý cho đến ngũ căn cũng thế.

Khi đức vua tỏ ý khen ngợi hai cháu như thế, Ngài bèn sai một vị cận thần đến bắt lão Bà La Môn và hai trẻ vào chầu lập tức. Tuân lệnh vua, vị cận thần liền ra dẫn lão JÙJAKA, và hai trẻ đến giữa sân rồng. Đức vua không để cho các quan tra vấn, e sai lạc ý muốn của Ngài. Đức vua bèn phán hỏi ngay lão Bà La Môn rằng: Này lão, hai trẻ này lão được từ đâu mà đến đây?

- Tâu Thánh thượng, đây là con của đức VESSANTARA, Ngài ngự được an vui và hành đạo trong núi Tuyết sơn. Ngài cho hai trẻ đến tôi bằng đức tin trong sạch để bỏ khuyết pháp thí Ba La Mật. Tôi đi từ núi Tuyết sơn mới vừa đến đây, buổi sáng này.

- Này lão! lão dám lừa dối trẫm sao? Hai trẻ như ngọc quý thế này, ai lại đem cho đến người để làm tôi mọi. Người lấy chi làm bằng, nếu không trẫm sẽ căn cứ theo luật hình mà xử trị

- Tâu, tôi đâu dám dối lệnh hoàng thượng, đức VESSANTARA đã phát nguyện bố thí đến kẻ nghèo đói cô độc, ví như địa cầu là nơi nâng đỡ tất cả chúng sanh, hoặc như nước các sông rạch làm cho người thú được mát mẽ an vui thế nào, nước tâm của đức VESSANTARA cũng vậy. Tâu lệnh Hoàng Thượng, đó là bằng chứng xác thực của già JÙJAKA, xin bệ hạ từ bi thương xót xét lại cho lão nhờ.

Khi thấy, các triều thần văn võ được nghe lão JÙJAKA tâu như thế, đều tin chắc và bàn cùng nhau rằng: Này tất cả chúng ta đến hội họp trong nơi đây, hãy quan sát sự tích của đức VESSANTARA còn trị vì trong kinh đô này, Ngài đã bố thí đến tất cả kẻ nghèo đói và cô độc, thậm chí đến voi báu Ngài cũng cho, khiến cho chúng dân bất bình, nên phải lánh đi vào non tuyết lãnh mà vẫn còn bố thí hai con yêu quý đến lão JÙJAKA. Xem đây thì rõ, thật khác thường, cổ kim chưa từng thấy, nếu Ngài thí của kho thì cho gọi là do đức tin, nay lại nữa đem hai con như cặp mắt mà dứt bỏ đi, là khác với thói quen từ ngàn xưa.

Khi đó, hai trẻ JÀLI và KANHÀ được nghe, liền nhớ đến ân đức cao dày của cha lành mà động lòng không thể nhịn nín với những lời phê phán của triều thần. Hai trẻ định tỏ lời ngăn ngừa của các quan, ví như núi Tu Di sơn bị gió thổi lay chuyển nghiêng chiều, mà nhờ uy lực của Chư Thiên dùng tay chống đỡ cho đứng vững lại như trước. Trẻ JÀLI liền quì tâu rằng: Tâu đức Tổ Phụ, các quan dễ duôi dám đồng nhau khinh rẻ cha chúng tôi như vậy có nên chăng? Vì Phụ Vương chúng tôi bỏ ngai vàng, vào ngục trong rừng, họ mới dám đem nhau trách cứ, xem thường không lòng kính nể.

Tâu, đức Tổ Phụ ôi! Trước mặt đức Tổ Phụ mà các quan không kiêng sợ, lại dùng lời vô lễ như thế. Lúc Phụ Vương cháu tu trong rừng nghèo khổ, thì của kho đâu mà bố thí, chỉ có hai cháu quý mến mà thôi, nên mới kiên gan dứt bỏ, mong được giác ngộ để độ tận chúng sanh, như các đức Bồ Tát từ xưa kế thống dòng dõi chư Phật vậy. Bậc thượng lưu quân tử làm những việc cao quý và lợi ích cho đời như thế mà họ còn cho là hạ lưu dám tỏ lời trách cứ như vậy. Cầu đức Tổ Phụ phán đoán theo công lý, cho biết hàng thuộc hạ của đức vua như thế có xứng đáng chăng?

Được nghe lời tâu của hai cháu, đức vua phán rằng: Này hai cháu quý mến! Hai cháu đừng tỏ lời phiến trách các quan. Chúng ta đây đều vui thích với sự đại thí của cha cháu, cháu đừng buồn, có ai dám tỏ lời khinh rẻ đâu. À, khi

cha cháu đem hai cháu ra bố thí như vậy, có tâm hoan hỷ hay buồn tiếc chi chẳng? Cháu nên tường thuật lại cho Tổ Phụ nghe rõ tự sự đi.

Trẻ JÀLI bèn tâu tất cả câu chuyện từ đầu chí cuối cho đức Tổ Phụ nghe đầy đủ. Đức vua SANJEYA thấy hai cháu còn đang ở trong quyền lực của lão JÙJAKA, Ngài bèn phán hỏi rằng: Này hai cháu ngọc ơi! Cha và mẹ chúng cháu đều là dòng dõi Hoàng gia, từ trước hai cháu từng ngồi trên vế của Tổ Phụ, nay sao hai cháu lại đổi tánh thờ ơ ví như khách lạ, vì sao cháu nở ngồi xa Tổ Phụ như vậy?

Trẻ JÀLI tâu: Tâu, Tổ phụ từ bi dạy bảo như thế song hôm nay hai cháu là tôi đòi, đâu dám lên ngồi trên báu tọa, làm cho Tổ Phụ giảm giá trị, hổ mặt với triều đình. Do đó, hai cháu hổ thẹn sợ như lây đến Tổ Phụ, nên xin ngồi xa xa như kẻ tôi tớ như vậy.

- Cháu JÀLI ơi! Vì sao nở buồn lòi hạ mình như vậy. Những câu nói chua cay của cháu như người đem lửa đốt mặt, hoặc như kẻ ngồi trên lò lửa, làm cho Tổ Phụ phải bức rức xôn xan ngồi không yên trên ngai vàng, cháu chớ tỏ lời buồn trách Tổ Phụ làm chi. Cháu ngọc ơi! Tổ Phụ sẽ chuộc lại hai cháu bằng tất cả báu vật trong đền, không để cho hai cháu làm nô lệ của lão JÙJAKA đâu. Ồ, lúc cha cháu thí hai cháu đến lão JÙJAKA có ra giá là bao nhiêu chẳng? Cháu hãy nói cho Tổ Phụ biết đi nhé, JÀLI.

Nhân đó, trẻ JÀLI liền quì tâu: Cha chúng cháu có dạy về phần cháu là 1000 lượng vàng, nhưng phần em ngọc KANHÀ thì cha cháu đánh giá rất cao, bò trâu, ngựa, voi, tôi trai, tớ gái mỗi loại 100 và 1000 lượng vàng. Khi nào những báu vật mà cháu kể đây, trao đến tận tay đầy đủ cho lão JÙJAKA này giờ nào rồi, thì hai cháu sẽ được tự do, ra khỏi tay của lão JÙJAKA trong giờ ấy.

Đức vua SANJEYA phán rằng: Chỉ có bấy nhiêu đó phải chẳng?

- Vâng.

Đức vua bèn dạy mở kho lấy của báu đem trao cho lão JÙJAKA. Các quan đồng nhau đếm tiền và của giao đủ đến lão JÙJAKA và ban thêm một dinh thự 7 tầng, bởi công khó của lão đem hai cháu đến cho trầm. Từ đây, lão JÙJAKA ngự trong điện cao 7 tầng, có đầy đủ vật dụng cần thiết, có tôi trai, tớ gái hầu hạ, hưởng đời sống hạnh phúc an vui.

Đức vua SANJEYA khi đã chuộc được hai cháu ngọc, Ngài rất thỏa thích, Hoàng Hậu và cung phi đồng nhau đến mừng rỡ, âm bông, nâng niu hai cháu. Dem tắm rửa, trang phục, cho thọ dụng đầy đủ sự cao sang quyền quý của nhà vua, dỗ hai trẻ an nghỉ trên giường rộng, nệm gấm, có cung nga hầu hạ ngày đêm, "hết cơn bi cực, tới hồi thái lai".

Đức vua SANJEYA hỏi hai cháu rằng: Nay cháu JÀLI và KANHÀ, song thân của hai cháu được mạnh khỏe bình an và tìm hái trái vừa đủ nuôi thân không? Sự lo sợ về thú dữ có xảy đến chăng? Được an vui hay khổ cực thế nào? Hai cháu hãy tỏ cho Tổ Phụ biết rõ đi.

Trẻ JÀLI và KANHÀ tâu rằng: Tâu đức Tổ Phụ, Tổ Phụ hỏi thăm về sự khổ vui của cha mẹ cháu. Tâu, cha mẹ cháu vẫn được khỏe mạnh và tìm hái trái đủ no lòng. Các ác thú nhỏ lớn cũng không đến phá hại, do cha cháu hằng rãi lòng từ bi đến tất cả mọi loài, cho nên chúng sinh trong rừng chung quanh chỗ ngụ đều có tâm mát mẻ chẳng hề xảy ra điều chi đáng lo sợ cả. Tâu đức Tổ Phụ, thương thay cho mẹ chúng cháu, buổi sáng lo dạy sớm quét dọn tịnh thất, săn sóc hai cháu, lo gánh nước cho đầy đủ trong các nơi chứa, rồi dặn dò nâng niu hôn hít hai cháu, khi mẹ MADRÌJEYA vào rừng tìm hái trái, cho Ngài những trái ngọt ngon, nhỏ lớn không nài cực nhọc gian lao nguy hiểm, chỉ mong sao cho chồng con được no đủ thì hài lòng. Mỗi ngày hằng tìm hái trái vừa đủ để đem về dâng đến cha cháu và nuôi hai cháu.

Tổ Phụ ôi! Không phải chúng cháu JÀLI và KANHÀ dám nhiều lời thêm bớt, đặt điều dối gạt Tổ Phụ đâu, hai cháu còn nhỏ dại không hiểu được tâm trạng của đức Tổ Phụ ra sao. Thông thường chúng sanh, sanh ra trong thế gian hằng có nhiều phiền não, chưa đạt đến Niết Bàn thì hằng thương yêu trìu mến, nhiều tình dục, không thương cái chi bằng thương con. Cha cháu có tâm quyền luyến cháu không bao giờ quên đâu. Tổ Phụ ôi! Lẽ đâu Tổ Phụ lại quên cha cháu, không thương tiếc chút nào, nên đành bỏ cha cháu quanh hiu cô độc, không thấy rằng là bậc hiếm có. Cha cháu là bậc Đế Vương quý báu trên đời, mà lẽ nào Tổ Phụ lại tin những lời vô lễ của chúng dân đành đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cho hết thấy phần uất đi.

- Ôi! Thật thế, cháu JÀLI ơi, trước kia vì Tổ Phụ nghe lầm hiểu quấy, cháu ơi, cháu đừng than trách làm cho Tổ Phụ đau lòng hối hận, bởi Tổ Phụ đây chưa kịp quan sát chu đáo, vì lòng dân quá xôn xao, phần uất, nên Tổ Phụ lo sợ, nghi ngờ, chỉ tin lời của dân gian mới đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cũng do dân chúng nhiều lời châm chích, khiến Tổ Phụ bất bình, đây là cái nghiệp của Tổ Phụ vậy. Tổ Phụ cam chịu lỗi lầm, làm cho con và hai cháu phải khổ cực gian lao. Vậy cháu JÀLI hãy đi thỉnh cha cháu trở về trị vì như trước đi.

Trẻ JÀLI tâu rằng: Tâu, cháu đâu dám trái lời của Tổ Phụ, nhưng được Tổ Phụ đi cùng thì càng quý hơn.

Khi đức vua SANJEYA được nghe lời tâu của cháu JÀLI thì càng phát tâm hoan hỷ bèn đáp rằng: Đúng lắm, để Tổ Phụ đi rước thì cha cháu mới không

còn nghi ngờ. Cháu hãy là hướng đạo đến núi GIRÌNANKA nơi xuất gia của cha cháu.

Đức vua bèn ra lệnh cho quan quân dẫn binh ủng hộ đi rước đức VESSANTARA Bồ Tát trở về. Dân chúng đồng đi theo rất đông để nghinh đức Bồ Tát, quan quân rần rộ ăn mặc từng đoàn: tốp mặc đồ trắng, vàng, đoàn mặc y xanh, đỏ, ồn ào náo nức sắp vào rừng Tuyết sơn.

Khi đức vua SANJEYA chuẩn bị quân binh đến nghinh tiếp đức VESSANTARA, ngày ấy lão JÙJAKA dùng bữa quá no, cho đến chất lửa không thể tiêu hóa thực phẩm được, lão phải chết ngay. Đức vua cho thiêu thi hài rồi bố cáo cho thân quyến lão hay, song cũng chẳng thấy ai đến nhìn nhận, nên đức vua dạy đem tất cả tài sản của lão JÙJAKA nhập vào kho quốc gia.

Qua ngày thứ 7, đức vua dẫn Hoàng Hậu, cung phi các quan quân xuất hành, đoàn binh rần rộ đi trọn 45 ngày, đường xa 60 do tuần mới đến núi GIRÌNANKA.

JÀLI KUMÀRO PIMUCCALINDASARATIRE KHANDHÀ
VÀRAMNIVÀSÀPETVÀ CUDASERA THASAHASSÀNÌ
ÀGATÀMAGGÀBHIMUKHÀ NEVATHAPÀ PETVÀTASMINPADESI
SÌHABYAGGHADÌPIKHAGGÀDÌSU ÀRAKKHAMSUSAM VIDAHI
HATTHI ÀDINAMSADDOMAHÀ AHOSÌTI.

Hoàng tôn JÀLI làm hướng đạo, dẫn quan quân đi trước, khi đến ao sen MUCALINGA bèn dừng binh an nghỉ chờ hoàng Tổ Phụ. Đi đến 45 ngày, trải qua 60 do tuần mới tới chỗ ngụ của đức Bồ Tát. Đức vua SANJEYA vào trước và phán rằng Hoàng Hậu và hai cháu sẽ vào sau. Khi đức Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA thấy Phụ Vương đến, chạy ra quỳ lạy nơi chân. Vua cha tỏ lời an ủi, hỏi han và hàn huyên ấm lạnh của hai cha con rằng: Hai con ngụ nơi đây được an vui chăng? Hàng ngày hái trái được no lòng chăng? Có ác thú đến quấy nhiễu chăng? Đức vua thấy sắc mặt hai con có vẻ tiêu tụy nên Ngài mũi lòng rơi lệ.

Đức Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA khóc ròn và than rằng: Tâu, hai con được an vui, hằng ngày vào rừng hái trái nuôi thân vừa đủ, ác thú cũng không đến phá hại. Đức Bồ Tát than hỏi vua cha rằng: Tâu Phụ Vương, Phụ Vương và mẫu hậu được sức khỏe kiện toàn như xưa chăng? Các quan quân, cung phi và mỹ nữ và dân chúng được mạnh khỏe, trong nước vẫn được thái bình chăng?

Đức vua SANJEYA đáp: Tất cả mọi người đều bình an, vui vẻ và không còn bất bình như xưa nữa.

Nói qua mẫu hậu là mẹ của đức Bồ Tát, từ vào đến cửa tịnh thất, đức Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA xem thấy đồng quỳ mọp bên chân mẹ khóc than kể lể. Đoạn nàng MADRÌJEYA thấy hai con là JÀLI và KANHÀ, nàng quá mừng chạy lại ôm con, mũi lòng khóc nức nở, ba mẹ con khóc đến ngất xỉu, khiến cho đức Bồ Tát, vua cha và mẫu hậu lấy làm náo nùng cũng bất tỉnh. Tất cả quan quân cung phi mỹ nữ thấy thế, đều cảm động không biết gì cả như một con mèo. Trong bầu không khí trang nghiêm và linh động ấy, khiến tất cả thế giới huyền ảo, địa cầu lay chuyển, cho đến núi Tu Di sơn cũng chịu theo pháp Ba La Mật. Đức Đế Thích dùng Thiên nhãn quan sát thấy rõ ràng: Ôi! đức vua VESSANTARA có sự động tâm vì xa lìa hoàng tộc đã lâu, nay được tái ngộ, Ngài đang than khóc với sáu Hoàng gia, nếu ta không cứu độ, sợ e Hoàng gia ấy phải mệnh chung. Đức Đế Thích liền cầm ô vàng bay xuống rưới nước cam lồ thành mưa rót nhằm thân thể của sáu vị Hoàng gia và tất cả quan quân đều được tỉnh lại. Sau khi được an hảo, đức vua SANJEYA tỏ lời mời đức VESSANTARA trở về kế vị như trước.

Đức Bồ Tát xin khước từ rằng: Ngày trước con bố thí mà phải bị đuổi đi vào rừng, nay trở về không tiện, xin Phụ Hoàng tha lỗi cho.

Đức vua SANJEYA nghe đức Bồ Tát tâu như thế, bèn tỏ lời an ủi khuyên giải rằng: Nay Hoàng Nhi ôi! Trước kia vì thấy dân chúng xôn xao bất bình, nên cha không kịp xét kỹ, phải làm việc quấy làm như thế. Vậy Hoàng Nhi từ bi đến dân gian mà tha thứ cho. Tất cả quan quân cũng đều quì tâu xin đức Bồ Tát rộng lượng khoan dung, khẩn cầu đôi ba lượt, Bồ Tát mới chấp thuận. Ngài và nàng MADRÌJEYA trở vào thay đổi y phục Đạo sĩ trở thành cư sĩ, Ngài nhìn tịnh thất mà rằng: Ôi, tịnh thất này, ta đã nương nhờ trong nơi đây để bỏ tước pháp Ba La Mật được 9 tháng 15 ngày, từ đây ta đâu còn săn sóc, quét dọn nữa. Nghĩ đến càng ngậm ngùi tác dạ. Ngài nhiều quanh ba vòng tịnh thất để tỏ lòng nhớ ơn rồi trở ra. Vua cha và tất cả 60 ngàn quan quân đều chuẩn bị nước thơm tắm cho Bồ Tát và mặc long bào đến Ngài, đồng thời làm lễ dâng cúng ⁵⁵ trong nơi ấy. Lễ tôn vương xong, quan quân thỉnh đức Bồ Tát lên long xa đồng nhau hộ giá trở về kinh đô JETUTTARA.

Tại kinh thành, tất cả triều thần và dân chúng đều trang hoàng đèn đài nhà cửa, đường xá để cung nghinh đức VESSANTARA Bồ Tát. Trong hàng dân, nhất là kẻ nghèo đói, cô độc rất hân hoan nghinh tiếp, vì họ tin rằng sẽ được đức Bồ Tát ban nhiều ân huệ. Đến kinh thành trời đã tối, đức VESSANTARA ngự vào đèn vàng an nghỉ. Đêm ấy, Ngài nghĩ rằng: Sáng mai đoàn ăn xin biết ta đã trở về đèn, đồng nhau hoan hỷ tấp nập đến chờ lãnh của thí. Hỡi ôi! Như thế, của cải đâu vừa cho ta bố thí lúc này?

Khi đó làm cho đức Đế Thích nóng nảy ngồi trên bảo tọa không yên, khi biết rõ, Ngài liền cho mưa bảy báu xuống đầy đủ trong đền, đức Bồ Tát xem thấy lấy làm vui mừng, Ngài dạy bá cáo cho dân gian hay, để đến thọ thí. Tất cả dân nghèo trong xứ đều được thọ lãnh của thí đầy đủ, nhưng chẳng hết của báu ấy, đức Bồ Tát bèn cho nhập số vàng còn dư vào kho. Ngài phóng thích các tội nhân như sở thích.

Từ đây đức Bồ Tát hằng tinh tấn bố thí, trì giới v.v... mong bồ tát pháp Thập độ cho viên mãn để được giác ngộ trong ngày vị lai. Ngài sống đến 120 tuổi mới thăng hà, được sanh lên Thiên cung Đâu Suất Đà có tên rõ rệt là DUSITADEVAPUTTA. Những người thực hành theo giáo huấn của đức Bồ Tát, khi mạng chung được sanh lên Đạo Lợi Thiên cung cả.

SATTHÀ IMAM GÀTHÀSAHSSAPATI
MANDITAMMAHAVESSANRÀJATAKAM ÀHARITVÀ.

Đức Giáo Chủ thuyết về tích đức VESSANTARA gồm có 1001 kệ ngôn vừa xong. Ngài giảng tiếp rằng: BHIKKHAVE – Này các thầy Tỳ Khuru! Trên không trung mưa rót xuống giữa nơi hội họp trong thưở trước, hồi Như Lai sanh ra là dòng vua như vậy.

Kế tiếp, Đức Thế Tôn thuyết pháp Tứ Diệu Đế nhất là Khổ đế xong rồi, Ngài hội các tiền kiếp lại như vậy:

JÙJAKOBRÀHMANOLUDDHO: Thưở ấy, lão ăn mày JÙJAKA thêm khát đó, nay là Đề Bà Đạt Đa ; (AMITTADÀCA) nàng AMITTADÀ nay là nàng CINCAMÀNAVİKÀ; (JETAPUTTA) người thợ săn JETA nay là CHANNATHERA ; (TAPASO) đức ACUTTA Đạo sĩ nay là đức Xá Lợi phất; (SAKKO) đức Đế Thích nay là A Nậu Lâu Đà; (VESSUKAMMO) vị trời VESSUKAMMA nay là đức Mục Kiền Liên; (MAGGARUMHISIHORÀJA) vị trời biến ra sư tử nay là đức UPALÌ, vị trời biến ra cọp nay là đức SIMBALÌ, vị trời biến ra beo nay là CULANÀGAMABÀTHERA, vị trời biến ra Bồ Tát Đạo sĩ (khi hai trẻ bỏ dưới gốc cây) nay là đức MAHAKACCÀYANA; vị Thiên nữ biến ra nàng MADRÌJEYA cho trẻ KANHÀ bú, nay là nàng VISÀKHÀ đại thí chủ ; (MADDHARÀJA) đức vua MADDHARÀJA Phụ Vương nàng MADRÌJEYA nay là MAHÀNÀMA, dòng Thích Ca; (DÀNA VEYYÀVACCÀMACCO) cận thân chỉ huy sự bố thí cho đức VESSANTARA nay là nhà triệu phú Cấp Cô độc; (SANJAYO) đức vua SANJEYA nay là đức Tịnh Phạn Vương; (PHUSSATIDEVÌ) Hoàng Hậu PHUSSATI nay là MÀYÀ Hoàng Hậu (Phật mẫu), nàng MADRÌJEYA nay là mẹ RÀHULÀ; (JÀLIKUMARO) trẻ JÀLI nay là RÀHULÀ; trẻ KANHÀ nay là Tỳ Khuru ni UPAVANNATHERÌ ; (PARISSÀSAHAJÀTÀCA) tất cả

60.000 quan quân đều là hàng Phật tử ; (VESSANTARA) đức VESSANTARA nay là AHAM EVA tức là Như Lai, được chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

---o0o---

ĐÂY XIN LƯỢT GIẢI VỀ 13 THIÊN THEO THỨ TỰ LÀ

Thiên thứ nhất:

DASAVARAKANDA: Giải về khi Đức Phật ngự đi đến kinh đô KAPILAVATTHU (Ca Tỳ La Vệ). Ngài hiện thân thông làm mưa, rồi Ngài thuyết truyện đức VESSANTARA và tiền nghiệp của nàng SUPÀRASUPPATÌ. Đức Đế Thích nhắc lời yêu cầu mà nàng SUPÀRASUPPATÌ, tâu xin 10 điều...

Thiên thứ II:

HIMABÀNAKANDA: Giải về khi nàng SUPÀRASUPPATÌ giáng sanh từ Đạo Lợi Thiên cung vào lòng bà Hoàng Hậu của đức vua SANJEYA. Thờ ầy đức Bồ Tát giáng sinh xuống nhân gian, Ngài có danh hiệu là đức VESSANTARA. Bồ Tát được voi báu PACCAGANÀGA rồi bỏ thí, Ngài được nàng MADRÌJEYA làm Hoàng Hậu. Nàng MADRÌJEYA sanh trai JÀLI và gái KANHÀ. Bọn Bà La Môn xứ KALINGARA đến xin voi báu, đức Bồ Tát thí voi, dân chúng bất bình, dẫn nhau đến tâu xin đức vua SANJEYA xin đuổi đức VESSANTARA đi ngự trên núi GIRÌVANKATA.

Thiên thứ III:

DÀNÀKANDA: Giải về đức VESSANTARA đại thí các báu vật mỗi món 7 lần, rồi lay từ biệt vua cha và mẫu hậu. Đức vua SANJEYA ngăn nàng MADRÌJEYA không cho theo chồng. Nàng MADRÌJEYA trình bày về tình trạng góa chồng, đức VESSANTARA ngự ra đi với Hoàng Hậu MADRÌJEYA và hai con được nửa đường, Ngài thí xe và ngựa, đồng thời cho quân hộ tống trở về.

Thiên thứ IV:

VANAPPAVESANAKANDA: Giải về đức VESSANTARA ngự đi đến xứ CETA. Đức vua CETARÀSTHA thỉnh Ngài ở lại và xin nhường ngôi. Đức VESSANTARA không nhận lời, Ngài hỏi thăm đường đi đến núi GIRÌVANKATA, rồi từ giả đức vua CETA dẫn nàng MADRÌJEYA và hai con thẳng lên núi GIRÌVANKATA.

Thiên thứ V:

JÙJAKAKANDA: Giải về lý lịch lão JÙJAKA là kẻ ăn xin cho đến khi được nàng AMITTADÀ là vợ. Do trai thanh niên chọc ghẹo, nói xấu và bọn

Bà La Môn nữ đánh chười, nàng AMITTADÀ bèn bảo lão JÙJAKA đi tìm tôi trai, tớ gái. Lão JÙJAKA chịu lòng vợ, đi tìm đức VESSANTARA để xin JÀLI và KANHÀ. Trước hết gặp CETAPUTTA, thợ săn bảo vệ Bồ Tát bị lão JÙJAKA dùng lời dối gạt nên khỏi bị hại.

Thiên thứ VI:

CÙLAVANNAKANDA: Giải về khi CETAPUTTA chỉ dẫn đường đến núi GIRÌVANKATA cho lão JÙJAKA và dặn lão đến hỏi thăm đức Đạo sĩ ACCUTTA.

Thiên thứ VII:

MAHAVANAKANDA: Giải về lão JÙJAKA được gặp đức Đạo sĩ ACCUTTA. Đạo sĩ nghi lão đi xin JÀLI và KANHÀ. Lão JÙJAKA bèn dùng lời dối gạt tự xưng là đại diện của đức vua cha SANJEYA đến thỉnh đức VESSANTARA về kế vị. Đạo sĩ ACCUTTA tin lời bèn chỉ đường cho lão JÙJAKA đến núi GIRÌVANKATA.

Thiên thứ VIII:

KUMÀRAKANDA: Giải về lão JÙJAKA đến ngủ bên ao sen gần tịnh thất Bồ Tát. Nàng MADRÌJEYA nằm mộng. Đức VESSANTARA đoán điềm chiêm bao của nàng MADRÌJEYA. Nàng chẳng an lòng rất lo sợ, nhưng sáng ra phải vào rừng hái trái nuôi chồng con. Lão JÙJAKA vào hầu đức VESSANTARA Bồ Tát, cầu xin JÀLI và KANHÀ. JÀLI và KANHÀ chạy xuống ao sen trốn. Đức VESSANTARA phán gọi hai con, rồi cho đến lão JÙJAKA. Lão JÙJAKA buộc hai tay trẻ lôi đi đánh và chười đến khi ra khỏi rừng.

Thiên thứ IX:

MADÙKANDA: Giải về ba vị trời hóa ra ác thú cản đường nàng MADRÌJEYA. Nàng cầu khẩn Ngài xin đường về cho đến mặt trời gần lặn, ba ác thú mới mở đường. Nàng MADRÌJEYA chạy về tịnh thất tìm kiếm hai con nhưng chẳng thấy, nàng tâu hỏi chồng. Đức Bồ Tát lại quở trách. Thương hại nàng MADRÌJEYA tìm con trong đêm cho đến khi té xỉu bất tỉnh dưới thang tịnh thất của chồng. Lúc bấy giờ, Ngài VESSANTARA mới từng thuật tự sự và an ủi nàng. Nàng MADRÌJEYA phát tâm hoan hỷ trong sự đại thí của chồng.

Thiên thứ X:

SAKKAKANDA: Giải về khi đức Đế Thích biến ra vị Bà La Môn đến xin nàng MADRÌJEYA. Đức VESSANTARA rất hoan hỷ cho ngay. Vị Bà La Môn xin gởi nàng lại cho đức VESSANTARA.

Thiên thứ XI:

MAHARÀJAKANDA: Giải về lão JÙJAKA dẫn hai trẻ đến kinh đô JETUTTHARA. Đức vua SANJEYA chuộc hai trẻ. Trẻ JÀLI tỏ bày sự khổ cực của đức VESSANTARA và nàng MADRÌJEYA. Đức vua SANJEYA dạy sắp đặt dẫn binh đi rước đức VESSANTARA tại núi GIRÌVANKATA, do trẻ JÀLI hướng đạo.

Thiên thứ XII

CHAKATHIKANDA: Giải về trẻ JÀLI dẫn quân binh đến núi GIRÌVANKATA. Đức VESSANTARA cùng nàng MADRÌJEYA nghe tiếng quân binh ra ngoài tìm xem. Đức SANJEYA và bà SUPÀRASUPPATI đến gặp đức VESSANTARA. Hai trẻ gặp mẹ. Tất cả sáu Hoàng gia và quân binh than khóc cho đến bất tỉnh nhân sự. Đức Đế Thích hóa mưa xuống cứu độ, sáu Hoàng gia và quân binh được hồi tỉnh. Đức vua SANJEYA cùng quan quân đồng thỉnh VESSANTARA Bồ Tát về kế vị như trước.

Thiên thứ XIII.

UGARAKANDA: Giải về đức VESSANTARA Bồ Tát và nàng MADRÌJEYA hoàn tục. Cả sáu Hoàng gia sum họp dẫn binh trở về kinh đô JETUTTARA, đức VESSANTARA lên thống trị và bổ túc Ba La Mật pháp như xưa.

Tất cả 10 truyện đức Bồ Tát tu hạnh Ba La Mật đầy đủ, trước khi được giác ngộ thành Phật. 10 tích này rất dài, các bậc trưởng thượng từ xưa hằng sùng bái, thường đem thuyết pháp trong các cuộc đại lễ, nhất là trong ngày Vu Lan bồn (từ 23 đến cuối tháng 8 trong mỗi năm). Dù là phiên dịch bằng cách vắn gọn không đầy đủ chi tiết, song có thể giúp cho hàng độc giả nhận được chí tu hạnh Ba La Mật của Bồ Tát.

---o0o---

BỒ THÍ BA LA MẬT CÓ NĂM CHI

- Bồ thí không mong được quả báo, như người muốn được lợi trong sự buôn bán.
- Bồ thí không có tâm dính mắc, và vật thí, như vật đem gởi cho kẻ khác.
- Bồ thí không chú tâm tích trữ như trước của để dành.
- Bồ thí không nghĩ rằng sau khi thác sẽ được vật đã thí.
- Bồ thí vì nghĩ rằng bồ thí là điều tốt, cao thượng đáng làm và chơn chánh.

BỒ THÍ CỦA BẠC THIÊN TRÍ THỨC CÓ NĂM CHI:

- SADDHÀYA DÀNAM DETI: Cho theo đức tin.
- SAKKACCAM DÀNAM DÀNAM DETI: Cho bằng sự tôn kính

- KÀ LENA DÀNAM DETI: Cho theo thời ⁵⁶
- ANUGGAHITACITTENA DÀNAM DETI: Cho bản tâm tế độ
- ATTÀNANCA PARANCA ANUPAHACCA DÀNAM DETI: Cho do không phá huỷ mình và người.

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THÍ THEO ĐỨC TIN LÀ:

- ADDHOMAHADDHANO MAHÀBHOGO: Là người sẽ được sự giàu có.
- ABHIRÙPADASSANÌYO PÀSÀDIKO: Là người sẽ xinh đẹp kiêu điễm

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THÍ BẰNG CÁCH TÔN KÍNH LÀ:

- ADDHOMAHADDHANO MAHÀBHOGO: Là người sẽ được sự giàu có.
- SASSUSÀ: Sẽ có con vợ, tôi, tớ là người dễ dạy

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THÍ THEO THỜI LÀ:

- ADDHOMAHADDHANO MAHÀBHOGO: Là người sẽ được sự giàu có.
- ATTHAPARIPÙRA: Có lợi ích đầy đủ trong khi sắp chết.

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THÍ BẰNG TÂM TẾ ĐỘ LÀ:

- ADDHOMAHADDHANO MAHÀBHOGO: Là người sẽ được sự giàu có.
- ULÀRAPANCAKÀMAGUNACITTO: Chỉ có tâm vừa lòng với ngũ dục tuyệt hảo

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THÍ KHÔNG PHÁ HUỖ MÌNH VÀ NGƯỜI LÀ:

- ADDHOMAHADDHANO MAHÀBHOGO: Là người sẽ được sự giàu có.
- BHOGÀBHAYO: Không lo sợ đến của cải là quả phúc trong kiếp vị lai

NGUYÊN NHÂN BỐ THÍ CÓ 8 ĐIỀU LÀ:

- ÀSAJJADÀNA: Sự bố thí đã chuẩn bị trước.
- BHAYADÀNA: Bố thí vì sợ.
- ADÀSÌDÀNA: Bố thí vì nghĩ rằng họ đã cho mình trước.
- DASSATIDÀNA: Bố thí vì nghĩ rằng họ sẽ cho mình mai hậu
- SÀHUDÀNA: Bố thí và tin chắc rằng là việc tốt.
- PACADÀNA: Bố thí vì nghĩ rằng ta phiền não đây do chưa được để dành từ trước
- KITTISADDADÀNA: Bố thí vì mong được danh tiếng.
- CITTÀLANKÀRADÀNA: Bố thí mong cho tâm được trang hoàng để hành pháp minh sát.

---o0o---

TÁM CÁCH BỐ THÍ CỦA BẠC THIỆN TRÍ THỨC

- SUCIDÀNA: Cho vật trong sạch.
- PANÍTADÀNA: Cho vật quý.
- KÀLADÀNA: Cho theo thời.
- KAPPIYADÀNA: Cho vật nên cho đến bậc xuất gia
- VICEYYADÀNA: Cho đến người mà mình chọn rằng là bậc đáng cho.
- ABHINHADÀNA: Thường bố thí, không lựa ngày
- PASÀDADÀNA: Có tâm trong sạch khi cho.
- DATVÀDANA: Cho rồi thỏa thích.

QUẢ BÁO CỦA SỰ BỐ THÍ:

Bốn phần phước của sự thí thực phẩm trong CATUKANIPÀTA ANGUTTARA NIKÀYA là: Tuổi thọ sắc đẹp, an vui, sức mạnh, trong kiếp sanh ra làm người và Chư Thiên. Có Phật ngôn như vậy:

YOSANNATÀNAM PARADATTABHOJINAM KÀLENA
SAKKACCAM DADÀTI BHOJANAM CATTÀRI THÀNÀNÌ
ANUPPAVECCHATI ÀYUNCA VANNANCA SUKHAM BALANCA.

ÀUYDÀYÌ BALADÀYÌ SUKHAM VANNAM DADO NARO DIGHÀYN
YASAVÀ HOTI YATTHA YATTHÙPAPAJJATI.

Kẻ nào dâng thực phẩm đến bậc chế ngự, thường thọ thực mà người cúng dường. Kẻ đó gọi là dâng bốn món tức là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh đó.

Người cho tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh đó hằng được sống lâu, có quyền thế trong nơi họ đi thọ sinh như vậy.

NĂM QUẢ BÁO CỦA BỐ THÍ:

Trong kinh SĪHASŪTRA có ghi năm quả báo của sự bố thí là:

- PIYO: Là nơi biết thương yêu của quần chúng.
- BHAJO: Là nơi tìm tới của người lành
- KITTI: Có danh thơm tiếng tốt.
- VISÀRADO: Dạn dĩ trong nơi hội họp
- SUGATI: Được thọ sinh trong cõi trời, đây ám chỉ phước báu ở kiếp vị lai.

---o0o---

ĐỨC PHẬT GIẢI ĐÁP LỜI HỎI CỦA NÀNG SUMANA CÔNG CHÚA VỀ QUẢ BÁO SỰ BỐ THÍ.

Trong Tạng kinh quyển I, đoạn thứ bốn PATHAMAPANNÀSAKA có ghi rằng:

Nàng SUMANA công chúa có 500 thiếu nữ tùy tùng vào hầu Đức Phật, sau khi lễ bái xong, công chúa bèn bạch hỏi rằng:

Vấn: Bạch Phật! Hai vị Thinh Văn của Ngài đều có đức tin, trí tuệ và giới đức đồng nhau, song một vị có sự bố thí còn một vị không bố thí. Sau khi tan rã ngũ uẩn được sanh lên cõi trời, cả hai vị trời ấy có khác nhau chăng, bạch Phật?

Đáp: Này nàng SUMANA! Hai vị trời đó khác nhau, vị có bố thí hằng được cao sang, sống lâu, sắc đẹp, an vui, có quyền tước và chủ tể hơn vị không bố thí.

Vấn: Bạch Phật! Khi hai vị trời ấy giáng sanh xuống làm người có khác nhau chăng, bạch Phật?

Đáp: Khác nhau SUMANA! Người có bố thí hằng có phước báu cao hơn người không bố thí về sự sống lâu, sắc đẹp, an vui, quyền tước và chủ tể.

Vấn: Nếu hai vị ấy xuất gia, có khác nhau chăng, bạch Phật?

Đáp: Khác nhau SUMANA! Người có bố thí hằng tốt hơn người không bố thí năm điều: Đầy đủ bốn vật dụng và là nơi thương yêu vừa lòng của hàng phạm hạnh nữa.

Vấn: nếu cả hai vị được chứng quả A La Hán thì khác nhau chăng, bạch Phật?

Đáp: Này nàng SUMANA! Về phần giải thoát thì không giống nhau đâu.

Vấn: Thật rất là kỳ diệu, bạch Phật! Người đời nên bố thí làm phước thật, vì quả phúc hằng có nhiều sự bảo hộ đến người và trời cùng hạnh xuất gia, bạch Phật?

Đáp: Như thế SUMANA! Người nên bố thí và làm phước vì phước có thể che chở ủng hộ đến người, trời và bậc xuất gia. Đức Thế Tôn bèn giảng tiếp rằng: Vàng trắng khi ra khỏi đá mây, hằng rực rỡ hơn tất cả tinh tú, thế nào, người có đức tin của bố thí, có giới đức thì hằng chói lọi hơn tất cả kẻ bôn xẻn như thế đó. Mây phát lên làm cho mưa to, nước đầy tràn ngập trong nơi âm thấp thế nào, chư Thinh Văn của đức Chánh Đẳng Chánh Giác là hạng nhiều người hiểu biết, là bậc hiền minh hằng đè nén kẻ rít róng do năm điều

là: Tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, quyền tước và chủ tể, thế đó. Những người có của hằng được cao sang trên cõi trời như vậy.

Đây chỉ cho ta thấy rằng bốn thiện pháp là: Đức tin, trì giới, trí tuệ cho thọ sinh trong cõi người và trời như nhau. Chỉ có quả bố thí khác hơn là cho tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, quyền tước và chủ tể được cao quý. Quả phúc dứt bỏ của cải ra bố thí đó hằng được đầy đủ của cải và hạnh phúc.

---o0o---

HẾT

-
- ¹ Tầu âm là: Ba La Mật (Sanskrit: PARAMITA, Ba-la-mật-đa)
 - ² Phiền não ví như nước lụt to, nhận chúng sanh chìm trong bể khổ: Ngũ dục hồng thủy (KAMOGKHA); sắc giới hồng thủy (BHAVOGHA); tà kiến hồng thủy (DITTHOGHA); vô minh hồng thủy (AVJJOGHA)
 - ³ Tiên nhãn (DIBBACAkkHU); nhục nhãn (MAMSACAkkHU); huệ nhãn (PANNACAkkHU); Phật nhãn (BUDDHACAkkHU); toàn nhãn (SAMANTECAkkHU)
 - ⁴ thọ, tướng, hành, thức
 - ⁵ Sắc thân tứ đại là: đất, nước, gió, lửa
 - ⁶ có kiếp Ngài biết được như thế.
 - ⁷ nuôi giữ sức khỏe
 - ⁸ cuộc ái tình trai gái
 - ⁹ mộ binh tập ngựa
 - ¹⁰ đi xoay quanh
 - ¹¹ một do tuần bằng 16 cây số
 - ¹² pháp dành cho vua
 - ¹³ là suy nghĩ ngũ dục
 - ¹⁴ từ, bi, hỷ, xả
 - ¹⁵ SÀDHU: đúng rồi.
 - ¹⁶ Ca diếp
 - ¹⁷ thời kỳ này nhân loại sống trên muôn tuổi
 - ¹⁸ một thứ nước chua rất mạnh
 - ¹⁹ Càn thác bà
 - ²⁰ Trẻ MAHOSATHA
 - ²¹ Nín thính
 - ²² Toán quân
 - ²³ Không kể
 - ²⁴ Gỡ ra khỏi vòng vây

-
- 25 Soi rõ
26 Mỹ quan, vẻ trong đẹp
27 Vượt lên trên cả
28 Vượt lên mực thường
29 Nín thinh
30 Đàn bà goá
31 Cũng gọi là đại bàng điều – loài điều, phi thường, đầu và mình người nhưng cánh và móng như chim
32 Lời bí quyết
33 Dễ ứng, dễ cầu được những điều mình mong muốn
34 Tiếng Phạn là GANGÀ, bên Ấn Độ
35 Cá thách đồ ăn thua
36 pháp dành riêng cho vua
37 đức Bồ Tát giáng sinh
38 Chồng lại một bản án do toà xử mà mình không chịu
39 10 pháp của vua
40 Không kể đến
41 Là tôn lên ngôi vua
42 Đức Đế Thích, Long vương, Điều Vương, đức vua THNANJEYAKORABARÀJA.
43 Roruva
44 Có cả tính nam và tính nữ
45 Đầu, mặt, thân người, đuôi thú.
46 Lý thuyết cho rằng vũ trụ trống không, không có lợi ích chi cả.
47 vô thường, khổ não, vô ngã
48 Một trong tứ Đại Thiên Vương
49 Pháp như bánh xe lăn tròn.
50 Đường xa 60 do tuần.
51 Nhằm ngày rằm tháng tư
52 Chúng sanh đầu mình người, đuôi thú
53 Kahapana lồi 2,50 đ
54 Tự cung cấp cho mình
55 Tôn lên ngôi vua
56 Thí theo thời là như mùa nào có trái gì, có vật chi sanh theo mùa thì thí vật ấy